

Tập II

1975-Đến Nay

Phần 6

Vượt Thoát Việt Nam

Chương 16

Thoát Khỏi Cộng Sản Việt Nam

Di Tàn

Trực thăng cuối cùng, di tản khỏi Sài Gòn



Bức ảnh lịch sử do Hubert Van Es, phóng viên hãng thông tấn UPI chụp từ nóc nhà trụ sở CIA số 22, đường Gia Long chiều ngày 29 tháng 4, 1975.

Vào tháng 2 năm 1975, chánh phủ Pháp mời ông Tổng trưởng Giáo Dục Ngô Khắc Tĩnh cùng ông Thứ trưởng Đỗ Bá Khê và tôi, với tư cách là cố vấn kỹ thuật của ông tổng trưởng, qua Pháp để thăm viếng các "Grandes Écoles" và một số trường đại học danh tiếng khác ở Bordeaux, Toulouse, Montpellier, Marseilles, Aix-en-Provence, Compiègne và Trường Quản trị xí nghiệp Essec. Vào thời điểm đó, tại Việt Nam có sự tranh giành ảnh hưởng chánh trị giữa nền giáo dục Pháp và Mỹ ở cấp đại học. Tưởng cũng nên biết là trong suốt thời Pháp thuộc, Việt Nam phải áp dụng mô hình giáo dục của Pháp, mãi cho đến năm 1951, giáo dục Trung học mới bắt đầu áp dụng chương trình Việt ngữ. Kể từ năm 1954, khi người Mỹ bắt đầu có mặt ở miền Nam, sinh viên Việt Nam bắt đầu du học ở Hoa Kỳ và mang về nước

nhiều tư tưởng học thuật của Mỹ trong nhiều lãnh vực, đặc biệt trong ngành giáo dục. Tuy nhiên, chánh phủ Pháp vẫn muốn duy trì ảnh hưởng của họ trong những hoạt động văn hóa, giáo dục ở cựu thuộc địa bằng cách cấp học bổng hay viện trợ kỹ thuật, nhưng ở một mức độ giới hạn hơn Mỹ. Cuộc thăm viếng Pháp của phái bộ giáo dục Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi nằm trong sách lược này.

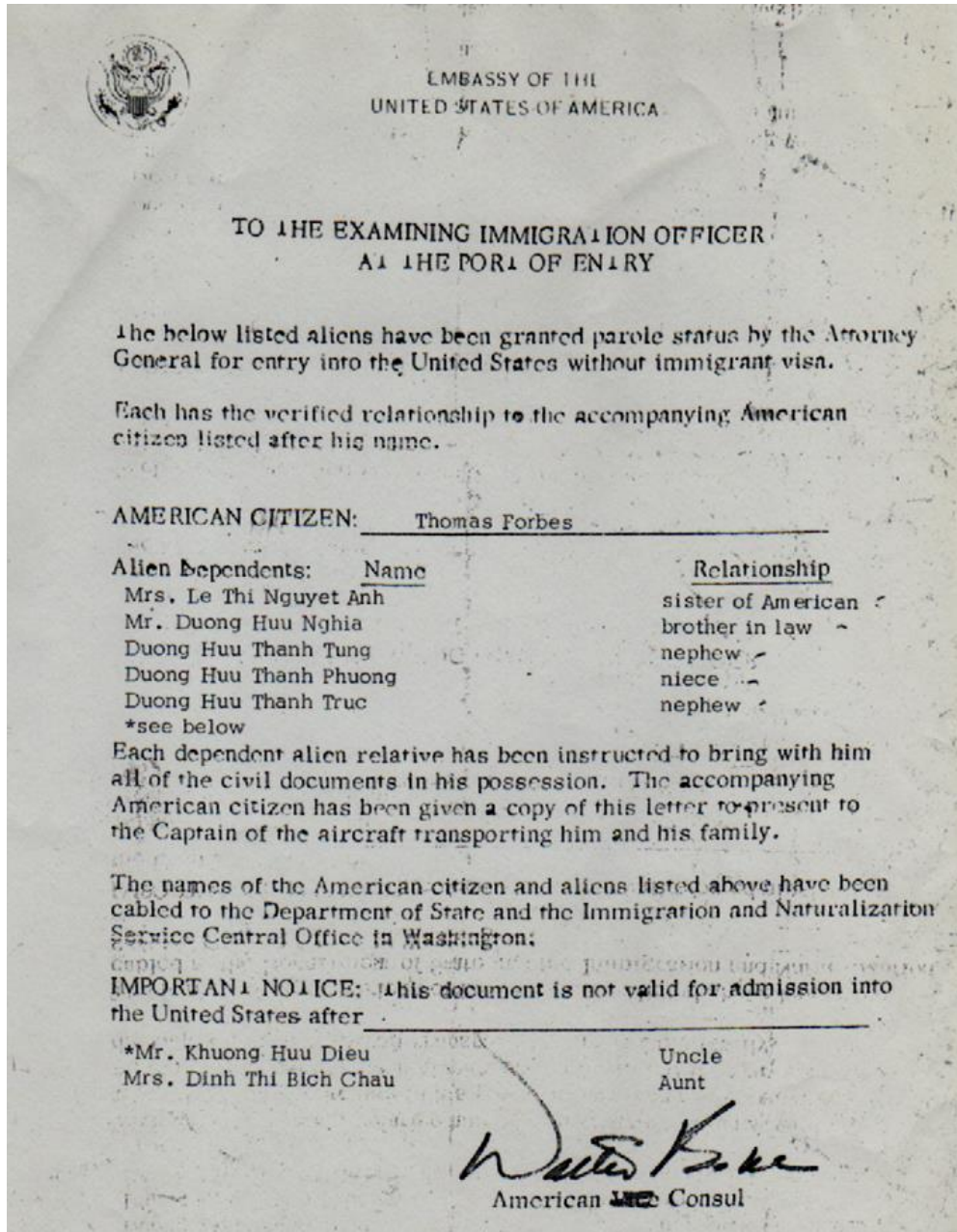
Sau khi từ Pháp trở về Sài Gòn, chúng tôi được biết tình hình quân sự trở nên trầm trọng hơn, nhất là tại vùng Cao nguyên. Quân Bắc Việt dùng đường mòn Hồ Chí Minh xâm nhập miền Nam càng ngày càng nhiều. Đã vậy, chánh phủ Mỹ tiếp tục cắt giảm viện trợ cho Việt Nam để gởi qua Do Thái. Ai cũng biết Ngoại Trưởng Henry Kissinger là người Do Thái và Quốc hội Hoa kỳ chịu ảnh hưởng nặng nề của giới vận động hành lang của cộng đồng người Do Thái nhằm ưu tiên giúp Israel trong khi Cộng sản miền Bắc được Trung Cộng và Liên Xô viện trợ một cách qui mô.

Hậu quả là Không quân miền Nam phải bắt đầu tháo gỡ một số phi cơ và trực thăng để có phụ tùng sửa chữa các máy bay bị hư. Số đạn pháo binh cũng bị hạn chế tối đa. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa càng ngày càng xuống cấp về trang bị vũ khí kéo theo sự giảm sút tinh thần. Trong âm thầm và bí mật, nhiều người trong cuộc hiểu rằng sự bại trận chỉ còn là vấn đề thời gian. Đương nhiên đa số chúng tôi vẫn tiếp tục làm việc với thái độ thản nhiên để duy trì tinh thần chung.

Lại có dư luận xôn xao cho rằng một cuộc tắm máu sẽ xảy ra khi cộng sản thắng trận để trả thù những ai làm việc với chánh phủ miền Nam và Mỹ. Nhiều khi chúng tôi bàn luận trong nhóm bạn bè thu nhỏ về phương cách để tránh khỏi bị kẻ thù bắt giữ hay tra tấn. Đôi lúc tôi đã nghĩ nếu gặp đường cùng tôi sẽ cột một số trái dừa khô vào nhau để làm thành một phao nổi cho trôi theo dòng sông Cửu Long từ Mỹ tho với hy vọng sẽ được một chiếc thuyền của người tốt bụng nào đó cứu vớt. Ý tưởng này quả là ngây ngô nhưng khi đã bị dồn vào chân tường, bản năng sinh tồn bắt đầu phải làm việc. Có người trong chúng tôi nghĩ tới việc uống độc dược để thoát cảnh bị tra tấn. Rốt cuộc tôi chỉ còn biết dựa vào số phận hay định mệnh để quên đi những tai ương có thể đến với tôi và đồng bào miền Nam. Đây là một trong những giai đoạn đau khổ nhất trong đời tôi.

Một hôm, tôi đến văn phòng USAID để họp như thường lệ và bị sốc nặng khi thấy cả tòa nhà này gần như bị bỏ trống hoàn toàn. Tôi vào văn phòng của Von Spiegelfeld, một người bạn tốt của tôi và là nhân vật thứ ba điều hành cơ quan USAID. Tôi đóng cửa phòng lại rồi nhìn thẳng vào ông ta để hỏi: "Làm ơn cho tôi biết việc gì đang xảy ra đây." Ông ta đáp: "Nếu ở địa vị bạn, tôi phải tìm cách ra đi." Tôi cảm ơn ông ta và ra về. Hình như, trước đó vài ngày họ đã nhận được lệnh rời khỏi Việt Nam nhưng không cho những người bạn Việt Nam của họ biết.

Vào ngày định mệnh 23 tháng 4, 1975, khi tôi sắp sửa lên xe tới Bộ Kinh Tế để họp hàng tuần thì một nhân viên cho biết tôi có điện thoại khẩn cấp từ nhà gọi đến. Tôi trở lại văn phòng làm việc của tôi trên lầu hai. Ở đầu dãy bên kia, Marie, vợ tôi, nói người cháu rể của



tôi tên Tom Forbes là nhân viên giải mã của tòa đại sứ Mỹ đang có mặt ở nhà chúng tôi và muốn nói chuyện với tôi. Tom yêu cầu tôi về nhà gấp để gặp anh ta và tuyệt đối từ chối không nói thêm gì nữa cả. Khi tôi về đến nơi, Tom có vẻ lo âu và đưa tôi một lá thư có ghi địa chỉ ngôi biệt thự CIA dùng làm địa điểm an toàn để di tản khẩn cấp. Trong thư đó có liệt kê tên của những người được phép ra đi cùng với cháu gái tôi. Tôi cần phải tới nơi đó ngay lập tức.

Sau khi nhìn lại villa của chúng tôi lần chót, Marie và tôi ra đi mang theo một túi xách nhỏ đựng quần áo và mấy tấm ngân phiếu du lịch (traveler's check)

tổng cộng \$300 của American Express tôi còn giữ lại sau chuyển xuất ngoại gần đây. Tôi cảm ơn Thượng Đế đã cho chúng tôi cơ may này. Chúng tôi hi vọng sẽ thoát cảnh tù tội và tra tấn bởi người cộng sản. Tại ngôi biệt thự, chúng tôi thật ngạc nhiên nhận ra rất nhiều người Việt làm việc cho DAO (Defense Attaché Office) cơ quan quân sự Mỹ tại Sài Gòn đã tụ tập nơi đây để chờ đi xe buýt dân sự của Mỹ bí mật di chuyển lên phi trường Tân Sơn Nhứt.

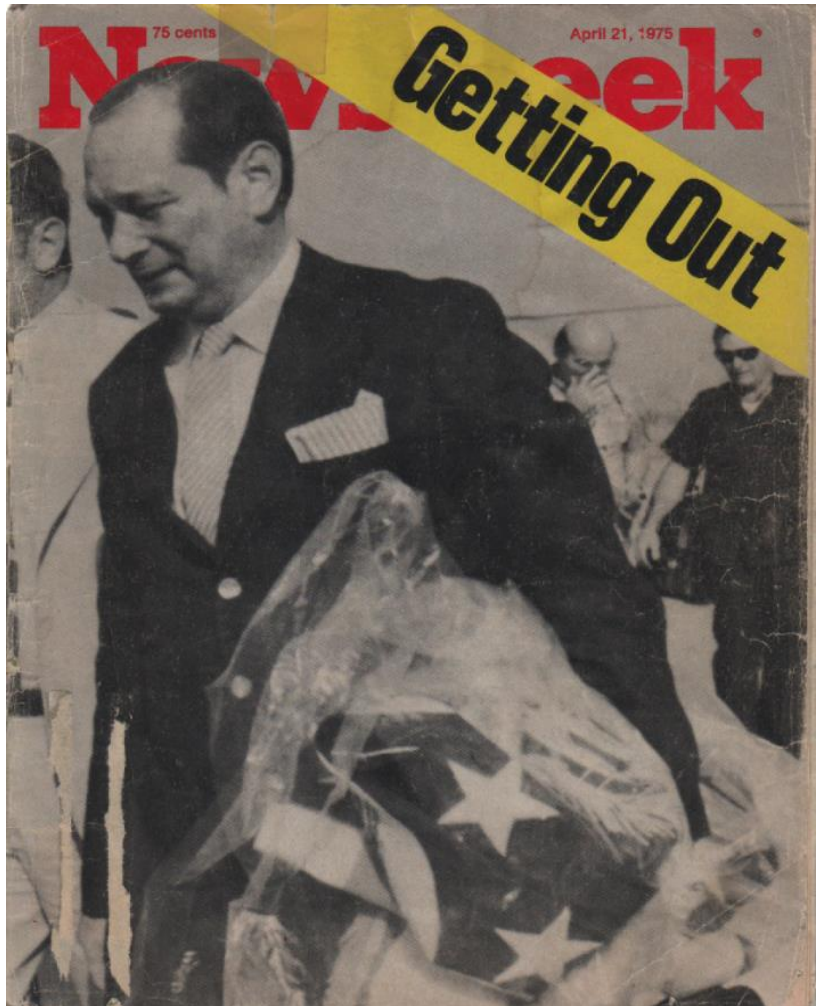
Trước ngày định mệnh vài hôm, cháu gái tôi, Nguyệt Thu, có đưa vợ tôi lên phi trường Tân Sơn Nhứt để xin di tản khỏi Sài Gòn đang bị quân cộng sản bao vây. Riêng tôi thì ở lại tiếp tục làm việc. Rủi thay, theo luật lệ của Mỹ, chỉ những người bà con ruột thịt mới có thể di tản theo cháu tôi mà thôi. Vì là mợ chớ không phải mẹ nên Marie đành phải trở về nhà hôm đó.

Xin độc giả lưu ý, nơi phía dưới lá thư, tên của tôi và vợ tôi được đánh máy vào thêm với dấu * hình sao (asterisk) có liên hệ gia đình là cậu và mợ. Bức thư này coi như là giấy khai sanh thứ hai của chúng tôi vậy.

Hầu như định mệnh đã an bài để cho tạp chí Newsweek Magazine tới phỏng vấn tôi tuần trước đó. Tôi trình bày rằng dù khả năng chuyên môn của tôi có thể hữu dụng cho chánh phủ cộng sản, nhưng tôi chắc chắn

khó thoát chết vì tôi đang làm Chủ tịch Hội Việt Mỹ. Tổ chức này ở Sài Gòn được nhiều người biết đến vì có khoảng 25,000 hội viên học tiếng Anh hoặc tham gia vào những hoạt động văn hóa Việt Mỹ trên toàn quốc. Tờ Newsweek đã cho in bài phỏng vấn trong số báo ngày 21 tháng 4 năm 1975 với tựa đề "The Crowd at the Exits" hay "Đám đông nơi lối thoát." (xem nguyên tác và bản dịch)

Trước ngày phát hành bài báo trên Newsweek, tòa đại sứ Mỹ từ chối không cho tôi được có tên trong danh sách di tản của cháu Thu của tôi. Nhờ vào bài phỏng vấn của tôi xuất hiện kịp thời, họ đã thay đổi quyết định bởi lẽ nếu Việt Nam rơi vào tay Cộng sản, họ nghĩ là tôi sẽ bị tra tấn và hành quyết vì đã làm việc với Mỹ. Từ những sự kiện trên, suy gẫm lại, tôi phải đi tới kết luận rằng mọi việc chỉ là do định mệnh. Nếu khác đi vài giây đồng hồ, tôi có thể đã không nhận được cú điện thoại của Tom Forbes và như vậy kể như tôi đã tới số rồi. Nhân đây, tôi cũng muốn nói thêm là người ân nhân của tôi, Milton R. Benjamin, sau này làm Chủ tịch và Tổng giám đốc điều hành của UPI và Nicholas C. Proffitt khi đó là Trưởng văn phòng Newsweek ở Sài Gòn.



Trang bìa tờ Newsweek ngày 21 tháng 4, 1975

THE CROWD AT THE EXITS

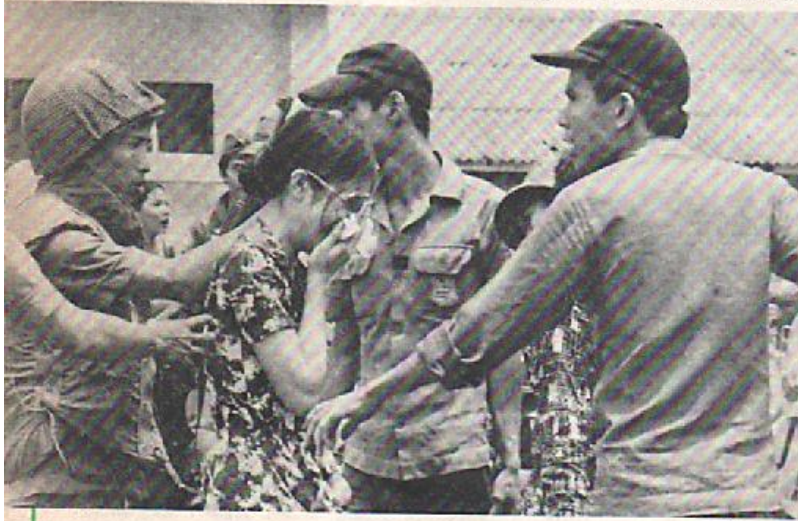
Khuong Huu Dieu is the kind of Vietnamese to whom Americans point with pride. Honest and industrious, he worked his way through the Massachusetts Institute of Technology washing dishes. Then, after gaining some business experience in New York City, Dieu returned to Saigon and joined Vietnam's Industrial Development Bank. Today, at 43, he is president of the bank—and so highly regarded that he was recently elected president of the Vietnamese-American Association. A few short weeks ago, U.S. officials in Saigon were calling Dieu the hope and future of South Vietnam. Today, the same officials avoid his stare. "I have no hope and I have no future," he declared last week.

Communist take-over appears imminent. State Department sources indicated priority would go to (1) Vietnamese who worked for the U.S. Government, and their families; (2) Vietnamese involved in intelligence activities, pacification program workers, and those associated with the controversial Phoenix program to assassinate Viet Cong cadres, and (3) top Vietnamese officials.

But at present, contingency plans do not envisage evacuation of tens of thousands of other South Vietnamese for whom President Ford admitted last week America bears a "profound moral obligation." These include the many teachers, editors and opinion leaders who supported Saigon's alliance with

them from overrunning the last evacuation plane. And a CIA agent last week had an even grimmer story of betrayal—later denied by officials on the spot—during the evacuation of the U.S. Consulate at Da Nang. When it came time to leave, he said, the Americans realized they would never get out with their many Vietnamese employees, so they ordered three trucks pulled up outside the gate. The Vietnamese climbed aboard and the trucks rumbled off. With the crowd gone, the Americans made their escape. The trucks dumped the Vietnamese out a few miles down the road.

Tales like these, whether true or false, have heightened the anxiety of Vietnamese working at the American Embassy in Saigon, who as of late last week had still not been told whether the U.S. would evacuate them if the capital falls. "I ask the question every day," said one bitter



Vietnamese staffer fleeing U.S. Consulate in Nha Trang: Some were left behind

The American approval and respect he worked so hard to win, Dieu firmly believes, will soon be the death of him.

For thousands of Vietnamese, from technocrats like Dieu scattered throughout Saigon government ministries to clerks and cleaning women on the U.S. Embassy's payroll, it is suddenly a time of reckoning. With the Communists knocking on the gates of the capital, the Vietnamese who hold these jobs realize their position is tenuous at best, and that many of their number may be executed if Saigon should fall. "It seems we have all backed the wrong horse," said Au Ngoc Ho, a former minister of economy and now a businessman. What, these Vietnamese are asking, do the Americans propose to do for us now?

The White House indicated last week that the U.S. will try to evacuate perhaps as many as 170,000 Vietnamese if a

United States. What's more, the U.S. is making no plans to evacuate Vietnamese employees of American businesses—many of whose bosses have already fled. At Northrop Corp.'s Saigon office, American managers told Vietnamese employees last week the company would consider helping them get out of Vietnam—but that nothing could be done about their families. One major obstacle was the South Vietnamese government itself, which has been extremely reluctant to grant exit visas.

Betrayal: Even those in the top evacuation category can find little cheer in the way the United States has treated its Vietnamese employees to date. During the evacuation of the U.S. Consulate in Nha Trang two weeks ago, when there was only enough plane space for the Americans, U.S. guards held automatic rifles on their local employees to keep



Vietnamese departing with French in 1954:

Vietnamese secretary, "and every day, I am told the same: 'We are trying to work something out. We will let you know.'"

This growing feeling among Vietnamese that the U.S. is going to let them down sent morale plunging last week. One U.S. official told how two of his Vietnamese employees had confided that when the Americans leave, they intended to commit suicide. Several American officials privately said they plan to resign from the Foreign Service. "It's so unbelievably cynical," one embassy officer blurted. "People who have helped us for a decade are now no longer important—so we desert them."

But sentiment appeared to be mounting in the U.S. last week not to desert these Vietnamese. New York's Democratic Rep. Stephen J. Solarz noted that the United States took in 38,000 refugees who escaped following the unsuccessful

Trích dịch bài báo trong Newsweek số ngày 21 tháng 4, 1975

Trích dịch "ĐÁM ĐÔNG NƠI LỐI THOÁT"

"Ông Khương Hữu Điều là mẫu người Việt Nam mà người Mỹ hãnh diện nói tới. Là người liêm khiết và cần cù, ông Khương Hữu Điều đã đi rửa chén để có thể đi học tại trường Massachusetts Institute of Technology. Sau đó, khi đã thâu thập được một số kinh nghiệm làm việc ở Nữu Ước, ông Điều trở về Sài Gòn phục vụ tại Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam. Bây giờ, ở tuổi 43, ông giữ chức vụ Tổng giám đốc ngân hàng và được nhiều người tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội Việt Mỹ. Chỉ vài tuần trước đây, viên chức Mỹ ở Sài Gòn nói ông là hy vọng và tương lai của miền Nam Việt Nam. Đến lúc này, chính những viên chức đó lại tránh né không muốn nhìn thẳng vào ánh mắt ông. "Tôi không còn niềm hy vọng và tương lai gì nữa, ông tuyên bố tuần vừa rồi. Ông Điều tin rằng chính sự tán thành và kính trọng người Mỹ dành cho ông nhờ công việc ông làm sẽ là cái án tử hình đối với ông."

"Giờ đây, là lúc hàng ngàn người Việt, từ những chuyên gia như ông Điều làm việc trong các bộ của chánh phủ Sài Gòn tới những thư ký và nhân viên quét dọn cho tòa đại sứ Mỹ sẽ phải trả giá cho việc làm của họ. Trong lúc quân cộng sản đang rình chờ ở ngưỡng cửa đưa vào thủ đô, những người Việt làm các công việc đó ý thức được rằng số phận của họ thật mong manh và một số người như họ sẽ bị hành quyết nếu Sài Gòn thất thủ." "Có vẻ như chúng tôi đã đánh cá và chọn lầm ngựa đua rồi. Âu Ngọc Hồ phát biểu. Ông là nguyên Tổng trưởng kinh tế và nay là một thương gia."

...Một vài viên chức ngoại giao Mỹ nói riêng họ có ý định từ chức. "Mọi việc bất nhần tới mức không thể tưởng tượng được", một nhân viên toà đại sứ thốt ra như thế. "Những người đã cộng tác với chúng ta trong cả thập niên bỗng nhiên không còn quan trọng đối với chúng ta nữa... rồi chúng ta bỏ rơi họ..."

Nhưng dù vấn đề là gì đi nữa, đa số những người Việt có liên hệ với Mỹ đều chọn di tản thay vì bị bỏ lại để trao số mệnh mình vào tay người cộng sản. "Khả năng chuyên môn về ngân hàng của tôi có thể hữu ích cho người miền Bắc" tổng giám đốc ngân hàng Điều nói trong tuần trước, "nhưng họ chỉ cần biết tôi đã làm chủ tịch Hội Việt Mỹ trước đây thôi. Điều này đủ để cho tôi lãnh án tử hình trước mắt họ. Chúng tôi chỉ mong các ông xử sự công bằng là đủ rồi. Chúng tôi muốn ở lại trong nước cho tới ngày cuối cùng. Nhưng vào ngày cuối cùng đó chúng tôi muốn ra đi với những người bạn Mỹ của chúng tôi." Milton R. Benjamin và NICHOLAS C. PROFFITT từ Sài Gòn.

Người tài xế tin cẩn đã làm việc với chúng tôi trong 12 năm qua đưa chúng tôi tới điểm hẹn là một ngôi villa trên đường Trần Quý Cáp. Chắc anh không ngờ là chúng tôi sắp rời Việt Nam vĩnh viễn. Tôi muốn tặng anh một số tiền nhưng e ngại không muốn cho anh biết dự tính của chúng tôi di tản. Do đó, tôi nhờ anh trở về nhà và tìm một đồ vật tôi đã để trong một ngăn kéo nơi phòng ngủ. Tại đó, tôi đã để sẵn một bao thơ đựng tiền tặng anh. Cho

tới nay, tôi vẫn còn thấy buồn vì không biết anh và gia đình ra sao. Theo tin đồn anh và các con đã thoát khỏi Việt Nam và có cuộc sống tốt lành. Tôi vẫn tìm kiếm tin tức của anh và cầu mong một ngày nào đó Thượng Đế sẽ cho tôi cơ hội gặp anh để nói lời xin lỗi anh vì đã ra đi mà không một lời giã biệt anh.

Tại ngôi villa bí mật đó, tôi gặp gia đình của Nguyệt Anh, người cháu có tên trong danh sách được di tản trong đó có tên chúng tôi được ghi thêm vào với dấu *(asterisk). Quả tình, cái biên giới giữa may mắn và bất hạnh, giữa sự sống và cái chết mong manh như sợi chỉ.

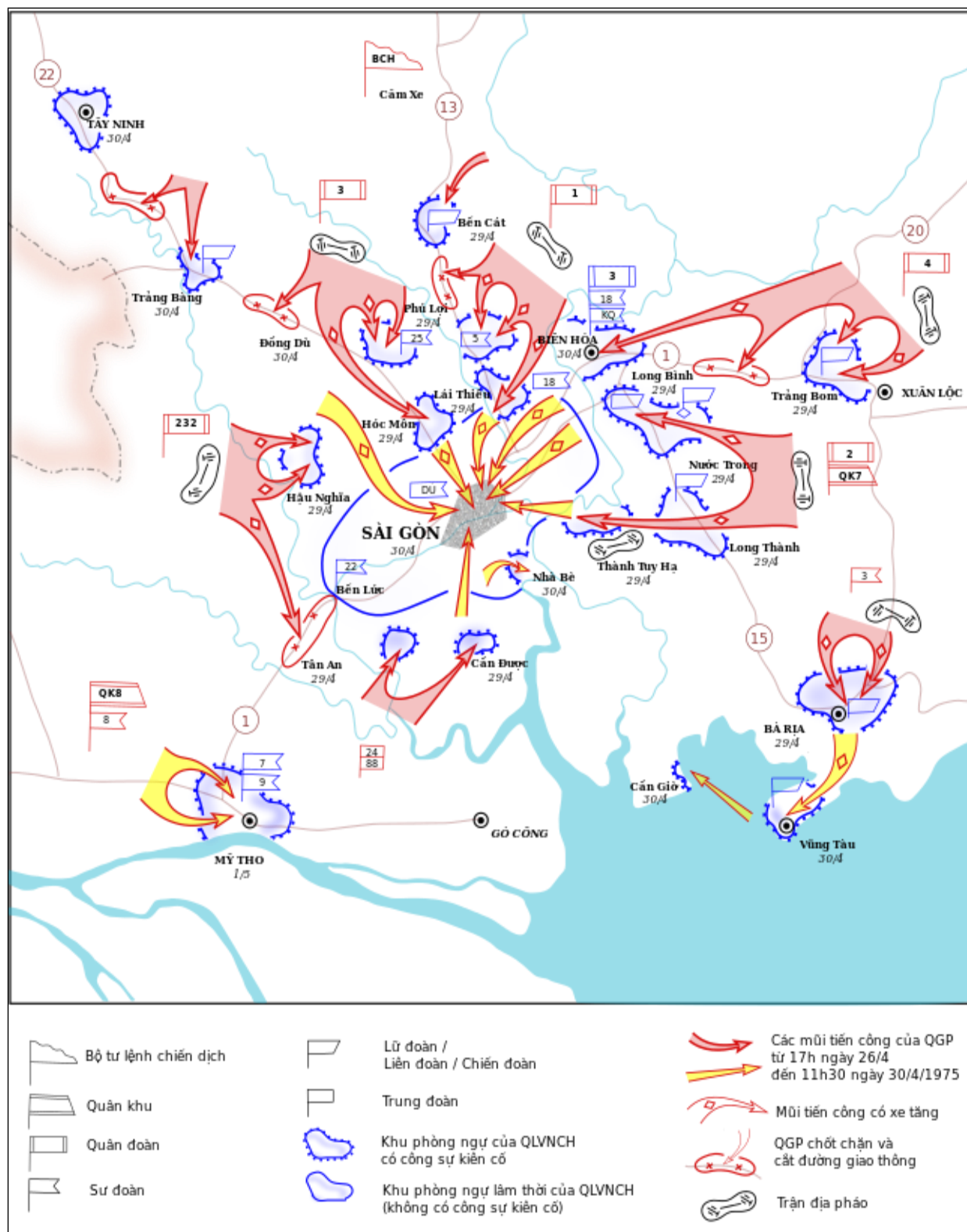
Vài giờ sau, một chiếc xe “van” đưa chúng tôi lên phi trường Tân Sơn Nhất. Tim tôi đập mạnh khi nhân viên an ninh kiểm soát từng hành khách ngồi trong xe. Nếu họ nhận diện được một nhân vật cao cấp trong chánh phủ thì họ sẽ giữ lại để điều tra thêm. Lúc đó tôi đeo một cặp kính mát lớn màu đen sậm tay cầm tờ báo và cầu xin Thượng Đế che chở cho tôi được di tản an toàn. Ít lâu sau, chúng tôi được đưa tới một building để người Mỹ chơi bowling và tại đó đã có vài trăm người có lẽ cũng chờ được di tản. Khoảng 24 tiếng đồng hồ sau, chúng tôi lên một phi cơ vận tải quân sự loại C-141 Starlifter. Trong suốt thời gian đó, quân cộng sản tiếp tục pháo kích vào phi trường nên các phi công đều cho máy phi cơ tiếp tục nổ để có thể sẵn sàng cất cánh bất cứ lúc nào. Những người di tản ngồi la liệt trên sàn máy bay tựa như cá mè trong hộp. Cuối cùng, tiếng động cơ rú mạnh báo hiệu cho biết chúng tôi đã bắt đầu cuộc hành trình vào chốn vô định.

Chiếc phi cơ của chúng tôi đáng lẽ bay thẳng tới Manila nhưng vì lý do nào đó lại hướng về đảo Guam. Sau này chúng tôi mới biết là trại Thủy quân Lục chiến Marine Camp Pendleton là nơi chúng tôi sẽ tạm trú lúc đó chưa sẵn sàng để tiếp đón dân tị nạn. Vì vậy, chúng tôi ở lại Guam trong các lều Quonset của quân nhân một tuần rồi mới lên đường tới quê hương mới ở tiểu bang California.

Vài hình ảnh những ngày cuối cùng kết thúc của cuộc chiến



Bức hình ngày 29 tháng 4, 1975; thường dân miền Nam leo bức tường cao hơn 4 thước của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn để lên máy bay trực thăng trong lúc những người Mỹ cuối cùng rời khỏi Việt Nam (Hình của AP)



Quân đội Cộng sản Bắc Việt và Việt Nam Cộng Hòa xung quanh thành phố Sài Gòn trước ngày 30 tháng tư



Tin hàng đầu trên báo Washington Post, ngày 30 tháng 4, 1975



Xe thiết giáp Bắc Việt tại cửa Dinh Độc Lập, ngày 30 tháng 4, 1975



Cuộc di tản trong hốt hoảng bằng đường biển



Dân tị nạn được đổ xuống hàng không mẫu hạm USS Midway



Cuộc di tản trong hốt hoảng bằng trực thăng



Dân tị nạn đáp xuống một chiến hạm Mỹ trong chiến dịch Frequent Wind



*Phi cơ vận tải C-141 Starlifter chở dân tị nạn từ Guam
tới trại Thủy quân Lục chiến Marine Camp Pendleton*

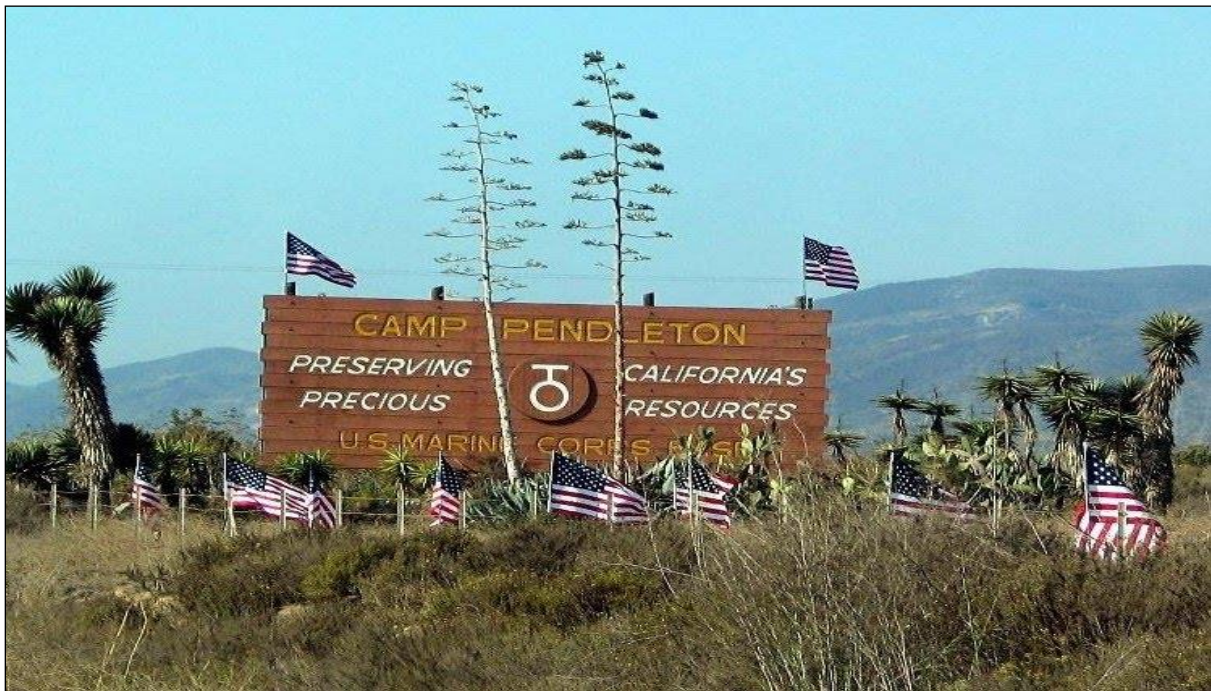
Phi cơ đáp xuống Camp Pendleton đưa đến đất Mỹ những người Việt không chấp nhận chế độ cộng Sản. Cảm ơn chánh phủ và nhân dân Mỹ Quốc đã mở rộng vòng tay đón tiếp chúng tôi tìm được ánh sáng của Tự Do và Nhân Quyền.

Chương 17

Tị Nạn Tại Trại Pendleton, California

Một kết cục... và nhiều khởi điểm mới

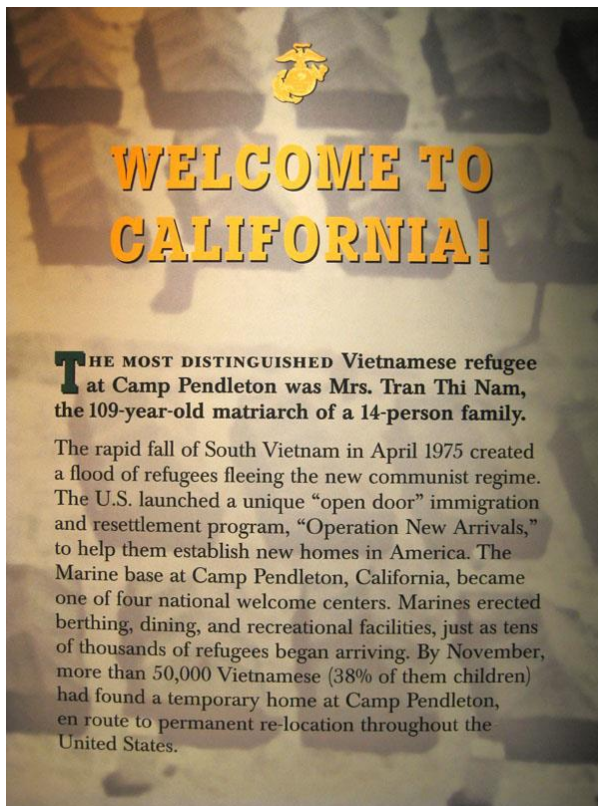
An End...and New Beginnings



Cửa vào Camp Pendleton chào mừng người tị nạn Việt Nam



Tướng Graham Chỉ huy trưởng toàn thể chương trình tị nạn



để đến trại Pendleton.

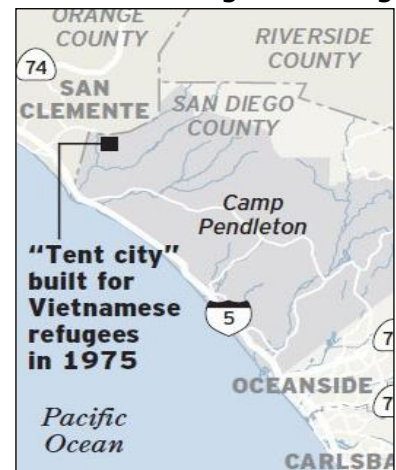
Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có một cuộc di cư và Hoa Kỳ có một cuộc tiếp cư vĩ đại diễn ra trong một tình trạng cấp bách và hốt hoảng.

Camp Pendleton là trại thứ nhất trên lãnh thổ Hoa Kỳ tiếp nhận người tị nạn. Sau đó, có thêm 3 trại khác là Fort Chaffee (Arkansas), Eglin Air Force Base (Florida) và Fort Indiantown Gap (Pennsylvania).



Hình chụp toàn cảnh trại Pendleton

Khu tạm trú cho người tị nạn Việt Nam được thành lập tại trại Pendleton, California, vào tháng 5, 1975. Trong tuần lễ đầu của tháng này, phi cơ quân sự C-141 Starlifter chở hàng ngàn người tị nạn tới phi trường Thủy quân lục chiến Marine Airfield El Toro trong tiểu bang California, rồi từ đó họ lên xe buýt





1. Villa của Tổng Thống Nixon tại San Clemente, Ca 2. Nixon và Chu Ân Lai tại Bắc Kinh năm 1972

Có điều ngẫu nhiên là người tị nạn đã được đưa tới trại Pendleton gần villa của tổng thống Richard Nixon tại San Clemente, Ca. Tài liệu lịch sử được giải mật cho thấy, sau bữa tiệc tối với Chu Ân Lai tại Đại Sảnh đường Nhân dân/Hall of the People ở Bắc Kinh năm 1972, hai ông Nixon và Kissinger đã bấm nút “điều khiển từ xa/remote control” âm thầm chấm dứt chiến tranh Việt Nam mà kết thúc là miền Nam bị cộng sản miền Bắc xâm chiếm vào tháng Tư, 1975.

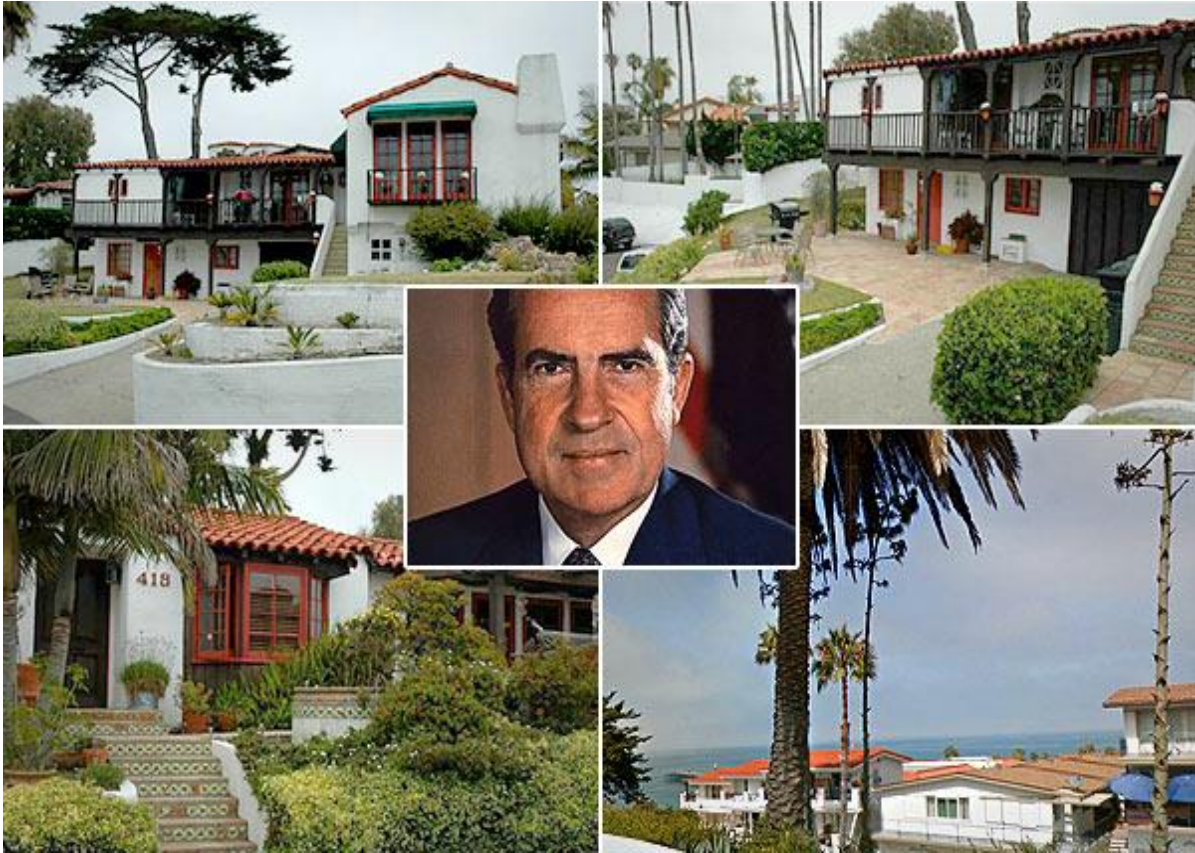


Tổng thống Dwight Eisenhower và Phó Tổng thống Richard Nixon, 1956

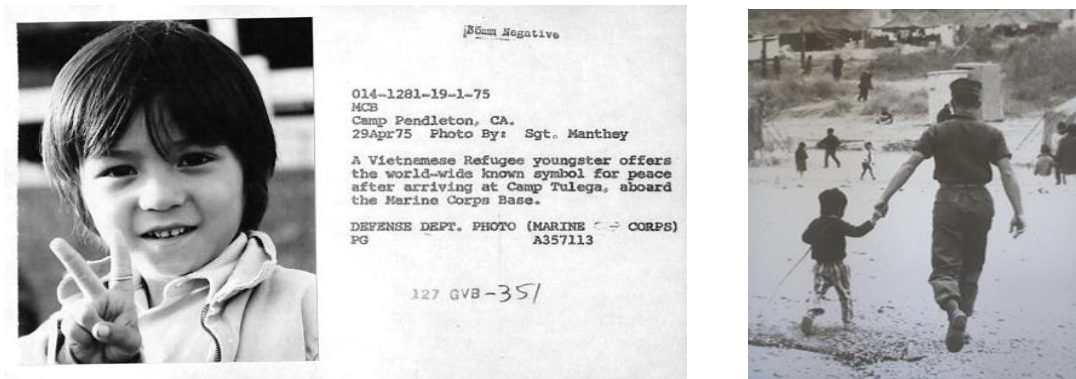
Đối với tôi cũng có sự ngẫu nhiên lý thú là tháng sáu năm 1956, cũng chính ông Richard Nixon, lúc đó là Phó Tổng thống của ông Dwight Eisenhower, đã tận tay trao cho tôi văn bằng Engineering tại khuôn viên trường Lafayette College ở Easton trong tiểu bang Pennsylvania. Hôm đó, ông là người đọc diễn văn lễ ra trường. Rồi gần 20 năm sau, tháng năm 1975, tôi đã sống sót trong sự cay đắng được bầu làm “Thị trưởng” khi nhập trại Pendleton và tạm trú trong một lều Quonset trở trại gần villa sang trọng của Nixon. Trái đất này quả là thật nhỏ và đầy chuyện bất ngờ.



Lều Quonset: “Thành phố Lều/Tent city” trong trại Pendleton của Thủy quân Lục chiến gần nhà ông Nixon



"Toà Bạch Ốc Miền Tây/Western White House" của Nixon tại San Clemente



1. Hình "em bé đầu tiên" tới trại tị nạn do Thượng sĩ Sgt Manthey chụp ngày 29 tháng 4 năm 1975
2. Người lính thủy quân lục chiến và em tị nạn trong trại

Lều Quonset là một loại nhà làm bằng những tấm tôn uốn thành nửa hình tròn được sản xuất lần đầu vào thập niên 1940.

Pendleton là một công trình xây cất khổng lồ: gần 900 lính thủy quân lục chiến và thường dân đã làm việc không ngừng để dựng lên 958 túp lều loại thường và 140 lều Quonset trong vòng sáu ngày.



Hình chụp tổng quát trại Pendleton 1975



Đệ nhất phu nhân Betty Ford viếng thăm trại ngày 21 tháng 5, 1975

Về biến cố quan trọng này đối với lịch sử Việt Nam, và với cuộc đời của tôi, nhiều cơ quan truyền thông tại Mỹ và thế giới đã có nhiều bài viết trong những ngày tháng sau khi Sài Gòn thất thủ và khi đoàn người di tản Việt Nam đến Mỹ. Sau đây là một số bài viết điển hình:



UPI Wirephoto
On ship in South China Sea, refugee has situation in hand with marine.

An End...and New Beginnings

As Communist forces consolidated their hold over Vietnam, thousands of refugees began their journey to a land of refuge. Many were already being processed through Camp Pendleton near San Clemente, Calif., and some were reaching their final destination. At Fort Chaffee, Ark., the vanguard of some 20,000 who will settle in the heartland of America, was met by a cheering crowd of 500 residents. —Stories on page 2



Associated Press Wirephoto
Khung Huu Dien, ex-banker, shows his wealth—clothes for family.

NEW YORK DAILY NEWS SAT MAY 3 1975

Tờ NEW YORK Daily News, số ngày 3 tháng 5 năm 1975 đăng tấm hình trên với lời ghi chú: "Khương Hữu Diệu, cựu Tổng giám đốc ngân hàng và tài sản... quần áo cho gia đình."

ALL THAT'S LEFT — Khuong Huu Dieu, 1956 graduate of Lafayette College and a Vietnamese banker, holds up all that's left of his material possessions after he and his family fled the Viet Cong and North Vietnamese.

AP/Los Angeles

Refugees Try to Establish Order

From Our Wire Services — Under the direction of a Lafayette College graduate, Vietnamese refugees at Camp Pendleton, Calif., are setting up their own "mini-government" that may include former premier Nguyen Cao Ky.

Khuong Huu Dieu, a 1956 graduate of Lafayette and former chairman of the Vietnamese Agricultural Development Bank, said he and two others would set up a nucleus of about 20 persons to coordinate care of the evacuees.

At the time Dieu held his news conference at the Marine base, Ky was arriving at another Marine station in California and saying he would help take charge at Pendleton.

"I will try and be a leader for them," Ky said when he arrived from Hawaii. Earlier he had branded former president Nguyen Van Thieu a "big criminal. All that has happened to us is Thieu's fault and only Thieu's fault," Ky declared.

Some authorities expressed fears for Ky's life because of his outspokenness. He had called persons who fled the Communist advance "cowards."

Like Dieu and most other refugees, Ky said he is penniless and will try to get work as a pilot, cab driver or farmer.

Dieu and his "mini-government" tend to establish medical services, language schools, a post office and a Vietnamese newspaper for the roughly 10,000 refugees at the camp.

The Lafayette graduate headed the association that operated the largest English-language school in Saigon. He is being assisted in setting up a Vietnamese administration at the camp by Cornell University graduate Tran Quy Than, a Saigon banker, and Nguyen Van Bong, head of a planned parenthood association.

When Dieu escaped South Vietnam last week, he said he and his family owed their lives to an asterisk. Their names, he said, were listed at the bottom of a sheet of paper authorizing certain Vietnamese to depart Saigon. The asterisk indicated that the Dieu family was being sponsored as refugees by a niece married to a former U.S. Embassy employee.

When Dieu escaped, he called his friends Mr. and Mrs. George Miller of 1710 Richmond Road, Forks Township, to tell them he was safe.

The Millers and Dieu struck up a friendship during his Lafayette years.

Camp Pendleton is serving with Ft. Chaffee, Ark., and Eglin Air Force Base, Fla., as one of three refugee reception centers in the United States.

At Ft. Chaffee, the Army says the refugees have begun organizing their own camp administration structure "at their own initiative." Col. James Fyock said the goal was to handle requests and grievances.

On Guam, all elementary schools were ordered closed for three days to free school buses for the transportation of thousands of South Vietnamese refugees en route to that Pacific way-stop.

Some 15,000 refugees were due to arrive at Guam today aboard the American Challenger, the Pioneer Commander and the Pioneer Contender.

THE EXPRESS-TIMES
Serving Pennsylvania and New Jersey Since 1858
EASTON, PA., TUESDAY, MAY 6, 1975



ALL THAT'S LEFT — Khuong Huu Dieu, 1956 graduate of Lafayette College and a Vietnamese banker, holds up all that's left of his material possessions after he and his family fled the Viet Cong and North Vietnamese.

AP/Los Angeles

Refugees Try to Establish Order

From Our Wire Services — Under the direction of a Lafayette College graduate, Vietnamese refugees at Camp Pendleton, Calif., are setting up their own "mini-government" that may include former premier Nguyen Cao Ky.

Khuong Huu Dieu, a 1956 graduate of Lafayette and former chairman of the Vietnamese Agricultural Development Bank, said he and two others would set up a nucleus of about 20 persons to coordinate care of the evacuees.

At the time Dieu held his news conference at the Marine base, Ky was arriving at another Marine station in California and saying he would help take charge at Pendleton.

"I will try and be a leader for them," Ky said when he arrived from Hawaii. Earlier he had branded former president Nguyen Van Thieu a "big criminal. All that has happened to us is Thieu's fault and only Thieu's fault," Ky declared.

Some authorities expressed fears for Ky's life because of his outspokenness. He had called persons who fled the Communist advance "cowards."

Like Dieu and most other refugees, Ky said he is penniless and will try to get work as a pilot, cab driver or farmer.

Dieu and his "mini-government" tend to establish medical services, language schools, a post office and a Vietnamese newspaper for the roughly 10,000 refugees at the camp.

The Lafayette graduate headed the association that operated the largest English-language school in Saigon. He is being assisted in setting up a Vietnamese administration at the camp by Cornell University graduate Tran Quy Than, a Saigon banker, and Nguyen Van Bong, head of a planned parenthood association.

When Dieu escaped South Vietnam last week, he said he and his family owed their lives to an asterisk. Their names, he said, were listed at the bottom of a sheet of paper authorizing certain Vietnamese to depart Saigon. The asterisk indicated that the Dieu family was being sponsored as refugees by a niece married to a former U.S. Embassy employee.

When Dieu escaped, he called his friends Mr. and Mrs. George Miller of 1710 Richmond Road, Forks Township, to tell them he was safe.

The Millers and Dieu struck up a friendship during his Lafayette years.

Camp Pendleton is serving with Ft. Chaffee, Ark., and Eglin Air Force Base, Fla., as one of three refugee reception centers in the United States.

At Ft. Chaffee, the Army says the refugees have begun organizing their own camp administration structure "at their own initiative." Col. James Fyock said the goal was to handle requests and grievances.

On Guam, all elementary schools were ordered closed for three days to free school buses for the transportation of thousands of South Vietnamese refugees en route to that Pacific way-stop.

Some 15,000 refugees were due to arrive at Guam today aboard the American Challenger, the Pioneer Commander and the Pioneer Contender.

The Express-Times ngày 6 tháng năm, 1975

Tờ báo của châu thành Easton, nơi trường học cũ của tôi Lafayette College, **The Express-Times**, số thứ Ba ngày 6 tháng năm, 1975 đăng trang tit sau đây: **"Refugees Try to Establish Order» (Người Tị Nạn Cố Gắng Thiết Lập Trật Tự)**

"CHỈ CÒN BẤY NHIÊU ...Khuong Hữu Diệu, sinh viên tốt nghiệp năm 1956 tại Lafayette College và là Tổng giám đốc Ngân hàng ở Việt Nam, giờ cao tất cả tài sản của mình sau khi ông ta và gia đình trốn thoát khỏi Việt Cộng và quân lính Bắc Việt."

Người tị nạn nhờ cầu không vận khổng lồ do chính phủ Mỹ tổ chức nên họ đã sống sót và đến được một đất nước Tự Do. Trong cơn hốt hoảng, họ thoát khỏi viễn ảnh bị người cộng sản bắt giữ và tra tấn. Họ muốn chứng tỏ cho Chú Sam/Uncle Sam thấy họ không chỉ ăn và ngủ nơi xứ này. Ngay sau khi đặt chân trên đất mới, họ khởi công thành lập hệ thống điều hành và cộng tác với ban chỉ huy của Thủy quân lục chiến.» (ngưng trích dịch)

Tôi rất hân hạnh được bầu làm "Thị trưởng đầu tiên trại Pendleton" "thành phố lều" thứ nhất được dựng lên cho người tị nạn Việt Nam. Tại sao tôi được tín nhiệm này? Có thể vì hồi còn ở Sài Gòn, tôi là sáng lập viên và Chủ tịch của Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam đồng thời cũng là Chủ tịch của Hội Việt Mỹ (Vietnamese American Association) được nhiều người biết tới với khoảng 25.000 học viên theo học tiếng Anh.

Trong khoảng thời gian ngắn, chúng tôi đã lập xong sơ đồ tổ chức và tìm đủ nhân viên làm việc tình nguyện.

Chúng tôi lập ra các ủy ban phụ trách việc:

1. Điều hành phòng ăn
2. Vệ sinh căn trại
3. Thông tin và bưu điện
4. Trung tâm y tế
5. Trung tâm giải trí
6. Tiệm hớt tóc
7. Trại chăm sóc trẻ em
8. Phòng lưu trữ những đồ vật bị mất và tìm thấy.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy một số khá đông các phóng viên AP, UPI, Reuters, và AFP, vây quanh và hỏi tôi nhiều câu hỏi về những dự tính của "thị trưởng." Tôi cũng bị sốc khi thấy họ đã phí phạm phim Kodak để chụp tôi như vậy. Vào thời đó chưa có máy chụp hình loại kỹ thuật số/digital. Số máy quay phim của các đài NBC, ABC, CBS và địa phương quá nhiều đã khiến tôi có cảm tưởng như mình đang sống trong hư ảo và biến tôi thành một "thị trưởng" nổi tiếng.

Cũng nhờ phương tiện truyền thông mà các bạn học cũ, cộng sự viên, bạn bè và họ hàng ở khắp nơi trên thế giới biết được tôi còn sống ở trại Pendleton. Do đó, tôi nhận được nhiều điện tín và thư từ chúc lành. Nhiều người còn đề nghị bảo trợ tôi ra khỏi trại.

Diễn hình như một điện tín của một bạn sinh viên đồng khóa năm 1956 ở Lafayette College lúc đó đang sống ở Hoa Thịnh Đốn gửi đến tôi như sau: "*Tôi tên Dick Wilson. Điều là người cùng làm việc rửa chén với tôi. Tôi muốn bảo trợ anh ra khỏi trại.*"

Tôi có nhận được những lá thư của các bạn đồng nghiệp trong cơ quan APO (Asian Productivity Organization) gồm 14 nước hội viên từ Á châu đặt bản doanh ở Tokyo.

Buồn cười và đau đớn hơn cả là nhiều bức thư của những chuyên gia và người hưu trí Mỹ khá giả viết một cách sống sượng yêu cầu Thị trưởng cho họ "*thứ người tị nạn để sau đó có thể sẽ cưới họ!*"

Riêng cá nhân tôi đã trải qua nhiều kinh nghiệm kinh hoàng. Trong lều Quonset, hàng chục người ngủ trên những giường hai tầng kiểu nhà binh. Tiếng ngáy của họ ồn ào đến độ

không sao chịu nổi. Điều ngộ nghĩnh là người giàu có nhút trong nhóm lại là người ngáy dữ dội nhút. May thay cho mọi người, chỉ vài ngày sau bà ta được xuất trại sớm!

Thêm một cú sốc khác. Phòng vệ sinh của Thủy quân lục chiến được thiết kế với 20 bồn cầu đặt theo chiều dọc trong một căn phòng sáng choang và thoáng khí không có máy sưởi hay vách ngăn giữa các bồn cầu. Tôi phải thú nhận tôi không quen dùng loại phòng vệ sinh công cộng thiếu riêng tư như vậy nhưng không thổ lộ cho ai biết cả. Tuy nhiên, tôi đã tìm được một giải pháp thực tiễn cho vấn đề này. Trời tháng năm thời tiết trong trại khá lạnh vào ban đêm, tôi dậy thật sớm lúc 1 giờ sáng đi vệ sinh. Như thế, tôi đã được một mình một chợ trong căn phòng rộng thênh thang đó, mà không có cảm giác khó chịu khi bị người khác nhìn. Còn có chuyện khác là lính Thủy quân lục chiến không quen nấu cơm cho số người tị nạn đông đảo như vậy nên có "vấn đề" khó tránh khỏi đã xảy ra. Tuy vậy, mọi người đều thông cảm với họ. Tôi giải quyết "trục trặc" bằng cách tìm được vài tay nấu bếp thiện nguyện người Việt.

Một bài khác cũng của Báo Express-Times, Easton, PA, ngày 6 tháng 5, 1975, tóm tắt biến cố lịch sử tháng 5, 1975 tại trại Pendleton như sau:

"Từ phòng điện tín của chúng tôi Express-Times:

Dưới sự điều hợp của một cựu sinh viên trường Lafayette College, dân tị nạn ở trại Pendleton, California, đã lập xong một "chánh phủ bỏ túi" của họ. Có thể cựu thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ cũng sẽ gia nhập "chánh phủ" này. Ông Khương Hữu Điều, xuất thân từ Lafayette năm 1956 và cựu Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam, tuyên bố ông với hai nhân vật khác sẽ tập hợp một nhóm khoảng 20 người để lo chăm sóc dân di tản. Trong lúc ông Điều dự cuộc họp báo ở căn cứ Thủy quân lục chiến, ông Kỳ đã tới California và tuyên bố ông sẽ đứng ra điều hành mọi việc ở Pendleton.

"Tôi sẽ cố gắng lãnh đạo họ" ông Kỳ tuyên bố khi đến đây từ Hawaii. Trước đó ông đã cáo buộc cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu là "tên trọng phạm, mọi việc xảy đến cho chúng tôi là lỗi tại Thiệu và chỉ mình Thiệu thôi," ông Kỳ phát biểu.

Một số người trong chánh quyền tỏ ý lo ngại cho mạng sống của ông Kỳ vì những lời phát biểu táo bạo của ông ta. Ông đã gọi những ai bỏ chạy trước sự tiến quân của cộng sản là "các kẻ hèn nhát."

Cũng như ông Điều và đại đa số dân tị nạn khác, ông Kỳ nói là ông trắng tay và sẽ kiếm việc làm như lái máy bay, tài xế taxi hay nông dân.

Ông Điều và "chánh phủ bỏ túi" của ông dự tính sẽ lập các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trường dạy sinh ngữ, trạm bưu điện và một tờ báo tiếng Việt để phục vụ gần 10,000 người tị nạn trong trại.

Người cựu sinh viên trường Lafayette đã đứng đầu một hội có một trường dạy tiếng Anh lớn nhất Sài Gòn. Ông ta nhận được sự cộng tác của một cựu sinh viên Cornell University là ông Trần Quý Thân, chủ ngân hàng ở Sài Gòn, và bà Nguyễn Văn Bông, người đứng đầu một hiệp hội kế hoạch hoá gia đình.

Khi ông Điếu thoát khỏi Việt Nam trong tuần qua, ông nói ông và gia đình còn sống sót nhờ một dấu sao "asterisk" trên một tờ danh sách cho phép người di tản." Ông giải thích: tên của ông được ghi thêm bằng một asterisk vào phần dưới của một văn bản cho phép một số người rời khỏi Sài Gòn. Cái dấu asterisk đó cho phép gia đình ông Điếu được người cháu gái có chồng là cựu nhân viên Tòa Đại Sứ Mỹ bảo trợ để đi tị nạn.*

Sau khi đã thoát nạn, ông Điếu gọi điện thoại cho bà Miller cư ngụ tại số 1710 Richmond Road, Forks Township, PA, để báo tin ông ta được an toàn. Gia đình Miller và ông Điếu đã kết bạn khi ông còn đi học trường Lafayette.

Các trường tiểu học trên đảo Guam cho học sinh nghỉ học ba ngày để có đủ xe buýt chuyên chở hàng ngàn dân tị nạn người Việt đổ về các trạm tạm cư. Khoảng 15,000 người tị nạn sẽ tới đảo Guam ngày hôm nay trên các chiến hạm American Challenger, Pioneer Commander, và Pioneer Contender." (Ngưng trích dịch)

Ngoài các sinh hoạt cho người lớn, trẻ em cũng được phân phối công tác. Nhờ các bé trai sốt sắng đi lượm rác, việc làm này giúp các trại giải quyết được nạn rác rưởi mà cũng tránh gây lo lắng cho bậc cha mẹ khi các em bận bịu đi lượm rác. Về phần người lớn họ được rảnh rỗi tham gia vào các chương trình khác.

Chúng tôi cũng gởi các con em đi học các lớp dạy Anh ngữ, các lớp khoa học thiên nhiên để chúng hiểu biết môi trường sống mới, tổ chức các cuộc đi bộ có người hướng dẫn để giúp chúng không tù túng trong không gian nhỏ hẹp của trại.

Người ta thường nói: "Một hình ảnh đáng giá ngàn chữ." Những bức hình sau đây mô tả một cách khá đầy đủ những sinh hoạt thường ngày trong một "thành phố lều" chật chội và huyền ảo. Nhiều bức hình không cần chú thích cũng đủ hiểu.



Xe buýt chở dân tị nạn xuống từ phi trường



Thủy quân lục chiến El Toro gần đó

Đông *gặp* Tây



Các trẻ em ngơ ngác trong "thành phố lều" mới được dựng xong.



Trời lạnh và các em mặc áo ấm quá rộng!



Người lính và em bé



Trò chơi và giải trí cho trẻ em



1. Quân nhân Mỹ giúp em nhỏ học tiếng Anh



2. Phân phát mền



3. Quân nhân xây cất nơi trú ẩn mới cho dân tỵ nạn



Quân nhân Mỹ chăm sóc người tị nạn



Quân nhân Mỹ và em nhỏ



Chỉ giặt thôi! Rồi đem đi phơi nắng



Khu Hồng Thập Tự dành cho trẻ em





Các tình nguyện viên của chi nhánh Hồng Thập Tự ở Los Angeles cung cấp dịch vụ suốt ngày cho Trung tâm điều hành trong trại Pendleton. Các y tá và phụ tá bác sĩ mỗi ngày tới thăm trại để phát hiện bệnh tật mới chưa được chữa trị. Nhân viên xã hội phỏng vấn người tị nạn để giúp họ di chuyển tới nơi họ sẽ định cư. Còn những tình nguyện viên khác thì lo đi phân phát thức ăn nhẹ và nước uống.



Chương trình văn nghệ Pat Boone



Trẻ em đang xem TV



Ngay cả Rosemary Clooney cũng tới trình diễn



Căn nhà ấm cúng

Dù trong cảnh hoang mang bất ổn, người tị nạn vẫn tiếp tục sống với những lễ rửa tội và đám cưới, học tiếng Anh và giải trí.



Đám cưới trong Camp Pendleton



Nghi lễ Phật giáo trong trại



Lễ Phật Đản năm 2519



Hướng đạo trong trại



Nhà thuốc tây của người tị nạn



Tiệm hớt tóc



Đây là nơi các gia đình để lại tên và địa chỉ của người bảo trợ để phòng ngừa trường hợp có người thân thuộc qua sau sẽ có thể liên lạc với nhau được.

Tờ Newsweek Magazine số ngày 19 tháng 5, 1975, tường trình biến cố lịch sử độc nhút vô nhị trong Camp Pendleton như sau:

Tại trại Pendleton, Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố:

"...Chúng tôi phải lưu vong vì Nguyễn Văn Thiệu. Hãy nhớ cái tên này. Hẳn ta là con người đáng khinh bỉ nhất trên trái đất." Còn đối với nước Mỹ, Kỳ làm như sốt sắng muốn gột rửa hết tội lỗi cho quê hương mới của mình. "Trong mười năm qua các ông đã làm rất nhiều cho chúng tôi – quá nhiều theo ý kiến cá nhân tôi," ông tuyên bố.

Kỳ luôn là đề tài hấp dẫn đối với các phóng viên Mỹ, nhưng những đồng hương của ông thì không có ấn tượng gì với ông.

"Tôi không muốn gặp mặt ông ta. Tôi sẽ không bắt tay ông ta." Khương hữu Điều, 43 tuổi, cựu Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam và người tổ chức "hạ tầng cơ sở" tại Pendleton phát biểu ***"Nếu ông ta là một chiến sĩ giỏi và thực sự can đảm như ông ta nói thì ông ta hãy ở lại để chiến đấu đi."***

"Với sự hỗ trợ về hậu cần của Thủy quân lục chiến Mỹ, người Việt trong "thành phố lều" tại Camp Pendleton thành lập một guồng máy bán chánh phủ - một số hạ tầng cơ sở - để phối hợp việc điều hành và giải quyết những khó khăn thường nhật. Trong khi ban điều hành trại dập tắt tham vọng lãnh đạo của cựu thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ (xin coi khuôn ở dưới), họ thấy hài lòng về sự hiện diện của nhóm lãnh đạo xuất phát từ quần chúng như cựu Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam, một người đã được đào tạo bên Mỹ.

«Chúng tôi muốn nước Mỹ thấy rõ là chúng tôi có tinh thần trách nhiệm, Điều nói, và chúng tôi không chỉ muốn ăn và ngủ mà thôi tại đất nước này.»

personnel. By another calculation only 29 per cent of all Vietnamese refugees, or about 35,000, were heads of families who eventually enter the labor market.

The Vietnamese had brought out considerable wealth—nearly \$2 million in gold was sold by about 6,000 refugees passing through Guam early this month—but over 90 per cent were merely middle- and lower-middle-class, and the proportion of wealthy refugees seemed likely to

Letters: Life in the camps, though hardly pleasant, was at least becoming less chaotic—thanks in part to the refugees themselves. With U.S. Marine units providing logistical support, the Vietnamese in seven tent cities at Camp Pendleton framed their own quasi-governmental "infrastructure" to coordinate the processing and solve day-to-day problems. And while Administration officials subtly squelched the leadership aspirations of former Premier Nguyen Cao Ky (box), they were pleased by the emergence of grass-roots leaders such as U.S.-educated Khuong Huu Dieu, 43, former president of the Industrial Development Bank of Vietnam. "We want to show America we are responsible," said Dieu, "and that

NATIONAL AFFAIRS

(1) We don't want to just eat and sleep here. Teen-agers helped the adults in collecting trash, locating lost relatives and looking out for the smouldering match for cigarette that could turn into a disastrous fire in Pendleton's tinder-dry country. English classes were set up in the mess halls after meals and children later chalked their homework on the sides of their parents' tents. The books that had been donated for them were an outdated array of civics, history and geography texts, but many of the youngsters proved to be quick studies and soon were greeting visitors with a cheerful, "Hello. How are you? I am fine. Good luck." With food in plentiful supply—4,000 pounds of rice daily, 33,000 half-pints of milk and tons of meat and produce—the big problem was the chill weather, which had many pleading for warmer clothing.

Radio: At Fort Chaffee, where 12,000 refugees were encamped in old wooden Army barracks, some of the leadership was supplied by about 50 Vietnamese soldiers and sailors who had been training at U.S. bases when their government fell. They ran errands outside the refugee area, published a daily news sheet and broadcast a Vietnamese radio program from nearby Fort Smith.

Not all of the 530 Vietnamese and Cambodian military personnel in the U.S. were so quick to pitch in, however—and some even wanted to return to their native lands. A number of Vietnamese students and political exiles here—as many as 500 by one estimate—harbored similar intentions. "That's our country; that's where we can operate best," explained Ngo Vinh Long, 30, a Ph.D. candidate at Harvard. "Going back home at this point would cause more problems than it would help. But we do think it will be possible . . . some time."

Calls: For the vast majority of Vietnamese here, however, the goal was to become Americans, and Americans themselves were warming to the idea. More than 3,000 individuals and organizations had phoned the State Department by last week with offers of help—a barrage of calls so great that L. Dean Brown's modest inter-agency task force on refugees had to hire eighteen Kelly girls to handle the load. Most of the actual resettlement would be handled under contract by private agencies, with the government repaying up to half of their total costs. The Administration was also hoping for support from professional organizations—groups of doctors, nurses and journalists had already indicated their readiness to cooperate—as well as banks and corporations (page 75).

Even after checking out all sponsors and paying for special education and

43, ex-president of the Industrial Development Bank of Vietnam and now an organizer of the "infrastructure" at Pendleton. "If he is such a good fighter, he should have stayed and fought."

"Anything": Ky located a dozen relatives at Pendleton and moved them into his tent, but after one night the children were evicted for making noise. "He says he will take care of us after he sees to all his people," a niece reported, and Ky himself said cheerfully, "I don't think 100,000 Vietnamese will be a problem. All they need is a little more support, generosity, gestures like that. We don't eat as much as you do." For himself, Ky proclaimed: "I would be a farmer, a taxi driver, anything."

A New York restaurateur promptly wired Ky offering a job as chauffeur of a new Mercedes, but he ignored it. A Sacramento school trustee mentioned the \$46,000-a-year post of superintendent for three community colleges, and some farmers near San Antonio, Texas, were considering Ky's suggestion that somebody in the area sponsor him for a start in agriculture. But they were dubious. The only jobs currently available were picking and planting, said one vegetable grower, "and I don't think Ky is looking for that kind of work."

—DAVID M. ALPERIN with ELINORE SMITH at Camp Pendleton

Ky at Pendleton: Future farmer?

children and grandchildren we are exiled because of Nguyen Van Thieu. Remember that name. He is the most despicable man in the world." As for the United States, Ky seemed eager to absolve his new homeland of any guilt. "In the last ten years you did a lot for us—too much, in my opinion," he declared.

Ky has always made good copy for American reporters, but his own countrymen seemed less impressed. While some gathered around him to beg assistance, most just gawked. "I don't want to see him. I will not shake his hand," said Khuong Huu Dieu,

NEWSWEEK MAY 19, 75

Những tài liệu khác của NBC về trại tị nạn.

"NBC Evening News - thứ Tư, ngày 7 tháng 5, 1975 - Tóm lược:

- Hàng ngàn dân tị nạn miền Nam Việt Nam hiện đang sống ở Pendleton và đang sửa soạn một cách thực tiễn để hội nhập vào đời sống bên Mỹ. **PHÓNG VIÊN:** John Chancellor.
- Giống máy chánh phủ do một Ủy ban điều hành gồm 20 thành viên lãnh đạo. Một cách tổng quát, người đứng đầu làng tị nạn phối hợp các hoạt động với viên tướng chỉ huy

trại. Nhóm người tị nạn được thành lập bởi Điều Khương Hữu, cựu Tổng giám đốc ngân hàng ở Sài Gòn xuất thân từ Massachusetts Institute of Technology. Họ tổ chức trường học, tìm kiếm giáo sư trong giới tị nạn; lớp dạy Anh ngữ bắt đầu trong tuần này. PHÓNG VIỄN: Ray Cullen)”

(John Chancellor người dẫn chương trình thời sự của NBC Nightly News.)

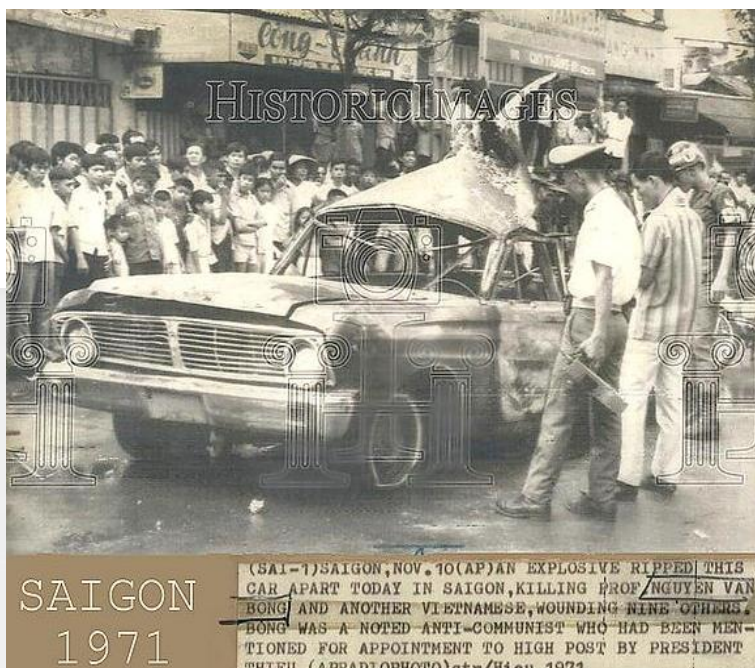
Nói tóm lại, chúng tôi nhận được sự hỗ trợ nhanh chóng từ phía Thủy quân lục chiến Mỹ. Họ hoàn tất việc xây cất trại vào ngày 4 tháng 5, 1975. Công trình đầy thử thách thiết lập nơi cư trú cho 18.000 người tị nạn đã được thực hiện trong vòng chưa đầy 6 ngày. Các dịch vụ lúc đầu tuy còn khiêm tốn nhưng sau đó được liên tục cải tiến và gia tăng để thỏa mãn không những các nhu cầu thiết yếu của đời sống mà cả cho những tiện nghi khác nữa. Những hình trên cho thấy điều này thật rõ ràng. Vào ngày 9 tháng 5, số người sống trong trại lên tới cao điểm 18.608. Lần lần, việc lo liệu cho người tị nạn có đời sống đầy đủ kể luôn cả một tờ báo tiếng Việt phát hành tại chỗ cũng trở thành ngăn nắp, đầu vào đầy. Trung tâm tị nạn tiếp tục hoạt động một thời gian dài sau ngày người tị nạn cuối cùng đặt chân tới đây vào giữa tháng 7, 1975. Khoảng giữa tháng 5 và cuối tháng 7, Thủy quân lục chiến và ban điều hành người Việt đã định cư được 29.135 người tị nạn với gia đình bảo trợ.

Suy nghĩ về một cuộc chiến

Trong nguy hiểm nhưng may mắn, chiến tranh đã đưa tôi và một số đồng bào tôi thoát được ngục tù cộng sản, lìa bỏ quê cha đất tổ để tản mác khắp bốn phương trời. Trong trại tị nạn tôi quên hết chuyện phát triển kinh tế mà ngậm ngùi cho thân phận của tôi, đồng bào tôi, và đất nước tôi. Tôi nhớ lại câu danh ngôn của George Clemenceau trong Thế Chiến Thứ Nhất: *Chiến Tranh quá quan trọng để có thể giao phó vào tay các tướng lãnh*. Thực vậy, có nhiều lãnh đạo dân sự đã chứng tỏ là những tư lệnh quân đội xuất sắc trong thời chiến như Abraham Lincoln trong thời Nội chiến Hoa Kỳ /US Civil War, Winston Churchill trong Thế Chiến Thứ Hai, và David Ben Gurion trong Chiến tranh giành độc lập của Do Thái.

Nói chung, một trong những nguyên nhân khiến miền Nam Việt Nam bị mất vào tay cộng sản một cách nhanh chóng là do sự tranh giành quyền hành, quyền lợi giữa các tướng lãnh làm phân hoá lực lượng thay vì phải tập hợp tất cả các lực lượng để cùng chiến đấu chống lại kẻ thù chung. Ngoài bản chất vô trách nhiệm và thiếu khả năng trong lãnh vực quân sự, họ còn muốn kiểm soát luôn cả guồng máy hành chánh dân sự, nhưng họ lại tỏ ra bất lực một cách tồi tệ trong cả hai lãnh vực đến độ chánh phủ Mỹ muốn thay họ bằng một nội các dân sự. Ông Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, là một nhân vật được người Mỹ ủng hộ làm Thủ tướng chánh phủ dân sự thay thế các tướng lãnh.

Tiếc thay, ông Bông đã bị cộng sản ám sát ngày 10 tháng 11 năm 1971 ngay sau khi tin này bị tiết lộ.



Giáo sư Bông và chiếc xe bị nổ tan tành

Ngoài những yếu tố suy kém liên quan đến chính trường miền Nam, cuộc bại trận của Việt Nam Cộng Hòa còn bắt nguồn từ sự phản bội của đồng minh Mỹ được chỉ đạo bởi Kissinger. Chúng tôi sẽ dành một chương để nói về các tác động nguy hại của Kissinger với quốc gia và nhân dân Việt Nam (chương 18).

Trong lịch sử chiến tranh, không có cuộc chiến nào để lại một khối tài liệu khổng lồ, đa dạng và phức tạp như chiến tranh Việt Nam. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ, có ít nhất 10 đại học danh tiếng có bộ sách về Việt Nam học (Vietnamology) và chiến tranh VN, không kể trung tâm ***The Center & Archive at Texas Tech University*** được xem như quan trọng nhất. Một câu hỏi thường xuyên được đặt ra bởi người Việt và người Mỹ là "*Ai là kẻ thua, kẻ thắng trong chiến tranh Việt Nam.*"

Có lẽ một tài liệu ngắn trên YouTube chỉ dài 5 phút đăng tải ngày 23 tháng 6 năm 2014 của *Bruce Herschenson*, thành viên của Institute of Politics tại John F Kennedy School of Government của đại học Harvard sẽ trả lời phần nào câu hỏi này: *The Truth about the Vietnam War* - You Tube



www.youtube.com/watch?v=7hqYGHZCJwk

Đông *gặp* Tây

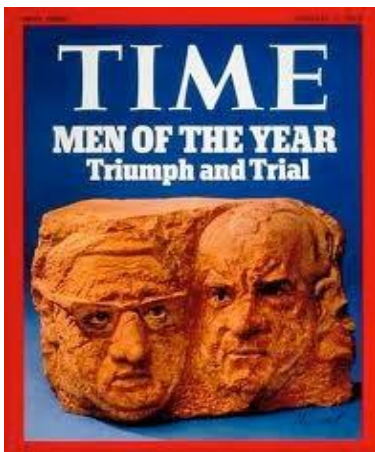
Phần 7

Chánh Trị Trong Thời Chiến

Chương 18

Kissinger Và Cuộc Chiến Việt Nam

Nhân vật chưa bao giờ được bầu vào bất cứ chức vụ nào, nhưng đã đạt tột đỉnh của Quyền Lực Và Danh Vọng

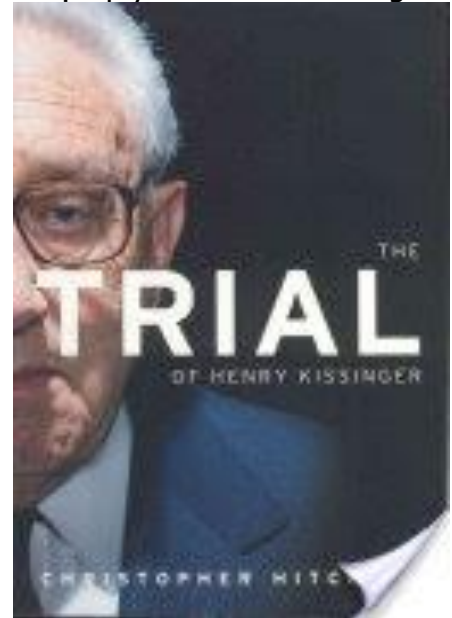


Có lẽ các bạn thắc mắc vì sao lại có một chương dành riêng cho Henry Kissinger, một trong những ngoại trưởng thông minh và nhiều mưu trí nhất thế giới nằm trong cuốn hồi ký này. Cũng như đại đa số người Việt Nam, nhất là với 3 triệu người tị nạn, tôi không sao quên được mối hận vong quốc gây ra bởi một tên cộng sản Việt Nam gian ác là Hồ Chí Minh và một tên Mỹ gốc Do Thái quỷ quyệt là Henry Kissinger. Đối với Kissinger, mặc dù một số tài liệu của các tác giả gốc Do Thái ca ngợi như một vĩ nhân, nhưng những khám phá gần đây đã cho thấy Kissinger là một chánh trị gia gian xảo, bịp bợm. *Christopher Hitchens*, một ký

giả nổi tiếng chuyên về săn tin và bình luận cho tờ *The Nation* và *The Harper Magazine* tại Hoa Kỳ, được biết nhiều với những phóng sự điều tra những nhân vật tên tuổi như Mẹ Theresa, công chúa Diana, Tổng Thống Clinton, cũng có viết một quyển sách về Kissinger. Trong quyển *The Trial of Henry Kissinger* (Verso Books, 2001), Hitchens đã cáo buộc Kissinger những tội trạng như sau, với đầy đủ bằng chứng hay lập luận trong 10 chương:

- Không ngại giết thường dân tại Việt Nam, Cao Miên, Lào (3 chương)
- Đồng lõa tội tàn sát tập thể dân Bangladesh (1 chương)
- Chủ mưu đảo chánh và giết một lãnh tụ ở Chile, ở Chypre (3 chương)
- Chủ mưu và thực hiện tội diệt chủng tại Đông Timor (1 chương)
- Tham gia vào việc bắt cóc và giết một ký giả người Hi Lạp ở Washington DC (2 chương).

Với những tội trạng này, Kissinger phải được đưa ra xét xử tại một Tòa Án quốc tế.



Dĩ nhiên, với những tài liệu lần lượt giải mật, thế giới càng ngày càng khám phá nhiều tội ác tày trời của Kissinger. Đối với tôi, không phải chờ đến cáo trạng của Hitchens, khi tôi rời Việt Nam trong hốt hoảng và tay trắng năm 1975, tôi cũng đã biết đường lối ngoại giao của Kissinger đã đưa tới hậu quả là cộng sản đã thống nhất nghèo đói bất công và độc tài trên toàn cõi Việt Nam từ ngày 30 tháng tư năm 1975.

Trong nỗ lực tìm hiểu về bộ mặt thật của Kissinger liên quan đến chiến tranh Việt Nam, tôi mong độc giả sẽ không nhìn tôi như con người đầy cay đắng và thù hận hay là tay thua bạc xấu tánh khi tôi trình bày những tác hại của Kissinger với Việt Nam, đã biến đổi tôi từ một kỹ sư thuộc giới trung lưu có cuộc sống an bình tại Sài Gòn trở thành một kẻ tị nạn mất quê hương, ly cách bà con thân thuộc và sống một cuộc đời mà tôi không chọn lựa. Đa số tin tức tôi thu thập được đến từ những tài liệu tối mật của CIA và Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Council) sau khi được giải mật. Để hiểu rõ về Kissinger hơn, con người đi lên từ một kẻ vô danh để trở thành nhân vật quan trọng thứ hai trong Tòa Bạch Ốc trong vòng 5 năm, chúng ta bắt đầu với quá khứ của ông trước khi ông được nổi tiếng.

Từ một đứa trẻ nhút nhát đến một ông ngoại trưởng uy quyền

Heinz Alfred Kissinger, sau này khi sang Mỹ đổi tên thành Henry Kissinger, sanh ra trong một gia đình người Đức gốc Do Thái năm 1923 tại thành phố Fürth trong vùng Bavaria, nước Đức. Tiểu sử của Kissinger cho biết ông là một đứa trẻ nhút nhát và thường bị trẻ con trong làng hành hung. Năm 1938, gia đình ông di cư qua New York để lánh nạn Đức Quốc Xã và ông ghi danh vào học một chương trình về kế toán tại City College of New York. Ông

nhập quốc tịch Mỹ năm 1943 và ông bị động viên gia nhập Quân Đội Mỹ.

Quân đội gởi ông đi học ngành kỹ sư tại trường cũ của tôi là Lafayette College, Pennsylvania. Chỉ ít lâu sau, chương trình này bị bãi bỏ và ông được chuyển tới Sư Đoàn 84 Bộ Binh. Chính tại Sư Đoàn 84 này mà ông làm quen được với Fritz Kraemer, một người cũng di dân như ông đến từ Đức Quốc. Ông Kraemer nhận ra sự thông minh và khả năng nói tiếng Đức lưu loát của Kissinger nên sắp xếp đưa ông **ta** về phục vụ tại Phòng Quân Báo/ Military Intelligence Corps.



Henry Kissinger và Fritz Kraemer

Trong khi phục vụ tại sư đoàn, Kissinger có đi tác chiến và tình nguyện tham dự vào những nhiệm vụ tình báo nguy hiểm trong trận "Battle of the Bulge." Sau đó ông ta được chuyển trở về đơn vị phản gián "970th Counter Intelligence Corps" tại Đức. Nơi đây, ông được thăng cấp trung sĩ. Khoảng thời gian này, trong khi chỉ huy một nhóm quân nhân đi truy nã những sĩ quan Gestapo và các kẻ phá hoại khác, Kissinger được ban thưởng huy chương "Bronze Star."

Sau chiến tranh, Kissinger ở lại Đức và làm giáo viên dân sự tại trường tình báo "European Command Intelligence School" ở Oberammergau. Từ 1946 tới 1949 ông ta mang lon đại úy

trong ngành Tình Báo Quân Đội Trừ Bị/Military Intelligence Reserve. Nhờ được huấn luyện và có kinh nghiệm cao cấp về tình báo cũng như phản gián trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, Kissinger đã có thể tiến hành những hoạt động ngoại giao bí mật khiến ông ta nổi tiếng sau này. Sau khi giải ngũ, Kissinger vào học ở Harvard và đậu tiến sĩ hạng Ưu. Trong thời gian này, Kissinger được William Elliot, một giáo sư nổi tiếng nâng đỡ cho Kissinger đảm nhiệm chương trình *Harvard International Seminar* nên Kissinger có dịp quen biết các học giả, các nhà chính trị quốc tế, dọn đường cho cuộc đời chính trị của ông sau này.

Cuộc tranh cử Tổng thống giữa Humphrey và Nixon năm 1968 là cơ hội giúp Kissinger chính thức bước vào con đường hoạt động chính trị với biến cố "October Surprise." Theo ngôn từ chánh trị của Mỹ, "October Surprise" (Sự Ngạc Nhiên Tháng Mười) là những biến cố, tin tức xảy ra vào tháng 10 có tác dụng gây ảnh hưởng đáng kể tới kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vào ngày thứ ba đầu tiên của tháng 11.



Lyndon B. Johnson



Hubert Humphrey



Richard Nixon

Trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1968, ứng cử viên đảng Cộng Hòa Richard Nixon rất lo ngại Tổng Thống Lyndon Johnson sử dụng "October Surprise" bằng cách thực hiện vào giờ chót một cuộc dàn xếp nào đó để chấm dứt sự có mặt của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Một hành động như vậy sẽ có phản ứng thuận lợi để đem lại một số phiếu đủ cho vị Phó Tổng thống đương nhiệm Hubert Humphrey đắc cử (vì Tổng Thống Johnson không tái ứng cử). Nixon cảm thấy bất ổn khi nghe tin Tổng Thống Johnson sẽ tuyên bố vào ngày 31 tháng 10 (giờ Washington) quyết định ngưng oanh tạc Hà Nội. Mười ngày trước khi Johnson tuyên bố ngưng oanh tạc, Gallup cho biết ứng cử viên Nixon hơn Humphrey 8 điểm vì Humphrey bị xem là người kế vị con diều hâu Johnson, nhưng chiều ngày 2 tháng 11, tức chỉ 2 ngày sau tuyên bố, Nixon chỉ còn hơn 2 điểm (42% và 40%).

Trong vai trò làm trung gian, Kissinger đã lấy được tin tức của cả hai phe tại bàn hội nghị là Hoa Kỳ và Bắc Việt và sử dụng theo quyền lợi của chủ.

Kết quả cho thấy cuộc bầu cử ngày 5 tháng 11, 1968 rất là sát sao. Phải đợi tới sáng hôm sau, các cơ quan truyền thông mới có thể tuyên bố Nixon đã trúng cử. Ông ta đã thắng với sự sai biệt dưới 1% số phiếu (43.4% so với 42.7%.) Đây là một trong những cuộc bầu cử sát sao nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Trong sự thăng cử của Nixon, sự đóng góp tài trí của Kissinger rất lớn. Dựa vào khả năng tình báo và phản gián, Kissinger đã thâm nhập được nhiều tin tức tối mật mới nhất liên quan tới cuộc thương thuyết giữa bốn bên tại Hòa đàm Ba Lê để cung cấp cho phe Nixon.

Kissinger là một người mưu sĩ, tráo trở. Một mặt, ông tung hỏa mù phao tin mình bất mãn với đảng Cộng Hòa để đánh lừa đối phương, một mặt ông qua Pháp móc nối với Daniel Davidson, người bạn học cũ với ông ở Harvard để sẵn tin vì lúc đó Davidson làm việc trong phái đoàn của Harriman (Dân Chủ) trong Hòa Đàm Ba Lê.



Harriman và Xuân Thủy tại Hòa Đàm Ba Lê 1968

Kissinger còn móc nối với Richard Allen, một cố vấn trẻ tuổi về ngoại giao trong ban tham mưu của Nixon trong mùa vận động bầu cử. Allen xác nhận là Kissinger bao giờ cũng dùng điện thoại công cộng để liên lạc hầu tránh bị thâm bắng hay bị lộ tâm địa phản bội của mình.



Hòa đàm Kịch Bản ở Ba Lê

Ngoài ra, Richard Holbrooke, lúc đó cũng là thành viên cao cấp trong phái đoàn thương thuyết hòa đàm của Tổng Thống Johnson, đã phải phát biểu rằng: *"Henry là người duy nhất không làm cho chính phủ mà chúng tôi được phép cùng bàn thảo về cuộc thương thuyết. Thật không phải quá đáng khi nói rằng phe Nixon đã có một nguồn cung cấp tin tối mật từ phái đoàn thương thuyết của Hoa Kỳ."*

Với những thông tin bí mật Henry Kissinger thâm góp được, ông có khả năng phá rối cuộc Hòa Đàm ở Ba Lê mà chúng tôi sẽ nói rõ trong phần sau.

Kissinger đổi chủ và phản chủ như thay áo. Đầu tiên, ông làm cố vấn cho Rockefeller, đối thủ của Nixon và do đó, ông tỏ ra khinh khi, mặt sát Nixon thậm tệ. Năm 1968, trong cuộc tranh cử, khi Rockefeller bị thua phiếu Nixon và Nixon được đảng Cộng Hòa tuyển chọn, Kissinger bỏ ngay Rockefeller để sang đầu quân cho Nixon và trở giọng ca tụng Nixon. Chánh sách cơ hội chủ nghĩa, lừa đảo của Kissinger là một trong những bản chất của Kissinger. Mặc dù biết Kissinger thiếu trung tín, nhưng Nixon phải nhờ Kissinger, loại người mưu chước, sớm đầu tối đánh, biết được bí mật của đối phương bằng những phương thức bất chánh để mưu cầu quyền lợi.



Kissinger đang tuyên thệ nhậm chức Tổng Trưởng Ngoại Giao với chánh án Tối Cao Pháp Viện Warren Burger

Sau lễ đăng quang nhậm chức, Nixon bổ nhiệm Kissinger làm Cố Vấn An Ninh Quốc Gia ngày 20 tháng 1 năm 1969, chức vụ mà Kissinger tiếp tục giữ dưới thời Tổng Thống Ford đến 3 tháng 11 năm 1975. Kissinger là người mưu trí và nhiều tham vọng muốn tập trung quyền hành trong tay. Theo đề nghị của Kissinger, Nixon cải tổ Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Council) đã được thành lập năm 1947, từ nay trở thành cơ quan an ninh tối cao, kiểm soát tất cả các vấn đề ngoại giao, quốc phòng

và CIA do Kissinger đứng đầu. Những trưởng cơ quan như Giám Đốc CIA, Tổng Trưởng Tư Pháp, Thứ Trưởng Ngoại Giao, Thứ Trưởng Quốc Phòng, và Chủ Tịch Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đều trực thuộc Kissinger. Trong cương vị điều khiển Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Kissinger lần lần lấn áp Ngoại Trưởng William Rogers khiến ông này từ chức ngày 16 tháng 8 năm 1973. Kissinger được đề cử Ngoại Trưởng thay Rogers.

Với sự kiêm nhiệm này, Kissinger được xem như nhân vật thứ nhì tại Tòa Bạch Ốc vì Kissinger có quyền sàng lọc các tin tức về an ninh, quốc phòng và ngoại giao trước khi trình lên Tổng Thống với tư cách thi hành hay cố vấn. Trong nhiều trường hợp, với sự tập trung quyền bính như vậy, Kissinger đã là một thứ Tổng Thống mà không phải chịu trách nhiệm về việc mình làm. Từ năm 1968 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, Kissinger đã điều khiển chiến tranh Việt Nam bằng sự gian dối với Quốc hội, với dân Mỹ, với Đồng Minh theo phương thức: Kissinger cố vấn và đề nghị, các Tổng Thống Nixon, Ford thi hành và chịu trách nhiệm. Đó là sự quỷ quyệt tuyệt vời của Kissinger.

Nhận định về trường hợp này, Thượng Nghị Sĩ Stuart Symington đã tuyên bố: "Nếu ông Kissinger nắm hai chức vụ, vừa đứng đầu Bộ Ngoại Giao cũng như Hội Đồng An Ninh Quốc

Gia, ông đã ở trong vị thế nắm nhiều quyền hành từ trước tới nay chỉ nằm trong tay Tổng Thống mà thôi.”

Mọi việc đã an bài. New York Times có ghi nhận, vào năm 1971, Henry đã trở thành “nhân vật đầy quyền uy kiểm soát những cơ quan rộng lớn của chánh phủ có trọng trách cố vấn Tổng Thống về lãnh vực an ninh quốc gia.” Ông ta đã hoàn toàn chế ngự Hội Đồng An Ninh Quốc Gia nói rộng gồm 110 thành viên tới mức độ mọi tin tức tình báo từ các bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng, và Trung Ương Tình Báo trước khi trình lên Tổng Thống đều phải qua tay ông.



Henry Kissinger, ngày 14 tháng 2, 1969

Với sự tập quyền như vậy, Kissinger đã trở thành chiến lược gia hàng đầu của Mỹ. Ông kiểm soát một “đế chế” rộng lớn bao gồm hơn 12.000 chuyên viên thượng thặng trong nhiều lãnh vực chiến lược như quốc phòng, tình báo, ngoại giao kể cả những lãnh vực kỹ thuật như mật mã, ngữ học, tốc ký... Hàng năm ông lãnh số lương rất cao. Chưa bao giờ trong lịch sử Hoa kỳ một cá nhân *không do dân bầu* được trao cho quyền hành rộng lớn như vậy.

Riêng về hoạt động tình báo, Kissinger điều khiển trải rộng ra ngoài phạm vi Bộ Ngoại Giao thật nhiều, bao gồm 16 cơ quan lớn với 200.000 nhân viên, một ngân quỹ hàng năm lên tới trên 6 tỷ Mỹ kim, và sử dụng những dụng cụ và máy vi tính tối tân nhất trên thế giới.



Ngoài tầm thu của máy thu âm trong Phòng Bầu Dục/Oval Office, Kissinger báo cáo với Nixon về những mật đàm mới nhứt của mình. (ngày 16 tháng 9, 1972) [Nguồn: National Archives, Still Pictures Branch, Nixon Presidential Materials]

Cũng cần lưu ý Kissinger là người di dân thế hệ thứ nhứt (sinh đẻ ở ngoại quốc) **đầu tiên** đảm nhiệm chức vụ Tổng Trưởng Ngoại Giao và **duy nhứt** trong lịch sử Hoa Kỳ cùng đứng đầu Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Khi xét về việc thăng quan tiến chức nhanh chóng của Henry Kissinger đi từ bóng tối tới đài danh vọng quốc tế, người ta thấy được chiếc đĩa thần mang nhãn hiệu Rockefeller. Bà Nancy Maginnes, phu nhân của Kissinger, trước và sau đám cưới vẫn làm việc cho Rockefeller. Sự liên hệ giữa hai bên mật thiết tới độ Rockefeller đã cung cấp chiếc phản lực cơ đưa cặp Kissinger đi hưởng tuần trăng mật và tổ chức một buổi tiệc linh đình để khoản đãi họ khi trở về Hoa Thịnh Đốn.



Kissinger và chiến tranh Việt Nam

Trong 15 năm chiến tranh Việt Nam mà cộng sản gọi là chiến tranh chống Mỹ-Ngụy (1960-1975), Kissinger đã trực tiếp điều khiển bộ máy chiến tranh Mỹ trong 8 năm dưới thời hai tổng thống Nixon và Ford và ông cũng là người đã xoá tên chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Thực ra, Kissinger đã tham dự vào chiến tranh Việt Nam ngay từ thời Tổng Thống Johnson với công tác thu thập tin tức từ phía cộng sản Bắc Việt. Để thực hiện công tác này, Kissinger

tìm cách tham gia vào phong trào Pugwash gồm một nhóm khoa học gia quốc tế vận động chống vũ khí nguyên tử có mặt hiệu là *Pennsylvania*. Tại đây, ông bắt liên lạc được với Raymond Aubrac và Herbert Marcovich, hai người Pháp có liên lạc với giới lãnh đạo cộng sản Bắc Việt.



Raymond Aubrac

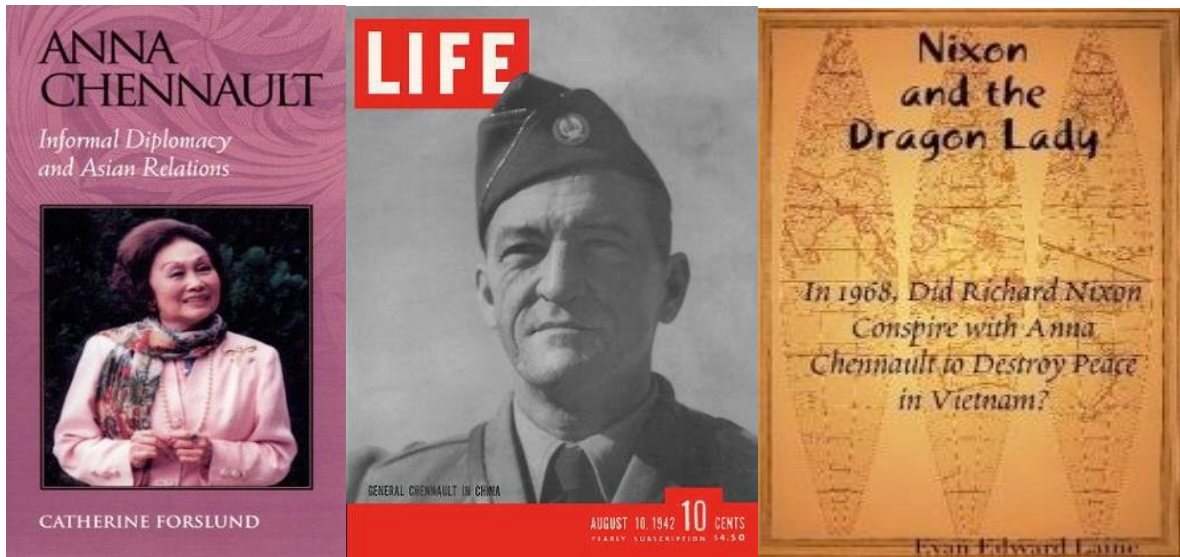


Hồ Chí Minh ẵm Elisabeth, con gái của Aubrac, bên cạnh là vợ của Raymond là Lucie - Aubrac muốn Hồ Chí Minh đỡ đầu cho Elisabeth để «dựa hơi»

Aubrac, một viên chức của WHO (World Health Organization) trước đây có đi học ở MIT và Harvard vào năm 1937 là bạn thân của Hồ Chí Minh (khi Hồ Chí Minh sang Pháp năm 1946 để tham dự Hội nghị Fontainebleau cư ngụ ở nhà của Aubrac) và ông Hồ là cha đỡ đầu cho con gái của Aubrac, còn Marcovich, là một nhà vi sinh vật học Pháp. Ngày 21 tháng 7 năm 1967, Kissinger cùng hai ông này đi Hà Nội gặp Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng. Sau đó, mỗi lần hai người này đi Hà Nội trở về Ba Lê, Kissinger liên lạc với họ để lấy tin tức. Qua tin tức cung cấp từ hai người Pháp này, Kissinger biết được khả năng và vị thế thương thuyết của từng nhà lãnh đạo miền Bắc. Nixon thắng cử năm 1968 là nhờ những tài liệu mật Kissinger thu thập được để lật ngược thế cờ thắng Humphrey vào giờ chót. Nhận định về hành động này của Kissinger, ký giả Seymour Hersh, người đã điều tra vụ Mỹ Lai đã viết: «*Khi đưa tin tức mật cho phe Nixon, Kissinger không những đã lạm dụng sự tin tưởng của các đồng nghiệp mà còn phản bội những người mà ông đã cộng tác trong công cuộc thương thuyết bí mật*» (Seymour Hersh. *The Price of Power*-New York: Summit Books, 1983, p.13.)

Như đã nói, Kissinger đã tham dự vào chiến tranh Việt Nam từ thời Tổng Thống Johnson đảng Dân Chủ. Trong một lần nói chuyện ở Ba Lê, Aubrac gợi ý gửi cho Hà Nội một dấu hiệu cho thấy Hoa Kỳ thực sự muốn hòa bình. Do đó, vào ngày 19 tháng 8, 1968, Tổng Thống Johnson đồng ý ngưng oanh tạc Hà Nội trong một bán kính 10 dặm Anh từ ngày 24 tháng 8 tới ngày 4 tháng 9. Điều này đã được thực hiện không những để bảo đảm an toàn cho chuyến đi Hà Nội của Aubrac và Marcovich được dự tính vào thời điểm đó mà còn nhằm chứng minh tính cách xác thực vai trò trung gian của Kissinger.

Kissinger cũng khôn khéo tìm cách xâm nhập vào giới thân cận của Tổng Thống Thiệu cũng để thu thập tin tức, và khuynh đảo chính phủ Thiệu.



Công tác này được sự hỗ trợ của bà Anna Chennault, tên thật là Chen Xiangmei, biệt danh là Lady Dragon, người vợ Mỹ gốc Hoa của Tướng Claire Lee Chennault, chỉ huy phi đoàn "Flying Tigers" (Phi Hổ) chống Nhật trong Đệ Nhị Thế Chiến. Chennault là cố vấn trưởng về không lực cho Tướng Giới Thạch và cũng là vị chỉ huy không quân Mỹ ở Trung Quốc vào năm 1941.

Khi ông Chennault mất năm 1958, bà thay ông làm quản trị viên hãng Hàng Không Phi Hổ. Bà gặp ông Nixon lần đầu tiên năm 1954 khi ông viếng Đài Loan với tư cách Phó Tổng Thống. Vợ chồng Chennault là bạn rất thân của Thống Chế Tưởng Giới Thạch. Người anh của Tổng Thống Thiệu, ông Nguyễn Văn Kiểu, làm đại sứ của Việt Nam tại Đài Bắc do đó cũng biết ông Tưởng Giới Thạch. Qua mối liên hệ đó, bà Chennault đã thiết lập được một đường dây liên lạc mật thiết với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.



Bà Chennault với Tổng Thống Nixon

Trong những tháng trước ngày bầu cử tổng thống năm 1968, Kissinger và bà Chennault có những tiếp xúc với Tổng Thống Thiệu để tung tin là đảng Cộng Hòa với Nixon sẽ ủng hộ Việt Nam nhiều hơn đảng Dân Chủ và yêu cầu Tổng Thống Thiệu đừng tham gia hòa đàm Paris. Do đó, chánh phủ Miền Nam quyết định rút ra khỏi cuộc Hòa Đàm vào đêm trước ngày bầu cử và như thế đã vô hiệu hóa nỗ lực hòa bình mà phe Dân Chủ dùng làm trọng tâm cho cuộc vận động bầu cử. Chiến thuật này đã đưa Nixon và đảng Cộng Hòa lên cầm quyền.

Các nhà báo ngoại quốc thường viết là bà Chennault là người vận động hành lang ở Hoa Thịnh Đốn cho ông Thiệu.

Điều này thực ra không đúng theo như lời xác định của người bạn tôi là anh Hoàng Đức Nhã, cố vấn và thành viên nội các của ông Thiệu.

Về vai trò của Kissinger trong Hòa đàm Ba Lê, Kissinger đã lộ mặt một chính trị gia gian xảo, bịp bợm, tham tàn mà Christopher Hitchens đã vạch trần trong quyển sách điều tra của ông tựa là *The Trial of Henry Kissinger*.

Như trên đã trình bày, cuộc thắng cử của Nixon tháng 11 năm 1968 là do Kissinger đạo diễn, sử dụng các mưu chước tồi tệ, vi phạm các phương thức ngoại giao thông thường, chà đạp lương tri lương tâm con người. Còn nhớ là trong cuộc tranh cử năm 1968, Kissinger và các đặc sứ của Nixon đã phá hoại Hòa đàm Ba Lê bằng cách hứa hẹn với chánh phủ Sài Gòn là đảng Cộng Hòa sẽ giúp đỡ miền Nam nhiều hơn đảng Dân Chủ, khuyến cáo Tổng Thống Thiệu tẩy chay Hòa đàm Ba Lê khi triển vọng ký kết sắp thành hình, những đề nghị hòa đàm của đảng Dân Chủ đưa ra bị phá vỡ. Và 4 năm sau, chính Nixon lại dùng những đề nghị của đảng Dân Chủ 4 năm trước để rút quân với việc ký kết Hiệp Định Ba Lê ngày 23 tháng 1, năm 1973. Hậu quả tàn khốc của kế hoạch này là cuộc chiến kéo dài thêm 4 năm làm *20.492 quân nhân Mỹ và cả triệu dân Việt, Miên, Lào bị thiệt mạng thêm ở Đông Dương*.

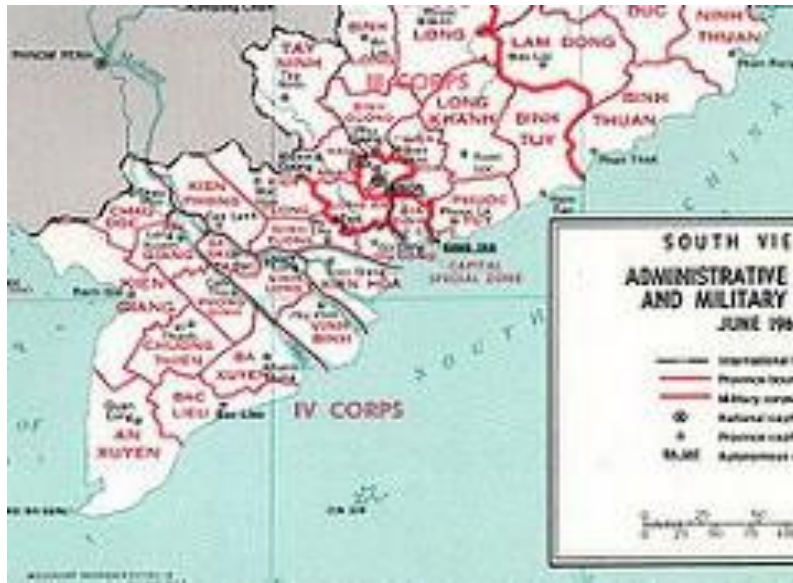


Chennault with Madam & General Chiang Kai-Shek

Chennault ngồi bên tướng Tưởng Giới Thạch và phu nhân

Ngoài ra, trước kế hoạch phá hoại này, Kissinger cũng làm đạo diễn một kế hoạch gian xảo khác. Trong giữa thập niên 60, trong khi mọi người lạc quan vì cuộc chiến tranh có ý nghiêng phần thắng lợi về phía Miền Nam thì Kissinger lại có ý nghi ngờ sau khi đi thăm Việt Nam trở về, nhứt là dựa theo các tin tức của hai người Pháp thân cộng là Aubrac và Marcovich. Song song với các kế hoạch giải quyết chiến tranh Việt Nam mà ông thiên vị cộng sản, Kissinger còn xúc tiến chánh sách xích lại gần nhau giữa hai khối Mỹ và Cộng Sản (Liên Xô, Trung Quốc). Dù kế hoạch của Việt Nam hay quốc tế, Kissinger luôn giữ một mục tiêu duy nhứt là phục vụ cho quyền lợi của ông. Hitchens dẫn chứng cơ hội tái lập hòa bình bị bỏ lỡ là một thí dụ về sự tráo trở, lường gạt của Kissinger. Theo lời khai của Averell Harriman, Trưởng phái đoàn thương thuyết của Lyndon Johnson tại Hòa đàm Ba Lê thì vào tháng 10, 11 năm 1968 có 90% lực lượng quân sự cộng sản miền Bắc đã rút ra khỏi hai tỉnh phía Bắc của Nam Việt Nam như Hiệp định dự kiến và việc ngưng ném bom miền Bắc dự trù vào ngày 31 tháng 10 năm 1968 cũng sẽ thực hiện. Tháng 12/1968 là thời kỳ chuyển tiếp từ chính quyền Johnson sang Nixon. Nhưng đột nhiên, giới lãnh đạo quân sự tại Hoa Kỳ lại thay đổi chiến lược. Tướng Creighton Abrams đồng ý mở cuộc chiến tranh toàn diện nhằm

phá hoại các hạ tầng cơ sở của Việt cộng tại miền Nam, điển hình là chiến dịch hành quân Operation Speedy Express nhằm mục đích càn quét tại Kiến Hòa trong 6 tháng đầu năm 1969.



Tỉnh Kiến Hòa, tên gọi thời Việt Nam Cộng Hòa, trước đó và hiện nay gọi là Bến Tre, là ổ của Việt Cộng trong Phong Trào Giải Phóng Miền Nam được thành lập vào tháng 12/1960 và bị giải thể tháng 1/1977 sau khi Cộng Sản Bắc Việt chiếm được Miền Nam.

Cộng Sản đã vắt chanh bỏ vỏ, Việt Cộng Miền Nam bị đuổi về vườn tàn phế, cày sâu cuốc bẫm trong khi Cộng Sản Miền Bắc cai trị, phú quý vinh hoa.

Theo Harriman thì Kissinger bận tâm đến kết quả cuộc bầu cử năm 1972 khi Nixon sẽ tái ứng cử hơn là rút quân để giải quyết chiến tranh Việt Nam. Trong hồi ký *The White House Years* của Kissinger, ông cũng xác nhận là sự rút quân đột ngột sẽ gây khó khăn cho uy tín của Mỹ. Sự can thiệp của Charles de Gaulle về vấn đề dội bom miền Bắc cũng không ảnh hưởng gì đến Kissinger vì ông quan tâm tới ý kiến của Brezhnev và Mao Trạch Đông hơn.

Một tội trạng khác của Kissinger cũng được nêu lên là vụ dội bom miền Bắc vào mùa Giáng Sinh năm 1972 là năm bắt đầu tranh cử tổng thống. Theo Hitchins, cuộc dội bom có tính chất chính trị chứ không phải là quân sự: một mặt chứng tỏ thế mạnh của Hoa Kỳ để gây hậu thuẫn cho đảng Cộng Hòa trong Quốc Hội và đưa phe Dân Chủ vào thế thụ động, mặt khác tạo niềm tin cho Tổng Thống Thiệu không nên lo sợ trước việc Hoa Kỳ rút quân khỏi Việt Nam.

Theo Hitchins, người chủ trương các kế hoạch này là Kissinger đáng đưa ra Tòa Án Quốc Tế để xét xử tội sát nhân tập thể.

Kissinger bán đứng Miền Nam cho Cộng Sản

Sau gần 5 năm đàm phán với 204 lần công khai và 24 lần mật đàm giữa Mỹ và Cộng sản Bắc Việt để giải quyết cuộc chiến Việt Nam, ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris ra đời gồm có chữ ký của Ngoại trưởng Hoa Kỳ William Rogers, Ngoại trưởng Cộng sản Bắc Việt Nguyễn Duy Trinh, Ngoại trưởng Chính Phủ Lâm Thời Cộng hòa Miền Nam Nguyễn Thị Bình tức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, và Ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Lắm.



Cuộc tiếp xúc lén lút của Kissinger với đại diện Hà Nội trước khi đi đến Hiệp định Ba Lê. Sau cuộc tiếp xúc lén lút, Kissinger được đưa ra cửa sau bởi một nhân viên Tòa Đại Sứ để lên chiếc xe đang chờ.

Thỏa hiệp dự liệu việc trả tự do cho các tù binh Mỹ, thủ tục cho cuộc triệt thoái của Hoa Kỳ, điều khoản mập mờ thành lập trên nguyên tắc một "hội đồng hòa giải quốc gia" để tổ chức bầu cử nhằm giải quyết những vấn đề chánh trị đương thời. Hội đồng này không bao giờ ra đời. Qua bản thỏa hiệp, chánh phủ của Nixon tự xem như đã đạt được hòa bình trong danh dự.

Sự thực, Hiệp định Ba Lê là một cuộc bại trận nhục nhã của Mỹ, một bản văn của Nixon-Kissinger bán đứng miền Nam cho Cộng Sản để trao đổi những quyền lợi lưỡng tương giữa Mỹ và khối Cộng Sản. Những cuộc điều trần, thương thuyết trên bàn hội nghị trong 5 năm thực sự chỉ là vở kịch bởi lẽ những quyết định được thỏa thuận ở hậu trường. Ngày 4 tháng 8, 1969, Kissinger đã bắt đầu thương thuyết mật với Xuân Thủy và Mai Văn Bộ tại nhà của Jean Sainteny ở đường Rivoli, tại Paris, và cuộc mật đàm như vậy kéo dài trong hơn 3 năm. Theo bài viết của ký giả Elaine Sciolino đăng ngày 28 tháng 2, 2002 trên báo New York Times tựa là *Records Dispute Kissinger On Hit '71 [His 71] Visit to China*, căn cứ vào tài liệu giải mật do National Security Archive tiết lộ dựa vào biên bản phiên họp ngày 9 tháng 7, 1971 giữa Kissinger và Chu Ân Lai thì Kissinger đã nói: «*Dù cho có thương thuyết hay không thương thuyết với Bắc Việt, chúng tôi cũng sẽ rút quân đơn phương, ngay cả khi điều này đưa đến việc lật đổ chánh phủ miền Nam.*» (*The documents also indicate that the Nixon administration was determined to withdraw from Vietnam-even unilaterally, and even if it led to the overthrow of the government of South Vietnam.*) Rõ ràng đó là sự phản bội Đồng minh một cách khốn nạn của Mỹ theo chủ trương của Kissinger.

Mặc dù Kissinger bán đứng Việt Nam cho Cộng Sản khiến quân dân Miền Nam phải bị tù đầy sau đó với Hiệp định Ba Lê, Kissinger và Lê Đức Thọ được giải thưởng Nobel Hòa Bình 1973. Thật là một sự sỉ nhục cho giải Nobel hòa bình.

Theo Irwin Abrams, sử gia và người cổ võ Giải Nobel Hòa Bình, giải thưởng năm 1973 gây nhiều bất bình nhứt từ trước tới nay. Hai thành viên người Na Uy trong Ủy Ban Nobel đã rút lui để phản đối. Điều bi đát là vào ngày giải thưởng được công bố, cuộc chiến vẫn tiếp diễn một cách ác liệt.

Trả lời cuộc phỏng vấn với Henk Ruysenaars, biên tập viên cao cấp của Foreign Press Foundation (FPF) và cựu phóng viên chuyên về Giải Nobel, bà Aasa Lionaes, chủ tịch Ủy ban Nobel Hòa Bình, hoàn toàn công nhận việc trao giải Hòa Bình năm 1973 cho Kissinger *"là một sai lầm khủng khiếp."* Bà Lionaes còn nói thêm là *"Kissinger cũng hiểu rõ điều đó, nên không dám đến lãnh huy chương Nobel, số tiền thưởng và bằng tưởng thưởng."* Thomas R. Byrne, Đại sứ Mỹ ở Na Uy, thay mặt Kissinger tại buổi phát giải thưởng còn Lê Đức Thọ từ chối giải thưởng.



Bà Chủ tịch Ủy Ban Giải Nobel Hòa Bình: "một sai lầm khủng khiếp"

"Thỏa hiệp Hòa Bình" tháng 1, 1973 do Kissinger thương lượng trong thực tế đã đưa Miền Nam Việt Nam vào cửa tử vì đã cho phép Cộng Sản để lại hơn 150.000 quân lính tại miền Nam trong khi quân đội Mỹ bắt buộc phải rút đi. Miền Nam bị xâm chiếm, Cao Miên sụp đổ và Lào bị nhuộm đỏ toàn diện. Chỉ trong vòng ba tháng mà Hoa Kỳ mất ba nước đồng minh. Lần đầu tiên cả thế giới nhận thấy sức mạnh của Mỹ không nghĩa lý gì trước sự bành trướng của Cộng Sản. Trong khi đó, quần chúng Mỹ đã mệt mỏi vì chiến tranh quay sự quan tâm của họ qua vụ bê bối Watergate đưa tới việc ông Nixon phải từ chức vào tháng 8, 1974. Khoảng đầu năm 1975, Cộng quân tung cuộc tấn công cuối cùng trong khi quân đội Miền Nam đã bị kiệt quệ và mất tinh thần đưa đến sự thất thủ tháng 4, 1975.

Chiến tranh Việt Nam đã để lại bao thương đau cho cả mọi phía mà người chịu trách nhiệm phần lớn là Kissinger bởi những hành động bí mật, lừa đảo của ông với mục đích mang lại quyền lợi cho cá nhân ông và phe nhóm của ông. Thiệt hại về chiến tranh Việt Nam có sự tham chiến của Mỹ và Đồng Minh về người và của thật khổng lồ:

Thiệt hại về sinh mạng: khoảng 4 triệu người Việt Nam hai miền Nam Bắc chết và bị thương và về phía người Mỹ có 58.220 chết và hơn 300.000 bị thương nặng nhẹ.

Quốc gia	Chết	Bị thương	Thường dân	Mất tích	Bị bắt
VNCH	223.748	1.169.000	độ 1 triệu		
Cộng Sản + GPMN	1.100.000	600.000	độ 100.000		26.000 *
Hoa Kỳ	58.220	304.704		2.338	766 **
Hàn Quốc	4.407	17.060		6	
Úc	500	3.120			
Tân Tây Lan	83	212			
Thái Lan	350	1.358			

Nguồn : the Vietnam war. info/Vietnam-war-casualties

Chú thích: * không kể 101.511 hồi chánh

** 114 chết trong tù

Phí tổn của chiến tranh là 150 tỉ mỹ kim (thời giá 1975, 950 tỉ thời giá 2011). Nếu phải kể thêm phụ cấp, chi phí cho các cựu chiến binh, tổng số kinh phí lên đến từ 1.200 đến 1.800 tỉ mỹ kim. (the Vietnam war.info/how-much-vietnam-war.)

Nhưng hậu quả nặng nề và dai dẳng nhất là vấn đề xã hội: 700.000 cựu quân nhân bị rối loạn thần kinh trong đó có từ 70.000 đến 300.000 người có hội chứng tự hủy hoại bằng tự tử hay đắm chìm trong ma túy (Asia Resource Center. Indochina Newsletter, special issue, p. 93).

(Nguồn: Hậu quả của một cuộc xâm lăng /Lâm Vĩnh Bình
<https://sites.google.com/site/lamvinhbinhca/tuyen-tap/bien-khao/hau-quua-cua-mot-cuoc-xam-lang>)

Trong cuộc hội thảo « **Vietnam War Summit** » tại Thư Viện Lyndon B. Johnson ở Austin, Texas ngày 26 tháng 4, 2016 do Đại học University Texas bảo trợ, sau bài nói chuyện của Kissinger kéo dài hơn 2 giờ tựu trung ông giải thích khi ông vào cuộc, chiến tranh Việt Nam đã xảy ra nhiều năm và không có lối thoát, vai trò của ông là giúp TT Nixon chấm dứt chiến tranh và ông đã làm tất cả những gì ông có thể làm được để hoàn thành nhiệm vụ này. Nhìn lại thì ông công nhận Hoa Kỳ đã không thắng vì đã có những sai lầm về chiến thuật và chiến lược nhưng riêng ông, ông « *không có gì để hối tiếc mà trái lại rất hãnh diện về những gì ông đã phục vụ đất nước.* » Sau bài thuyết trình, Kissinger dành 15 phút để trả lời các câu hỏi.

Ông *Sherman Stephen* thuộc nhóm Swift Vets là một tổ chức gồm các cựu chiến binh Hoa Kỳ đặt câu hỏi tại sao Hoa Kỳ biết rõ Cộng Sản Bắc Việt dùng đất Lào và Campuchia làm căn cứ để tấn công miền Nam nhưng mãi đến năm 1972, Hoa Kỳ mới tấn công họ? Kissinger trả lời vì hai quốc gia này trong thời chiến là những quốc gia trung lập nên Hoa Kỳ phải tôn trọng.

Ông Đỗ Phúc thuộc Cộng Đồng Người Việt Hoa Kỳ hỏi vì sao Hoa Kỳ không giữ lời hứa với TT Thiệu là nếu Cộng sản vi phạm Hiệp định Ba Lê, Hoa Kỳ sẽ can thiệp khiến cho miền Nam thua trận và sau đó hàng trăm ngàn người bị tù đày, Kissinger trả lời: đó là những ngày tháng đen tối nhất trong cuộc đời tôi và tôi xin chia sẻ sự cảm thông sâu xa nhất (deepest sympathy) của tôi đối với người dân VN vì hoàn cảnh chúng tôi không thể giữ lời của mình» (Triều Giang. Tường trình Đại Hội Thượng Đỉnh Chiến Tranh VN). Đó là lời trả lời kênh kiệu, vô trách nhiệm.

Kissinger thù nghịch miền Nam Việt Nam

Sự thù nghịch khinh bỉ của Kissinger đối với Việt Nam biểu lộ một cách lộ bịch. *Ron Nesson*, Phụ tá báo chí của Tổng Thống Ford đã kể trong hồi ký của ông là khi nghe tin Đà Nẵng thất thủ và dân chúng nhốn nháo bỏ chạy về phía Nam thì Kissinger đã nguyên rủa: «Sao cái bọn này không chết lẹ đi cho rồi. Điều tệ hại nhất là chúng cứ sống dai dẳng mãi.» *Why*

don't people die fast? The worst thing that could happen would be for them to linger on (Ron Nesson. *It Sure Looks Different from the Inside*. Chicago: Playboy Press, 1978, p.98).

Trong quyển hồi ký của ông tựa là *The White House Years*, ông đã viết nhiều nhận xét khinh miệt đối với Tổng Thống Thiệu và cả dân tộc Việt Nam. Sau đây là một số câu nói (có ghi chú số trang của quyển hồi ký):

- Cung cách của ông ta là điển hình của dân tộc Việt Nam, thật đáng ghét. Sự đa nghi của ông ta là điển hình đặc tính của người VN (1034)
- Ông Thiệu chẳng bao giờ bàn cãi về quan niệm. Thay vào đó, ông ta tranh luận theo cung cách của người Việt Nam: gián tiếp, quanh co cốt để cho đối phương mệt hơn là làm sáng tỏ, luôn xoi mói mà không đi thẳng vào vấn đề. Đó là cái phương pháp mà qua bao nhiêu thế kỷ, người VN đã dùng để đánh bại đối phương (1368)
- Không có người VN nào, cả Bắc lẫn Nam có tự tin. Họ đã thoát được ngoại bang qua bao nhiêu thế kỷ không phải là do tin tưởng mà là do sử dụng mách khéo (1368)

Mặc dù chỉ trích cá nhân ông Thiệu và người Việt Nam một cách xấc láo như vậy mà 5 năm sau, Kissinger viết cho ông Thiệu: "Cuốn sách của tôi không ngớt ca ngợi sự can đảm, tư cách đứng đắn của Ngài."

Qua những nhận định chủ quan và xấc xược như trên, Kissinger lộ rõ nguyên hình là một con người cao ngạo và giả dối.

Ngoài ra, tôi cũng liệt kê sau đây một số câu nói của Kissinger phổ biến trên Internet để cho thấy bộ mặt thật của Kissinger.

"Sự an toàn của Do Thái là mối quan tâm về đạo đức tất yếu của những dân tộc tự do.

Chiến tranh Việt Nam đòi hỏi chúng ta chú trọng tới quyền lợi của quốc gia thay vì tới những nguyên tắc trừu tượng. Những gì Tổng Thống Nixon và tôi cố gắng thực hiện là không bình thường. Và đó là lý do vì sao chúng tôi đã không thành công.

Nước Mỹ không có những người bạn hay kẻ thù trường cửu, chỉ có quyền lợi mà thôi.

Những gì bất hợp pháp chúng tôi thực hiện tức khắc. Những gì bất hợp hiến đòi hỏi nhiều thời gian hơn.

Các cường quốc tựa như những người mù trang bị đầy vũ khí và đang mò mẫm trong cùng một căn phòng. Họ đều tin tưởng sinh mạng của mình đang bị kẻ khác đe dọa trầm trọng và họ lại cho rằng kẻ đó có thị giác toàn hảo.

Trách nhiệm của người lãnh đạo là dẫn dắt dân tộc mình đi từ nơi họ đang ở tới một nơi họ chưa bao giờ tới cả.

Để có thể xác quyết điều gì, người ta phải biết tất cả hay không biết gì về điều đó.

Đa số những chính sách được lịch sử đánh giá cao, ở quốc gia nào cũng vậy, đều được khởi xướng bởi những nhà lãnh đạo bị các chuyên gia chống đối.

Chín mươi phần trăm các chính trị gia đã làm mười phần trăm còn lại mang tiếng xấu.

Không quốc gia nào có thể hành động một cách khôn ngoan cùng một lúc ở tại mọi nơi trên hoàn cầu dù trong bất cứ ở thời điểm nào.

Không chính sách ngoại giao nào – dù khôn khéo đến đâu – có cơ may thành tựu nếu được phát xuất trong trí óc của một số nhỏ mà không được ấp ủ trong trái tim của ai khác cả.

Người ta thường kinh ngạc khi tôi có thể chú ý vào một cái gì nếu việc làm này đòi hỏi tôi phải ngừng nói trong ba tiếng đồng hồ.

Khi không còn lựa chọn nào khác nữa thì đầu óc mình trở nên sáng suốt một cách tuyệt vời.

Chính sách ngoại giao Mỹ gặp nhiều tổn thương trong các thập niên 60 và 70 phát xuất từ nguyên nhân đem áp dụng những nguyên tắc hợp lý vào những trường hợp không thích hợp.

Người Mỹ dễ bị lôi kéo vào việc tin tưởng rằng chính sách ngoại giao là một phân khoa của khoa tâm thần học.

Quân đội quy ước thua trận nếu không thắng. Quân du kích thắng nếu không thua.

Bản chất con người của ông Richard Nixon là sự cô đơn.

Tôi càng không giữ chức vụ lâu, tôi càng tự thấy mình không thể làm lỗi được.

Điều thích thú khi bạn là nhân vật nổi tiếng là nếu bạn làm cho người khác cảm thấy nhàm chán họ lại nghĩ đó là lỗi của chính họ.

Không thể có một khủng hoảng nào xảy ra trong tuần tới được. Thời khắc biểu của tôi hết sức bận rộn rồi.

Người lãnh đạo sẽ không xứng đáng với tên gọi của mình nếu đôi lúc không chấp nhận bị cô đơn.

Bạn hãy chấp nhận mọi sự nơi con người bạn – tôi muốn nói tất cả mọi sự. Bạn là bạn và đó là tất cả - không cần xin lỗi, không cần hối tiếc.

Có sự thật gì cần được phơi bày hãy làm ngay tức khắc hay càng sớm càng tốt nếu không các rắc rối sẽ không bao giờ chấm dứt cả.

May mắn thay cho các dân tộc có được lãnh đạo dám nhìn thẳng vào định mệnh mà không nao núng và cũng không coi mình là Thượng Đế.

Ngoại giao: nghệ thuật kiềm chế sức mạnh.

Thành công chỉ là cánh cửa đưa tới một vấn đề nan giải hơn trước.

Tôi trung thực viết về cái tôi trong cuốn sách này. Tôi nói đến lỗi lầm đầu tiên tôi phạm phải nơi trang 850.

Đông gặp Tây

Tôi không thấy tại sao chúng ta cần phải đứng nhìn một quốc gia trở thành cộng sản vì sự vô trách nhiệm của dân nước đó. Vấn đề quá nghiêm trọng để cho phép cử tri xứ Chile tự quyết định lấy.

Nếu chẳng may tôi bị bắt, tôi không muốn có cuộc thương thuyết gì cả - còn như nếu tôi yêu cầu có cuộc thương thuyết trong khi bị bắt giữ thì nên coi đó là dấu hiệu của sự cưỡng ép.

Nếu việc đó sẽ bị đưa ra ánh sáng, tốt hơn hết hãy làm việc đó ngay đi.

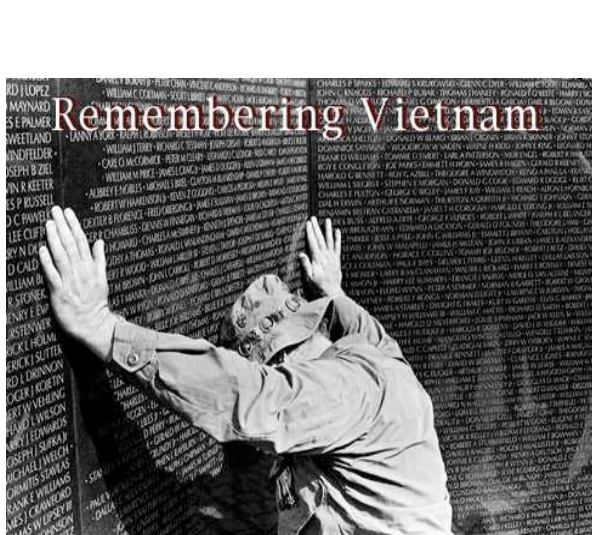
Nếu bạn không biết mình đang đi về đâu thì con đường nào cũng chẳng đưa bạn tới đâu cả.

Trong cơn khủng hoảng, giải pháp táo bạo nhất nhiều khi lại là an toàn nhất.

Đó là màn thảm kịch theo kiểu cổ Hy Lạp. Ông Nixon đang hành động theo bản tính của ông ta. Một khi bắt đầu rồi thì không còn kết cuộc nào khác hơn được.”



Đài tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam/The Vietnam Veterans Memorial





Tù của Việt Cộng



Tháng 1, 2015 - Kissinger, tại Thượng viện, được cho coi công số 8 trong một cuộc biểu tình của công chúng



Tháng 1, 2015- Kissinger, tại Thượng viện, được cho coi bảng ghi "Tội đồ chiến tranh" trong một cuộc biểu tình của công chúng

Kissinger là kẻ thù số một của dân Việt Nam

Ngày 30 tháng tư 2016 năm nay đánh dấu năm thứ 41 ngày Sài Gòn rơi vào tay cộng sản, biến Thủ đô Sài Gòn đẹp đẽ trong suốt 300 năm bị đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Một sự nhái lại y chang và có phần muốn vượt trội hơn cả trường hợp của Leningrad hay Stalingrad nữa. Điều đáng buồn hơn cả là toàn cõi đất nước từ Nam chí Bắc bị rơi vào ách thống trị của chế độ độc đảng độc tài với tên gọi mới là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sự kiện này là hậu quả tất yếu của Hiệp định Ba Lê ký ngày 27 tháng 1 năm 1973 và được coi như là một “kiệt tác” của Kissinger và Nixon. Thực ra trước ngày Hiệp định Ba Lê được ký kết rất lâu, Henry Kissinger đã quyết định bỏ rơi miền Nam Việt Nam được xem là tiền đồn của Thế Giới Tự Do từ giữa thập niên 1950. Những tài liệu giải mật cho thấy trong buổi họp mặt với Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vào tháng 2 năm 1972, Henry Kissinger đã công khai nói cho giới lãnh đạo cao cấp Trung Cộng biết rằng nếu Hoa Kỳ có thể chấp nhận sống với một nước cộng sản rộng lớn như Tàu thì Hoa Kỳ cũng có thể chấp nhận sống với một nước cộng sản nhỏ bé như Việt Nam.

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của miền Nam Việt Nam, tuy không phải là một chánh trị gia có nhiều xảo thuật như tiến sĩ Kissinger nhưng có thừa thông minh hơn Kissinger về sự am tường chủ nghĩa cộng sản, do đó ông đã phản đối sự nhượng bộ nguy hiểm của Mỹ, bằng cách đòi hỏi nhiều tu chính quan trọng trong dự án Hiệp định Ba Lê. Tuy nhiên, dưới áp lực và đe dọa của Mỹ về viễn ảnh bỏ rơi Việt Nam, Tổng thống Thiệu không còn chọn lựa nào khác phải chấp nhận Hiệp định Ba Lê nhưng với sự “cam kết trên giấy trắng mực đen” là Tổng thống Nixon sẽ áp dụng những biện pháp quân sự mạnh nếu Bắc Việt không tôn trọng Hiệp ước. Lịch sử đã cho thấy những cam kết của Nixon chỉ là sự lừa dối trắng trợn.

Nhờ Hiệp định Ba Lê, Bộ Chính Trị cộng sản Hà Nội biết chắc nước Mỹ sẽ không còn can thiệp vào cuộc chiến Việt Nam hay tiếp tục viện trợ quân sự cho miền Nam nữa. Ngược lại, trong khoảng thời gian đó, Hà Nội nhận quân viện từ Liên Bang Xô Viết ở mức bốn lần cao hơn so với số quân viện miền Nam nhận được vào thời điểm can thiệp quân sự của Hoa Kỳ đạt mức cao điểm.

Sau hai năm ráo riết chuẩn bị, Hà Nội khởi sự “Chiến dịch Hồ Chí Minh” vào tháng 3 năm 1975. Họ tràn qua Vùng phi quân sự ở vĩ tuyến 17 với gần như toàn thể quân số của họ - khoảng 15 sư đoàn. Lúc đó quân đội miền Nam chỉ còn lại những viên đạn và thùng xăng cuối cùng để bảo vệ lãnh thổ của mình.

Cuộc tổng tấn công của miền Bắc vào miền Nam chỉ kéo dài không quá 55 ngày và quân đội miền Nam không thể chống trả lâu dài được vì thiếu vũ khí, trang bị. Lịch sử đã ghi lại những thảm trạng đã xảy ra sau ngày Sài Gòn thất thủ. Hơn một triệu quân nhân và công chức của chánh phủ miền Nam đã bị tù đầy từ vài năm đến hàng chục năm trong đó hàng ngàn người đã chết trong trại lao động khổ sai. Tài sản của gia đình họ bị tịch thu và họ đã bị đuổi ra khỏi nhà rồi đưa lên “vùng kinh tế mới” để sống trong cảnh bần cùng. Con cháu họ bị cấm không được đi học. Quyền tư hữu bị tước đoạt và nhà nước trở thành “chủ nhân” của cả nước.

Ròng rã 41 năm qua, dân tộc Việt đã bị ép buộc sống dưới sự thống trị của người cộng sản. Việt Nam ngày nay với hơn 90 triệu người đứng thứ 14 trên thế giới về dân số nhưng ngược lại vẫn còn là một trong những nước nghèo khổ nhất. Thể chế cai trị lại đây áp bức với những vi phạm nhân quyền trắng trợn, tham nhũng lan tràn và lạm dụng quyền thế khủng khiếp thường thấy trong một chế độ độc tài.

Vào năm 2016 này, chúng ta tưởng nhớ ngày Sài Gòn thất thủ và không thể quên vai trò quan trọng của Kissinger trong biến cố lịch sử bi đát của dân tộc Việt Nam. Hôm nay, dù ở tuổi 93, Kissinger vẫn còn năng động trên chính trường ngoại giao quốc tế đặc biệt liên quan tới Trung Quốc. Năm trước, trong một chuyến thăm viếng Bắc Kinh, ông đã được Tập Cận Bình cho trải thảm đỏ nghinh đón nhằm nhắc nhở mọi người rằng Henry Kissinger luôn là một người bạn tốt của Trung Quốc kể từ khi ông ta gặp Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vào tháng 2 năm 1972.

Một điều rõ ràng cả thế giới có thể tin được là ngày nào lãnh đạo Bắc Kinh còn ca tụng Henry Kissinger thì “Trật Tự Thế Giới” mà ông ta ca tụng trong cuốn sách ông ta mới cho phát hành sẽ rất thuận lợi cho Trung Quốc.

Phương thức Henry Kissinger dùng để chấm dứt chiến tranh Việt Nam là cả một thảm kịch cho dân tộc Việt Nam và một vết nhơ trong lịch sử 200 năm của quốc gia Hoa Kỳ. Đây là thời điểm vô tiền khoáng hậu mà nước Mỹ đã không giữ trọn lời cam kết của mình và không chu toàn lời hứa bảo vệ đồng minh trước mặt kẻ thù.

Thay lời kết

Để chấm dứt chương nói về Kissinger, tôi xin mượn lời của Christopher Hitchens trong *The Trial of Henry Kissinger* để nói lên cái nhìn của tôi và có thể của đa số đồng bào tôi về tên Kissinger đao phủ.

« Để thăng tiến, ông ta từ một học giả tầm thường đã dùng những xảo thuật để trở thành một kẻ thống trị thế giới. Những bản chất và khả năng của ông đã biểu hiện từ ngày ông nhậm chức: thói nịnh bợ và tráo trở hai mặt, sự tôn thờ quyền lực và không biết nhục nhã, sự trao đổi giữa những người không hẳn là bạn cũ cho những người chưa hẳn là bạn mới, những xác chết không cần đếm và có thể hủy bỏ đi, việc nói dối chính thức và không chính thức, sự phẫn nộ giả vờ trước những câu hỏi không muốn được hỏi. Sự nghiệp toàn cầu của ông Kissinger bắt đầu như vậy và tiếp tục như vậy. Nó làm bại hoại nền cộng hòa và nền dân chủ Mỹ, nó áp đặt những tai biến ghê tởm trên những xã hội yếu hơn và dễ bị thương tổn hơn...» (sđd, tr.16)

Trong lúc hoàn tất chương 18, tôi sức nhớ chỉ còn vài ngày nữa là tới lễ tưởng niệm thứ 40 ngày quân đội cộng sản miền Bắc cưỡng chiếm miền Nam chúng ta. Ý thức được điều đó, tôi quyết định viết thêm phần phụ chú này cho chương 18, như là một lễ cầu siêu cho quê hương yêu dấu của chúng ta.

San Jose Mercury News

30 tháng tư năm 2015: Tháng tư đen

KISSINGER HIỂM ÁC KẼ THÙ SỐ MỘT CỦA VIỆT NAM

Ngày 30 tháng tư năm 2015 đánh dấu lần thứ 40 ngày Sài Gòn rơi vào tay quân đội cộng sản miền Bắc khi chiến xa T-54 của họ ủi sập cánh cửa sắt để tiến vào bên trong dinh Độc Lập. Sau ngày đó, thành phố Sài Gòn đẹp đẽ trong suốt 300 năm qua đã bị đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Một sự nhái lại y chang và có phần muốn vượt trội hơn cả trường hợp của Leningrad hay Stalingrad nữa. Điều đáng buồn hơn cả là toàn cõi đất nước ta từ Nam chí Bắc đã rơi vào ách thống trị của cộng sản, với tên gọi mới là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bây giờ, điều hiển nhiên là biến cố miền Nam sụp đổ ngày 30 tháng 4 năm 1975 chỉ là hậu quả tất yếu của Hiệp định Ba Lê ký ngày 27 tháng 1 năm 1973 và được coi như là một "kiệt tác" về ngoại giao của tiến sĩ Henry Kissinger, lúc đó làm Cố Vấn An Ninh Quốc Gia cho Tổng Thống Richard Nixon.

Thực ra trước ngày Hiệp định Ba Lê được ký kết rất lâu, Henry Kissinger đã quyết định bỏ rơi miền Nam Việt Nam cũng được coi là Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do từ giữa thập niên 1950. Những tài liệu giải mật cho thấy trong buổi họp mặt với Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vào tháng 2 năm 1972, Henry Kissinger đã công khai nói cho giới lãnh đạo cao cấp Trung Cộng biết rằng nếu Hoa Kỳ có thể chấp nhận sống với một nước cộng sản rộng lớn như Tàu thì Hoa Kỳ cũng có thể chấp nhận sống với một nước cộng sản nhỏ bé như Việt Nam.

Henry Kissinger đã không phải chờ đợi lâu để thực hiện dự tính của mình. Chưa đầy một năm sau, dựa vào Hiệp ước ngày 27 tháng 1 năm 1973, hắn đã dọn đường để miền Nam Việt Nam phải sống dưới sự thống trị của cộng sản. Theo Hiệp định Ba Lê, điều khoản căn bản, cụ thể và hệ trọng nhất là Hoa Kỳ cam kết chấm dứt sự can thiệp của họ vào chiến tranh Việt Nam và hoàn toàn cắt đứt viện trợ quân sự có quyết định sanh tử cho miền Nam Việt Nam.

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của miền Nam Việt Nam không phải là một chuyên gia chánh trị có tầm mức như tiến sĩ Kissinger nhưng ông có thể thấy ngay hậu quả tai hại Hiệp định Ba Lê sẽ đè nặng xuống miền Nam Việt Nam. Ông cực lực từ chối không chịu cho chánh phủ của mình ký tên vào Hiệp ước. Sự cứng rắn của Tổng thống Thiệu trong việc đòi hỏi nhiều thay đổi quan trọng trong Hiệp ước kéo dài trong ba tháng nhưng không đem lại nhiều kết quả.

Vào giữa tháng 1 năm 1973, Henry Kissinger thuyết phục Tổng thống Nixon gửi một loạt thư tới Tổng thống Thiệu cho biết chánh phủ Mỹ sẽ ký Hiệp định Ba Lê vào ngày 27 tháng 1 năm 1973 dù chánh phủ Sài Gòn có đồng ý hay không. Ngụ ý những lá thư cho biết Hoa Kỳ sẽ bỏ rơi chánh phủ Sài Gòn và rút ra khỏi Việt Nam. Tổng thống Thiệu không còn chọn lựa nào khác ngoài sự chấp nhận Hiệp định Ba Lê nhưng với sự "cam kết trên giấy trắng mực đen" là Tổng thống Nixon sẽ áp dụng những biện pháp quân sự mạnh nếu Bắc Việt không tôn trọng Hiệp ước và những thư cam kết đó chỉ là "bánh vẽ" như lịch sử sau này đã cho thấy ...

Nhờ Hiệp định Ba Lê ngày 27 tháng 1 năm 1973, Bộ Chính Trị cộng sản Hà Nội biết chắc nước Mỹ sẽ không còn can thiệp vào cuộc chiến Việt Nam hay tiếp tục viện trợ quân sự cho miền Nam nữa. Ngược lại, trong khoảng thời gian đó, Hà Nội nhận quân viện từ Liên Bang Xô Viết ở mức bốn lần cao hơn so với số quân viện họ nhận được vào thời điểm can thiệp quân sự của Hoa Kỳ đạt mức cao điểm của nó.

Sau hai năm ráo riết chuẩn bị, Hà Nội khởi sự "Chiến dịch Hồ Chí Minh" vào tháng 3 năm 1975. Họ tràn qua Vùng Phi Quân Sự ở vĩ tuyến 17 với gần như toàn thể quân số của họ - khoảng 15 sư đoàn. Lúc đó quân đội miền Nam chỉ còn lại những viên đạn và thùng xăng cuối cùng để bảo vệ lãnh thổ của mình.

Cuộc tổng tấn công của miền Bắc vào miền Nam chỉ kéo dài không quá 55 ngày và quân đội miền Nam không thể chống trả gì nhiều được vì thiếu đạn dược. Lịch sử có ghi lại những điều đã xảy ra sau ngày Sài Gòn thất thủ. Hơn một triệu quân nhân và công chức của chánh phủ miền Nam đã bị rơi vào cảnh tù tội mà không được xét xử chi hết. Một số người bị tù đầy 5 năm, một số khác 10 năm và có những người trên 20 năm. Đương nhiên còn cả hàng chục ngàn người đã chết trong trại lao động khổ sai nữa. Tài sản của gia đình họ bị tịch thu và những người này đã bị đuổi ra khỏi nhà rồi đưa lên "vùng kinh tế mới" để sống trong cảnh bần cùng. Con cháu họ bị cấm không được đi học. Quyền tư hữu bị tước đoạt và nhà nước trở thành "chủ nhân ông" độc nhất!

Ròng rã 40 năm qua, dân tộc Việt đã bị ép buộc sống dưới sự thống trị của người cộng sản. Việt Nam ngày nay với hơn 90 triệu người đứng thứ 14 trên thế giới về dân số nhưng ngược lại vẫn còn là một trong những nước nghèo khổ nhất. Thể chế cai trị lại đây áp bức với những vi phạm nhân quyền trắng trợn, tham nhũng lan tràn và lạm dụng quyền thế khủng khiếp thường thấy trong một chế độ độc tài.

Trong 40 năm qua, nhiều người Việt đã bị ám ảnh bởi câu hỏi như sau: có cách nào để tiến sĩ Henry Kissinger và cường quốc Hoa Kỳ ngăn cản quân đội Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam để tránh cảnh họ áp đặt guồng máy cai trị cộng sản trên toàn cõi nước Việt vào năm 1975 không?

Trong năm 2015 này, chúng ta tưởng nhớ ngày Sài Gòn thất thủ và không thể quên vai trò quan trọng của tiến sĩ Henry Kissinger trong biến cố lịch sử bi đát của dân tộc Việt Nam. Hôm nay, ở tuổi 92, Henry Kissinger còn năng động trên chính trường và ngoại giao quốc

tế đặc biệt là trong lãnh vực liên quan tới Trung Quốc. Chỉ tháng trước, trong một chuyến thăm viếng Bắc Kinh thật trịnh trọng, ông đã được lãnh đạo tối cao Tập Cận Bình cho trải thảm đỏ nghênh đón nhằm nhắc nhở mọi người rằng Henry Kissinger đã luôn luôn là một người bạn cực tốt của Trung Quốc kể từ khi ông ta gặp Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vào tháng 2 năm 1972.

Một điều rõ ràng cả thế giới có thể tin được là ngày nào lãnh đạo Bắc Kinh còn ca tụng Henry Kissinger thì "Trật Tự Thế Giới" mà ông ta ca tụng trong cuốn sách ông ta mới cho phát hành sẽ rất thuận lợi cho Trung Quốc.

Trước một Trung Quốc được coi là một trong những cường quốc dẫn đầu về kinh tế và quân sự, Henry Kissinger mạnh dạn chủ trương rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ nên trở thành Đôi Bạn Thân Thiết Muôn Đời. Henry Kissinger có thể sẽ trở thành nhân vật đầu tiên lãnh tới hai giải Nobel Hòa Bình. Lần này vì đã đem hòa bình tới cho cả thế giới chứ không phải chỉ cho Việt Nam như giải Nobel Hòa Bình trong năm 1973! Cũng cần nhắc lại là người được trao giải Nobel Hòa Bình đồng thời với Kissinger là Lê Đức Thọ đã từ chối không lãnh giải vì Hiệp định Ba Lê thực sự là một thắng lợi đối với Hà Nội và phe cộng sản.

Phương thức Henry Kissinger dùng để chấm dứt chiến tranh Việt Nam là cả một thảm kịch cho dân tộc Việt Nam và một vết nhơ trong lịch sử 200 năm của quốc gia Hoa Kỳ. Đây là thời điểm vô tiền khoáng hậu mà nước Mỹ đã không giữ trọn lời cam kết của mình và không chu toàn lời hứa bảo vệ đồng minh trước mặt kẻ thù.

Một cách ngắn gọn, khi bạn không biết làm sao nắm lấy chiến thắng cho phe mình và chặn đứng bước tiến của quân thù, thì bạn không cần phải là một vĩ nhân về chánh trị mới có thể nói với người ta rằng: "nếu mình không thắng họ được thì hãy theo họ đi." Nói như vậy không khác chi là khuyên người ta "hãy treo cờ trắng lên để đầu hàng"...

Phần 8

Tìm Cuộc Sống Mới

Chương 19

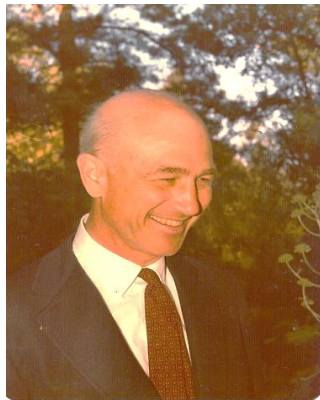
Những Ân Nhân Đầu Tiên Của Tôi Trên Đất Mỹ

**Roy, Nancy Muehlberger
và những bạn khác**

Đến bờ tốt đẹp đất nước Tự Do!

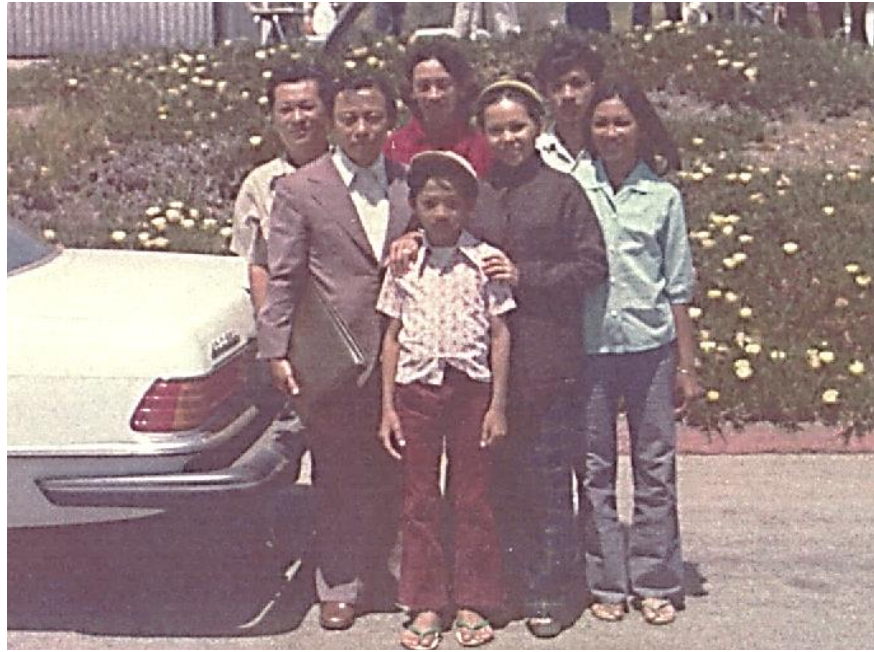


Roy và Nancy Muehlberger



*Roy và Nancy Muehlberger, những người bảo trợ chúng tôi
vào tháng 6 năm 1975*

Đổi thay năm 1975 và năm 2012



*Ngày xuất trại Pendleton: tháng 6 năm 1975
Diệu, Marie, Ánh, cháu gái chúng tôi, cùng gia đình*



2012

Vào một ngày ẩm trời trong tháng 6 năm 1975, điện thoại văn phòng của trại trưởng reo vang. Có người gọi tôi. (vào thời đó chưa có điện thoại lưu động.) Tôi nhấc điện thoại lên và ở đầu dây bên kia một người hoàn toàn xa lạ nói chuyện với tôi. Đó là ông Roy Muehlberger. Ông ngờ ý muốn bảo trợ vợ chồng tôi ra khỏi trại và chúng tôi sẽ về sống tại nhà ông ở Montecito gần Santa Barbara. Tôi rất ngạc nhiên và nói với ông: "Tôi không được quen biết ông và ông cũng không biết tôi. Tại sao ông muốn bảo trợ tôi"? Ông trả lời: "Con

người chúng ta đôi khi hành động như vậy. Tôi được biết về ông qua tờ báo *The Los Angeles Times* và đài truyền hình về trại Pendleton. Tôi cũng có thể rơi vào hoàn cảnh của ông. Chúng ta cùng lứa tuổi với nhau. Ông học ở MIT và tôi ở Caltech.”

Tôi chưa thể nhận lời ông Roy vì tôi không biết nhiều về ông. Hơn nữa, tôi thực sự e ngại một người đồng tính luyến ái ở California bảo trợ để ra sống cùng nhà với ông. Và đương nhiên tôi không thể trực tiếp hỏi ông về điều này được. Tôi tiếp tục nói chuyện với hy vọng có thể biết thêm nhiều điều hơn về ông.

Trong khi tiếp tục cuộc đàm thoại, ông Roy thổ lộ: “Tôi có hai con gái tên là Marion và Frances. Marion đã học xong ở UCLA, còn Frances đang học ở Duke University. Nancy, bà vợ tôi, làm chuyên viên về dinh dưỡng và sống chung với tôi tại nhà chúng tôi ở Montecito, Ca. Tôi có một người em trai là khoa học gia nghiên cứu về địa chất và có tên trên mặt trăng.



Ngôi nhà của Roy và Nancy tại Montecito, Ca

Tới lúc này, cảm tạ Thượng Đế, tôi cảm thấy nhẹ nhõm và an toàn để nhận lời ông Roy. Tôi lịch sự cảm tạ lòng rộng lượng và hiếu khách của ông.

Ông Roy còn có lòng tốt tìm người bảo trợ cho gia đình cháu tôi để tất cả chúng tôi có thể xuất trại cùng một lúc. Người bảo trợ cho cháu gái tôi là ông Peter Frick, một người Mỹ gốc Đức.

Chỉ vài ngày sau cú điện thoại đó, ông Roy lái chiếc xe Mercedes-Benz 450-SEL tới trại Pendleton và đưa chúng tôi về nhà ông. Chúng tôi không có nhiều hành lý, chỉ một túi xách nhỏ quần áo cũ đem theo từ Sài Gòn và một chiếc vali chứa quần áo mới do văn phòng trại tị nạn cho. Thủy quân lục chiến phân phát quần áo rất ấm cho dân tị nạn vì khí hậu ở trại Pendleton khá lạnh so với khí hậu vùng nhiệt đới ở Sài Gòn.



*Plymouth Rock tại Massachusetts
có khắc năm 1620*

Ông Peter Frick, người bảo trợ cho gia đình cháu tôi cũng có mặt tại trại. Bữa đó đúng là một ngày hệ trọng cho tất cả chúng tôi. Ngày “N” chúng tôi đổ bộ lên đất Mỹ! Mọi người đều đi về nhà của ông bà Roy và Nancy. Sau bữa cơm tối, Peter về nhà ông dẫn theo năm di dân mới. Chúng tôi có cảm tưởng như đã đặt chơn lên Plymouth Rock, Massachusetts trong thế kỷ thứ 17 vậy.

Ông Roy cho biết đây là lần đầu tiên trong đời ông có một cặp vợ chồng khác sống cùng nhà

với ông. Đối với Marie và tôi, đây cũng là lần đầu tiên chúng tôi được ăn ở miễn phí với những người hoàn toàn xa lạ. Chúng tôi được dành cho một phòng ngủ riêng xinh xắn trong một ngôi nhà khiêm tốn trên đường Schoolhouse Road. Marie và tôi rán hết sức mình để làm vừa lòng hai vị bảo trợ chúng tôi.

Tôi được biết hai người thân sinh của ông Roy bị bệnh cao mỡ nên ông và Nancy hết sức cẩn thận trong việc ăn uống. Marie và tôi ngạc nhiên khi thấy hai vợ chồng họ cho con chó nuôi trong nhà ăn tất cả tròng đỏ trứng gà còn họ chỉ ăn tròng trắng mà thôi. Hai ông bà thích ăn các loại "nuts", uống sữa không có chất béo "non-fat", và ít khi ăn thịt đỏ. Đương nhiên, họ dùng rất nhiều rau, trái cây và ngũ cốc. Riêng tôi lại thích ăn những thức ăn mà vợ chồng họ kiêng cử. May thay, tôi có khả năng thích nghi với hoàn cảnh một cách tự nhiên. Tôi ăn dễ dàng những gì có sẵn dù ăn xong không được no đầy bao tử vì không muốn làm rộn chủ nhà. Frances, con của Nancy và Roy, dường như đoán được chúng tôi muốn ăn thịt đỏ. Cô ra siêu thị mua thịt trầu đem về nấu món ragu cho chúng tôi. Tôi nhớ lần đó được ăn một bữa cơm thỏa thích. Frances cũng đưa tôi ra sân sau nhà hót tóc cho tôi. Ngược lại, gia đình cháu gái tôi cho biết gia đình bảo trợ người Đức ăn rất mạnh và uống nhiều bia lắm!

Ông Roy cho biết ông bảo trợ tôi vì muốn dùng khả năng quản trị và kiến thức về kỹ thuật của tôi trong một dự án xây cất ở Hawaii. Ông dự tính tham gia vào công trình xây dựng vận động trường mới tại Honolulu năm 1975. Tuy nhiên vì thủ tục xuất trại của tôi bị trễ nải (sau này được biết là đàn em của Nguyễn Cao Kỳ giấu hồ sơ xuất trại của tôi, xem Chương 17: Tị nạn tại trại Pendleton, California) đến cả tháng trời nên ông đã bỏ dự án đó. Tôi thật ngỡ ngàng khi ông tặng tôi một chi phiếu 500 Mỹ kim/tháng như để trả phí lưu giữ "retainer fee" cho tôi.

Tôi muốn trở nên hữu ích trong khi là khách sống trong nhà của ông. Thú vui của tôi là thiết kế cảnh vườn theo kiểu Á đông. Nhìn chung quanh, tôi nhận ra một cơ hội tốt để làm một



Vườn trên tầng lầu ba nhà tôi ở Sài Gòn

mảnh vườn kiểu Nhật thật đẹp nơi khoảng trống rộng lớn trong vườn sau nhà của ông Roy: một cái sàn gỗ làm bằng redwood cao 5 thước nơi thảm cỏ có dốc xuống. Tôi đề nghị với Roy xây một hồ sen có cá Koi nhiều màu sắc bơi lội với thác nước chảy ra từ một hòn non bộ nhỏ. Khi ở Sài Gòn tôi có kinh nghiệm thiết kế cho mình một mảnh vườn kiểu Á đông nơi trước cửa vào và mảnh vườn trên sân thượng nhà tôi.

Roy rất hưởng ứng ý kiến của tôi. Ông lại có ý định làm chủ một ngôi nhà kiểu Nhật thuần túy. Thay vì xây cất từ đầu, ông làm việc với chuyên viên địa ốc. Nhờ may mắn chỉ trong thời gian ngắn, ông tìm mua được một villa tuyệt đẹp do một kiến trúc sư chuyên về kiểu nhà Nhật thiết kế. Ngôi nhà này do một người Mỹ giàu có am tường nghệ thuật Nhật làm chủ. Ông ta còn công phu đến mức mời những chuyên viên từ Nhật qua để hoàn tất cảnh quan chung quanh ngôi nhà. Bí quyết ở đây một lần nữa là: địa điểm. Villa nằm trên sườn một ngọn đồi nhìn qua đảo Catalina ngoài khơi thành phố Santa Barbara. Cảnh trí xung quanh hoàn toàn quang đãng, với vài cây "oaks" lâu đời bên cạnh một mảnh vườn cổ kính! Tôi không ngờ mình lại có thể chiêm ngưỡng được một kiệt tác Phương đông như vậy tại một thành phố Tây phương.

Sau này, tôi có dịp may đến thăm ông Roy và Nancy tại villa trong mộng của họ. Trong thập niên 1960, tôi được chiêm ngưỡng lâu đài nghỉ hè của hoàng gia Nhật. Tôi có thể quả quyết với các bạn rằng nếu bỏ qua các yếu tố diện tích, tiện nghi, trình độ tiến bộ của kỹ thuật thì lâu đài nghỉ mát của Nhật hoàng và ngôi nhà xinh xắn của Roy không có gì khác biệt. (Xem hình.)



"Lâu đài" của Roy, 1975



Vườn sau nhà có villa cho khách



Ao sen với cá Koi gần thác nước phía sau nhà

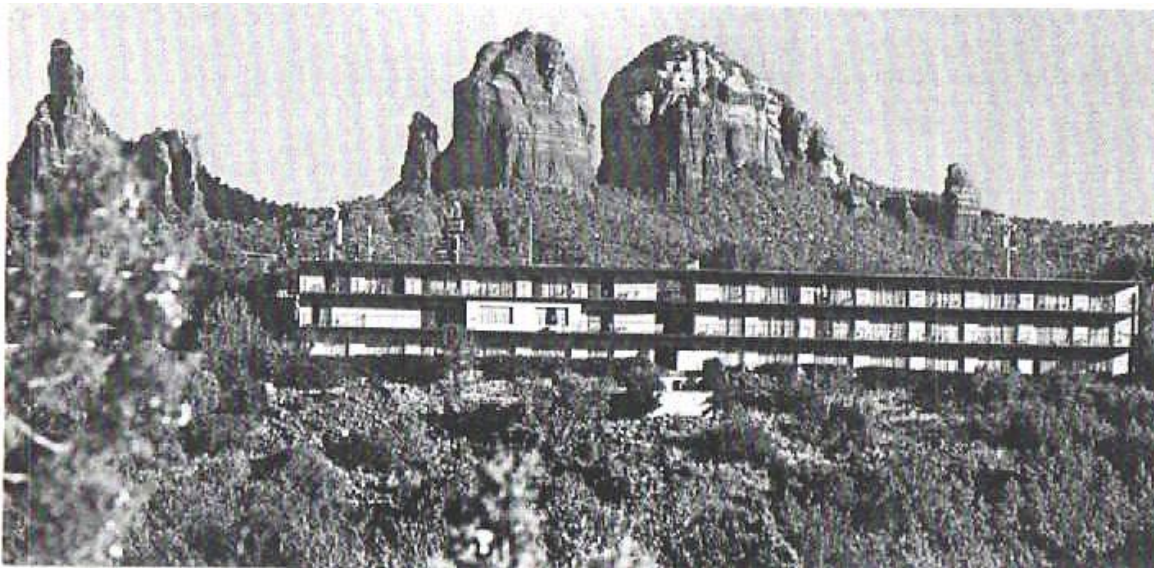


Lâu Đài Nghỉ Mát Mùa Hè Của Hoàng Đế Nhật

Xin được giấy phép xây cất trong khu “thượng lưu” này thật khó khăn. Tôi học hỏi được điều mới lạ liên quan tới sự “kỳ thị” dựa trên tiêu chuẩn tài chánh; tỉ dụ như mỗi lô đất phải rộng ít nhất một mẫu Anh và cần có giếng nước uống riêng biệt. Để kiểm tra nước trên những đồi ở Santa Barbara đòi hỏi chi tiêu khá nhiều cho việc đào những giếng sâu. Roy, một nhà đầu tư sành sỏi, chia mảnh đất trồng trái “avocado” nằm kế cận villa Nhật của ông ra thành nhiều lô nhằm biến chúng thành những mảnh đất sáng giá để xây nhà loại sang trọng với những giếng nước ông mới cho đào. Ông ta tiết lộ cho tôi biết phương cách đầu tư tài tình và mau làm giàu của ông.

Đầu óc kinh doanh của Roy đã giúp tôi rất nhiều. Tôi thật may mắn nhận được sự cố vấn của Roy trong việc chọn hướng đi cho sự nghiệp của tôi trong giai đoạn đổi đời tha hương lúc đó. Giữa cơn buồn bực và nhớ nhà tôi có ý định qua Pháp để sống gần gũi với đại gia đình của tôi. Nhưng Roy đã thuyết phục tôi rằng ở Mỹ, với tấm bằng MIT, tôi sẽ như con cá sống trong đại dương, còn nếu qua Pháp tôi giống như cá trong hồ nuôi cá và triển vọng của tôi sẽ bị giới hạn nhiều. Ngoài ra, bởi lẽ nhiều đại công ty quốc tế hoạt động ở Mỹ hơn là ở Pháp, tôi sẽ có nhiều lựa chọn hơn!

Tôi còn học hỏi được nơi Roy đức tính làm việc cần mẫn của người Đức. Hai thân sinh của Roy từ Đức di dân qua Mỹ lập nghiệp. Ba ông hành nghề bán thịt để có đủ tiền gởi con đi đại học. Đến lượt mình, Roy làm việc cho Kaiser Engineers, Inc. và nhờ siêng năng ông đã thăng tiến nhanh chóng nơi sở làm. Ông quyết định ra làm riêng. Hai vợ chồng đầu tư vào khách sạn đẹp để Best Western Rondee Motor Hotel ở Sedona, AZ. (xin xem hình phía dưới)



Best Western Rondee Motor Hotel ở Sedona, AZ

Bên Á châu, những người khá giả thường tránh làm công việc chân tay. Trường hợp của Roy và Nancy thì ngược hẳn lại, họ sẵn sàng làm bất cứ gì để doanh nghiệp của họ được phát đạt. Tôi phải cảm ơn Roy và Nancy đã nêu gương sáng cho tôi.

Khi đã về hưu, ôn lại chuyện quá khứ và những lời cố vấn của Roy vào tháng 7, 1975, tôi phải nói lên lời cảm tạ sâu đậm với Roy vì đã hướng dẫn tôi đi đúng đường. Nhiều đồng nghiệp của tôi đã quyết định lập nghiệp bên Pháp và đã không mấy thành công sau đó. Roy chi tiêu rất thích đáng và phù hợp với túi tiền của mình. Mỗi liên hệ của ông với con cái thật đáng nể phục và ông đứng ra trang trải cho việc học hành của các cháu ngoại của mình.

Ngày chúng tôi phải từ giã Roy và Nancy, Marie và cháu gái của tôi tên Ánh diện bộ áo dài cổ truyền và đãi họ một bữa tiệc thịnh soạn gồm những món ăn đặc biệt miền Nam như gỏi cuốn chấm tương, chả giò với nước mắm, thịt ba rọi kho nước dừa, và món tráng miệng chuối tẩm bột chiên.



Tháng bảy 1975, bữa ăn tối từ biệt: Marie và Ánh, người cháu gái, trong bộ áo dài



Chả giò



Gỏi cuốn



Thịt ba rọi kho tàu



Chuối tẩm bột chiên

Sau này, khi định cư ở San Francisco, chúng tôi vẫn giữ liên lạc với Roy và Nancy, đôi khi chúng tôi có tới thăm vợ chồng ông.



Từ trái qua phải: Quý, người anh sanh đôi, Marie, Nancy, tôi, Roy và Hoàng cháu trai của tôi từ Nice (Pháp).

Chúng tôi đi cùng ông anh và cháu trai của tôi đến thăm Roy và Nancy tại villa ở Sedona, AZ của họ.



Đi dự đám cưới của Marion, con gái của Roy và Nancy, tại Santa Barbara, tháng 11, 1980

Năm 2000, chúng tôi có buổi họp mặt tại nhà cô con gái tên Frances của hai ông bà ở Monterey, CA. Thức ăn có vịt quay và heo sữa quay đặc biệt từ một tiệm Tàu ở San Francisco.

Năm 2011, Roy và Nancy đi cruise viếng thăm Alaska và chiếc tàu của họ ghé lại San Francisco. Marie và tôi mời Frances với ông chồng họp mặt bất ngờ đi dùng cơm trưa tại tiệm ăn nổi tiếng tên Ton kiang Restaurant trên đường Geary Street. Đến tối, chúng tôi dùng bữa tại nhà hàng lừng



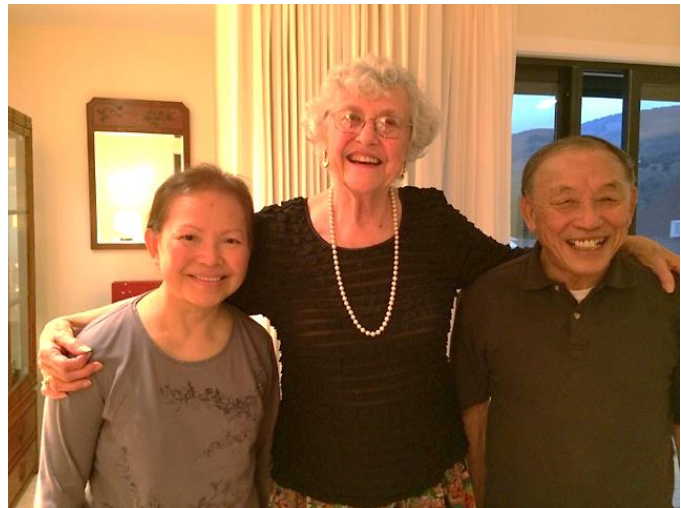
Họp mặt tại nhà chúng tôi, 2011



Họp mặt tại nhà chúng tôi, SF 2011

danh KOI Palace trong khu thương xá Serramonte, Daly City. Sau đó, chúng tôi đưa Roy và Nancy trở về tàu của họ đang neo tại trung tâm thành phố. Chúng tôi cùng chia sẻ với nhau những giây phút vui tươi tuyệt vời.

Chúng tôi bàng hoàng khi được Frances cho biết Roy qua đời vào năm 2012 tại Scottsdale trong tiểu bang Arizona. Chúng tôi đau buồn vô tận trước sự ra đi của một ân nhân đặc biệt của mình. Ông là người đã tình nguyện ra tay cứu mang những kẻ hoàn toàn xa lạ như chúng tôi trong giai đoạn đen tối nhất của hành trình qua Mỹ của chúng tôi.



Carmel 2014, họp mặt tại nhà Nancy

Thêm MỘT ÂN NHÂN: DICK WILSON

Dick viết:

"Một buổi sáng năm 1975 tôi mở báo Washington Post ra để theo dõi những diễn tiến xảy ra sau ngày Sài Gòn bị mất. Cột giữa trong trang đầu in một loạt những tin ngắn về việc dân tị nạn tới Hawaii và miền Tây nước Mỹ. Một tin ngắn nói về một thanh niên năng động vừa đặt chân tới trại Pendleton ở California đã thành lập ngay Ủy ban hoạt động của người tị nạn. Tên thanh niên đó là Điếu Khương Hữu.

Tên này thấy quen quen. Khi còn học năm thứ nhứt ở Lafayette College 1952, có một trong những người cùng làm bồi bàn với tôi tại Watson Hall đến từ Việt Nam và tên anh ta giống như tên đăng trong tờ báo. Do một tình cờ kỳ lạ, ngày hôm trước tôi nhận qua bưu điện một bảng liệt kê tên những cựu sinh viên của trường nhưng vẫn chưa mở ra để xem. Tôi liền lấy bảng liệt kê ra và so sánh tên trong đó với tên trên tờ báo. Hai cái tên giống nhau. Người đứng ra tổ chức dân tị nạn ở trại Camp Pendleton chính là bạn học đồng khóa và cùng làm bồi bàn với tôi.

Vợ chồng tôi muốn làm bất cứ gì để giúp đỡ Điếu nên tôi nhấc điện thoại kêu trại Pendleton. Sau đôi lời giải thích, người lính thủy quân lục chiến trực máy cho tôi nói chuyện với Điếu. Chúng tôi đã không tiếp xúc với nhau có trên 20 năm qua nên phải mất ít lâu mới nhận ra nhau. Tôi được biết Điếu đang sống trong trại với Marie, vợ anh, và họ cần tìm người bảo lãnh để được phép xuất trại. Khi nhận được những mẫu đơn Điếu gửi tới, tôi ký tên và gửi trở lại ngay. Sau đó chúng tôi chờ đợi.

Vài bữa sau, tôi vẫn không được tin tức gì của Điếu. Tôi nghĩ thủ tục giấy tờ đơn giản thôi, chỉ cần nhận được mẫu đơn kiểm chứng có người bảo trợ rồi cho người ta xuất trại là xong. Cuối cùng, tôi gọi trại Pendleton để nói chuyện với Điếu. Tôi được cho biết vì bị hành hung (bởi đám đàn em của Nguyễn Cao Kỳ, xem Chương 17) nên Điếu đã được dời qua một nơi khác trong trại. Tin này làm tôi bị sốc vì Điếu tính tình hiền hòa làm sao có thể dính líu tới việc bạo động được. Người thủy quân lục chiến nói chuyện trên đầu dây không thể cho tôi biết gì thêm nhưng anh ta cũng tìm được Điếu cho tôi.

Điếu hẳn còn bị xúc động và chán nản vì không thể rời khỏi trại. Anh nói giấy tờ anh đã bị thất lạc nên anh bị kẹt lại trong khi các bạn bè và những người sống gần anh đã xuất trại hết rồi. Đúng vào thời điểm này, một vị cứu tinh đã xuất hiện, đó chính là bà vợ tôi.

Tôi làm giám đốc về Tiếp Thị Với Chánh Phủ Liên Bang/Federal Government Marketing cho một công ty nhỏ về máy điện toán nên công việc rất bề bộn. Tuy vậy, Celia, vợ tôi, tự nhận trọng trách đưa Điếu ra khỏi Camp Pendleton. Tôi vừa bước ra khỏi cửa đi làm mỗi sáng là Celia đã bận rộn kêu cho văn phòng các dân biểu, thượng nghị sĩ, những phụ tá của họ hay những trợ lý lập pháp. Hể nơi nào có vẻ như có thể giúp được gì là bà ta lập tức đích thân tới nói chuyện.

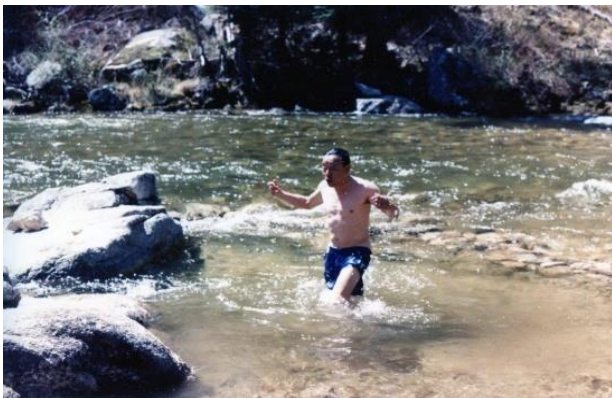
Sau một tuần lễ vận động, rốt cuộc bà được giới thiệu tới dân biểu John Rousselot của tiểu bang California. Ông ta không có mặt tại văn phòng lúc Celia kêu tới nhưng bà đã nói chuyện rất lâu với phu nhân ông ta về trường hợp của Điếu. Ít lâu sau, chúng tôi đi gặp vị dân biểu này và ông đồng ý sẽ làm tất cả những gì có thể để đưa Điếu ra khỏi trại.

Chỉ vài ngày sau, Celia nhận được điện thoại từ một thiếu tá thủy quân lục chiến ở Camp Pendleton. Ông ta nói, "Thưa bà, tôi không biết bà đã nói chuyện với ai nhưng tôi nhận được lệnh từ vị Chỉ huy trưởng Thủy quân Lục chiến phải để ông Điếu xuất trại ngay HÔM NAY. Sau đó chúng tôi nghe tin Điếu đã được xuất trại."

Hai gia đình chúng tôi tuy ở cách xa nhưng vẫn liên lạc thường xuyên. Một mùa hè, Marie và tôi lái xe camper Westphalia lên nhà của Dick và Celia tại Boise, Idaho. Chúng tôi cùng đi đóng trại gần Snake River đặc biệt có nguồn nước nóng thiên nhiên hai bên bờ sông. Chúng tôi tự tạo ra hồ nước nóng thật là hấp dẫn giữa cảnh đẹp hùng vĩ. (Xem hình dưới đây.)



Chúng tôi có hai xe campers VW giống nhau



Snake River có nước nóng thiên nhiên



Hồ nước nóng thiên nhiên



Grandjean Campground: Có Hot Springs thiên nhiên của sông Snake River



Thật là vui tại Idaho

Thêm MỘT ÂN NHÂN: Don Sayenga, Lafayette College, khóa 1952-56
(xem chương 6: HỤP LẶN Ở LAFAYETTE COLLEGE, EASTON, PENNSYLVANIA, USA)



Don Sayenga '56 visiting Dieu and his wife, Marie, at the Muehlberger home in Montecito, Santa Barbara, Calif.

Cuộc họp mặt năm 1975, Montecito, CA



Don và Carline



Don và Dieu 2014

Họp mặt với Don, năm 2014 tại tiệm Benihana San Francisco có cháu Sáng & Renaud từ Reims, Pháp

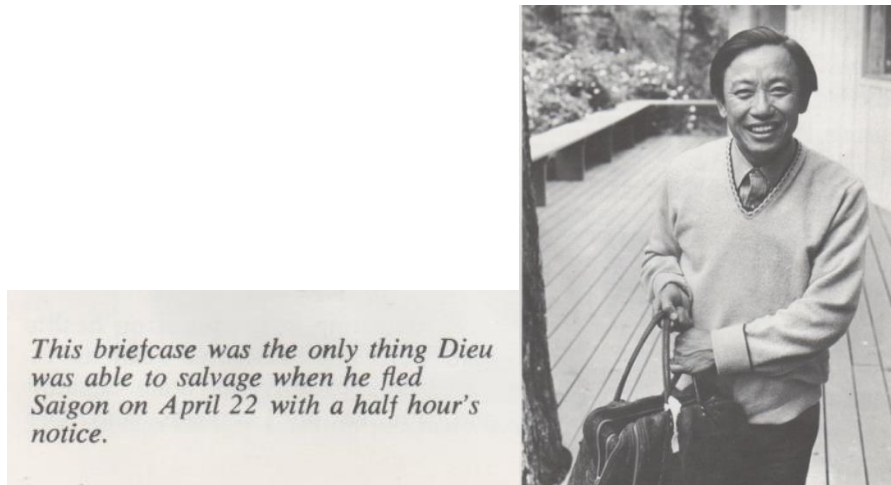


(Trích dịch bài dưới đây)

TIỀN TRÌNH MỸ HÓA CỦA MỘT DOANH NHÂN VIỆT NAM

Don Sayenga

Trước đây vào năm 1975, tôi đến thăm anh Khương Hữu Dieu (khóa 56 của Lafayette College Easton, PA) ở tiểu bang California. Lúc đó anh và phu nhân là Marie mới được xuất trại tị nạn và cho mình thật may mắn đã sống sót sau cuộc biến động tháng tư năm đó.



This briefcase was the only thing Dieu was able to salvage when he fled Saigon on April 22 with a half hour's notice.

Túi xách là đồ vật duy nhất anh Dieu có thể đem theo trên đường trốn thoát khỏi Sài Gòn vào ngày 22 tháng tư khi chỉ được báo trước có nửa tiếng đồng hồ.

Vợ chồng họ nóng lòng muốn sớm hội nhập vào quê hương mới. Vào thời điểm đó, một trại tị nạn cho người Việt hấy còn hoạt động ở vùng ngoại ô thành phố Bordeaux bên Pháp. Một



Dieu: not the average engineer

Dieu '56

The Americanizing Of a Vietnamese Entrepreneur

Don Sayenga sketched the story of his friend and classmate Khuong Huu Dieu in the Summer '75 *Alumni Quarterly*. A Vietnamese native, Dieu returned to Saigon to work for Exxon after graduating from Lafayette and earning a master's degree at M.I.T. He later became deputy minister of the economy for the South Vietnamese government, and organized various industrial development projects in the country.

As the Americans were evacuating South Vietnam, he was interviewed by *Newsweek* magazine, explaining that his abilities might be of use to the communists, but that as president of the Vietnamese-American Association he would probably not live through a change in government. Dieu and his wife were unexpectedly added to the evacuation list the day after the interview appeared.

Leaving behind almost all his possessions, Dieu was flown to a refugee camp in California, arriving just after South Vietnam collapsed. An AP photo of him disembarking with his briefcase was widely published with the caption: "All that's left."—*Editor*

By Donald Sayenga '56

Back in 1975 I visited Khuong Huu Dieu '56 in California. He and his wife, Marie, were then fresh out of refugee camp, glad to be alive, and eager to begin the process of adaptation to a new homeland. At the time of my visit, there was still a Vietnamese refugee camp in existence outside of Bordeaux, France. In it were some of the people evacuated by the French in the 1950s. Strangers in an alien world, they had been unable to adapt after 20 years. By virtue of his resourcefulness, Dieu didn't have to face that sort of internment.

This summer I visited Dieu and Marie at their home in San Francisco. By the time you read this they will both be American citizens, and, Dieu should have his certificate as a professional engineer.

In short, Dieu's situation in 1980 is about the same as that in which many of his Lafayette classmates found themselves in the 1960s. He has a good job with Bechtel Engineering, commutes to work in an aging Vega, makes payments on a sizeable mortgage. This is not where the average American Tau Beta Pi engineer with a master's from M.I.T. would have hoped to find himself as his 25th reunion neared, but the average American engineer didn't devote 17 years of his life toward the industrialization of Vietnam the way Dieu did. And, the average American engineer has never had to flee his home on half-hour's notice, leaving everything behind.

As a cabinet member and head of Vietnam's industrial bank, Dieu was well situated in Saigon. He was known for his vigorous leadership in wooing industry to the strife-torn nation. Now all his efforts seem for naught. His beautiful three-story home there has been converted into a pig farm.

Today, sitting in his California dining room with engineering texts spread all over the table, he grits his teeth with ironic recrimination: "God is punishing me," he says, half-smiling. "I had forgotten all these formulas. I worked too long as a banker and developer, enjoying my Mercedes. Even my English became thick with accent. Now it is a difficult struggle to get back up to speed, but it must be done."

In the sunny paradise of Jerry Brown's California, Dieu has a job as assistant project manager at Bechtel, working on a sizeable contract with the Saudi government—a modern airfield and terminal for Riyadh. At some point in the future, there is a chance he might have to spend some time on the job site, which would be a hardship for Marie. She has a good job, counseling refugees at a local

số người được Pháp đưa đi di tản trong thập niên 1950 vẫn còn sinh sống tại đây. Dù sau 20 năm định cư tại quốc gia này, họ vẫn không thích ứng được với hoàn cảnh mới. Nhờ vào tài tháo vát của mình, anh Điếu đã không phải trải qua những kinh nghiệm tù túng như vậy. Hè năm nay 1980 tôi tới thăm anh Điếu và Marie tại căn nhà của họ ở San Francisco. Khi các bạn đọc những dòng chữ này, vợ chồng họ đã trở thành công dân Mỹ và anh Điếu hẳn đã nhận được chứng thư kỹ sư chuyên nghiệp (Professional Engineer License) rồi.

Nói tóm lại, vào thời điểm năm 1980 anh Điếu ở mức thành đạt mà các bạn đồng khóa của mình tại trường Lafayette đã có được từ thập niên 1960s. Anh có một việc làm tốt với công ty Bechtel Engineering, lái một chiếc xe Vega cũ đi làm và trả xong một số tiền đặt cọc khá lớn để mua nhà. Một kỹ sư người Mỹ thành viên của hội American Tau Beta Pi với bằng cao học từ M.I.T. sẽ không thể tưởng tượng được mình sẽ chỉ có được bấy nhiêu khi sắp đi dự buổi họp mặt thứ 25 của khóa mình. Tuy nhiên một kỹ sư người Mỹ trung bình cũng không có điểm phúc cống hiến 17 năm cuộc đời mình để đóng góp vào công cuộc kỹ nghệ hóa của Việt Nam như anh Điếu đã làm. Thêm nữa, người kỹ sư Mỹ trung bình cũng không phải bỏ nước ra đi mà chỉ được cho biết trước nửa tiếng đồng hồ và phải để lại hết sự nghiệp của mình ở lại sau.

Với chức vụ Thứ Trưởng bộ Kinh Tế và Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, anh Điếu có địa vị quyền thế bên xứ anh. Anh được biết đến về tài lãnh đạo năng động thu hút được nguồn đầu tư kỹ nghệ vào một xứ sở đang bị chiến tranh tàn phá. Bây giờ, mọi nỗ lực của anh đã trở thành công dã tràng. Ngôi nhà ba tầng xinh đẹp của anh đã bị biến đổi thành một trang trại nuôi heo.

Hôm nay, ngồi trong phòng ăn nhìn đồng sách giáo khoa nằm ngổn ngang trên mặt bàn, anh chắc lười phân trần với giọng mỉa mai: "Thượng Đế đang trừng phạt tôi." Rồi anh nhoẻn miệng cười nói tiếp: "Tôi quên ráo trôi những công thức này rồi. Trong thời gian dài tôi đã làm việc của một người quản trị ngân hàng phát triển đi xe Mercedes. Bây giờ, ngay cả khi nói tiếng Anh tôi cũng pha giọng ngoại quốc vào. Lúc này thật khó cho tôi bắt kịp mọi người nhưng bắt buộc tôi sẽ phải làm được điều này."

Dưới bầu trời nắng ấm của tiểu bang California có ông Gerry Brown làm thống đốc, anh Điếu giữ chức vụ phụ tá giám đốc tại Bechtel để thực hiện một dự án khá lớn với chánh phủ xứ Saudi xây cất một phi trường tân tiến ở Thủ đô Riyadh. Vào một lúc nào đó anh có thể sẽ phải qua công trường bên Trung Đông để làm việc. Điều này sẽ gây nhiều thử thách cho Marie. Chị Marie đang có một công việc tốt làm cố vấn cho người tỵ nạn tại một bệnh viện địa phương trong khi Saudi Arabia quả thật không phải là thiên đường của nữ giới. Ngoài mối quan tâm này ra, anh Điếu lấy làm thỏa lòng với hoàn cảnh của mình. Lần cuối khi chúng tôi gặp nhau năm 1980, anh Điếu đang chờ đợi ngày anh nhập tịch thành công dân Hoa Kỳ.

Họ của anh, khi đọc đúng theo tiếng Việt, nghe giống như từ "gung-ho," một tiếng lóng trong thời Thế Chiến Thứ Hai, có nghĩa là sự năng động cao độ. Anh Điếu luôn tỏ ra là người

tràn đầy nhiệt tâm, sẵn sàng đương đầu với những công việc to tát và có khả năng phân tích sắc bén. Tới California với hai bàn tay trắng, anh đã tạo lại cho mình một cuộc đời mới tại quê hương thứ hai, mà không nhờ vào một đồng trợ cấp nào của chính phủ.

Tôi viết bài này không chỉ để ca ngợi bản chất cần cù của anh Điều mà còn cho cả nước Mỹ, một đất nước đã cho phép một cuộc đổi đời như của anh có thể xảy ra sau khi đã phải trải qua một kinh nghiệm thật kinh hoàng ở Việt Nam.

**'Tôi thật mừng đã sống sót'
Tác giả Don Sayenga**

Tôi đã kết bạn với một người đến từ Việt Nam trong quá nửa đời mình. Câu chuyện bắt đầu từ mùa thu năm 1952, khi tôi khám phá ra rằng căn phòng bên cạnh nằm dưới tầng hầm của Easton Hall tôi tưởng là bỏ trống đang có một sinh viên Á Châu tên Khương Hữu Điều sống trong đó. Anh sinh viên năm thứ nhứt của khóa 1956 này không nói được tiếng Anh và có cặp mắt rất sáng.

Ngay từ lúc đầu anh đã được chọn làm "mascot/linh vật" cho những bạn sinh viên năm thứ nhứt sống trong ký túc xá. Chúng tôi dạy anh chữ thề và "khủng bố" tinh thần anh bằng những trò phá phách quỷ quái. Ít lâu sau, khi các điểm học tối ưu của anh lần lượt được phát hiện, chúng tôi bắt đầu cảm thấy thán phục và ngưỡng mộ anh.

Vào thời đó, khi nghe nói tới Đông Dương tôi thường liên tưởng ngay tới hai nước Trung Hoa và Cao Ly. Sự ngu dốt của tôi nhiều khi khiến tôi bị ngượng ngùng. Giống như đa số người Mỹ, tôi chưa bao giờ nghe tới cái tên "Nhà ái quốc họ Nguyễn." Những lúc anh Điều dùng lập luận của một người có tinh thần quốc gia bàn luận về nền độc lập của đất nước mình tôi cho đó là sự ngờ ngạc của dân Á Đông mà không nhận ra được chính tôi đã bị Churchill "tẩy não" một cách sâu đậm.

Về sau, khi đất nước của anh đã bị chia đôi và chúng tôi đã ra trường tôi mới thấy sự hiểu biết của tôi về vấn đề Việt Nam hơn hẳn những người đồng hương mà tôi gặp. Trong ngày lễ ra trường, ông R.M. Nixon (Phó Tổng Thống Mỹ) đọc diễn văn và khuyến khích chúng tôi nên "tình nguyện đi phục vụ ở nước ngoài" và nên noi theo gương những nhà "truyền giáo Thiên Chúa Giáo" để bảo đảm rằng "mọi người Mỹ sẽ đối đầu được với những thử thách đang chờ đón chúng ta."

Anh Điều đậu bằng cao học về engineering từ M.I.T., làm việc một thời gian ở New York và nhận việc làm với Exxon rồi trở về Sài Gòn. Sau đó anh bước theo con đường kinh doanh. Trong cùng tuần dân Mỹ bầu John Kennedy làm Tổng Thống, anh Điều cử hành lễ cưới với một phụ nữ theo đạo Thiên Chúa tên Marie Đình-thị Bích Châu. Cũng trong lúc này, tôi đi bán thép ở tiểu bang Florida, rồi đổi qua rượu Scotch và học điệu nhảy "the Twist." Tôi chỉ nghĩ tới Sài Gòn như là một địa điểm đi nghỉ mát mà thôi. Hai ông Ngô Đình Diệm, Kennedy, các cố vấn của họ và áp lực của chính trị quốc tế đã thay đổi mọi sự. Exxon tức thì từ bỏ

những dự tính của họ ở Sài Gòn. Anh Điều giúp tổ chức một công ty sản xuất đường trong vùng đồng bằng sông Mekong và đảm nhận chức vụ giám đốc kỹ thuật của công ty này trong ba năm. Con số nhân viên người Mỹ làm việc ở Việt Nam tăng vọt từ 685 ngày 5 tháng 5, 1960, tới hơn nửa triệu trong tám năm sau đó. Hai ông Ngô Đình Diệm và Kennedy bị ám sát trong cùng một tháng và những người kế nhiệm họ đã gia tăng việc Mỹ tham dự vào chiến tranh Việt Nam như thể không còn kiểm soát được nữa.

Tôi được gặp anh Điều hai lần trong giai đoạn này tùy theo những thay đổi trong chức vụ anh đảm nhận: Năm 1965 anh thành lập Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và trong năm sau anh làm phụ tá Bộ Trưởng Kinh Tế của chánh phủ Miền Nam Việt Nam. Anh hai lần đại diện đất nước mình tại những buổi họp của Ngân Hàng Thế Giới tại Mỹ. Trong tháng Mười năm 1966 anh trở lại khuôn viên nhà trường ở Easton và được tờ báo The Alumnus phỏng vấn. Một trong những lời phát biểu của anh là: "Người Mỹ bây giờ muốn dùng Việt Nam để chứng minh cho cả thế giới thấy rằng sau những vụ trải bom của B-52 họ sẽ không chỉ chụp lấy những va li của họ rồi cuộn gói ra đi mà còn muốn thực hiện những công trình xây dựng nữa."

Những năm kế tiếp đem lại cho tôi nhiều bất định, phân vân và suy tư về vấn đề Việt Nam. Anh Điều đã tâm sự với tôi về ông Âu Trường Thanh, một kinh tế gia xuất sắc và liêm khiết. Ông này được coi là người có thể trúng cử tổng thống vào tháng 9 năm 1967. Tôi thật thất vọng khi biết ông ta đã bị loại ra khỏi danh sách ứng cử viên rồi bị công an bắt giam. Tâm hồn tôi cũng bị nhiễu loạn khi được hiểu biết thêm về những tác dụng của bom chùm, đạn mồi tên, dây kẽm gai, thuốc khai quang, và một vài loại khí giới bán quân sự khác được đem ra thử nghiệm để tiêu diệt quân du kích.

Ngược lại, tôi cũng nhận được nhiều cảm hứng khi nghĩ tới gương dũng cảm của hải quân trung tá Stratton. Tôi từng trao đổi ý kiến với những người Mỹ chống cộng có lập trường đi từ chủ trương dội bom nguyên tử xuống Hà Nội tới mua rượu Gallo để uống. Ngoài ra, tôi cũng được biết những nhóm người Mỹ có lập luận hoàn toàn trái ngược lại đi từ thái cực này đến thái cực kia.

Trong lúc đó, suốt 17 năm ròng rã, anh Điều cố gắng hết sức để biến chương trình kỹ nghệ hóa đất nước mình thành hiện thực. Anh còn cho xây một bức tường bằng bao cát trong nhà để phòng ngừa những cuộc pháo kích bất ngờ vào thành phố. Anh tránh dính líu tới các hoạt động chính trị và chỉ chú tâm vào việc viết các bài để đăng báo hoặc thư từ. Ngoài ra anh còn điều hành quỹ tài trợ phát triển kỹ nghệ và tham dự tổ chức Asian Productivity Organization gồm 14 nước hội viên. Anh không quên chăm nom khu vườn xinh đẹp kiểu Á Đông trong nhà của mình. Vào đầu năm nay, anh thấy rõ người Mỹ đang chụp lấy những va li của họ để ra đi và công trình làm việc trong 17 năm trường của anh đã trở thành con số không.

Có thể lúc này anh hãy còn sống tại Sài Gòn nếu không có bàn tay thần kỳ của số phận. Trước nhứt anh là một trong những người đầu tiên nhận thấy người Mỹ không có một quy

hoạch tổng thể nào để di tản những người bạn Việt Nam của họ. Anh có một người cháu gái là công dân Mỹ và được người chồng của cô ta sống tại Sài Gòn cho biết rằng với tư cách là cậu anh không được coi là bà con ruột thịt của cô ta. Do đó, tên anh không được ghi vào danh sách những người được di tản của tòa đại sứ Mỹ.

Vào khoảng đầu tháng tư, anh được tờ Newsweek phỏng vấn. Anh nắm lấy cơ hội này để phát biểu ý nghĩ của mình và cho biết khả năng chuyên môn của anh có thể được chánh quyền cộng sản dùng nhưng với tư cách là chủ tịch Hội Việt Mỹ số mạng của anh sẽ không được bảo đảm. Tờ Newsweek đăng bài phỏng vấn trong số ngày 21 tháng tư với dòng chữ chính: "Khương Hữu Điều là nhân vật Việt Nam người Mỹ có thể chỉ vào một cách hãnh diện."

Không được báo trước, tên anh Điều và Marie được đột ngột ghi vào danh sách di tản ngày hôm sau. Anh chỉ có 30 phút để xách một cặp nhỏ lên máy bay di chuyển tới một trại tỵ nạn ở California. Vào ngày 1 tháng năm, đúng một ngày sau ngày miền Nam sụp đổ. Anh đã phải bỏ lại nhà cửa, xe cộ, đồ quý giá trong nhà và toàn thể chương trình kỹ nghệ hóa đăng sau mình. Một tấm hình chụp anh xách cái cặp bước từ máy bay xuống được cơ quan AP phổ biến rộng rãi vào ngày 6 tháng năm 1975 với lời ghi chú: "Vốn vẹn chỉ còn bấy nhiêu thôi."

Anh Điều và Marie sống trong trại tỵ nạn được 30 ngày. Là một trong số những người đầu tiên đặt chân tới đó, anh Điều đã tức khắc dùng những khả năng đặc biệt của mình giúp Thủy Quân Lục Chiến Mỹ thiết lập một hạ tầng cơ sở điều hành các hoạt động trong trại. Anh đã bỏ hết thì giờ vào công việc đó. Điều này đưa tới "đụng chạm" với Phó Tổng Thống Kỳ khi ông ta đến sau và đòi được biệt đãi. Ông ta cảm thấy bị xúc phạm khi bị anh Điều đối xử với ông như mọi người khác. (Ít lâu sau vụ việc này anh Điều bị một nhóm băng đảng của Kỳ trong trại hành hung.)

Vào thời điểm này, một lần nữa có bàn tay của số phận can thiệp. Bất chấp các cố gắng giúp đỡ của các bạn người Mỹ (kể cả Dick Wilson khóa 1956) nhưng con rùa hành chánh không cho phép anh xuất trại sớm. Bất chợt, một người hoàn toàn xa lạ xuất hiện. Một ân nhân tên là Roy Muehlberger sống ở thành phố Santa Barbara tình cờ thấy hình của anh trên nhiều tờ báo ở Los Angeles. Ông ta đích thân đến trại tỵ nạn, khuất phục mọi thủ tục hành chánh để hoàn tất thủ tục bảo trợ anh Điều, Marie, người cháu gái, cháu trai và ba người con nhỏ của họ rồi kiếm nhà ở để đưa họ ra. Ông Muehlberger đón anh Điều về nhà mình với ý định giúp anh kiếm việc làm.

Dù bị lâm vào cảnh khốn cùng trắng tay ở tuổi 44 nhưng anh Điều tỏ ra không chút sờn lòng. Anh hy vọng rồi sẽ kiếm được việc làm với một công ty đa quốc gia biết tận dụng khả năng chuyên môn trong lãnh vực tài chánh và phát triển quốc tế của mình. Anh dự tính sẽ đi kiếm việc làm tại nước Mỹ chứ không có ý định sống cảnh ăn bám ở nhờ. Khả năng nói tiếng Pháp lưu loát của anh có thể tỏ ra rất hữu dụng tại nhiều nơi trên thế giới.

Theo suy nghĩ của cá nhân tôi, anh Điều có thể được coi là hiện thân cho cái trách nhiệm xứ Mỹ chúng ta phải gánh nhận. Đa số dân chúng nước anh không chọn thể chế dân chủ của Hoa Kỳ đã thành hình từ gần 200 năm trước. Thay vào đó họ đã quyết định đi theo mô hình của Đông Âu mới ra đời cách đây 50 năm. Đối với thiểu số như anh Khương Hữu Điều, khóa 1956, chọn đi theo mô hình của Hoa Kỳ, chúng ta cần dành cho họ một chỗ đứng trong xã hội này. Nhưng thái độ của anh lại hoàn toàn khác hẳn. Anh khẳng định: "Chẳng ai nợ nần gì tôi cả. Tôi thấy vui mừng khi đã sống sót."

*

* *

Tôi may mắn và sung sướng có được Dick Wilson và Don Sayenga vừa là bạn, vừa là anh em như ruột thịt bên Phương Tây.

Chương 20

San Francisco, Mái Ấm Gia Đình

Cuộc đời mới nơi Tân Thế Giới

*Ngôi nhà là giang sơn,
Là nơi trú ẩn an toàn của cá nhân!*



Ngôi nhà ở San Francisco từ năm 1978



Khu trung tâm San Francisco, nhìn từ Twin Peaks



Khu trung tâm San Francisco, nhìn từ Twin Peaks ban đêm



SỰ ĐỔI ĐỜI CỦA TÔI NĂM 1975

Từ một con nhộng trong trại tị nạn biến hình thành con bướm ở Tân Thế Giới

Ngày 30 tháng 4, 2015 sẽ luôn là một ngày quan trọng và gây nhiều cảm xúc trong tôi vì nó đánh dấu kỷ niệm thứ 40 ngày Sài Gòn thất thủ. Cũng vào ngày này, 40 năm trước, tôi đã sống qua một sự **ĐỔI ĐỜI** đau đớn, ai bi và nhiều thử thách nhứt trong cuộc sống. Đối với hàng triệu đồng bào tôi, “Tháng Tư Đen” chính là thời điểm họ phải rời bỏ quê cha đất tổ đi kiếm một góc trời nào đó trên trái đất này để tránh cảnh phải sống dưới chế độ cộng sản. Cũng như họ, hai chúng tôi phải từ bỏ ngôi nhà ấm cúng với nhiều kỷ niệm ở Sài Gòn và nếp sống theo truyền thống phương Đông để phiêu lưu đón nhận số phận tha hương đầy bất trắc, vô vọng, với hai bàn tay trắng, không công ăn việc làm, khó tưởng tượng được khi ở trong trại tị nạn của Thủy quân Lục Chiến Marine Camp Pendleton tại tiểu bang California. Marie và tôi đã bắt đầu cuộc sống mới ở Tân Thế Giới trong tình huống ảm đạm như vậy và chính vào lúc đó, tôi đã hiểu một cách thấm thía ý nghĩa câu “vật đổi sao dời.” “Đông là Đông, Tây là Tây.” Cuộc sống bên kia bờ Thái Bình Dương hoàn toàn xa lạ với vợ chồng chúng tôi.

Sau khi được hưởng ba mươi bảy năm trời hạnh phúc ở miền Nam thì chúng tôi phải lìa xa quê hương. Đâu còn thấy được những nét mặt thương yêu của ba má, chú bác, anh chị em, anh em họ, cháu trai và cháu gái. Luôn cả bạn bè nữa. Chúng tôi đã bị bứng gốc từ miền đất Á Châu cổ kính để được trồng lại trên Châu Mỹ trẻ trung. Chúng tôi từng nghe câu nói “giàu sang nghèo” trước đây nhưng đâu ngờ đó lại là tình cảnh của chúng tôi lúc này! Dầu

vậy, vợ chồng chúng tôi được thoát chết và còn khỏe mạnh. Là người lạc quan, tôi chỉ coi hoạn nạn này như là một thử thách tạm thời mà thôi. Từ lâu rồi, chúng tôi đã quen sống theo cách “lựa cơm gạo mắm” và nhờ đó đã vươn lên được đỉnh đồi. Giờ đây, chúng tôi phải nhớ và sống lại kinh nghiệm đó. Từ một con nhộng, chúng tôi sẽ biến thành con bướm bay cao.

Nền kinh tế Mỹ năm 1975 không mấy sáng sủa nên triển vọng kiếm được việc làm ở vùng lân cận của Camp Pendleton và Santa Barbara không lấy gì làm khích lệ. Chúng tôi quyết định dời lên Vùng Vịnh San Francisco ở miền Bắc để tìm việc làm.

Bám rễ mới ở San Francisco, nơi tốt nhất của miền Tây Hoa Kỳ



San Francisco và chiếc cầu Golden Gate Bridge lúc bình minh

Một lần nữa, do định mệnh hay số phận, Thượng Đế đã đưa chúng tôi đến định cư tại San Francisco, thành phố tốt nhất của miền Tây nước Mỹ. Làm sao và tại sao lại như vậy? Khi còn ở Camp Pendleton, chúng tôi được đưa qua sân bay quân sự EL TORO để được chuyển đến trại Fort Chaffee, Arkansas, vì càng ngày càng quá nhiều người tị nạn từ Việt Nam được đưa tới miền duyên hải Thái Bình Dương. Trại tôi ở đã quá đông. Nhờ may mắn, chuyến bay của tôi đã đầy người và chúng tôi được đưa trả về trại cũ. Hôm nay, ngồi nghĩ lại, tôi không hiểu cuộc sống của Marie và tôi sẽ ra sao nếu bữa đó chúng tôi đã phải đáp chuyến bay đi Arkansas!



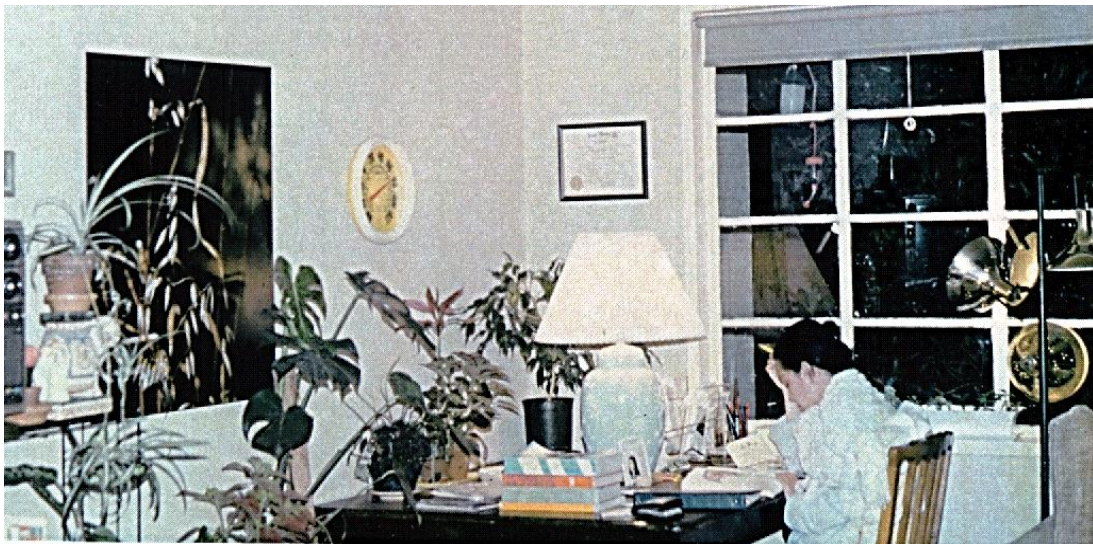
Căn cứ không quân El Toro

Sau vài tháng sống với gia đình người bảo trợ, tôi gặp một khách hàng cũ của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam là ông Huỳnh Trung Lập, nay đã qua đời, tại San Francisco. Ông trả tôi 500 Dollars một tháng để giúp ông làm thủ tục vay 100,000 Dollars loại ưu đãi

của Bank of America. Mục đích nhằm để mở một quán ăn Pháp "La Cabane" trên đường sang trọng Union Street.

Tiền thuê nhà của tôi lúc đó là 200 Dollars mỗi tháng trong khu Parkmerced. Nơi này trước đây là một khu rẫy trồng atisô nên dư đất để xây công viên, vườn tược, sân tennis... Đường như Thượng Đế dành cho chúng tôi một nơi trú ẩn thoải mái. Marie và tôi cảm thấy tìm được một chốn nương thân thanh bình. Thật khó tả được cảm giác của mình khi sống trong một căn nhà trống trải không có bàn ghế gì cả, chỉ tro tro có sàn gỗ thô. Tôi nhớ mãi cảnh họp mặt với khoảng chục bạn cũ ở Sài Gòn tại "căn nhà mới" của chúng tôi. Cả chủ lẫn khách đều ngồi "dưới đất" dùng đĩa giấy và đũa tre để ăn cơm tối.

Đồ dùng tôi mua đầu tiên là chiếc đồng hồ báo thức đáng giá 10 Dollars để đi làm đúng giờ. Vùng Vịnh có nhiều chợ trời rất tiện lợi. Xóm chợ trời Alameda, ở bên kia bờ Vịnh, là nguồn cung cấp những đồ dùng tối cần với giá thật thấp cho "căn nhà mới" của chúng tôi: 5 cents cho mỗi con dao, muỗng nĩa, vài dollars cho nồi niêu soong chảo, một Dollar cho mỗi chiếc quần jeans hay áo sơ mi... Món hàng mắc nhất tôi mua là cái bàn vuông bằng gỗ nặng và chắc giá 35 Dollars. Bàn này được dùng làm nơi ăn cơm, làm việc, học bài và luôn thể để tiếp khách. Đây đúng là một đầu tư hữu ích và đa dụng!



Marie đang học bài nơi bàn duy nhất tại "nhà mới" của chúng tôi năm 1975

Vài tháng sau, hồ sơ vay tiền mở nhà hàng được chấp thuận và tôi cũng kiếm được một việc mới với công ty kỹ thuật khổng lồ Bechtel Inc. nằm trong trung tâm thành phố San Francisco. Mỗi ngày tôi lấy xe bus đi làm. Với đồng lương mới dư dả hơn, chúng tôi mua xe hơi đầu tiên: chiếc Chevrolet Vega station wagon, vừa rẻ tiền, tiện ích, chi phí bảo trì thấp và lý tưởng để đi camping vào cuối tuần hay ngày nghỉ.

Một hôm, chúng tôi cắm trại tại một địa điểm tốt gần Pacific Coast Highway 1. Chúng tôi đang ngủ ngon giấc trong "sleeping bags" bên trong chiếc station wagon thì một tiếng động

lạ và lớn từ mui xe khiến chúng tôi hoảng sợ. Thật may không có Việt Cộng lẫn quần nơi đây. Chúng tôi mong đợi cho mau sáng. Tới lúc đó, chúng tôi khám phá ra chiếc xe dính đầy dấu chân bùn của một con "raccoon." Trong đêm, chính nó là thủ phạm đã cạy thùng trữ lạnh để thưởng thức khối "roast beef" ở bên trong!

Chúng tôi hài lòng với cuộc sống ở San Francisco nhờ có các thức ăn Á Đông đa dạng và bầu không khí quốc tế của nó. Tại thành phố tốt nhất miền Tây nước Mỹ, chúng tôi thấy đây đúng là tụ điểm của nền "văn hóa dùng đũa" (Trung hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam.)

Đất nước "Cơ Hội" đã đem lại cho tôi nhiều bất ngờ, giúp tôi sống một cuộc đời thoải mái, ít lo âu. Siêu thị Asian Sunset Supermarkets tọa lạc gần hai tiệm Lucky và Safeway rất tiện lợi và cho phép tôi tha hồ chọn lựa các thức ăn của hai phương Đông và Tây. Khi còn ở bên nhà tôi không hề biết nấu ăn hay tới lui nhà bếp. Phần đông các gia đình trung lưu có người bếp trong nhà. Ở Sài Gòn, nhà bếp nối liền với nhà trên của tôi bằng một hành lang có mái che. Bây giờ, tại Tân Thế Giới, tôi cần thích nghi với lối sống mới. Tôi hiểu rằng trong suốt quãng đời còn lại, tôi sẽ không bao giờ có một người bếp nữa. Đồng thời, Marie và tôi, đã có thói quen ăn những món ngon miệng tại Vùng Vịnh. Giải pháp lẹ và gọn nhất là chúng tôi học cách tự nấu ăn lấy. Thế là chúng tôi cùng lúc tạo cho mình một "hobby", một thú vui mới. Trong mỗi số báo thứ tư của tờ San Francisco Chronicle, "Ellis the Butcher" dạy cách chọn thịt ngon với giá rẻ. Chẳng hạn như đi sớm tới chợ Safeway hay Lucky để chọn mua steak loại thấp nhất là "chuck blade." Phần giữa miếng thịt làm steak rất ngon trong khi phần còn lại dùng để nấu món thịt kho. Mỗi sáng thứ tư, trang dạy nấu ăn cũng đăng tải một vài công thức nấu ăn chọn lọc. Nhờ thường xuyên tập nấu, chẳng bao lâu, Marie và tôi đã trở thành hai tay đầu bếp tại gia "có hạng." Thêm nữa, tôi cố nấu lại những món ăn đặc sắc nhất mà ông bếp của chúng tôi ở Sài Gòn đã cho chúng tôi thưởng thức. Ông này là nhân viên về hưu của công ty hàng hải Pháp "Messageries Maritimes" có làm bếp trên tàu chạy đường Sài Gòn-Marseilles. (xin xem Chương 22. Ấm Thực Trong Đời Tôi)

Về âm nhạc, qua nhật báo Chronicle, Marie và tôi may mắn mua được một đờn dương cầm còn thật tốt hiệu Steinway của một nhạc sĩ Mỹ sống trong Chinatown. Ông ta ký được một giao kèo làm việc ở Hollywood và bán lại cho chúng tôi chiếc đờn piano còn tốt với giá 2,500 Dollars. Đây là vật đắt tiền nhất trong nhà chúng tôi. Chúng tôi gặp nhiều khó khăn cùng với người dọn nhà chuyên nghiệp để đưa đờn ra khỏi căn nhà trên lầu hai nhỏ hẹp của ông. Bây giờ Marie may mắn có piano để tập dượt rồi.

Khi làm việc tại Bechtel, tôi quen được hai bạn thân mới là Stan Tull và Ted Paul. Trong thời chiến, kỹ sư Stan có qua Việt Nam một thời gian ngắn để lập một hệ thống liên lạc cho không quân Mỹ. Riêng Ted, Đại-tá Hải Quân, phục vụ trong một công trình xây cất của đơn vị Seabees, Hải Quân Hoa Kỳ, tại phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi nhớ rõ lễ Giáng Sinh 1975 đầu tiên bên Mỹ thật cô đơn, không bà con thân thuộc. Ông Paul mời hai chúng tôi với bạn của chúng tôi là bác sĩ Hườn tới nhà ăn mừng lễ Noel với gia đình ông ta. Tôi rất xúc động trước cử chỉ đầm ấm và hiếu khách của ông.

Đông gặp Tây

Một sự trùng hợp bất ngờ là hai cặp vợ chồng Paul và chúng tôi cử hành hôn lễ trong cùng một ngày. Kể từ năm 1976 cho tới nay, hàng năm chúng tôi đều ăn mừng chung kỷ niệm ngày cưới. Người Mỹ có câu tục ngữ "A friend in need is a friend indeed" đúng là "có bạn khi khó - bạn đó mới thân."



Cuộc họp mặt bỏ túi hằng năm với Dot và Ted



Du thuyền với Dot và Ted qua Angel Island



Picnic với Dot và Ted tại Sonoma Vineyard và Angel Island

Mỗi năm, chúng tôi chọn một nhà hàng ngon mới trong Vùng Vịnh để ăn mừng. Ted và Dot có villa đẹp ở San Raphael, Ca, và một chiếc thuyền máy khá tốt với những căn phòng và nhà bếp đầy đủ tiện nghi. Có lần chúng tôi dùng khai vị "Champagne với foie gras" trên chiếc thuyền bỏ neo tại khu San Francisco Marina trước khi đi tới nhà hàng Tàu Mandarin danh tiếng ở Ghiradelli Square để dùng cơm tối. Chúng tôi đặt món vịt quay Bắc Kinh được nhà bình bút sành điệu Herb Caen của tờ San Francisco Chronicle cho điểm là ngon nhất trong vùng. Lần khác chúng tôi chọn quán nổi tiếng "Auberge du Soleil" ở Napa có đầu bếp lừng danh Masa nấu. Năm sau đó, chúng tôi tới tiệm ăn Manka xinh xắn và thơ mộng nằm ẩn mình trên ngọn đồi có nhiều nghệ sĩ ở Inverness của tiểu bang California. Món ăn đặc biệt của quán này là ngỗng quay của Đức. Năm nay, 2015, Dot vắng mặt vì phải dọn nhà đi Seattle để sống gần Cindy, con gái của bà và cũng là một đại tá trong Hải Quân Hoa Kỳ.

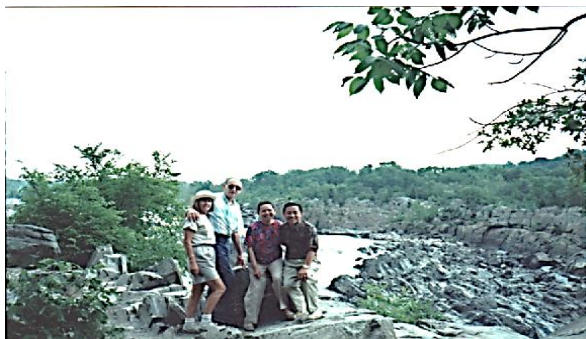
Vợ chồng Stan và Ursula Tull, cũng thông cảm tình cảnh cô đơn và tị nạn của chúng tôi sống trong một thành phố xa lạ nên nhiều lần có mời chúng tôi tới nhà dùng cơm. Để chúng tôi được thoải mái, vợ chồng này cũng mời hai vị thân sinh của Marie từ Pháp qua thăm chúng tôi đi theo luôn thể. Người anh song sinh của tôi tên Quý và hai con là Philippe và Sabine sống bên Paris cũng có dịp đi trên thuyền buồm của Stan để chiêm ngưỡng vùng Vịnh San Francisco tuyệt đẹp. Tôi cũng rất vui mỗi khi đánh tennis với Stan và các bạn của Stan trên sân ở Tiburon, Ca.



Trên thuyền buồm của Stan trong Vùng Vịnh San Francisco



Họp mặt vui vẻ tại nhà của Stan ở Sausalito, Ca



Cùng Ursula và Stan ở Falls Church, VA



Đi picnic ở California với Stan và Ruth



Dùng cơm tối cùng anh Hườn tại nhà Ursula và Stan ở Sausalito



Marie và thân sinh tại nhà của Stan



Bữa cơm tối có món lẩu ở nhà chúng tôi, S F

Đương nhiên là Marie và tôi thích trả lễ và mời các bạn chúng tôi đến những nhà hàng Tàu ngon nhứt của San Francisco. Khi Stan và Ursula dọn đi Falls Church trong tiểu bang Virginia, Marie, tôi và anh Hườn có đến thăm họ tại nhà mới. Chúng tôi cùng nhau thưởng thức một bữa ăn vui vẻ đặc biệt có cua lột "soft shell blue crabs" ở Annapolis, Chesapeake Bay. Gần đây một chuyện đáng quý và độc đáo đã xảy đến cho tôi: Stan, mệnh danh con một sách, đã thuyết phục tôi nên cầm bút viết cuốn hồi ký này vì anh nghĩ tôi có nhiều điều thú vị để kể lại với độc giả và việc viết lách chống bệnh Alzheimer nếu có của người già. Chính Stan đã tự nguyện giúp tôi hoàn tất cuốn sách duy nhứt của đời tôi và của họ Khương Hữu.

Sống trong căn phòng thuê chưa bao giờ mang lại cho tôi cảm tưởng đang cư ngụ dưới một “mái ấm gia đình.” Sau ba năm làm việc cực nhọc, chúng tôi tiết kiệm được đủ tiền để nghĩ tới việc mua nhà. Việc này khá gay go vì bất động sản ở California nổi tiếng đắt nhứt nước Mỹ trong khi ở San Francisco giá nhà lại cao nhứt California. Tại sao vậy? Câu trả lời thật đơn giản: đó chỉ vì luật cung cầu mà thôi. Trên thế giới hiện có 1,400,000,000 người Hoa sinh sống ở lục địa cộng thêm 40,000,000 người khác tại hải ngoại. Những con số thống kê chính thức gần đây cho thấy mỗi năm hàng trăm ngàn người Hoa khá giả đã mua nhà ở khắp nơi trên thế giới - nhứt là tại Hoa Kỳ và San Francisco lại là một trong những nơi họ ưa thích hơn cả nhờ sự ổn định chính trị, đời sống thoải mái và an toàn. Đặc biệt là về vấn đề giáo dục của con cái họ. Nếu muốn, họ có thể sống một cách dễ dàng tại Chinatown mà chỉ cần nói tiếng Hoa thôi.



Cửa chánh vào San Francisco Chinatown

San Francisco Chinatown là khu phố người Hoa sinh sống lớn nhứt bên ngoài Á châu và lâu đời nhứt tại Bắc Mỹ. Du khách tới San Francisco cũng thường ưa thích đi thăm viếng khu này. Thành phố San Francisco ba mặt giáp biển còn mặt thứ tư giáp Daly City. Vì thế số nhà nơi đây luôn luôn bị giới hạn trong khi số cầu luôn luôn gia tăng. Thêm vào đó, giá nhà tại địa phương không tùy thuộc mấy vào tình trạng kinh tế của nước Mỹ. Vì sao? Người Hoa ưa mua nhà ở San Francisco vì cuộc sống nơi này thích hợp với họ và Hoa Kỳ là một nước pháp trị. Ngoài ra, tiền của người Hoa Hải Ngoại đã nằm sẵn trong các trương mục ở ngoại quốc hay tại San Francisco rồi. Trong lúc người dân bản xứ phải thương lượng vay tiền mua nhà với ngân hàng thì người Hoa Hải Ngoại có thể trả tiền mặt và đôi khi, nếu cần, họ còn trả cao hơn giá rao bán của chủ nhà nữa.

Một lần nữa, số tôi may mắn nên nhà lại tìm đến tôi. Tại sao? Mỗi cuối tuần tôi chơi tennis với anh Hv Hườn, Lq Thi và Nb Cẩn tại Parkmerced. Đánh xong, anh Hườn và Thi thường tới nhà tôi dùng cơm trưa. Một hôm, anh Thi cho tôi biết người anh em họ của Thi tên Dq Hồng, cựu tổng lãnh sự Việt Nam ở San Francisco, muốn bán ngôi nhà của anh ta và dọn về San Jose. Ngay tức khắc, chúng tôi làm giấy tờ và hoàn tất thủ tục ký quỹ. Cái may của tôi là nhà này hội đủ tiêu chuẩn rất quan trọng là “địa thế, địa thế và địa thế.”



Ngôi nhà mới của tôi có mũi tên đỏ chỉ vào trong không ảnh của San Francisco - Lấn trắng là sóng chạy dài theo bãi biển

Có thể anh bạn làm ngoại giao của tôi biết cách chọn nơi thuận tiện để sống. Ngôi nhà của anh Hồng gần khu thương mại Lake Shore, khu rừng cây khuyh điệp Stern Grove có trình diễn ca nhạc ngoài trời trong mùa hè, trung tâm mua sắm sang trọng Stonetown Galleria và ba con đường Vicente-Noriega-Irving được coi là các khu phố Tàu nhỏ. Phương tiện chuyên chở công cộng chỉ cách nhà một bloc, còn bờ biển Thái Bình Dương cũng kề cận. Gần bên, có trường Lowell Highschool thật nổi tiếng. Với tất cả sự tiện lợi vừa kể, Marie và tôi quyết định cố giữ ngôi nhà này để sống lúc về hưu càng lâu càng tốt. Đặc biệt hơn cả là nơi đây, khí hậu ấm dịu quanh năm. Mọi sự đều đúng như ý chúng tôi mong mỏi. Trong bốn mươi năm trời, không có một nhà nào bị ăn trộm trong khu chúng tôi ở.

Một may mắn khác đã đến với chúng tôi. Chúng tôi vừa mua nhà xong là có một người hàng xóm ở Parkmerced sửa soạn dọn nhà đi San Diego. Người này đề nghị bán toàn bộ bàn ghế trong nhà cho chúng tôi với giá 400 Dollars thôi. Ngay tức khắc, các bạn tị nạn của tôi chất những đồ đạc đó lên mui xe của họ để chở đến nhà mới cách đó khoảng một dặm Anh. Chẳng bao lâu sau ngôi nhà của tôi đã biến thành tổ ấm. Nhân đây, tôi cũng xin nói thêm là căn nhà ở Riverton của chúng tôi còn có giá trị về lịch sử nữa. Người chủ cũ là nhiếp ảnh gia Joe Rosenthal, người đã chụp bức ảnh dựng cờ nổi tiếng ở Iwo Jima trong thời Đệ Nhị Thế Chiến.



Dựng cờ ở Iwo Jima, do Joe Rosenthal chụp/ảnh Associated Press

Tôi xin trở lại với cuộc sống nơi ngôi nhà mới. Đúng là chiến tranh là địa ngục còn hòa bình là địa đàng. Chúng tôi đã dùng phòng khách ở tầng trệt để làm nơi trú ngụ cho nhiều đợt người tỵ nạn. Cả thầy là chín đợt. Cứ sau khoảng một năm, mỗi nhóm trở nên tự túc được rồi dọn ra ngoài để nhường chỗ cho nhóm sau. Thượng Đế dường như có tưởng thưởng và ban cho chúng tôi được khỏe mạnh và an vui.

Việc làm ở Bechtel, giống như tại nhiều công ty Mỹ khác, có nhiều căng thẳng và tranh đua. Giải pháp của tôi để được sống an vui là đến gần Thiên Nhiên càng nhiều càng tốt trong những ngày cuối tuần. Tôi đã học được điều này trong một lớp về văn chương Pháp vào năm 1950 tại Lycée Yersin. Lúc đó tôi làm quen với văn hào lãng mạn Lamartine và thuộc lòng câu thơ của ông: «La nature est là qui t'invite et qui t'aime» «Nhưng thiên nhiên hiện đó, kêu mời và trù mến...»

Đó là phương cách hữu hiệu “giúp” tôi “thanh thản” khi tinh thần bị căng thẳng nơi sở làm. Tuy nhiên lúc này tôi nhận thấy có sự khác biệt trong lòng khi bước chân vào sở: Ở bên nhà, tôi làm việc để đóng góp vào sự phát triển mở mang cho đất nước buồn khổ của mình. Lúc đó động cơ thúc đẩy tôi là lòng yêu nước và tinh thần hăng say, nhiệt tình. Bây giờ tôi làm việc cho một phi trường ngoại quốc ở thủ đô Riyadh xa lạ của xứ Saudi Arabia rất giàu có. Tôi phải rán sức làm việc để xứng đáng với đồng lương tôi nhận nhưng tôi không còn lửa thiêng một thời đã rực sáng trong lòng tôi khi làm việc phục vụ cho xứ sở nghèo khổ của mình. Thẳng thắn mà nói, vào những lúc đó, tôi có cảm tưởng tôi là tên lính đánh thuê chẳng khác gì người lính Lê Dương của Pháp đi đánh nhau nơi đất khách quê người.

Vào năm nay, tôi thấy mình ở trong tình cảnh hi hữu đã sống qua ba mươi bảy năm tại một đất nước kém mở mang trong thời chiến bên Á Châu và bốn mươi bảy năm ở Hoa Kỳ tân tiến không còn phải chịu cảnh máu lửa trong xứ nữa. Tôi thắc mắc tự hỏi yếu tố nào đã làm nảy sinh sự khác biệt trong hai nếp sống đó. Câu giải đáp thật dễ hiểu: đó chính là niềm vui thỏa được thở không khí tự do và độc lập hằng ngày. Tỉ dụ như năm nay là năm kỷ niệm lần thứ 40 ngày Miền Nam bị mất vào tay cộng sản. Tôi có viết một bài báo gởi tờ San Jose Mercury News chỉ trích nặng nề hành động hắc ám của Henry Kissinger, một chính trị gia còn sống nổi tiếng đầy quyền uy và cũng là cựu Tổng trưởng Ngoại giao và Cố vấn An ninh Quốc gia. (xin coi Chương 18.) Tôi không chút e ngại sẽ bị một sức mạnh chính trị nào trừng phạt cả. Đây chính là một bằng chứng hùng hồn về quyền tự do phát biểu của nước Mỹ. Trong số báo ngày 30 tháng tư, 2015 tờ báo ở San Jose đã cho in toàn thể bài báo tôi viết với hàng tít: "Kissinger's Betrayal: he sold out South Vietnam in the 1973 Paris Accords" hay "Sự Phản trắc của Kissinger: ông ta đã bán đứng Miền Nam Việt Nam trong Hòa ước Ba lê năm 1973." Ngay tờ bào này cũng không sợ bị hãm hại chi cả. Dưới con mắt tôi, một lần nữa, đây là bằng chứng sống động của quyền tự do phát biểu và quyền tự do báo chí. Hiển nhiên là một việc làm như vậy có thể sẽ đưa tới sự ám hại, trả thù ở nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Tới đây, tôi xin trở lại đề tài đời sống tỵ nạn của tôi. Tôi lấy làm hân hoan khi nghĩ tới việc tôi được tận hưởng tự do cho tới cuối đời mình tại đất nước này. Tôi cảm tạ Thượng Đế đã

đưa tôi tới bờ bến này thay vì một nơi nào khác. Nhờ kinh nghiệm của chính mình mà tôi biết được nơi đây là đất nước của “Cơ Hội.” Khi đặt chân tới trại tỵ nạn, tôi hoàn toàn trắng tay nhưng nhờ làm việc siêng năng và lương thiện mà hai vợ chồng tôi được hưởng cuộc đời về hưu thoải mái ngoài sức tưởng tượng của mình. Đương nhiên, tôi cũng nhận xét thấy một số người lạm dụng hệ thống phúc lợi xã hội của Mỹ nhưng thế hệ sau họ đã tỏ ra siêng năng hơn. Tôi biết khi đưa ra ý kiến như vậy có thể gây ra nhiều tranh cãi và có phần định kiến nơi tôi nhưng tôi đã nhiều lần thấy dân trong nhóm “văn hóa dùng đũa” như Nhật, Đại Hàn, Việt Nam và Trung Hoa học hành cũng như làm việc *cẩn cù hơn*. Khi hành động như vậy, họ đóng góp một cách tích cực cho Đất Nước Tự Do đã cứu mang họ cùng với các dân tộc khác đến từ nhiều chủng tộc, tôn giáo và văn hóa để cho mọi người có cơ hội được sống cùng nhau trong cảm thông và sung túc. Tôi cầu mong những nhóm thiểu số khác sẽ chấm dứt việc lạm dụng hệ thống an sinh xã hội đã bị quá tải của chúng ta.

Nhờ công việc khá vững ở Bechtel nên tình trạng tài chánh của chúng tôi khả quan hơn. Lần đầu tiên trong cuộc sống mới, tôi cảm thấy được an toàn và tự tin để khởi sự thiết lập cho mình một con đường đưa tới nếp sống vui thỏa. Nó cũng đơn giản thôi:

1. Giữ gìn sức khỏe nhờ tập đều đặn về thể xác cũng như tinh thần và ăn uống đầy đủ chất bổ;
2. Làm việc và tiết kiệm, sống cuộc đời cần kiệm;
3. Vui vẻ với bạn bè và bà con. Giao thiệp tốt đẹp với người chung quanh mình;
4. Bất cứ lúc nào làm được, nên luôn sống với thiên nhiên;
5. Làm vườn;
6. Chọn một thú vui lâu dài như viết lách, nấu ăn...

Tôi báo tin cho đại gia đình sống bên Pháp biết về tình trạng ổn định của tôi và mời mọi người qua thăm chúng tôi. Đồng thời chúng tôi hứa sẽ có sẵn một phòng khách dành riêng cho họ khi họ đến. Những bạn cũ Sài Gòn của chúng tôi cũng nhận được lời mời. Tôi để ý thấy San Francisco là một địa điểm du lịch được nhiều người ngoại quốc ưa thích. Thực vậy, thành phố này có nhiều ưu điểm lắm. Tuy dân số ở đây chưa tới một triệu người, thành phố ven biển này có nhiều điểm hấp dẫn như – nhà hàng tầm cỡ quốc tế, bảo tàng viện, hội chợ, lễ hội âm nhạc, thành phần dân cư quan trọng có học thức cao và hoạt động kinh tế được cải tiến. San Francisco xứng đáng được xếp vào thành thị tốt nhất trong năm 2012 nơi trang web của Businessweek.com. Việc xếp hạng dựa vào những tiêu chuẩn giải trí như: số tiệm ăn, bar bán rượu, thư viện, bảo tàng viện, đội thể thao chuyên nghiệp, và số mẫu đất dùng làm công viên so với đầu người. Kể đến là tiêu chuẩn giáo dục như (thành quả đi thi của các học sinh trường công, số trường đại học, tỷ lệ người có bằng đại học so với dân số.) Bên cạnh đó, còn có tiêu chuẩn kinh tế gồm mức lợi tức và số thất nghiệp. Yếu tố phạm pháp và chất lượng không khí cũng được xét tới nữa. Gần đây, nhóm chuyên viên kỹ thuật trẻ tuổi ồ ạt dọn vào San Francisco ở khiến chi phí sinh sống tăng cao. Tiền thuê một căn studio trung bình lên tới 2,705 Dollars một tháng. Tưởng cũng nên nói thêm hai thành phố Seattle (hạng hai) và Portland (hạng năm) đã vượt mặt hai thành phố miền Nam California là San Diego (hạng chín) và Los Angeles (hạng 50) trong bảng xếp hạng. Điều trở trêu là

trong khi thành phố trở nên thịnh vượng hơn thì số người vô gia cư nơi đây lại thuộc một trong những nhóm đông đảo nhất nước.

Tôi vui vẻ tiếp đón nhiều bạn bè tới thăm nhà khiêm tốn của mình. Anh Năm tôi, con người tốt bụng và rộng lượng, nhiều lần từ Liège bên Bỉ đến nhà thăm tôi. Tôi luôn nhớ sau bảy năm du học ở Mỹ về tới Sài Gòn, anh Năm đã tận tình chăm lo cho tôi như một người anh và ân nhân nữa. Không những anh cho tôi ở trong một villa ấm cúng của anh mà còn để tôi dùng chiếc Peugeot 403 anh mới mua. Đôi khi anh còn cho tôi mượn chiếc xe sport VW Karmann Ghia hai chỗ ngồi láng bóng của anh.



Xe VW Karmann Ghia láng bóng Anh Năm, con người hào phóng, đến từ Liège, Bỉ

Chúng tôi hết sức gần gũi nhau. Anh qua đời cách đây vài năm và tôi tiếc nhớ anh nhiều lắm.

Tinh thần tôi thật nhẹ nhõm khi biết mình đang sống an toàn trong nhà mới và không còn bị ám ảnh bởi những bất trắc hay thảm họa của chiến tranh nữa. Chúng tôi khởi công tìm kiếm các bà con bị thất lạc đăng hợp mặt trong những ngày lễ giỗ. Ngoài ra, chúng tôi còn tụ tập được một nhóm bạn hữu cũ thời còn ở Sài Gòn nay đang định cư tại Vùng Vịnh để lập Hội Cứu Long với những sinh hoạt đều đặn. Điều may mắn nữa là San Francisco thu hút được nhiều du khách kể luôn cả các bạn, anh chị em, anh em họ, các cháu từ Pháp qua. Chúng tôi không còn cô đơn như trước. Lòng hiếu khách, thành thực, “thấy sao nói vậy” của tôi giúp chinh phục được các bạn bè mới cũng như cũ. Tính thích ăn ngon của chúng tôi cũng giúp ích phần nào.

“Tổ ấm” của chúng tôi được dùng cho nhiều hoạt động đa dạng: một hội quán để bạn hữu gặp nhau, bản doanh tổ chức những cuộc đi cắm trại trên cả nước Mỹ, nơi giúp đỡ người tỵ nạn mới tới. Ngoài ra cũng tại nơi đây tôi làm những việc như nấu ăn, làm vườn, viết sách, tìm hiểu những sở thích khác nữa. Cảm ơn Thượng Đế đã ban cho tôi cuộc đời tại Tân Thế Giới này. Trong những năm đầu, chúng tôi tận hưởng những thú vui, giải trí công cộng của San Francisco như: nghe nhạc nơi công viên, thăm viếng bảo tàng De Young Museum,

Museum of Modern Art, Botanical Garden, công viên Golden Gate Park, sở thú, Exploratorium, hai hòn đảo Angels island và Alcatraz...



Mùa hè nghe nhạc tại Stern Grove

Ở tuổi 85, tôi cảm thấy vui vẻ và thỏa lòng được chia sẻ những giờ phút vui tươi với tất cả mọi người trong đại gia đình từ những nơi xa xôi đã đến “tổ ấm” thăm hỏi chúng tôi: Chị Ba và hai người con từ Nice, Pháp, hai người con ở Soissons và Reims; Chị Tư từ Garden Grove cùng các con; Anh Năm từ Liège, Bỉ; Chị Sáu và các con từ Aubervilliers, Pháp; Chị Bảy từ Los Angeles cùng các con; anh song sinh với tôi và gia đình từ Ba lê. Còn những người khác trong đại gia đình đến từ những góc trời xa lạ như Marquesas Islands, New Caledonia, Reunion Island hoặc Paris, Bordeaux, Houston, Chicago, Orlando, Las Vegas, Garden Grove, Des Moines, Pinellas Park, Florida. Một vài nhân viên trước kia làm việc với tôi ở Sài Gòn đến từ Úc Châu, Tân Tây Lan và Gia Nã Đại.

Tôi chưa bao giờ tưởng tượng rằng có thể sống một cuộc đời tốt đẹp và vui tươi như vậy chỉ sau vài “năm lặn lội lúc ban đầu.” Niềm vui của chúng tôi thật bao la khi cháu Sáng và

chồng Renaud đã bỏ công đến từ Reims thăm chúng tôi chín lần trong mười năm liền vào dịp hè. Mỗi bận, chúng tôi tổ chức đi thăm viếng một nơi hấp dẫn khác nhau trong tiểu bang California, cùng nhau thưởng thức hải sản tươi ngon của San Francisco uống kèm với rượu nho tuyệt vời hai cháu đem qua từ Pháp hay của Napa, Sonoma, San Luis Obispo, Oregon, ... Quả là kỳ diệu, khi dùng Internet, Renaud từ Reims đã kiếm được những nơi nghỉ hè tốt nhất ở California trong khi tôi đang sống ở San Francisco lại không làm được như thế.



*Renaud và Sáng (trái) từ Reims, Pháp đã tới thăm chúng tôi 9 lần trong 10 năm.
Hình chụp hai vợ chồng cháu dùng cơm trưa hàng tuần với bạn của chúng tôi*



*Trái qua phải: Minh, Đàng, Hoàng, Điểu, Sáng, Marie
cùng thưởng thức tôm tươi luộc với rượu Chardonnay của Napa*

Đặc biệt năm 2015: (xin xem hình bên trên) tất cả các con của Chị Ba tôi dự tính họp tại nhà tôi. Tôi lo sao lúc nào cũng có đủ thức ăn và rượu ngon để thết đãi các cháu. Các cháu gọi tôi là "The last of the Mohicans" hay "Người bộ lạc Mohican cuối cùng." Nghĩ cũng đúng vì tất cả các chị và anh Năm của tôi đã qua đời nên tôi là người duy nhất thuộc thế hệ lớn tuổi có thể đứng ra tụ họp gia đình. Tôi cầu mong sẽ còn nhiều cơ hội làm được việc này! Chúng tôi cũng có dịp tổ chức đám cưới cho hai cháu Định và Linh tại nhà và bữa tiệc buổi trưa với gia đình ở vườn sau nhà. (Xin xem hình)



Tiệc cưới của Định-Linh tại nhà trước bàn thờ ông bà



Bà con về dự đám cưới của Định-Linh. Trái qua phải: Nghĩa, An, Quí, Bá, Diều, Lợi, Cang

Mối liên hệ với gia đình và họ hàng rất khăng khít ở xứ mình. Nhưng sau khi tới Hoa Kỳ, tôi thấy không còn bị lệ thuộc quá nhiều vào đó như xưa nữa.

Bây giờ, tôi xin đề cập tới thời kỳ tôi đi vào tuổi 70. Tôi còn hăng say lái chiếc VW Westphalia camper để tìm những thú vui ngoài trời như đi cắm trại, thả bộ theo những đường mòn hoang vu. California là nơi lý tưởng cho lối sống này nhờ có nhiều sông, hồ, núi, bãi biển, vườn nho nằm trên sườn đồi, rừng cây redwood khổng lồ... Trong những dịp cuối tuần hay nghỉ hè, Marie và tôi thường hay cùng bạn hữu thăm viếng những khu cắm trại hữu tình như: Sierra Foothills, Lake Tahoe, miền duyên hải Pacific Coast, Redwood State Parks, vùng trồng nho Napa và Sonoma, Mendocino, Carmel, Monterey... Tùy theo thời tiết cuối tuần chúng tôi quyết định hướng đi. Đa số những khu cắm trại bên Mỹ có đầy đủ tiện nghi, sạch sẽ, có nước lạnh và nước nóng, có bồn cầu giặt nước.

Có lần đi cắm trại tại một vùng rộng lớn của bộ lạc Navajo Nation (Ariz.-N.M.-Utah) tôi bị bất ngờ mãnh liệt, khi đi thăm một trường trung học của họ và gặp những học sinh trông giống hệt các bạn học của tôi bên nhà hồi nhỏ. Tôi nghĩ với kinh nghiệm về phát triển kinh tế của mình trong suốt mười bảy năm trời có lẽ tôi có thể đóng góp chút gì cho bộ lạc này. Tiếc thay đây chỉ là một giấc mơ không thành tựu. Thực ra có thuyết cho rằng người thổ dân của Mỹ Châu (bây giờ được cho biệt danh "First Americans") chính là con cháu nhiều đời của nhóm di dân đầu tiên đi từ Á Châu bằng qua cầu đất liền Beringia (nay là Bering Strait). Theo các nhà nghiên cứu làm việc dưới sự điều hợp của Giáo sư Andres Ruiz-Linares thuộc phân khoa Genetics, Evolution and Environment của University College London (UCL) bên Anh, sự kiện đó xảy ra trong thời kỳ băng hà cách nay hơn 15.000 năm.



Gia đình đi picnic ở bãi biển Gò Công với má, chị Sáu và các con gái, chị Bảy và bà con, 1951

Theo truyền thống gia đình, từ thời thơ ấu, ba tôi đã dạy cho chúng tôi biết thú vui của cuộc sống ngoài trời để có được một tâm hồn lành mạnh trong một cơ thể cường tráng. Tuy vậy, chúng tôi gặp nhiều trở ngại vì những hoạt động của cộng sản trong các làng xã. Gần như không thể nào “cắm” trại được vì lý do an ninh trong thời chiến. Nơi đi chơi tốt nhất cho dân Sài Gòn thời đó là thành phố ven biển Vũng Tàu (trước đó là Cap St Jacques) với những bãi cát trắng cách thủ đô lối 2 giờ lái xe. Hồi còn ở Mỹ Tho, chúng tôi thường đi biển Gò Công, có bãi cát xám nằm tại cửa sông Cửu Long với dòng nước “chè hai” trộn bùn. Tôi cũng xin lưu ý bạn đọc là vào năm 1951, kỹ nghệ du lịch chưa được phát triển nên biển Gò Công vẫn còn ở trạng thái thiên nhiên với cát xám. Chúng tôi không kiếm đâu được một cái bàn để ăn picnic nên phải trải chiếu trên bãi cát để ngồi ăn trưa.

Ngược lại, trong thập niên 1970, Vũng Tàu là một địa điểm được dân Sài Gòn ưa thích viếng thăm vào cuối tuần nhờ có cát trắng và nước biển trong. Các quán cơm hải sản mọc lên như nấm gần bãi biển. Việc đi lại bằng đường bộ đôi khi cũng nguy hiểm vì thường bị Việt Cộng đắp mìn hay phục kích.



Tại bãi biển Vũng Tàu với bạn của tôi, anh Hườn

Thật là cả một sự khác biệt so với cuộc sống thanh bình của tôi lúc này tại San Francisco! Tôi thích tổ chức những cuộc đi cắm trại rất an toàn dọc theo bờ biển Thái Bình Dương từ thành phố San Diego lên “Super Natural British Columbia” tới vùng phía Bắc của Alaska. Lúc mới đi cắm trại năm 1975, chúng tôi có chiếc xe rẻ tiền Vega station wagon của thời nghèo. Sau khi tiết kiệm được kha khá, chúng tôi đổi qua chiếc Volvo 240-DL, có mang theo lều nylon màu đỏ đủ cho 5 người nằm và các dụng cụ cắm trại của hãng Coleman. Sau cùng, chúng tôi sắm được chiếc xe khá hơn “VW Westfalia camper”, nhỏ gọn và tiện ích cho những buổi đi cắm trại ngoài trời.



Buổi đi cắm trại với chiếc xe hơi đầu tiên của tôi hiệu Chevrolet Vega Kammback wagon đời 1975



Chuyến qua chiếc Volvo tốt hơn với lều màu đỏ. Gia Nã Đại là quốc gia duy nhất có nhân viên kiểm lâm/Park Rangers phân phát củi trại miễn phí tại chỗ.

Chúng ta có câu: một tấm hình đáng giá một ngàn chữ. Sau 40 năm hưởng thú sống với thiên nhiên, tôi đã chọn được những nơi cắm trại tốt nhất để ghi lại trong cuốn hồi ký này: Đứng đầu số là những nơi ở California và các tiểu bang miền Tây nước Mỹ, kể tới là vùng phía Bắc "Super Natural British Columbia", vùng núi Rockies bên Gia Nã Đại rồi sau cùng là vùng hoang dã của Bắc Alaska.



Mono Lake qua đèo Tioga, Ca (3,031 m)



Đèo Tioga, Sierra Nevada, Ca



Đi cắm trại tại Lake Siskiyou, Mt Shasta, Ca



Cắm trại, bơi thuyền với gia đình tại Lake Siskiyou, Mt Shasta



Lake Siskiyou, Mt Shasta



Cắm trại, bơi thuyền tại Lake Siskiyou, Mt Shasta



Cắm trại tại Sierra đầy đá "granite" thật to với chiếc xe camper VW Westfalia



Xe camper có hai bếp ga, một bồn rửa chén, một tủ lạnh chạy bằng ga hay điện loại AC và DC, bồn chứa nước uống, hai bàn ăn có bốn chỗ ngồi

Lý do nào mà chiếc xe loại đi cắm trại VW Westfalia được coi là "mobile home" lý tưởng của chúng tôi? Với mắt của một kỹ sư cơ khí, tôi rất thích sự chính xác, tỷ mỉ trong cách thiết kế kỹ thuật của người Đức. Loại xe VW Vanagon camper rất được ưa chuộng từ thập niên 1950 và suốt cả nửa thế kỷ sau đó. Trong khoảng thời gian này, người Đức tiếp tục cải tiến chiếc xe để đạt được tình trạng hoàn hảo ngày hôm nay. Khi mà bốn người Đức dân "uống bia" có thể sống thoải mái trong chiếc xe cắm trại này thì tôi và Marie nhỏ người hơn lại cảm thấy chật chội sao? Hãng VW giao cho công ty nổi tiếng Westfalia-Werke sản xuất và ráp dụng cụ trang bị cho chiếc camper. Chiếc mobile home nhỏ gọn có hai bếp ga, một bồn rửa chén, một tủ lạnh chạy bằng ga hay điện loại AC và DC, bồn chứa nước uống, hai bàn ăn có bốn chỗ ngồi, cộng với nhiều tủ để chứa đồ ăn và quần áo. Vào những ngày mưa, chúng tôi có thể ngồi ăn trong xe một cách thoải mái.



"bếp"

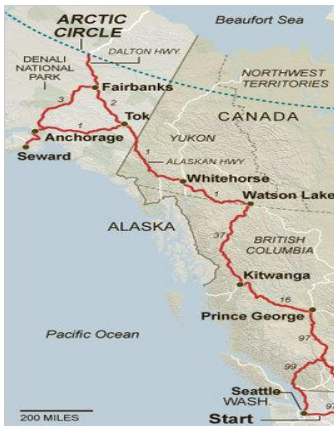


Đàng đến từ Pháp ngồi bên bàn ăn

Mùa hè năm 1987, Marie và tôi tổ chức cuộc đi cắm trại dài nhứt trong đời chúng tôi: San Francisco-Vancouver-Fairbanks-Polar Circle và Homer Alaska, thành phố nằm ở điểm tận cùng của xa lộ Pacific Coast Highway. Chúng tôi có nhờ Vĩnh em của Marie từ Paris qua lái phụ trong cuộc hành trình gần một tháng, quãng đường dài 8,000 miles hay 12,800 Km. Ở một vài nơi, phong cảnh hoàn toàn còn trong tình trạng hoang dã. Tôi có cảm tưởng như

trái đất khi còn rất trẻ! Có khi đi cả 160 miles mới kiếm được một trạm xăng. Khi tới nơi, chúng tôi rất ngạc nhiên chỉ thấy có một thùng chứa xăng với máy bơm tay. Tại một trạm khác, người chủ rất thân thiện, ông sống cô đơn ngoài rừng, lại vui vẻ tặng chúng tôi một mớ thịt hươu « moose » để đem theo ăn trên đường! Khi đang lái trên xa lộ thình lình tôi phải ngừng xe nhường chỗ cho một con gấu mẹ đứng giữa xa lộ chờ cho gấu con băng qua đường!

Sáng sớm tinh sương chúng tôi lái xe tới chợ cá có nhiều hồ nước khổng lồ chứa đầy cua loại Dungeness. Chúng tôi chọn mua 9 con cua thật lớn mà chỉ phải trả 30 dollars thôi. Khoảng cách biệt giữa thủy triều cao và thấp nơi đây có thể lên tới 10 thước. Một ngạc nhiên khác là chúng tôi có thể đọc báo lúc 12 giờ đêm mà không cần dùng đèn.



Một tỉnh nhỏ nằm theo xa lộ và Sign Post Forest ở Yukon



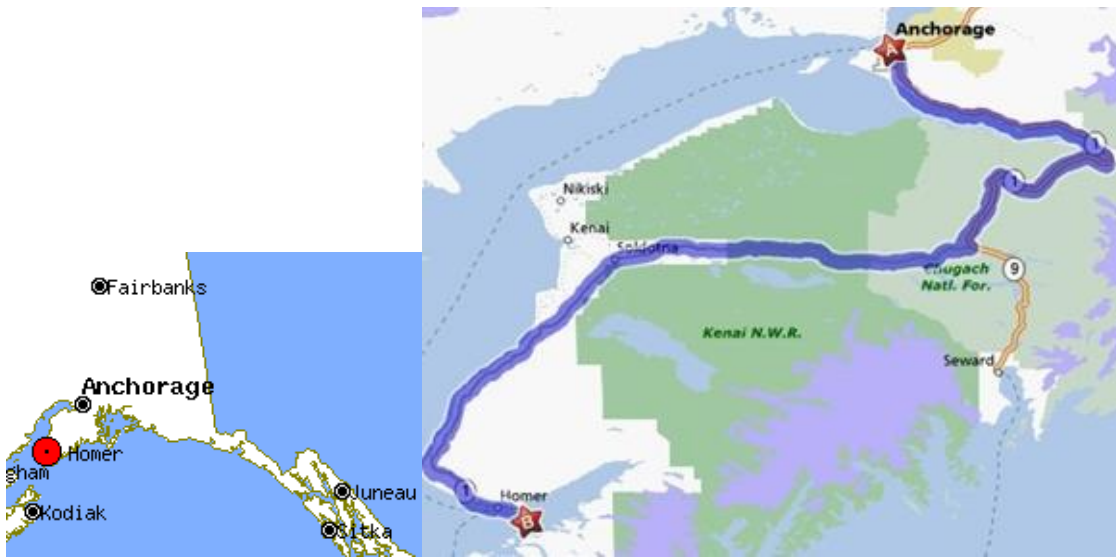
Đường ống dẫn dầu do công ty Bechtel Inc. ở San Francisco xây cất.



Vùng tundra nhiều màu sắc.



Hoa rừng mọc theo xa lộ ở Alaska



Homer, thành phố ở điểm tận cùng của xa lộ Alaska Highway



Chim ưng ở Homer

Thành phố Homer với nhiều cảnh đẹp khó tả nơi các đỉnh núi lởm chởm phủ đầy tuyết trắng; dưới chân núi là những bến tàu, nơi thuyền đánh cá đổ xuống vừa cá halibut và cua Dungeness đánh bắt được mỗi ngày. Chúng tôi rất vui mừng đã thực hiện được chuyến đi dài đằng đẵng đó vào năm 1987. Bây giờ nghĩ lại, chắc Marie và tôi sẽ không đủ sức khỏe, thời giờ và nhẫn nại để làm như vậy trong lúc về hưu như bây giờ được.

Nhờ có thêm cơ may người cháu gái tên Thu và chồng tên George Barnes quyết định về hưu tại căn nhà xinh xắn của họ nằm ven biển trong tiểu bang Oregon nên cháu tôi đã đồng ý bán lại cho tôi chiếc xe hai chỗ ngồi Mercedes 560-SL thật đẹp với giá phải chăng. Bất ngờ, tôi đã được làm chủ chiếc xe lý tưởng của mình!



Chiếc xe trong mộng của tôi đậu trước "lâu đài" của Thu và George ở Oregon

Tới đây, tôi xin trở lại viết về những thú vui ngoài trời đòi hỏi ít công phu hơn: đi cắm trại ở California và các tiểu bang miền Tây khác. Chờ đúng mùa, chúng tôi mua một giấy phép câu cá rồi lái xe tới bờ biển Pescadero beach cách San Francisco khoảng 45 phút để đi bắt những con sò "mussels" bám sát vào các tảng đá đen lớn.



Tại bờ biển Pescadero Beach (Half Moon Bay, CA) những khối đá đen có sò phủ kín.

Đem sò đi hấp với "sake" là chúng tôi có thể thưởng thức một bữa ăn trưa ngon miệng với bia thật lạnh. Sau khi đi bộ trên bãi biển nắng ấm, chúng tôi đánh một giấc ngủ trưa trong mobile home trước khi lái xe về nhà.

Tại San Francisco, nhiều khi chúng tôi nấu sẵn bữa ăn tối ở nhà rồi lái xe dài theo bờ biển đậu tại một bãi nhìn về hướng Tây để có được trước mắt mình một phong cảnh màu trời

lặn tuyệt đẹp. Đến bây giờ, đôi khi chúng tôi vẫn giữ thói quen này để vừa dùng cơm tối vừa chiêm ngưỡng cảnh hoàng hôn nhiều màu sắc và gợi cảm nơi chân trời xa thẳm. Chúng tôi không nấu ăn như trước kia nữa mà chỉ cần ghé vào bất cứ tiệm bán BBQ Hồng Kông nào đang mua hoặc là vịt, gà hay heo quay ăn trong khi ngắm cảnh mặt trời lặn thật tuyệt vời.



Chiếc xe cắm trại Westfalia đậu gần Cliff House hướng về phía mặt trời lặn để dùng cơm tối

Vào cuối tuần, các hội viên trong nhóm Mekong cùng nhau đi tới vườn Nhật Bản Hakone ở Saratoga, Ca để ăn picnic (Xin xem những tấm hình chụp phía dưới)



Nhóm Mekong đi picnic ở vườn Nhật Bản Hakone



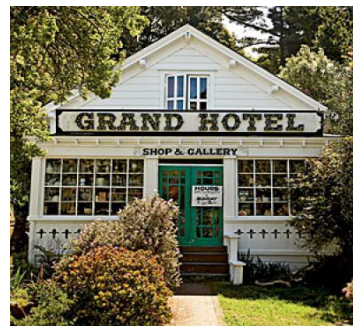
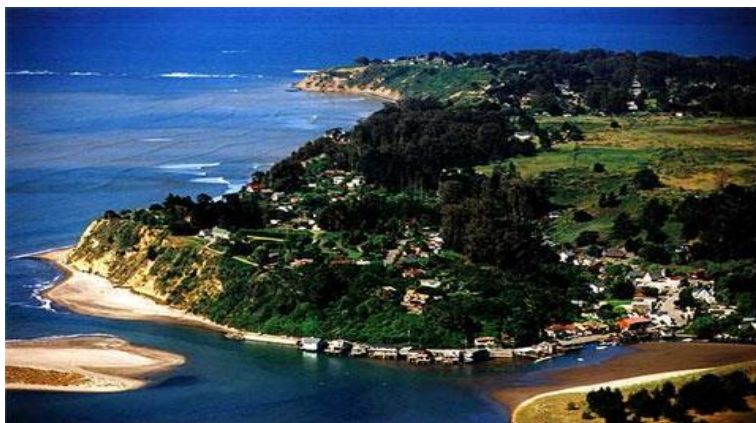
Vườn Nhật Bản Hakone



Khu trồng tre tại vườn Nhật Bản Hakone

Vùng Vịnh San Francisco

Những thú vui của thành phố San Francisco đã lừng danh thế giới. Thành phố nằm bên Vùng Vịnh này được ái mộ nhờ có phong cảnh hữu tình, bảo tàng viện hấp dẫn, cuộc sống về đêm đầy quyến rũ, những địa điểm du lịch đa dạng như Alcatraz, Fisherman's Wharf và Chinatown. Bạn có thể lái xe lên phía Bắc tới thăm Bolinas, Reyes National Seashore, hay đi bộ trong cảnh tĩnh mịch của khu rừng Redwood huy hoàng trong Muir Woods National Monument. Sau đó bạn hãy tiếp tục đến viếng Mendocino, Fort Bragg.



Bolinas, Ca



Cắm trại tại Mendocino



Fort Bragg, Ca với đường duyên hải quanh co, ngoạn mục; bãi biển còn nguyên sơ, sóng lớn; hoa rừng nở trong mùa xuân



Lặn sâu kiểm bào ngư ở Fort Bragg



Glass beach

Đi xuống bờ biển phía Nam của San Francisco, nếp sống trở nên đơn giản và trầm lặng hơn với những khu dân cư nhỏ nhắn nằm dọc theo quốc lộ Highway 1 như Pacifica, Half Moon Bay. Nếu đi về hướng Đông sẽ gặp vùng Tahoe và Mother Lode với những tỉnh nhỏ Markleeville, Jamestown, Downieville, và Calavares Big Trees State Park.



Camping at Grover Mineral Hot Spring, Markleeville, Ca



Jamestown, Mother Lode, Ca



Downieville, Ca, trên xa lộ Mother Lode Highway 49



Calavares Big Trees State Park

Trong tuổi dưới 75, tôi vẫn lái chiếc VW Westphalia nhỏ nhắn đi tìm thú vui ngoài trời. Tôi được sống với thiên nhiên, thả bộ theo những đường mòn trong hoang dã nơi California Sierra Foothills, Lake Tahoe, Pacific Coast line, Redwood State Parks, Napa và miền trồng nho làm rượu Sonoma, Mendocino, Carmel, Monterey...!

Bây giờ đã quá 80, tôi đem bán chiếc xe đi cắm trại cho một đại lý xe hơi của hãng VW ở San Francisco và giã từ nếp sống ngoài trời vì nó đòi hỏi một cơ thể cường tráng cũng như phản ứng lanh lẹ khi lái xe từ xa lộ tới bãi cắm trại. Thú vui sống ngoài trời của tôi bây giờ giới hạn trong việc đánh tennis và đi bộ theo những đường mòn nên thơ nằm rải rác trong Vùng Vịnh. Khi nào hết còn chạy trên sân tennis được nữa, có thể tôi sẽ chọn đi lội tại một hồ bơi tân tiến chỉ cách nhà vài blocks. Tôi sẽ tiếp tục tập thể dục bằng cách đi bộ ngoài bãi biển, trên các đường mòn, làm vườn và nấu ăn tại nhà.

Đi vào tuổi 85, tôi thư giãn trong nhà, viết hồi ký, làm vườn phía trước hay đằng sau nhà, trồng thêm tre và hoa nơi cửa chính...



Một trong những niềm vui lớn nhất là được đón tiếp những bạn hữu đến thăm từ phương xa. Anh Hồ Tấn Phát, bạn của tôi từ năm 1959 tại Sài Gòn, thường tới San Francisco để cùng thăm các bạn cũ. Anh Phát trước đây làm Tổng giám đốc Công Ty Điện Lực Việt Nam nay đang vui hưởng cảnh điền viên ở Beaverton, Oregon. Marie và tôi cũng thường đến Beaverton ở nhà anh Phát lại rai và đi dự tất cả đám cưới của các con anh chị Phát tổ chức tại vùng Beaverton.



Hình chụp anh Phát đến từ Oregon và các bạn ở San Francisco

Chúng tôi được trải qua những giờ phút thoải mái ở biển Rockaway gần Beaverton với vài đứa cháu từ Pháp đến. Gia đình anh chị Phát có nhà nghỉ mát ngoài biển Rockaway, OR. Chúng tôi cũng vui vẻ cùng nhau đi bắt nhiều cua loại Dungeness và ngao thật hấp dẫn.



Bãi biển nơi có cua loại Dungeness ở Rockaway, OR

Anh Phát cũng là một thành viên của nhóm Mekong ở San Francisco.



Nhóm Mekong họp mặt trong bữa cơm trưa



Ngày giỗ tại nhà với Sáng và Renaud từ Reims



Ngày giỗ tại nhà

Ngôi nhà của chúng tôi được dùng làm nơi họp mặt của họ hàng trong ngày giỗ và lễ bái. Ba tôi luôn nhắc nhở những ngày đặc biệt như vậy phải là dịp để cho mọi người trong đại gia đình được gần bó, gần gũi với nhau hơn. Căn nhà ở San Francisco của chúng tôi có những tiện nghi của nếp sống bên Mỹ nhưng cách trang trí vẫn phảng phất sắc thái những tập quán và tục lệ của tổ tiên. Chúng gợi lại hình ảnh của quê hương, của các bậc sinh thành cũng như của những họ hàng và bạn bè đã khuất.

Tôi vẫn được sống an lành trong khi bước vào tuổi 86 và may mắn có được sức khoẻ và niềm vui thỏa trong cảnh sống về hưu hiện tại. Tuy nhiên, tôi không sao quên được là Marie và tôi đã phải bắt đầu cuộc sống mới tại San Francisco với hai bàn tay trắng và nếm trải nhiều nỗi cam go thử thách. Chúng tôi đã mất bao mồ hôi nước mắt trong nhiều năm tháng mới có được ngày hôm nay.

Tôi coi căn nhà ở San Francisco của chúng tôi là chặng nghỉ cuối cùng và là cao điểm của cuộc hành trình kéo dài suốt tám thập niên đầy phong ba sóng gió, vui buồn lẫn lộn. Nhưng ngược lại, tôi cũng được điểm phúc có Marie trong suốt gần sáu thập niên cùng sống bên tôi và chăm sóc cho tôi dưới mái "tổ ấm" ở San Francisco .

Tôi quả là một kẻ may mắn và không ai có thể phủ nhận được điều này!



Phần 9

An Cư Lạc Nghiệp

Chương 21

Hai Mười Hai Năm Làm Việc Để Vui Hưởng Tuổi Về Hưu

***Làm Lĩnh Lê Dương Trong Một Đại Công Ty
Từ Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển
Tới Phụ Tá Giám Đốc Dự Án Để Sống Còn***



Trong các chương trước, tôi đã viết về cuộc đời của tôi từ khá giả ở Việt Nam sang trắng tay ở trại tỵ nạn Pendleton trên đất Mỹ. Trong chương này, tôi xin trình bày cùng bạn đọc những phương cách mà ở tuổi 44, tôi có thể lật ngược thế cờ từ “nghèo sang giàu.” Làm sao vào cuối thập niên 1970, một người tị nạn cùng khổ như tôi lại kiếm được việc làm tốt đẹp trong một công ty thật lớn ở nước Mỹ. Đó là một diễn tiến kéo dài suốt 15 năm khi tôi làm việc trong chánh phủ ở cấp chỉ huy cao cấp thuộc lãnh vực phát triển kỹ nghệ tại miền Nam Việt Nam. Ở chức vụ đó tôi đã có những tiếp xúc với các quan chức của Tòa đại sứ Hoa Kỳ cũng như chánh phủ liên bang Mỹ tại Hoa Thịnh Đốn kể luôn cả nhiều buổi làm việc với các vị dân cử của Quốc hội lưỡng viện xứ này.

Tôi đã đem theo hành trang kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn đó khi nhận việc làm mới ở Bechtel. Thời gian này đem lại cho tôi nhiều lo âu cũng như đòi hỏi nơi tôi sự bền chí và quyết tâm mỗi khi được giao phó công việc quan trọng. Ngược lại, đó cũng là lúc tôi tìm được tình bạn sâu đậm, chan chứa tương kính và cảm mến nơi những bạn làm cùng sở khi chúng tôi phải cùng nhau đối đầu với những thử thách lớn lao. Đây là cơ hội cho tôi hiểu thấu và trân trọng cuộc đời một cách trọn vẹn.

Như đã đề cập trước đây, sau khi ra trường MIT, tôi làm việc liên tục 15 năm cho Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa tới khi Sài Gòn thất thủ tôi hối hả rời bỏ Sài Gòn qua Mỹ vì vấn đề sinh tồn. Tại *Xứ Sở của Tự Do và Đất Nước của Cơ Hội*, tôi đã trải qua 22 năm làm việc cực nhọc để có thể vui hưởng tuổi về hưu ở San Francisco vào năm 1996.

Làm sao tôi có được việc làm ở Bechtel?

Khi rời trại tị nạn Pendleton của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tôi không sao kiếm được việc làm trong vùng Santa Barbara nơi người bảo trợ của tôi là Roy Muelhberger cư ngụ. Marie và tôi quyết định lên miền bắc Vùng Vịnh San Francisco. Tôi gửi đi nhiều đơn xin việc làm kỹ sư và hết sức thất vọng cũng như buồn nản khi kết quả không có gì khả quan. Dựa vào lý lịch/resume thì tôi đủ điều kiện để làm những công việc sẵn có. Tôi trở nên thiếu kiên nhẫn và tuyệt vọng nghĩ rằng mình sẽ không sao kiếm được việc thuộc ngành kỹ sư. May mắn thay, hồi còn ở Sài Gòn tôi có quen người bạn cùng trường MIT là Bob De Lucia. Trước đây, Bob điều hành công ty và nay đã về hưu tại tiểu bang Oregon. Cuối năm 1975 tôi được ông chia sẻ một lời khuyên đầy phần khởi qua một bài viết.

DON'T QUIT

*When things go wrong as they sometimes will,
When the road you're trudging seems all up hill,
When funds are low and the debts are high,
And when you want to smile, but you have to sigh,
When care is pressing you down a bit,
Rest if you must, but don't you quit.
Life is queer with its twists and turns,
As everyone of us sometimes learns,
And many a failure turns about
When he might have won had he stuck it out.
Don't give up though the pace seems slow,
You may succeed with another blow-
Success is failure turned inside out.
The silver tint of the clouds of doubt.
And you never can tell how close you are,
It may be near when it seems so far;
So stick to the fight when you're hardest hit -
It's when things seem worst that you must not
QUIT."*

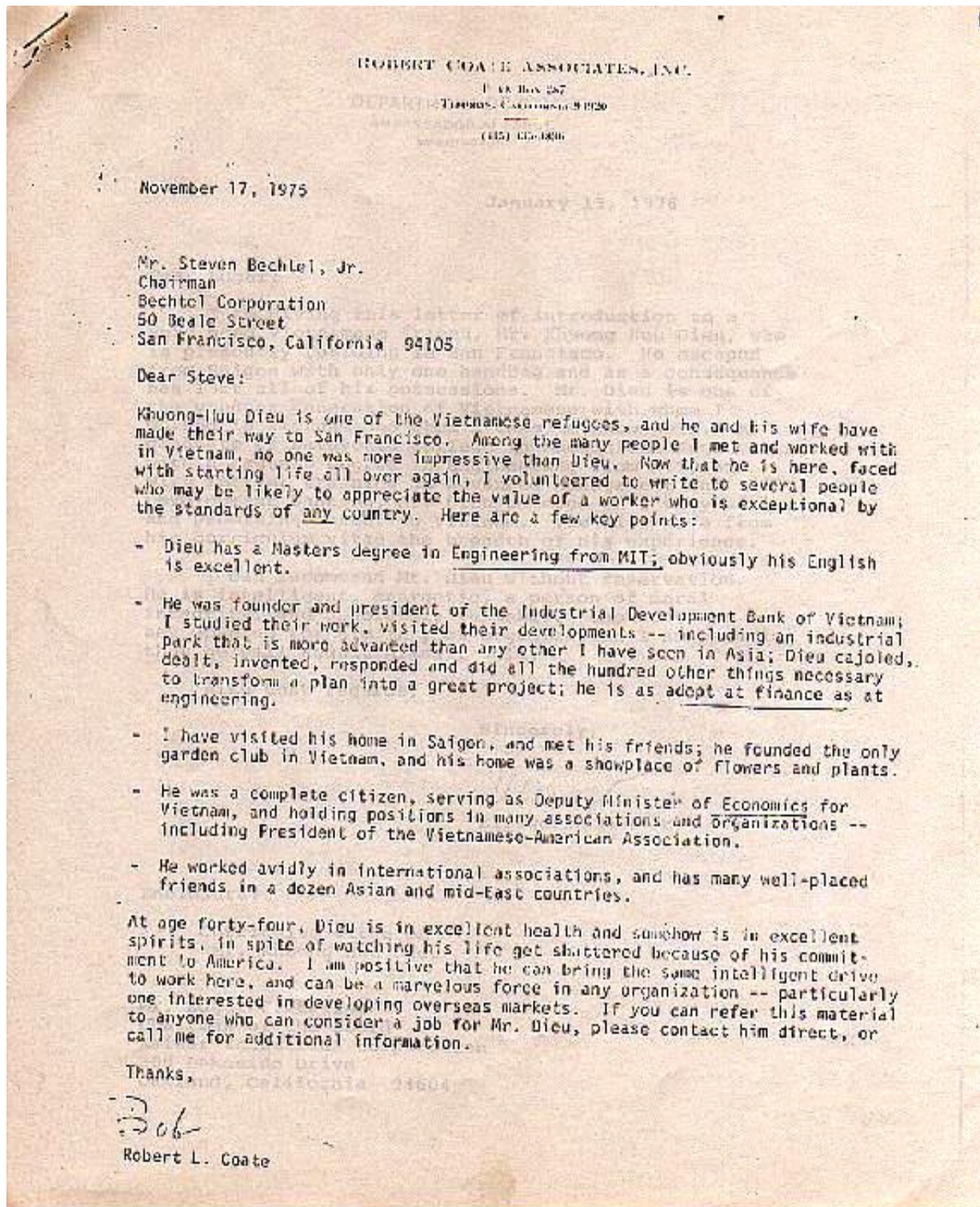
ĐỪNG BỎ CUỘC

*Đời ta bão tố cũng thường
Đốc ta leo đó con đường gian truân
Khi tiền hết, nợ chất chồng
Muốn cười sao lại thấy lòng thở than
Khi lo bối rối tâm can
Mỏi chân hãy nghỉ nhưng can đảm còn
Đời người mới lạ xoay tròn
Ai mà chịu khó cũng nhìn thấy ngay
Có khi kẻ cận vận may
Con thuyền ta quyết vững tay sóng găm
Thời cơ dù chậm tiến gần
Ráng thêm một bước đến sân danh tài
Khắc xa khổ cực miệt mài
Niềm vui khi biết không còn sợ lo
Từ đây tới bến bao xa?
Gần kề mà hỏi mà lo nỗi gì!
Dù khi kiệt sức sá chi
Lúc vô phương lại là khi vững lòng.*

Lời khuyên nhủ của người bạn từ Oregon giúp tôi giữ vững tinh thần trong một thời gian và làm như là một lời tiên tri vậy. Không hiểu vì số phận hay vận mạng, tôi đi tới thư viện của Lone Mountain College, SF, để đọc Time, Newsweek, và The New York Times... về tin tức nước nhà đang sống dưới chế độ cộng sản. Trong khuôn viên nhà trường tôi gặp anh Chung Hoàng Chương. Anh là người bạn của tôi và cũng là con trai của một trong những người thân thuộc tôi quen biết trước đây ở Sài Gòn. Anh Chương lúc đó làm việc trong ban an ninh của nhà trường và tình nguyện giới thiệu tôi với ông xếp lớn của anh mà không ai khác hơn là ông Viện Trưởng. Tưởng ai, tôi hoàn toàn sững sốt và vui sướng khi được gặp lại Bob Coate, người tôi đã quen biết vào năm 1966 tại Sài Gòn. Quả là một sự ngẫu nhiên đầy lý thú! Chúng tôi vừa uống rượu vừa ôn lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ. Bob tới Sài Gòn năm 1966 để tìm hiểu đầu tư về tàu đánh tôm với thiết bị đông lạnh để xuất cảng qua Mỹ. Với tư cách là Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, tôi tường thuật cho Bob nghe về tiềm lực của các dự án đầu tư và tình trạng kinh tế của Việt Nam. Tôi cũng đưa ông đi viếng Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, nơi tôi đã giúp thiết lập và đang hoạt động tốt đẹp. Ông chứng kiến những thành quả phát triển cụ thể trong một đất nước đang bị chiến tranh tàn phá. Ngoài ra tôi có mời ông về nhà tôi để có thì giờ cùng nhau thảo luận tiếp. Tiếc thay, cuộc chiến càng ngày càng trở nên khốc liệt hơn, và sau đó chúng tôi mất liên lạc với nhau.

Làm như Thượng Đế một lần nữa lại ra tay cứu vớt tôi khỏi hoàn cảnh khó khăn bởi vì sau ngày tái ngộ đó tôi khám phá rằng Bob đương là một nhân vật quan trọng. Ông là cựu sinh viên của đại học Stanford và giữ chức Chủ tịch của phân bộ đảng Dân Chủ ở California. Ông có ấn tượng rất tốt về những phát triển kinh tế tôi đạt được tại nước nhà trong kỳ ông ghé

Sài Gòn lần cuối. Ngạn ngữ có câu: "có bạn khi khó - bạn đó mới thân." Bob vui vẻ viết một lá thư giới thiệu tôi với Bechtel Corporation, một trong những công ty có uy tín nhất ở San Francisco nội dung như sau:



Robert Coate Associates, Inc.
PO Box 247
Tiburon, California

Ngày 17 tháng 11, 1975

*Ông Steven Bechtel, Jr.
Chủ tịch
Bechtel Corporation
50 Beale Street
San Francisco, California 94105*

Steve thân mến,

Ông Khương-Hữu Điều là một người Việt Nam tị nạn đã cùng vợ đến tại San Francisco. Trong số những người Việt Nam tôi gặp và cùng làm việc chung, không ai gây ấn tượng tốt với tôi bằng ông ta. Bây giờ ông đã tới đây để bắt đầu một cuộc sống mới nên tôi tình nguyện viết thư giới thiệu ông Điều tới một số người tôi tin sẽ biết trân quý một cộng tác viên hội đủ những đức tính đặc biệt tại bất cứ đất nước nào. Sau đây là một vài điểm nổi bật:

- Ông Điều có bằng cấp Master về Engineering của MIT; đương nhiên ông biết Anh ngữ lưu loát.*
- Ông là người sáng lập và làm Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam. Tôi đã bỏ công nghiên cứu việc làm của tổ chức này, tới thăm viếng các cơ sở của họ -- luôn cả khu kỹ nghệ mà tôi nhận thấy là tân tiến hơn bất cứ nơi nào tôi viếng thăm bên Á Châu. Ông Điều thuyết phục, thương lượng, đối đáp và làm trăm điều cần thiết để biến một dự án thành hiện thực. Ông cũng tỏ ra thông hiểu về các vấn đề tài chánh cũng như về kỹ thuật.*
- Tôi có đến thăm nhà ông tại Sài Gòn và gặp các bạn hữu của ông nữa. Ông đã đứng ra sáng lập hội Phát Triển Hoa Kiểng duy nhất ở Việt Nam và ngôi nhà của ông là một nơi trưng bày hoa và cây kiểng.*
- Ông là một công dân toàn diện đảm nhiệm những chức vụ như Thứ trưởng Bộ Kinh tế của Việt Nam, hoặc trong các tổ chức và hội đoàn khác nhau cũng như làm Chủ Tịch Hội Việt-Mỹ.*
- Ông hằng hái tham gia các tổ chức quốc tế và quen biết nhiều nhân vật quan trọng trong hàng chục các quốc gia Á châu và Trung Đông.*

Ở vào tuổi 44, ông Điều còn khoẻ mạnh và có một tinh thần vững mạnh mặc dầu cuộc đời ông đã bị tiêu tan vì lập trường ủng hộ Mỹ của mình. Tôi tin tưởng ông cũng sẽ giữ được niềm hăng say làm việc hữu hiệu ở đất nước này cũng như sẽ là nguồn cảm hứng tuyệt vời cho bất cứ tổ chức nào, nhất là cơ quan muốn phát triển thị trường ở nước ngoài. Nếu ông có thể giới thiệu ông Điều với nơi nào có một việc làm cho ông thì xin liên lạc thẳng với ông ấy hoặc gọi cho tôi để biết thêm chi tiết.

Tôi xin cảm tạ.

Robert L. Coate

Khoảng một tuần sau đó, trong lúc tôi đang lo việc mua trang bị cho nhà hàng Pháp trên Union Street, chuông điện thoại reo vang. Ở đầu dây, ông Polvi, Chủ tịch của Bechtel Hydro and Communities Division muốn nói chuyện với tôi.



Chủ tịch của Bechtel: Robert Polvi, Engineering Hall of Fame, muốn tôi vào làm sau lần nói chuyện điện thoại đầu tiên

Ông nói ông chỉ có việc làm với chức vụ Phụ tá Giám Đốc Dự Án cho tôi thôi. Tôi trả lời là một người tị nạn như tôi không thể đòi hỏi gì hơn về điểm này và cho biết hiện giờ tôi đang điền giấy tờ đặt mua một máy pha cà phê cho một tiệm ăn nhỏ. Ông tỏ ra hơi ngạc nhiên và hỏi khi nào tôi có thể đi làm với Bechtel được. Tôi nói ngay ngày hôm sau và tôi bắt đầu làm với Bechtel trong 12 năm kể từ đó.

Chúng tôi hết sức bàng hoàng và đau buồn khi Bob qua đời một năm sau. Với niềm thương tiếc sâu đậm, chúng tôi dự lễ vĩnh biệt Bob tại nhà nguyện Lone Mountain College Chapel. Chúng tôi nhớ Bob rất nhiều và mỗi năm vào mùa Giáng Sinh, Marie và tôi tới thăm Margy, vợ của Bob, sống ở Berkeley. Chúng tôi cũng thường dùng cơm trưa hay tối với Margy.



Tại nhà của Margy 2011



Ông Robert Coate, 1975 nay đã quá cố



Trụ sở chính của Bechtel tại trung tâm San Francisco



*Toà nhà Bechtel, cao ốc màu đen
nằm tận bên trái của trung tâm hình chụp*

Trụ sở chính của Bechtel, San Francisco

Tôi đã học hỏi được gì về Bechtel Corporation trong 12 năm làm việc tại đây?

Phải nói rằng tôi rất khâm phục sự thành công của công ty khổng lồ do một gia đình làm chủ liên tục trong bốn đời. Suốt thời gian đó, gia đình Bechtel được may mắn và diễm phúc có bốn đời con trai học hành giỏi và được huấn luyện đúng đắn để lãnh đạo công ty có hiệu quả. Đây là công ty xây cất và kỹ thuật do tư nhân làm chủ lớn nhất Hoa Kỳ. Trụ sở chánh của công ty đặt ở trung tâm San Francisco. (Xin xem hình chụp.)

Bechtel tham dự vào việc xây cất đập thủy điện Hoover trong thập niên 1930. Từ đó tới nay, công ty này đã thực hiện nhiều công trình xây cất nổi tiếng với những giao kèo đáng giá hàng tỷ dollars mỗi dự án như nhà máy lọc dầu, lò sản xuất điện nguyên tử, đường hầm

English Channel Tunnel, hệ thống xe Bart San Francisco, phi trường quốc tế King Fahd ở Dammam, phi trường quốc tế Saudi Arabia Riyadh, phi trường quốc tế ở Hương Cảng, đường hầm Big Dig ở Boston, thành phố kỹ nghệ Jubail ở Saudi Arabia, kể cả việc chuyên chở và ráp đặt hơn 35,000 trailers và mobile homes cho nạn nhân trận bão Katrina ở Mississippi ...

Công việc mới của tôi ở Tân Thế Giới

Tôi khám phá ra vai trò của một phụ tá giám đốc dự án rất tốt vì nhiều dự án ở Bechtel có ngân quỹ lên tới vài tỷ dollars. Ở công ty, chức vụ của tôi tương đương với cấp "đại tá" trong quân đội. Nhiều đồng nghiệp cho tôi biết số người được lên tới cấp tướng rất hạn chế và có việc kỳ thi.

Chỉ ít lâu sau khi tôi gia nhập Bechtel, tờ báo của công ty có đăng một bài về tôi như sau:

Tờ "Bechtel News" được phát hành hàng tháng tới tay nhân viên của Bechtel trên toàn cầu - Tập 12, Số 3, Tháng 3, 1976 Một Giấc Mơ Tiêu Tan Ở Việt Nam H&CH'S Điều Lập Lại Cuộc Đời Mới Ở Hoa Kỳ



Published Every Month For
Bechtel Employees Worldwide
Volume 12, Number 3
March 1976

A Dream Crumbles in Vietnam

H&CF's Dieu Finds a New Life in The U.S.

On April 23, 1975 — only days before the fall of South Vietnam — Khuong Huu Dieu was in his Saigon office.

Dieu was president of the Industrial Development Bank of Vietnam, the pinnacle point of a career that included friendships with officials of 14 nations, leadership roles in prestigious cultural and professional organizations, and as an author whose works appeared in journals and magazines.

A phone call interrupted his work. It was from the U.S. Embassy, which advised him to return to his home and read an important letter. A short while later, he opened the letter in the presence of an Embassy staff member. It authorized him and his wife, Marie, to leave South Vietnam.

"How soon?" Dieu asked.

"You have about 30 minutes," the staff member replied.

Dieu and Marie grabbed two satchels, threw in essential clothing, and left for the Saigon airport. Everything else —



Marie and Khuong Huu Dieu on rooftop of their Saigon home.

business, home, car, Dieu's hopes for economic development of his nation — all became meaningless in the collapsing framework of a life Dieu had worked so hard to build.

Within hours, Dieu and Marie were on their way by U.S. Air Force plane to Guam as part of the evacuation effort involving thousands of Vietnamese.

Today, Dieu works for Bechtel as an assistant project manager for the Hydro and Community Facilities Division at the Home Office.

When he left Saigon, his sole possessions were contained in his carrying bag — and \$200 in cash. After Guam, he and Marie went to Camp Pendleton, California, where the couple stayed a month. The future appeared bleak, but Dieu remained busy.

He served as chairman of a Vietnamese evacuation management committee at Pendleton until a complete stranger — Roy Muehlberger, who had seen a newspaper photo of Dieu — acted as sponsor for Dieu and Marie, and took them into his Santa Barbara home.

After two months, Dieu came north to Berkeley in search of work, finding it last December with Bechtel.

After graduating magna cum laude from the Lycee Yersin (high school) in Dalat, Dieu came to the U.S. for his advanced education. He earned a B.S. in mechanical engineering from Lafayette College in Easton, Pennsylvania in 1956, and an engineering master's from Massachusetts Institute of Technology. He worked his way through college washing dishes.

The devastating turn of events in Dieu's life hasn't dampened his outlook.

"I have to be honest enough to say that at times I have regrets about what happened. Yet I regard my career in Vietnam as Part One of my life. It's past. Now I have a new life — the chance to build ... to make a contribution."

Vào ngày 23 tháng 4, 1975 - chỉ vài ngày trước khi Miền Nam Việt Nam sụp đổ - ông Khương Hữu Điều còn hiện diện tại văn phòng của mình ở Sài Gòn.

Trong thời kỳ đó, ông Điều giữ chức vụ Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam. Ở cao điểm trong sự nghiệp của mình, ông đã quen biết với các yếu nhân của 14 quốc gia, giữ những chức vụ lãnh đạo trong nhiều tổ chức văn hóa và chuyên nghiệp, cũng như là tác giả của nhiều bài viết được đăng trên nhật báo và tạp chí.

Một cú điện thoại làm gián đoạn công việc của ông. Tòa đại sứ Mỹ kêu cho biết ông cần về nhà để đọc một lá thư quan trọng. Ít lâu sau, ông mở lá thư ra đọc trước sự hiện diện của một nhân viên tòa Đại sứ. Ông được cho biết ông và Marie, vợ ông, có thể rời khỏi Việt Nam.

"Bao giờ thì đi?" ông Điều hỏi.

"Ông có 30 phút," người nhân viên trả lời.

Ông Điều và Marie lấy vội hai túi xách, nhét vào một vài thứ quần áo cần thiết rồi đi lên phi trường ở Sài Gòn. Mọi thứ khác như công việc làm, nhà cửa, xe hơi, hoài bão phát triển đất nước... bỗng chốc đã trở thành vô nghĩa khi cả một dự tính cho cuộc đời ông Điều bỏ bao công lao vun đắp về trước đã tiêu tan theo mây khói.

Chỉ vài giờ sau, ông Điều và Marie đã ngồi trên máy bay của Không Quân Mỹ trực chỉ đảo Guam trong chương trình di tản hàng ngàn người Việt Nam. Bây giờ ông Điều làm việc với Bechtel với chức vụ Phụ tá giám đốc dự án cho "Hydro and Community Facilities" tại văn phòng trung ương. Khi rời khỏi Sài Gòn, tất cả tài sản của ông được đựng trong một túi xách tay và 150 dollars tiền mặt. Từ Guam, ông và Marie di chuyển tới Camp Pendleton. Họ ở lại nơi đây một tháng và phải đối mặt với một tương lai không mấy sáng sủa. Nhưng ông Điều vẫn rất bận việc.

Ông làm Chủ tịch Ủy Ban điều hành di tản tại trại Pendleton cho tới lúc một người hoàn toàn xa lạ tên là Roy Muehlberger nhìn thấy tấm hình chụp ông trên mặt báo. Ông này đứng ra bảo trợ ông Điều và Marie rồi đưa vợ chồng họ về sống trong nhà của mình ở Santa Barbara.

Hai tháng sau, ông Điều dọn lên miền bắc ở Berkeley để kiếm việc làm. Tháng mười hai vừa rồi ông vào làm với Bechtel.

Sau khi ra trường Lycée Yersin ở Đà Lạt với hạng tối ưu, ông Điều qua Mỹ tiếp tục việc học. Ông đậu bằng B.S. về Mechanical Engineering tại Lafayette College ở Easton, Pennsylvania vào năm 1956, và lãnh bằng Master về Engineering của MIT (Massachusetts Institute of Technology). Ông đi rửa chén để tự trả tiền học.

Những biến cố đầy tai họa xảy ra trong đời mình đã không làm ông xuống tinh thần chút nào cả.

"Tôi thực lòng thú nhận rằng đôi khi tôi tiếc nuối những gì đã xảy ra. Tuy nhiên, tôi coi sự nghiệp của tôi ở Việt Nam như là Chương Một của đời mình. Giờ đây, tôi có một cuộc đời mới... có cơ hội để xây dựng... để đóng góp."

*

* *

Lúc đầu, Bechtel muốn đưa tôi vào làm ngành Business Development/Phát Triển Kinh Doanh vì tôi quen biết nhiều đồng nghiệp trong tổ chức APO (Asian Productivity Organization) ở Tokyo. Họ thuộc thành phần nội các hay các nhân vật cao cấp trong lãnh vực phát triển kinh tế tại nhiều quốc gia như Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Phi Luật Tân, Nam Dương, Iran, Thái Lan, Nam Hàn, Nhật Bản, Mã Lai, Pakistan, Ấn Độ, và Sri Lanka. Công việc phát triển kinh doanh này không đòi hỏi phải có bằng về PE (Professional Engineer) nhưng ngược lại tôi sẽ phải thường xuyên có mặt tại nhiều nơi trên thế giới. Tôi phải giải thích cho công ty Bechtel hiểu rằng vì chúng tôi là người tị nạn sống ở San Francisco, tôi không sao yên tâm để Marie, lần đầu tiên trong đời mình, sống đơn độc tại một thành phố xa lạ một thời gian lâu dài được. Cảm tạ Thượng Đế, Bechtel tỏ ra rất thông cảm và cho tôi làm việc tại San Francisco. Sau này nghĩ lại, một trong những thành quả trong cuộc đời sự nghiệp của tôi là được làm việc tại trung ương San Francisco liên tục 12 năm trong lúc các dự án tôi phụ trách được thực hiện tại những xứ như Saudi Arabia, New Zealand...

Việc làm đầu tiên của tôi ở Bechtel là tìm cách đối phó với tình trạng lạm phát đang đe dọa dự án đập Gury ở Venezuela. Tôi rất may mắn là khi ở bên nhà, tôi đã liên tục phải đối đầu với vấn nạn lạm phát phi mã của nền kinh tế thời chiến. Tôi áp dụng kinh nghiệm đó để giải quyết một cách thỏa đáng trường hợp của dự án đập Gury.



Phi trường Riyadh, thủ đô của Saudi Arabia

Dự án kế tiếp tôi phụ trách đáng giá nhiều tỉ dollars và liên quan tới phi trường quốc tế King Khalid International Airport (KKIA) ở Riyadh, thủ đô của Saudi Arabia. Bechtel đứng ra thực hiện công trình xây cất thay mặt cho chính phủ Saudi. Tính tới ngày khánh thành vào năm 1983, phi trường này lớn nhất thế giới về diện tích khởi thủy (225km²). Tới năm 1999, một phi trường lớn hơn cũng ở Saudi Arabia là King Fahd International gần thành phố Dammam được xây xong. Đây cũng là một dự án do Bechtel đảm nhận.

Trong dự án phi trường, tôi có trách nhiệm thiết kế về kỹ thuật hệ thống điều hòa không khí để làm mát toàn thể phi trường nằm giữa sa mạc với nhiệt độ trung bình tối đa lên tới 113F. Hệ thống này gồm 5 máy lạnh "compressors-chiller" khổng lồ có công suất 5000 kw mỗi máy. Trong suốt đời làm việc, tôi chưa hề gặp máy nào lớn như thế cả. Điều đáng chú ý nữa là phi trường có một diện tích cảnh quan lên tới 500.000m² bao gồm hơn 225.000 cây cỏ đủ loại, gồm bụi cây và loại mọc che mặt đất. Tất cả những cây trồng nơi đây đã được lựa chọn để có thể chịu được khí hậu khô cằn của địa phương. Có cả một hệ thống đặt ngầm dưới đất để tự động tưới cây khi cần. Phi trường này có thể được dùng làm bãi đáp phụ cho phi thuyền Space Shuttle của NASA nữa. Tôi còn nhớ một sự kiện không được chính lắm. Trên nóc "dome" chính của phi trường, vì vô ý, có trang trí nhiều hình ngôi sao David của người Do Thái. Dĩ nhiên, điều này không thể chấp nhận được đối với hoàng gia Arabe đương thời!

Làm xong dự án phi trường ở Saudi Arabia, tôi được chuyển qua dự án "Gas to Gasoline" dùng khí thiên nhiên để biến chế ra xăng chạy xe hơi của Tân Tây Lan. Nước này có ít dự trữ dầu hỏa nhưng nhiều khí thiên nhiên. Năm 1980, công ty New Zealand Synfuels Corporation mượn Bechtel xây một nhà máy để khai thác nguồn năng lượng dồi dào đó tại Waitara. Đây là nhà máy thương mại loại này đầu tiên trên thế giới sản xuất xăng có chỉ số octan cao từ khí thiên nhiên.

Vì thiếu nhân công cần thiết trong việc xây cất, Bechtel đi tới quyết định dùng "modules" để xây một phần của nhà máy dạng có thể hoàn tất dự án đúng hạn kỳ. Công ty Hitachi-Zosen của Nhật Bản được dùng để chế tạo tất cả 76 "modules." Mỗi cái nặng 650 tấn được chở tới Tân Tây Lan trên những chiếc tàu hạng nặng. Tới nơi, người ta huy động những xe tải loại đặc biệt để chở những "modules" này trên đoạn đường dài 24 cây số tới nhà máy. Đây là một trong những công trình chuyên chở trên bộ lớn nhất từ trước tới nay.

Công trường còn bị đe dọa bởi hiện tượng hóa đất thành chất lỏng nếu gặp động đất. Để giải quyết, công ty cho đào 500 cái giếng sâu 25 thước để bơm nước tích tụ ở dưới mặt đất ra ngoài. Dự án được hoàn tất đúng kỳ hạn vào năm 1985 và nhà máy có thể sản xuất khoảng 14.500 thùng dầu mỗi ngày. Đây là cơ sở thương mại lớn nhất trên thế giới biến chế khí thiên nhiên ra dầu xăng.

Sau dự án đó, Bechtel muốn tôi qua làm với chương trình phát triển kinh doanh thời hậu chiến ở Việt Nam. Ngày hôm nay, sau nhiều năm trời, nhờ được đọc các tài liệu đã giải mật (xin xem bức thư của tổng thống Nixon gửi cho Miền Bắc) nên tôi hiểu biết nhiều hơn về

chuyện bên trong của những triển vọng làm ăn của các công ty Mỹ vào thời điểm đó.

Thư Tổng Thống Nixon Gửi Cho Bắc Việt

[BẢN VĂN CỦA THÔNG ĐIỆP TỔNG THỐNG HOA KỲ GỬI TỚI THỦ TƯỚNG NƯỚC DÂN CHỦ CỘNG HÒA VIỆT NAM.]

"Ngày 1 Tháng 2, 1973

Tổng thống muốn báo để nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam thông hiểu về các nguyên tắc chỉ đạo cho sự tham gia của Hoa Kỳ vào việc tái thiết thời hậu chiến của Miền Bắc Việt Nam. Như điều 21 trong Thỏa Hiệp Chấm Dứt Chiến Tranh Và Vãn Hồi Hoà Bình Ở Việt Nam ký kết vào ngày 27 tháng Giêng, 1973 tại Paris đã ấn định thì Hoa Kỳ sẽ tham gia theo chính sách cố hữu của mình. Các nguyên tắc đó như sau:

1) Chánh phủ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc tái thiết thời hậu chiến tại Miền Bắc Việt Nam một cách vô điều kiện.

2) Nghiên cứu sơ khởi của Mỹ cho thấy những chương trình tái thiết thời hậu chiến mà Hoa Kỳ có thể viện trợ dưới hình thức grant-in-aid sẽ lên tới khoảng 3,25 tỷ dollars trong 5 năm. Những loại viện trợ khác sẽ được hai bên thỏa thuận sau. Việc ước tính này có thể được điều chỉnh tùy theo những cuộc thương lượng đi vào chi tiết giữa chánh phủ Hoa Kỳ và chánh phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam.

3) Hoa Kỳ sẽ đề nghị với nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam việc thành lập một Ủy Hội Hỗn Hợp Mỹ-Bắc Việt Về Kinh Tế trong vòng 30 ngày kể từ ngày của thông điệp này.

4) Ủy Hội này có trách nhiệm hoạch định những chương trình tái thiết Bắc Việt để Hoa Kỳ có thể đóng góp vào. Việc tham dự của Hoa Kỳ tùy thuộc vào những yếu tố như:

(a) Nhu cầu của Bắc Việt tùy theo sự xáo trộn do chiến tranh gây ra;

(b) Nhu cầu của việc tái thiết thời hậu chiến trong lãnh vực canh nông và kỹ nghệ của nền kinh tế ở Bắc Việt.

5) Thành phần trong Ủy Hội Kinh Tế Hỗn Hợp gồm số thành viên chia ra đồng đều đại diện cho hai bên. Hai bên sẽ thỏa thuận về một phương thức điều hành chương trình tái thiết Bắc Việt do Hoa Kỳ đóng góp. Ủy Hội sẽ hoàn tất nhiệm vụ trong vòng 60 ngày kể từ ngày thành lập.

6) Thành phần hai bên trong Ủy Hội sẽ hành xử theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, không can thiệp vào nội tình của nhau, bảo đảm sự bình đẳng và quyền lợi của nhau. Địa điểm làm việc của các thành viên trong Ủy Hội sẽ được Hoa Kỳ và nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam đồng chỉ định.

7) Hoa Kỳ quan niệm việc thực thi những nguyên tắc nêu trên sẽ cố vổ liên hệ giữa Hoa Kỳ và nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam về mặt kinh tế, thương mại và những lãnh vực khác nữa. Ngoài ra nó cũng bảo đảm cho một nền hòa bình ổn định và lâu dài ở Đông Dương.

Những nguyên tắc trên phù hợp với tinh thần Chương VIII của Thỏa Hiệp Chấm Dứt Chiến Tranh Và Vãn Hồi Hòa Bình ở Việt Nam được ký kết tại Paris ngày 27 tháng Giêng, 1973.

Vấn đề Mỹ viện trợ tái thiết Bắc Việt là một trong những khúc mắc quan trọng chưa được giải quyết xong của cuộc thương thuyết trong vòng bí mật giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Cuộc thương thuyết này kéo dài cho tới buổi họp chót khi hai bên ký tắt vào bản thảo cuối cùng của Hiệp Định Ba Lê trong ngày 23 tháng Giêng - đúng bốn ngày trước khi hai bên chính thức ký kết Bản Hiệp Định Ba Lê vào ngày 27 tháng Giêng, 1973. Vào những phút cuối của cuộc thương thảo, Lê Đức Thọ vẫn cố đòi thêm tiền viện trợ. Vì dư biết Hà Nội đã chấp thuận bản thảo cuối cùng của Thỏa Hiệp Ba Lê nên Kissinger không thấy cần thiết phải đồng ý trả nhiều hơn số tiền 3,25 tỷ dollars do Nixon đưa ra.

Tuy nhiên, vấn đề chính ở đây không phải là thêm bớt một vài tỷ dollars mà là thái độ cố chấp của chế độ cộng sản Hà Nội đòi hỏi phải coi số tiền đóng góp của Mỹ là "tiền bồi thường những tổn thất chiến tranh do sự xâm lược quân sự của Mỹ gây ra tại Việt Nam."

Về phía chúng tôi ở Sài Gòn, việc này làm chúng tôi nực cười. Nói theo kiểu dân gian, Phạm Văn Đồng có thể đợi đến "Tết Congo" mới nhận được tiền của Mỹ!

Tuy vậy, đề nghị của Nixon vẫn còn đó để Hà Nội sử dụng nếu muốn cải thiện liên lạc ngoại giao với Hoa Thạnh Đốn sau ngày ký kết Hiệp Định Ba Lê hay bất cứ lúc nào trong tương lai.

THỎA HIỆP VỀ CHƯƠNG TRÌNH TÁI THIẾT KINH TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ HOA KỲ ĐỊNH NGHĨA NHƯ SAU:

Mỗi bên sẽ thực thi những đề nghị của Ủy Hội Kinh Tế Hỗn Hợp ghi trong văn bản Tổng Thống (Mỹ) gửi cho Thủ Tướng (Bắc Việt) theo đúng những điều khoản trong hiến pháp của mình.

GHI CHÚ VỀ NHỮNG LOẠI VIỆN TRỢ KHÁC

Về vấn đề các loại viện trợ khác, các nghiên cứu của Mỹ cho thấy những chương trình thích hợp có thể lên tới từ 1 tới 1,5 tỷ dollars tùy theo nhu cầu về thực phẩm hay sản vật/hàng hóa của nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam."

Bechtel muốn tôi tiếp tục làm việc phát triển kinh doanh cho các dự án tái thiết thời hậu chiến của Việt Nam vì tôi có liên lạc mật thiết trước đây với Đại Sứ Bunker (ngày 5 tháng 4, 1967 – 11 tháng 5, 1973.) Trong thời gian làm việc ở Sài Gòn, trong chức vụ Thứ trưởng

Kinh tế và Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ tôi thường được ông Đại sứ mời tới tư gia để tiếp xúc với các Thượng nghị sĩ, dân biểu và những yếu nhân người Mỹ đến thăm viếng Việt Nam. Tôi trình bày cho họ hiểu về những chương trình phát triển tôi đang thực hiện. Tôi đáp máy bay trực thăng từ mái nhà tòa đại sứ Mỹ đưa họ tới Biên Hòa, nằm trong vùng ngoại ô Sài Gòn, để đi thăm Khu Kỹ Nghệ và những trang trại nuôi heo và gà bằng bắp do USAID cung cấp. Chúng tôi tiếp tục cuộc thảo luận trong lúc dùng cơm tối tại tư gia của ông Đại sứ. Khi thành người tỵ nạn, tôi biết ơn Đại Sứ Bunker đã viết nhiều thư giới thiệu giúp tôi kiếm việc làm (xem Chương 15).

Một bất ngờ lớn!

Một buổi sáng tháng 9, 1978, tại cả hai cửa ra vào ở trụ sở trung ương của Bechtel, vài người đứng phân phát cho nhân viên công ty số báo tháng 9/10 của tạp chí *Mother Jones*.

Đây là một tạp chí Mỹ khuynh tả chuyên đăng các bài báo loại điều tra và những tin mới nhứt về chánh trị, môi trường, nhân quyền, và văn hóa. Trong trang 35, tôi đọc được những dòng chữ viết về mối liên hệ giữa tôi và Bechtel.

"The Bechtel File

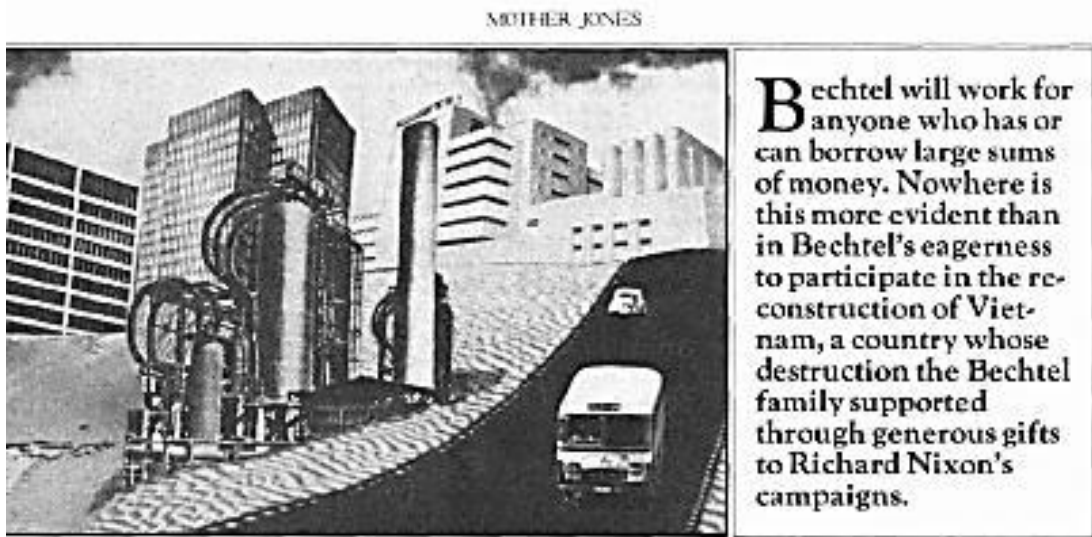
How The Master Builders Protect Their Beachheads

By Mark Dowie

Illustrations by Lou Beach

SEPT/OCT. 1978

35



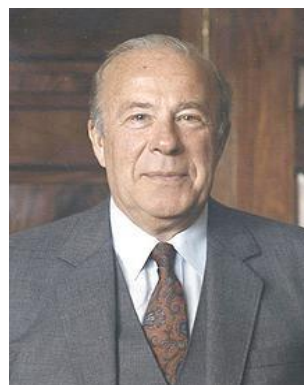
"Lập trường phi chánh trị của Bechtel được thể hiện rõ rệt qua sự sốt sắng của công ty muốn tham dự vào việc tái thiết Việt Nam, một quốc gia mà gia đình họ đã dự phần vào tàn phá qua việc tích cực đóng tiền ủng hộ cuộc vận động tranh cử của Nixon. Sau khi chiến tranh chấm dứt, Bechtel muốn Cựu Thứ Trưởng Kỹ Nghệ lưu vong, Khương Hữu Điều, vào làm. Điều là người đã khám phá ra dầu thô ngoài khơi Việt Nam và cũng là bạn thân của

Ellsworth Bunker khi ông này làm đại sứ ở Miền Nam Việt Nam. Lợi dụng sự quen biết giữa Bunker và Diểu, Parker Hart, người tham vấn cho Bechtel ở Hoa Thịnh Đốn và cũng là cựu đại sứ Mỹ ở Saudi Arabia, đến gặp Bunker vào tháng Ba năm ngoái với cố để bàn chuyện về việc phái đoàn Mỹ (Mansfield-Woodcock) sắp qua Việt Nam. Mặc dầu mục đích chính thức là để bàn cãi về việc quân nhân Mỹ bị mất tích trong trận chiến, tờ memo của Hart gửi về San Francisco ám chỉ Bechtel muốn nhắm vào việc khác nữa. Bunker nghĩ là cơ hội cho Bechtel làm ăn ở Việt Nam tùy thuộc vào kết quả cuộc viếng thăm của phái đoàn đặc biệt của Mỹ này...”Bunker hứa là ông ta sẽ cho tôi biết về kết quả sau và đề nghị sẵn sàng giúp đỡ khi cần.”

Một trong những ngạc nhiên đầu tiên khi đi làm ở Bechtel là có lần tôi đi vào thang máy cùng một lúc với Caspar Weinberger, cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng và George P. Shultz, cựu Bộ trưởng Lao động, Bộ trưởng Ngân khố và Bộ trưởng Ngoại giao. Sau này tôi được biết hai ông đó cùng làm với Bechtel: ông thứ nhứt làm phó chủ tịch/tổng cố vấn còn ông sau làm chủ tịch.



Caspar Weinberger



George P. Shultz

Caspar Weinberger, Bộ trưởng Quốc phòng thứ 15 của Hoa Kỳ làm phó chủ tịch kiêm tổng cố vấn của Bechtel Group ở San Francisco.

George P. Shultz, Ph.D., giáo sư về kinh tế công nghệ ở MIT. Giữa năm 1974 và 1982, Shultz làm cấp chỉ huy ở Bechtel. Sau cùng ông trở thành chủ tịch của công ty.



Đại diện Bechtel tại Hội nghị các Dự án Đầu tư thời Hậu Chiến ở Việt Nam

Về vấn đề phát triển kinh doanh, Bechtel muốn tôi tham dự một khóa hội thảo được tổ chức tại trụ sở của PG&E về đề tài "Những dự án đầu tư hậu chiến tại Việt Nam." Ông Art Torres, Thượng nghị sĩ tiểu bang California đồng thời cũng là Chủ tịch đảng Dân Chủ ở California, đã đi thăm Việt Nam nhiều lần là một trong những diễn giả chánh vào bữa đó. Tôi đưa ra nhận xét rằng chi phí sản xuất kỹ nghệ ở Việt Nam được lợi điểm có giới nhân công lành nghề, làm việc cần mẫn và lãnh lương thấp có lẽ vì Việt Nam thuộc nhóm "văn hóa cầm đũa" (Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam và Đại Hàn.)

Ông Thượng nghị sĩ muốn cho mọi người thấy là ông biết nhiều về Việt Nam và nói là tôi nói sai. Ông mới ở Cao Miên về và thấy người dân xứ này cũng dùng đũa để ăn. Tôi phải giải thích rằng theo lịch sử nhóm ăn đũa chỉ gồm bốn quốc gia được nêu ra mà thôi. Phần còn lại như Cao Miên, Ấn Độ, Pakistan, Phi Luật Tân, Nam Dương, Lào ... Ả Rập và các nước bên Phi Châu thuộc nhóm dùng ngón tay để ăn. Đối với các nước lân bang của Việt Nam như Cao Miên thì một số đã bị "Việt Nam hóa" nên dùng đũa. Thực ra, bên cạnh những người bị lai giống như Khmer Krom sinh sống ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long của Việt Nam trong những tỉnh từ Sóc Trăng tới Châu Đốc, còn có một cộng đồng quan trọng người Việt lập nghiệp tại Biển Hồ hay hồ Tonlesap bên Cao Miên trong nhiều thế kỷ qua. Như vậy, khi nói về dân chúng ăn theo cách nào, ta có thể kết luận phần còn lại như Châu Âu, Úc Châu và Nam Mỹ dùng dao và nĩa để ăn.

Dự án tôi làm kế tiếp khá đặc biệt: nghiên cứu khả thi về loại bom mệnh danh là "Peace-keeper Bomb Project" cho Bộ Quốc Phòng Mỹ. Đây là một "dự án bí mật được bật mí": Bom nguyên tử được cất chứa bên trong một ngọn núi mà không có lối ra vào. Do đó không cách nào có thể bị phóng ra vì nhầm lẫn hay tai nạn cả. "Đừng tấn công chúng tôi vì chúng tôi có một hầm chứa bom bí mật cho phép chúng tôi nội trong ba ngày sẽ tự động tiêu diệt bạn." Nhiệm vụ của tôi là thiết kế phương cách cho một máy đào hầm để ngay sau khi nó đào tới mặt đất thì trái bom có thể được tự động phóng ra. Điều quan trọng là làm sao



Thẻ an ninh do Lawrence Livermore National Laboratory cấp cho nhân viên Bechtel 1987

tránh khỏi bị vệ tinh quân địch phát hiện. Giải pháp của tôi là gắn những hỏa tiễn vòng quanh cái "cổ" của máy đào hầm. Tôi tính sao cho các hỏa tiễn đủ mạnh để đẩy máy xuống sườn núi.

Dự án tôi làm sau đó liên quan tới "Atomic Vapor Laser Isotope Separation (AVLIS.)" tại Lawrence Livermore National Lab. Thủ tục kiểm soát an ninh/security clearance nơi đây rất nghiêm ngặt. Mặt sau thẻ nhân viên của tôi có hóa chất với khả năng phát hiện chất phóng xạ.

Một trong những thử thách hắc búa nhất là làm sao tách rời một cách hữu hiệu và ít tốn kém một loại đồng vị/isotope nào đó của một nguyên tố hóa học ra khỏi các đồng vị khác để có thể dùng đồng vị đã được tách rời vào những mục đích y khoa, năng lượng hay sản xuất vũ khí. Thông thường thì việc tách rời các đồng vị được thực hiện qua kỹ thuật khuếch tán khí/gaseous diffusion tại cơ sở ở Oakridge, hay kỹ thuật khí ly tâm/gas centrifuge được áp dụng bên Iran bây giờ. Giờ đây, các khoa học gia và kỹ sư của Lawrence Livermore Lab đã phát minh ra một kỹ thuật tối tân hoàn toàn mới mẻ và hữu hiệu dùng tia laser để tách rời đồng vị/laser isotope separation (LIS). Kỹ thuật này dựa vào hiện tượng là tuy những đồng vị trong một nguyên tố giống nhau về phương diện hóa học nhưng lại hấp thụ các màu của tia laser một cách khác nhau. Do đó, có thể điều chỉnh tia laser một cách chính xác để ion hóa các nguyên tử trong một đồng vị nào đó rồi dùng điện năng để thu thập chúng trên những tấm đĩa. LIS được phát minh đầu tiên trong thập niên 1970s như một kỹ thuật ít tốn kém và ổn định với môi trường để cung cấp chất uranium mạnh hơn dùng trong các lò máy phát điện nguyên tử cũng như những vật liệu nguyên tử đặc biệt thiết yếu cho nhu cầu an ninh quốc gia. Trong những năm qua, khoảng 2 tỷ dollars đã được đầu tư vào Lawrence Livermore Lab để cải tiến kỹ thuật mới mẻ đó và chứng minh sự khả thi của nó với một nhà máy thí điểm đúng tầm cỡ và được trang bị đầy đủ. Mục tiêu này đã được thực hiện vào những năm đầu của thập niên 1990 cho việc tách rời các vật liệu nguyên tử đặc biệt và vào những năm cuối của cùng thập niên cho việc làm uranium mạnh nhằm mục đích thương mại.

Tới lúc này, tôi đã làm việc 12 năm với một công ty quốc tế khổng lồ tại San Francisco. Suy gẫm lại, trong khoảng thời gian đó, tâm trạng tôi hoàn toàn không giống chút nào khi tôi còn làm việc ở bên nhà. Trước 1975, mục tiêu chính của tôi là giúp phát triển đất nước đang có thể thi đua một cách đúng đắn với những "con hổ nhỏ" của Á Châu, những quốc gia lân bang của mình. Động lực trong tôi lúc đó là làm việc cho Việt Nam với niềm hăng say. Bây giờ ở Bechtel, dự án tôi đảm trách nhằm xây cho quốc vương xứ Saudi Arabia một phi trường quốc tế tại Riyadh, thủ phủ của nước này. Tôi luôn phải hoàn tất nhiệm vụ một cách tốt đẹp cho xứng đáng với đồng lương tôi nhận để sống. Tuy nhiên, tôi cảm thấy mình chẳng khác chi người lính Lê Dương đi đánh mướn ở hải ngoại. Tất cả chỉ vì tiền lương mà thôi chứ không có lửa thiêng!

Thử Thách Trong Một Công Ty Nhỏ

*Quá Nhiều Việc Hoặc Chết Đói!
Feast or Famine!*



Stanford Hospital

Công việc tại Bechtel nhiều thích thú nhưng khi hàng ngày phải lái xe hơn 100 miles để đi làm quả là mất thì giờ và một gánh nặng. Tôi may mắn có chọn lựa khác là qua làm với người bạn tốt tên là Joe McQuillan ở San Francisco. Tôi thương lượng với Bechtel về phúc lợi trong quỹ hưu bổng của tôi sau khi đã làm việc được 12 năm để qua cộng tác với Joe.

Đương nhiên chuyện lái xe 100 dặm Anh để đi làm mỗi ngày không phải là lý do duy nhất khiến tôi nghỉ ở Bechtel. Động lực chính là tôi coi Joe như một người bạn đáng tin cậy và công ty tham vấn kỹ thuật của ông chuyên về một công việc tôi thích. Tôi phải công nhận trong 12 năm tôi làm việc ở Bechtel công ty này đối xử tốt với tôi nhưng tôi luôn bị căng thẳng tinh thần và ước mong có nhiều thời giờ hơn với gia đình.

Ông Polvi, chủ tịch Bechtel, có lòng tốt tổ chức cho tôi một bữa tiệc chia tay tại trụ sở nổi tiếng của "Engineers Club" ở trung tâm thành phố San Francisco. Tôi được công ty tặng một chiếc đồng hồ đeo tay thật tốt, một máy thấp độ kế-hàn thử biểu-phong vũ có gắn nhãn hiệu của Bechtel để giúp điều chỉnh nhiệt độ ở trong nhà cho được thoải mái và một bức thư tiễn đưa đầy hảo ý.

*R.L. Polvi
Chủ tịch
CA 94119*

*Bechtel Civil. Inc.
Engineers-Constructors
P.O. Box 3965
Fifty Beale Street
San Francisco,*

Ngày 9 tháng 12, 1987

Ông Điều thân ái:

Thay mặt cho tổ hợp Bechtel, tôi xin bày tỏ lòng trân trọng của tôi về những đóng góp của Ông trong suốt 12 năm Ông cộng tác với công ty cho tới khi Ông về hưu vào ngày 3 tháng 10 năm 1987.

Suốt thời gian làm với công ty, Ông đã tỏ ra xuất sắc qua các công việc kỹ thuật Ông thực hiện trong các dự án ở Venezuela, Tân Tây Lan, Saudi Arabia và Hoa Kỳ.

Lòng sốt sắng, tận tâm với công việc kỹ thuật ông đảm nhiệm tại "H&CF Division, Bechtel Petroleum và Bechtel National Inc." đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của Bechtel. Tôi tin tưởng là những người bạn và đồng nghiệp của Ông ở Bechtel sẽ cùng hợp ý với tôi chúc Ông dồi dào sức khỏe và niềm vui trong những năm tới.

*Ông Điều Khương-Hữu
16 Riverton Drive
San Francisco, CA 94132*

*Thân ái,
Bob Polvi*

Làm sao tôi quen với Joe và cộng tác với công ty nhỏ của ông?

Khi còn làm việc với Bechtel, tôi hết sức ngạc nhiên khi được biết dù có bằng M.Sc. về Engineering của MIT tôi vẫn không được phép ký tên vào những họa đồ của dự án. Tôi phải thi xong Professional Engineer (PE) mới được cấp giấy phép/license ký tên vào những họa đồ về kỹ thuật. Đây là cả một thách thức cho tôi ở Tân Thế Giới bởi vì tôi đã bỏ ghế đại học nhiều năm, từ 1957. Trong hơn một thập niên, kinh nghiệm đi làm chánh của tôi là quản trị chứ không liên quan gì tới việc tính toán kỹ thuật cả.

Sau một thời gian cặm cụi ôn lại bài vở, tôi đi thi ở San Francisco dưới sự giám sát của ông Joe McQuillan, người đại diện cho "Sacramento Board for Professional Engineers, Land Surveyors, and Geologists." Cảm tạ Thượng Đế, văn phòng trung ương ở Sacramento thông báo cho Joe hay là tôi đã đạt được điểm cao nhất từ trước tới nay. Một lần nữa, công thức "10% hứng khởi và 90% mồ hôi" của tôi đã tỏ ra hiệu nghiệm. Có lẽ nhờ vào kết quả thi đó mà Joe và tôi đã kết bạn với nhau.

Khi làm việc ở Bechtel tôi vẫn liên lạc với Joe và thỉnh thoảng chúng tôi đi dùng cơm trưa với nhau. Văn phòng của ông chỉ cách sở tôi làm vài "blocks." Nhờ ông, tôi được biết trong mười mấy năm qua, ông thường nhận được giao kèo canh tân hóa những hệ thống máy móc tại các bệnh viện như Kaiser Permanente, Seton Medical Center, Stanford Hospital, San Jose Hospital... phần lớn nằm trong Vùng Vịnh. Nhân cách của Joe gây ấn tượng sâu đậm với tôi. Ông là người thân thiện, thành tâm, thật thà, cởi mở và là một kỹ sư thực sự lành nghề. Ông nói với tôi là bất cứ lúc nào ông cũng sẵn sàng đón nhận tôi vào công ty của ông. Tôi nghỉ việc ở Bechtel để qua làm với Joe trong suốt 10 năm sau này.



Joe McQuillan



Văn phòng của MDA Engineering Inc., Hayward, CA 1990

Joe sanh ra trong một gia đình khiêm tốn ở tiểu bang Montana. Vì là một cựu chiến binh trong chiến tranh Triều Tiên, Joe nhờ vào luật "GI Bill" để học xong bằng PE về Kỹ sư cơ khí "Mechanical Engineering" của Montana State College. Tôi càng nể phục Joe hơn khi biết ông ta còn là một luật sư từ University of San Francisco nữa. Tôi bắt đầu làm việc với Joe tại một văn phòng nhỏ hẹp nằm trong một cao ốc yên tĩnh không có ánh sáng mặt trời nơi trung tâm tài chánh của thành phố San Francisco. Joe muốn một bà "draft woman" vẽ họa đồ tên Julie rất thạo nghề. Tiền thuê nhà tại trung tâm thành phố San Francisco khá mắc mớ. Vì công việc đang phát triển mạnh nên Joe quyết định muốn thêm kỹ sư vào làm việc

và dọn tới một nơi rộng rãi hơn ở Hayward nằm phía bên kia cầu San Mateo Bridge. Joe có thêm một người hùn vốn là Neil Davidson, và bốn kỹ sư tên là David Gateno, David Pang, Trần Liêm, Arlen Allinger, cùng một người vẽ họa đồ là Brian Mothershed. Neil muốn Jennifer Valesquez làm thư ký/kế toán viên cho công ty mới:

MDA Engineering Inc.
795 Fletcher Lane
Hayward, CA 94544

Joe và Neil mỗi người làm chủ 40% số vốn của công ty còn tôi chỉ có 20% nhưng lại giữ số phiếu quyết định.

Bây giờ tôi hiểu rõ được nếu không nhờ vào sự quen biết của Joe trong thập niên qua với những bệnh viện trong vùng Vịnh thì công ty sẽ không có đủ việc để làm. Joe nổi tiếng là một chuyên viên về thiết bị kỹ thuật cho các bệnh viện. Những hệ thống về sưởi nóng/heating, thông gió/ventilating, và điều hòa không khí/air conditioning tại các bệnh viện trong thập niên 1980 phần lớn được trang bị với những nồi hơi/boiler và máy lạnh/chiller xưa sản xuất trong hai thập niên 1960 và 1970 nên thiếu hiệu quả. Để so sánh, điều này chẳng khác gì lái những xe hơi Hoa Kỳ nuốt xăng được sản xuất trong thập niên 1970 vậy. Tôi giúp Joe thiết kế hệ thống máy tổng hợp dùng trong các bệnh viện "Hybrid system" tương tự như loại xe ít hao xăng nhóm "Prius" của Toyota hiện đại.

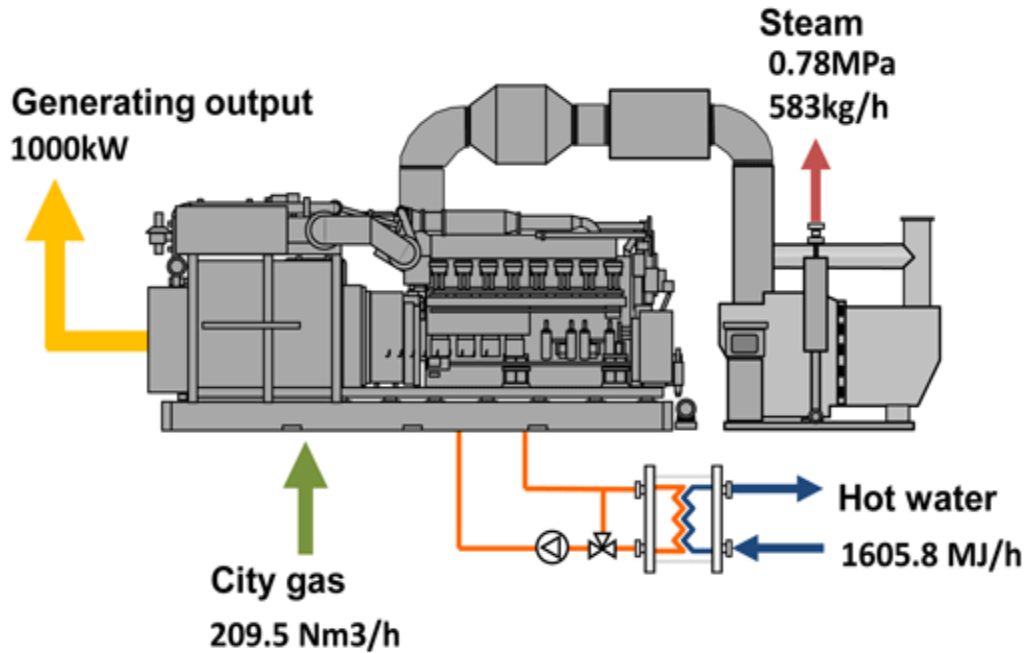
Đa số những bệnh viện trong thập niên 1980 được trang bị hồi trước 1970 với lò "súp de" để làm hơi nước hay nước nóng. Sau đó, người ta dùng máy lạnh/chiller chạy điện để có nước lạnh chạy máy điều hòa không khí hay để dùng vào những mục đích làm lạnh khác.

Một hệ thống đồng phát tân tiến/Cogeneration system còn được gọi là hệ thống điện nhiệt kết hợp/combined heat and power (CHP) có thể dùng để phát ra điện còn hơi nóng thải ra sẽ được dùng làm hơi nước và nước nóng. Hệ thống CHP mới này có hiệu quả gần gấp đôi hệ thống phát điện thông thường. Nhiệt lực thay vì bị thải ra trong không khí như trước đây nay được dùng vào những mục đích ích lợi khác.

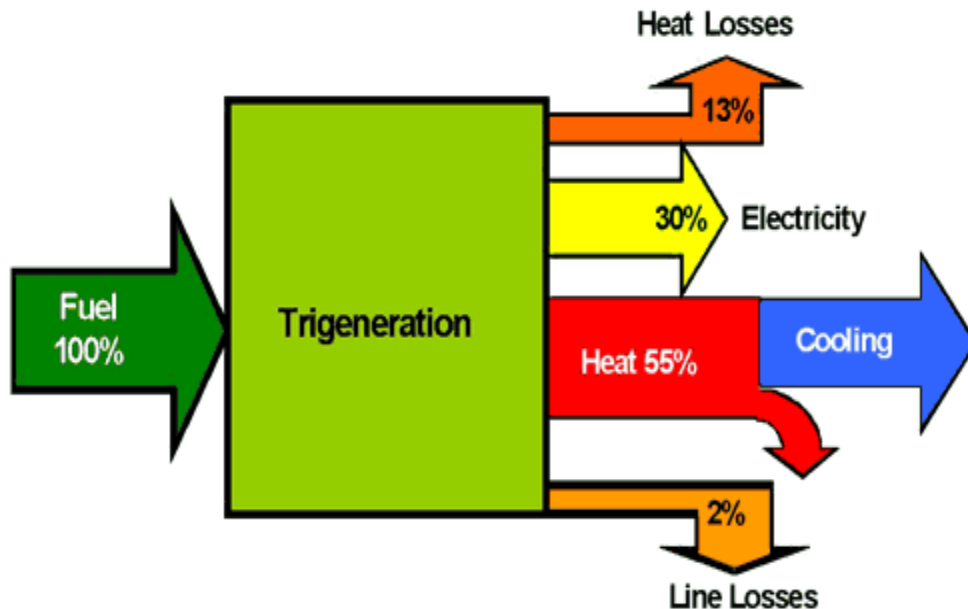
Hơn nữa, hệ thống tam phát/Trigeneration system là một tổng hợp của hệ thống đồng phát/Cogeneration system với máy lạnh/Absorption Chiller để chuyển đổi nhiên liệu thành điện lực, nhiệt lực và nước lạnh. Nhiệt lực bị thải ra trong hệ thống đồng phát này được dùng để sản xuất ra nước lạnh để điều hòa không khí, ướp lạnh hay những mục đích làm lạnh khác... Do đó hệ thống đồng phát/Cogeneration và hệ thống tam phát/Trigeneration giúp tiết kiệm chi phí đáng kể cũng như giảm tối đa tới 50% mức độ phát thải carbon so với phương pháp điều hòa không khí thông thường. Giới tiêu thụ, nhờ đó, cũng tiết kiệm được gần nửa chi phí về điện của mình. Máy lạnh/absorption chiller biến đổi nhiệt lực bị sa thải thành nước lạnh.

Gần đây, hệ thống CHP được chú ý tới nhiều vì mức gia tăng nhu cầu về nhiên liệu trên toàn

cầu, sự biến động giá cả, và quan tâm về thay đổi khí hậu. So sánh với hiệu quả ở mức độ 45% khi dùng hệ thống phát nhiệt và điện riêng biệt thông thường, các hệ thống CHP có thể hoạt động ở mức hiệu quả hơn 70%.



Hệ Thống Cogen tiêu biểu được dùng trong bệnh viện



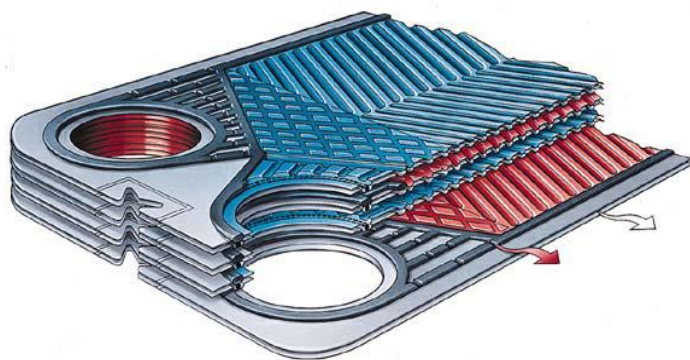
Hệ thống tam phát/trigeneration điển hình gồm một máy chính có thể cùng lúc phát điện, nhiệt lực và nước lạnh.

Bức tường đôi với bộ Trao Đổi Nhiệt Lực

Luật lệ về việc hàn chì (plumbing) đòi hỏi phải có một bức tường đôi ở giữa có một khoảng trống để dẫn nước bị rỉ ra bên ngoài. Các bệnh viện bắt buộc phải hội đủ các đòi hỏi mới đó.

Nguyên tắc vận chuyển:

Đúng như tên gọi của nó, bức tường đôi đơn giản chỉ là một thiết kế gồm có hai tấm kim loại đặt song song với nhau với một khoảng trống nhỏ ở giữa có mục đích làm gia tăng độ an toàn trong trường hợp một trong hai tấm kim loại bị lủng rồi gây rỉ nước. Nếu chất dung

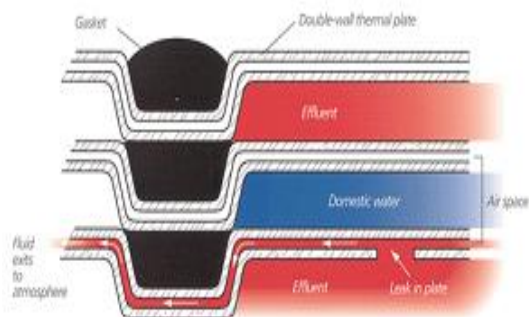


Bức Tường Đôi Trao Đổi Nhiệt Lực

dịch của một trong hai bên rỉ ra ngoài và qua khỏi tấm kim loại thứ nhất thì sẽ bị khoảng trống và tấm kim loại thứ hai chặn lại. Nước rỉ sẽ bị phát hiện khi chảy ra bên ngoài. Thiết kế bức tường đôi đi kèm với miếng đệm kép/double gasket sẽ bảo đảm tối đa tránh khỏi tình trạng hai dòng dung dịch bị trộn lẫn nhau khi có rỉ ở phần bên trong của hệ thống này.

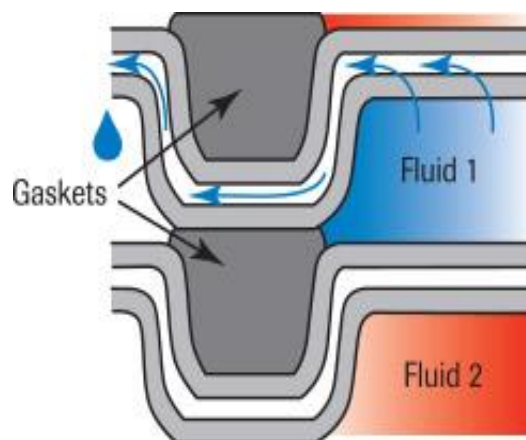
Những lỗ trống nằm giữa hai tấm kim loại được hàn bằng tia laser. Sự phát hiện ở bên ngoài khi miếng hàn hay tấm kim loại bị hỏng. Sự phát hiện ở bên ngoài khi miếng đệm/gasket bị hỏng.

Joe và tôi liên tục nhận đơn đặt hàng cho hệ thống đồngphát/Cogeneration và hệ thống tam phát/Tricogeneration và bộ trao đổi nhiệt với bức tường đôi/double vault heat exchangers. Joe còn nhận những dự án đặc biệt thiết lập hệ thống điều hòa không khí cho phòng giải phẫu tim.



Trong mười năm cộng tác với Joe, tôi phải đối đầu với một vấn đề giao tế khá nan giải. Neil Davidson lạm dụng lòng tốt của Joe để đưa người con gái và con trai vào làm trong công ty. Cả hai đều không đủ khả năng để làm việc trong một công ty cổ vấn kỹ thuật. Tôi buộc lòng phải sử dụng số phiếu quyết định 20% của mình để ngăn chặn sự lạm dụng của Neil đồng thời giải quyết khó khăn tài chánh cho Joe và công ty. Khi tôi vào làm việc với Joe, chúng tôi có sự thỏa thuận rằng tôi sẽ về hưu ở tuổi 65 để lãnh tiền phúc lợi của Social Security vào tháng Mười, 1996. Joe và tôi tiếp tục gặp nhau để đi uống rượu và dùng cơm tối mỗi thứ năm cho tới khi ông qua đời trong năm 2001.

Khi tôi vào làm với Bechtel trong thập niên 1970, công ty được xem là một tổ hợp về kỹ thuật và xây cất lớn nhất thế giới thực hiện những dự án lên tới hàng tỷ Mỹ kim tại Hoa Kỳ và trong hơn 100 quốc gia trên thế giới trong nhiều thập niên. Khi đến với Bechtel tôi biết rõ hoạt động của các công ty lớn vì tôi đã có kinh nghiệm làm việc vài năm với ESSO – còn có tên khác là Standard Oil of New Jersey. Vào thời điểm đó, ESSO và IT&T là hai công ty lớn nhất nước Mỹ. Những công ty khổng lồ đó thường nắm vững kỹ thuật tân tiến nhất trong ngành hoạt động của họ nhưng quan trọng hơn cả họ có mối liên hệ chỗ quen biết đúng chỗ - yếu tố thiết yếu để móc nối trong công việc làm ăn. Như đã nêu trên, Bechtel đạt được mức thương vụ hàng năm lên tới 40 tỷ Mỹ kim với số nhân viên 40.000 người. Thành phần lãnh đạo cao cấp của công ty luôn bao gồm nhiều nhân vật nổi tiếng và có nhiều thế lực nằm trong và ngoài chánh quyền.



Phản Kê

Tôi làm việc ròng rã suốt 22 năm với công ty lớn cũng như nhỏ. Tôi học hỏi được gì? Trong thời gian 12 năm ở Bechtel công việc làm cực nhọc và bị nhiều áp lực nhưng tôi đã đối phó được với các vấn đề cam go để thực hiện dự án một cách hiệu quả. Tôi có được một công việc vững vàng cùng một cuộc sống thoải mái. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ rằng mình đã quyết định đúng khi về hưu sớm. Đáng lý ra, tôi có thể hưởng kết quả của bao công lao làm việc mệt nhọc bên cạnh Marie, người vợ yêu dấu của tôi. Nhưng tại sao tôi lại phiêu lưu nhập vào một công ty tư nhân nhỏ, một việc mới lạ mà tôi hoàn toàn không có kiến thức gì về việc tìm việc làm mới nơi các bệnh viện. Vô số bất ngờ và nhức óc đang chờ đợi tôi! Những kinh nghiệm học hỏi được ở Bechtel không giúp ích được cho tôi!

Tôi nhanh chóng nhận thức ra những vấn đề trong một công ty nhỏ khác hẳn những gì tôi trải nghiệm trước đây. Thử thách lớn lao liên tục ám ảnh tôi là làm sao kiếm được việc làm đều đều cho công ty để nuôi sống nhóm nhân viên nhỏ của mình. Vấn đề của chúng tôi thật đơn giản: hoặc được quá nhiều việc làm hoặc chết đói. Nhìn dưới một khía cạnh khác, tôi nhận định rằng sự sống còn của một công ty nhỏ khó hơn rất nhiều so với một công ty khổng lồ có việc làm cho khoảng 40.000 nhân viên như Bechtel! Điều này cho thấy sự hiệu nghiệm của việc "đi lại" và "trao đổi" giữa chánh phủ và nhân vật nổi tiếng có nhiều thế lực trong các doanh nghiệp lớn. Mọi sự đều có thể mua đi bán lại được cả.

Đông *gặp* Tây

Chương 22

Ẩm Thực Trong Đời Tôi

***Văn Hóa Dùng Đũa
Việt, Hoa, Nhật, Triều-Tiên***



Tôi được đào tạo thành kỹ sư “bù-lon con-tán” như vậy tại sao tôi lại cầm bút viết về nghệ thuật ẩm thực? Có thể vì định mệnh hay số phận mà trong suốt đời tôi - ngoại trừ những năm 1953 tới 1956 lúc tôi phải làm nghề rửa chén khi học ở Lafayette College trong tiểu bang Pennsylvania và một khoảng thời gian ngắn sống trong trại tị nạn của Thủy quân Lục chiến Marine Camp Pendleton ở California vào năm 1975 - tôi luôn được sống với nghệ thuật ẩm thực. Mục đích tôi viết chương này là để ghi lại những kinh nghiệm riêng tư, thích thú và đặc biệt mà tôi may mắn được trải qua với các món ăn ngon miệng từ thời thơ ấu. Về mặt thực tiễn, tôi mong trình bày phương cách làm thế nào để có thể hưởng thụ những món ăn ngon miệng thường ngày (gourmet menu du jour) mà không phải cực nhọc.

Thức ăn tôi từng được nếm qua khá đa dạng. Là người Việt gốc Hoa sống dưới thời Pháp thuộc có nghĩa là từ nhỏ tôi đã không xa lạ gì với thức ăn ngon của người Pháp. Tôi cảm thấy thích thú mỗi khi được ăn những món như “soupe à l’oignon, canard à l’orange, steak pommes frites, éclair, flan, croissant, brioche, café au lait...” Thêm nữa, sống trong “văn hóa dùng đũa”, tôi không hề gặp khó khăn gì khi được thưởng thức những món ăn nổi tiếng nhút của Phương Đông. Trong Đệ Nhị Thế Chiến, quân đội Nhật chiếm đóng Đông Dương và lần đầu tiên trong đời, tôi được nếm thử món cá sống mà sau này trở thành một trong những món tôi ưa chuộng nhút: Sashimi. Trong thời cổ, người Tàu ý lại nền văn minh tự tôn tự đại cho rằng người ăn đồ biển sống, không nấu nướng, là man rợ!

Sau khi từ giã gia đình ở Mỹ Tho để lên Sài Gòn làm việc, tôi được làm quen với một số thức ăn quốc tế tại thủ đô. Trong chức vụ Tổng giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam và một vài năm làm Thứ trưởng Bộ Thương Mại và Kỹ Nghệ, tôi có dịp dự những buổi tiếp tân của giới thương gia ở Sài Gòn. Ngoài ra, tôi còn được các vị đại sứ Trung Hoa Dân

Quốc, Hoa Kỳ, Anh, Nhật, và Pháp... mời dùng cơm để gặp những yếu nhân của xứ họ đến viếng thăm Việt Nam. Các vị đại sứ đã hoan hỉ đem những món ăn ngon của xứ họ ra để khoản đãi khách.

Tôi nhớ hồi còn học ở Lycée Yersin trên Đà Lạt, vị giáo sư môn Địa lý người Pháp, ông Convert, luôn nói rằng nghệ thuật ẩm thực của nước ông là đứng đầu thế giới. Ông chế giễu người Anh chỉ biết ăn những "món luộc" trong bữa cơm tối, người Đức thì ăn "sauerkraut và khoai tây" còn người Ý lại chuyên môn ăn "ravioli và spaghetti."

Năm 1968, tôi hướng dẫn một phái đoàn kỹ nghệ gia qua thăm viếng Anh Quốc và được ông đại sứ Anh tại Sài Gòn là Lord *Murray* MacLehose mời tới dự bữa tiệc tiễn đưa tại tư gia của ông. Tôi hết sức ngạc nhiên học hỏi được những nghi lễ và thức ăn thật tuyệt vời của người Anh. Tôi hoàn toàn không thấy "món luộc" nào cả nhưng lại có nào là cá hồi xứ Tô Cách Lan/Scotland xông khói "Scottish smoked salmon" với bánh kếp làm bằng yến mạch/oatmeal pancakes và "horse radish cream", "Prime Ribs Roast" với "Yorkshire pudding," "Crème à l'Anglaise" với trái dâu. Rồi Demi tasse. Tôi nghĩ người Pháp luôn đánh giá thấp cách nấu ăn của người Anh. Nhân đây, tôi cũng xin nói thêm là sau khi mãn nhiệm ở Sài Gòn, đại sứ Lord *Murray* MacLehose được bổ làm vị thống đốc thứ 25 (1971-1982) của Hồng Kông.

Những bữa tiệc sang trọng, đầy hương vị được trình bày thật đẹp mắt tại tư thất của hai vị đại sứ Trung Hoa Dân Quốc và Nhật gây cho tôi nhiều ấn tượng tốt khó quên. Tôi có chọn ra một số món để đưa chị bếp nấu lại tại nhà của tôi ở Sài Gòn để cùng bạn bè thưởng thức. Sau cùng, với tư cách đại diện của Việt Nam tôi có đi thăm viếng chánh thức vài nước bạn. Tại những nơi này, những đối tác thết đãi tôi với các món ăn tuyệt ngon của xứ họ. Ngược lại, khi họ qua họp tại Sài Gòn, tôi cũng đáp lễ mời họ thưởng thức những món độc đáo của Việt Nam. Đương nhiên là có lúc phải làm việc cực nhọc và cũng có lúc để ăn ngon. Thành thật mà nói, tôi không coi việc thết đãi như vậy là tham nhũng hay phung phí mà là những nghi lễ ngoại giao cần thiết. Những buổi tiếp tân sang trọng thường được tổ chức tại Tòa Bạch Ốc, Windsor Castle hay tại Đại Sảnh Đường Nhân Dân...

Thế Nào Là Thức Ăn Ngon Đối Với Tôi?

Món ăn ngon chỉ cần một số ít yếu tố như: được nấu đúng cách, bổ dưỡng, dễ mua vật liệu, vừa miệng và vừa túi tiền. Tốt hơn cả, tôi muốn tự nấu ở nhà nhưng nếu tôi có thể mua tại nhà hàng ở khu cư ngụ cũng tốt. Khi nói tới bữa ăn ngon, không nhất thiết phải đắt tiền, cao lương mỹ vị, đòi hỏi cách nấu nướng cầu kỳ cũng như cách trưng bày thật mỹ thuật hoặc phải gồm nhiều món có nhiều chất bổ dưỡng.

Theo tôi, muốn có một bữa ăn ngon khi nấu cần những món có chất liệu tươi và có vị ngon là đủ rồi. Những món mình chọn để nấu ở nhà có thể tương tự như những món của những đầu bếp chuyên nghiệp. Thí dụ như tôi thích nấu tôm hùm của Maine thật tươi với sauce mayonnaise, salad tươi trộn với dầu dấm balsamic và bánh cheesecake. Tất cả mọi thứ đó

đều tự tay tôi ráp. Trước tiên mình có thể hấp tôm hùm với những rau thơm ưa thích một cách dễ dàng. Sauce mayonnaise nên dùng dầu ô liu loại tốt để đánh với lòng đỏ trứng gà sẽ ngon không thua bất cứ đầu bếp nào làm. Để tráng miệng, tôi mua bánh cheesecake tại một tiệm nổi tiếng nhứt trong thành phố, còn về rượu tôi chọn một chai thật ngon từ hầm rượu trong nhà mà giá chỉ bằng một phần ba ở bên ngoài.



Tôm hùm và nghêu tươi hấp tại nhà cũng ngon không thua gì do một đầu bếp hạng ba sao nấu

Đồ biển tươi không cần ăn với những sốt do những đầu bếp loại cao thủ làm mới ngon. Chẳng hạn như con hàu Belon nên thưởng thức tươi đơn giản không cần đến sauce cho thêm rắc rối! Thuở xưa, không có phương tiện ướp lạnh hay chuyên chở đường bộ và hàng không mau lẹ nên tôm cá không được tươi như ngày nay. Các "chefs" cần sauce đặc chế lấp phần kém tươi. Tại San Francisco, nhiều siêu thị của người Á Đông luôn luôn có hàng chục "aquariums" hồ cá nước mặn và nước ngọt để chứa cá, tôm, sò, ốc, tép, hàu, tôm hùm, cua Dungeness... Ta có thể dùng những hải sản còn sống nấu những món ăn ngon mỗi ngày tại nhà để thưởng thức mà không sợ thua kém gì những món mua tại nhà hàng có "Chef ba sao."

Với thời gian, tôi có thể lập một danh sách dài với những món ăn đơn giản nấu tại nhà hay mua từ nhà hàng với giá cả phải chăng. Chỉ cần chút cố gắng như vậy, tôi có thể có những bữa ăn ngon miệng bất cứ lúc nào trong năm. Một việc hữu ích chúng ta có thể làm là theo dõi những bếp có tiếng ở San Francisco khi họ nghỉ việc ở nhà hàng họ đang làm rồi ra mở tiệm riêng.

Trước đây tôi từng sống ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có vô số sông ngòi và kinh rạch đầy phù sa nên có thật nhiều tôm, cá và cua ốc. Miền duyên hải của Việt Nam cung cấp thật nhiều hải sản kể luôn cả loại cá cơm (anchovies) đặc biệt của tỉnh Phan Thiết và đảo Phú Quốc. Hai nơi này chế biến cá cơm thành loại nước mắm nổi tiếng. Nước mắm của Việt Nam tương đương với xì dầu của người Hoa, Nhật và Đại Hàn trong nền "văn minh dùng đũa." Nhờ khí hậu hai mùa mưa nắng của vùng nhiệt đới đi kèm với đất đai phì nhiêu mà

Miền Nam đã đứng hạng cao về xuất cảng gạo trên thế giới và là nguồn cung cấp đáng kể về hải sản, thảo mộc, trái cây, rau cải vùng nhiệt đới. Trên cao nguyên như Đà Lạt lại có cả rau cải xứ lạnh Âu-Mỹ. Những chất liệu hấp dẫn kể trên là căn bản để nấu những món ăn tuyệt ngon của người Việt.

Tại Việt Nam, thông thường những gia đình trung lưu đều có một người nấu bếp trong nhà. Tôi còn nhớ lúc tôi khoảng 5 tuổi, má tôi có được một “đầu bếp” rảnh nghề là Thím Tư. Trước đó, Thím Tư giúp việc cho một gia đình người Ấn Độ tên “Sáu Đò” vì là chủ của bến đò Chợ Mỹ Tho, ở gần nhà. Nhờ vậy tôi thường được thưởng thức những món ăn Ấn và những món cà-ri đặc biệt do Thím Tư nấu. Đương nhiên, Thím Tư còn là một đầu bếp Việt cừ khôi nữa.

Lúc nhỏ, tôi thích đi theo Thím Tư tới nhà chủ cũ người Ấn xem thím chà cả chục thứ gia vị khác nhau thành bột cà-ri. Thím Tư cầm viên đá tròn trong hai tay để nghiền các gia vị trên một tảng đá phẳng nặng. (xin xem hình phía dưới.) Gia vị được dùng gồm: nghệ, ngò thơm, thìa là, ớt khô, tiêu đen, lá cà-ri, tỏi, gừng, hồi hương, thảo quả, quế, me, và dầu mè. Loại bột cà-ri vàng đặc biệt này thơm ngon hơn loại bán sẵn ngoài tiệm nhiều. Thím Tư thường hay nấu cà-ri gà, vịt hay dê có thêm ghee (loại bơ làm bằng sữa dê) và nước cốt dừa nổi tiếng của VN.



Tảng đá nghiền cà ri của Thím Tư

Theo phong tục Khổng giáo, đặc biệt trong ngày giỗ của ông bà, những người trong đại gia đình thường tụ họp lại để tưởng niệm và cùng nhau chia sẻ những món ngon đặc biệt. Trong dịp này, mỗi người trong gia đình đem tới những món chọn lọc riêng của mình. Tôi không bao giờ quên được những món gói cuốn, nem cuốn, chả giò, gói đu đủ, gói tôm thịt với củ cải trắng và cà rốt, cà-ri Madras, mì vịt tiềm, gà ác tiềm thuốc bắc, canh khổ qua, heo quay bánh hời, bồ câu quay, thịt kho ba chỉ, chạo tôm bọc mía... Tất cả những món đó ăn với những loại rau thơm còn tươi và nước chấm đặc biệt. (Xin xem những hình phía dưới.)

Những Món Ăn Tiêu Biểu Trong Ngày Giỗ Của Gia Đình Tôi



Gỏi Cuốn



Nem Cuốn



Chả Giò với rau thơm

Gỏi cuốn

Thức ăn nhẹ này dùng tay để ăn (khỏi cần dùng đũa) được cuốn trong bánh tráng với thịt ba rọi, tôm, tép, rau thơm, bún, và những gia vị khác. Tuy ít thịt nhưng đầy hương vị tươi thơm của rau. Trước khi ăn, nên chấm vào chén sốt pha hơi ngọt có điểm chút đậu phộng xay. Một món ăn thật lành mạnh.

*Gỏi củ cải, tôm, thịt heo**Cà ri cá Madras**Thịt bò bourguignon**Mì vịt tiềm**Mì gà ác tiềm**Thịt quay bánh hời**Thịt quay giòn**Bồ câu quay nước dừa Xiêm**Chạo tôm bọc mía**Cá chiên giòn với nước mắm chấm**Tôm viên*

Những Món Ăn Việt Ngon Miệng Khác



Món Lẩu nấu tại gia

Phở

Phở và chả lụa là món ăn rất phổ biến ở miền Bắc. Nó được dân miền Nam hưởng ứng sau năm 1954. Phở chủ yếu dựa vào thịt bò hay gà. Rau ăn phở gồm có giá sống, rau quế và ngò gai. Thêm vài lát ớt, chanh và vài giọt nước mắm không thể thiếu được. Tiệm phở Nam Việt trên đường Guillemet (Phát Diệm, hiện nay là Trần Đình Xu) là tiệm phở đầu tiên ở Sài Gòn trước khi có cuộc di cư. Đây cũng là hội quán bóng bàn, nơi đào tạo vô địch bóng bàn Trần Hữu Đức và nữ vô địch bóng bàn Trần Thị Kim Ngôn (theo Phạm Đình Lân, Vài khái niệm bình dân ngày xưa).



Phở

Bún bò Huế



Giò heo nấu với sả, ớt và ăn với bún, rau thơm (Món ăn miền Trung)



Cá kho tộ



Canh chua



Thịt ba rọi kho với trứng



Bánh xèo



Thịt heo nướng



Cháo vịt với nước mắm gừng



Hủ tiếu Mỹ Tho



Thịt bò cuốn lá lốt



Bánh Mì Sandwich



Bún thịt nướng



Bánh khọt tôm

Những Điều Căn Bản Trong Nghệ Thuật Nấu Ăn Việt Nam

Thức ăn Việt Nam gồm năm vị chánh: cay, chua, chát, mặn và ngọt. Cách nấu nướng của người Việt được biết đến nhờ sự hài hòa giữa năm vị chánh đó nhưng mỗi món ăn vẫn giữ được hương vị đặc thù. Những vật liệu để nấu gồm: nước mắm, mắm ruốc, xì dầu, cơm, rau thơm, trái cây và rau tươi. Phương thức nấu đôi khi đòi hỏi cho thêm sả, gừng, rau húng, bạc hà, ngò, quế, ớt, chanh... Món ăn được ưa chuộng nhờ dùng thật ít dầu mỡ nhưng nhiều rau thơm và rau tươi.

Nhiều chuyên viên dinh dưỡng xếp thức ăn Việt Nam vào số những thức ăn lành mạnh nhất thế giới.

Ngoài ra, những món ăn còn có năm chất dinh dưỡng: chất bột, chất lỏng, khoáng chất, chất đạm và chất béo. Nhà bếp cũng cố gắng hội đủ năm màu trong món ăn bày trên bàn: trắng, xanh lá cây, vàng, đỏ và đen. Những món ăn Việt Nam cũng thu hút các khách sành ăn qua năm giác quan: cách trình bày mỹ thuật làm vui mắt, thức ăn giòn khi nhai nghe khoái tai, ngũ vị của thức ăn làm khoái khẩu, mùi thơm kích thích mũi còn một số thức ăn, đặc biệt loại dùng tay để ăn, gây khoái cảm cho xúc giác.

Điều gì đã khiến cho thức ăn Việt Nam trở nên đặc biệt như vậy? Đó là nhờ chất tươi, vị đậm đà, rau thơm, gia vị và nước mắm cùng nước chấm khác. Những yếu tố độc đáo đó giữ một vai trò quan trọng trong nguyên tắc nấu nướng của người Việt. Đại để họ nói đúng những món ăn Việt Nam không hề làm người ăn thấy nhàm chán. Mọi cách nấu đều chú

trọng tới việc đạt được sự hài hòa giữa rau thơm, vị cay, ngọt, chua, chát, và mặn đặc biệt của nước mắm. Tất cả đều dựa vào nguyên lý âm dương: vị ngọt và mặn, nóng và lạnh, thức ăn mềm và giòn, chất tươi và mắm. Món ăn miền Bắc chịu ảnh hưởng nhiều của Trung Quốc với những món xào và món có nước dùng. Càng đi về phương Nam càng thấy nhiều món ăn có hương vị của Thái Lan và Cao Miên.

Thật là thú vị khi thấy óc sáng tạo của người Việt tị nạn đã giúp họ thành công ở những xứ định cư nhờ dùng bánh baguette chế biến ra "Bánh Mì" sandwich. Họ đã lấy bánh baguette của Tây rồi nhồi thịt heo nướng, chả, cá mòi "sardines", rau ngò, củ cải và cà rốt ngâm dấm ớt để làm thành loại sandwich bán rất chạy. Cũng tương tự như vậy, món phở không những được ưa chuộng ở Hoa Kỳ mà trên cả thế giới nữa.

Truyền Thống Gia Đình

Trong thập niên 30, người con gái Việt cần rành "công dung ngôn hạnh." Chuyện bếp núc, khâu vá, làm bánh trái, khâu vá... là những việc làm hàng ngày của người phụ nữ. Còn việc đi học cấp trung học hay đại học thì dành cho con trai. Ba tôi chọn những tay bếp lành nghề tới nhà để dạy cho Chị Hai Khương Thị Ngân và chị Tư Khương Thị Ngân của tôi. Tôi là đứa trẻ lo đốt lò cho hai chị tôi học làm bánh. Nhà tôi không có lò nướng loại gaz hay điện. Thay vào đó hai chị tôi dùng một lò nướng hình chữ nhật làm bằng đồng cỡ 6 tấc chiều cao với 6 tấc chiều ngang và 9 tấc chiều dài. Ở mỗi bên vách của lò có một khung kiếng nhỏ để xem bánh bên trong. Mặt trên và đáy lò có những khay chứa than được đỏ rực. Trọng trách của tôi là giữ sao cho than được đỏ hồng. Để thưởng công, hai chị cho tôi những miếng bánh tuyệt ngon! Các chị còn học nấu những món ăn Pháp như "Canard à l'Orange, Civet de Lapin, Boeuf Bourguignon, Ragout... và cũng làm bánh bông lan, bánh nhỏ để chấm với Champagne, Chocolat-éclair, Choux à la crème, Buche de Noel..."

Giờ đây, tôi phải thú nhận là những công thức nấu ăn đó đã biến mất với sự ra đi của hai chị tôi. Thật đáng tiếc những công thức nấu ăn đã bị coi là bí mật phải giữ kín trong phạm vi gia đình. Thói tục thiển cận này cần bị loại bỏ nếu muốn cho nghệ thuật nấu nướng được thăng tiến. Trong thời gian 40 năm qua, tôi nhận xét thấy nghệ thuật ẩm thực bên Mỹ đã đạt được những bước tiến vượt bậc nhờ nhiều sách dạy nấu ăn được xuất bản cùng những chương trình tivi nhiều sáng tạo của Julia Childs và Jacques Pépin (nấu ăn kiểu Pháp), Yan Can Cook (Trung Hoa), American Test Kitchen, Lidia's Italy in America, Rick Bayless Mexico—One Plate at a Time....New York và San Francisco đã trở thành hai thành phố tập trung nhiều tiệm ăn có tầm quốc tế.

Người Việt có thể học hỏi nhiều từ người Mỹ về phương pháp dạy cách nấu nướng trên tivi để nâng cao phẩm chất nghệ thuật ẩm thực cổ truyền. Nhiều chuyên gia cho rằng thức ăn Việt quả là đặc sắc vì đã tiếp nhận được ảnh hưởng của hai nguồn ẩm thực lừng danh nhất thế giới: của người Hoa qua gần một ngàn năm và người Pháp khoảng một thế kỷ.

Chúng ta có thể nhận ra một cách dễ dàng những món ăn người Pháp đã để lại Việt Nam.

Thông thường chỉ giới giàu có hay khá giả mới biết đến đồ ăn của Pháp. Sự đóng góp lớn lao và phổ biến nhất của người Pháp cho cách ăn uống của dân Việt vẫn còn tồn tại tới ngày nay là ổ bánh mì baguette. Loại bánh mì này nổi danh tới độ du khách người Pháp hay ngoại quốc khác khi đặt chân tới Sài Gòn ngay sau đó phải đi tới chợ Bến Thành để mua cho được một ổ bánh mì Tây để ăn ngay tại chỗ. Bất cứ lúc nào trong ngày, bạn cũng thấy được hàng chục những du khách đó đứng gặm bánh mì tại chợ Bến Thành trên đường Hàm Nghi.

Người phương Tây thường gặp khó khăn nhận ra ảnh hưởng của Trung Hoa trong món ăn Việt hoặc phân biệt được món nào là món Việt hay món Hoa. Ngay tại Mỹ, khi vào một nhà hàng Việt hay Tàu, người Mỹ có thể lẫn lộn không hiểu thức ăn được dọn ra thực sự là loại nào ngay cả khi những thức ăn đó đã được mô tả dưới những tên khác nhau trong thực đơn. Dĩ nhiên khi một người Hoa ăn món Việt người đó tức khắc biết đó không phải là món Tàu và ngược lại khi người Việt ăn món Tàu cũng rõ đó không phải là món Việt.

Tôi có thể liệt kê ra vài khác biệt giữa cách nấu ăn Việt và Hoa. Thức ăn Hoa thường có nhiều dầu hay mỡ hơn. Để cho thức ăn có thêm hương vị, người Việt nhiều khi pha vị mặn với ngọt thay vì chua với ngọt. Khi nấu thức ăn, cả người Hoa lẫn người Việt dùng phương thức quay, nướng, hầm và làm dôi hay lạp xưởng... Tuy nhiên, chỉ người Việt biết làm nem trộn thịt heo tươi với muối, tỏi, thính trong lá chuối hoặc lá vông để cho thơm và giữ được lâu. Người Hoa không có nem làm từ thịt sống.

Còn về cá, người Việt dùng nhiều loại cá để làm mắm tương tự như cách người phương Tây ngâm cá cơm/anchois và muối trong dầu ôliu. Người Hoa không biết ăn mắm của các nước trong vùng Đông Nam Á như Thái Lan, Campuchia, Phi Luật Tân và Việt Nam.

Nói về rau, người Việt thích ăn rau thơm và rau tươi. Không hề thấy có rau cải tươi trong các thức ăn Hoa. Có thể vì trong cả ngàn năm qua và cho tới ngày nay người Hoa đã dùng phân người làm phân bón.

Một cách tóm tắt, dù bị người Hoa đô hộ trong gần ngàn năm, người Việt vẫn bảo tồn và phát triển được những nét đặc thù của nền văn hóa, truyền thống, phong tục, và nghệ thuật ẩm thực của mình.

Nghệ Thuật Ẩm Thực Của Người Nhật



Người Nhật mời ăn tại nhà hàng Happo-en ở Tokyo trong một khung cảnh tuyệt vời.

Tôi được thưởng thức một bữa cơm ngoại hạng tại Tokyo do Chủ tịch công ty Yanmar Diesel Co. của Nhật thiết lập trong Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa. Những thức ăn được trình bày tuyệt đẹp như những công trình điêu khắc đầy màu sắc – đơn giản nhưng rất là tao nhã.



Tôm Tempura



Các loại Sushi



Sashimi



Canh Hải sản



Bữa điểm tâm tại một nhà trọ thuần túy bên Nhật

Món ăn gồm: cá thu nướng, trứng ô-mơ-lết kiểu Nhật, cơm, đậu hủ luộc đựng trong một chén giấy đặt trên một lò đất nhỏ, xì dầu pha trộn với dưa leo, dưa gang ngâm muối, củ cải và nước trà xanh. Trong chén màu đen là xúp miso.

Đông *gặp* Tây

Món ăn kaiseki thường được trình bày thật mỹ thuật trong các chén đĩa làm bằng đồ gốm thô sơ hay thượng hạng để gây ấn tượng với thực khách.



Bữa ăn Kaiseki loại thường dọn theo phong cách Bento box



Một bữa cơm tiêu biểu Nhật bao gồm: tempura, sashimi, và miso xúp

Một cách tổng quát, thông thường người Nhật ít ăn thịt đỏ, dầu, mỡ và thức ăn có chất sữa. Vì họ dùng nhiều xì dầu, miso và umeboshi (loại xí muối "plum" ngâm muối), nên món ăn của họ có nhiều muối trong khi ở trên thị trường có bán những thứ được sản xuất với số lượng ít muối hơn.

Ẩm Thực Của Đại Hàn

Ông Phó Thủ Tướng Hàn quốc có mời phái đoàn Việt Nam, trong đó có tôi, dự một cuộc tiếp tân vui vẻ tại nhà hàng nổi tiếng "Blue Clouds" tọa lạc trên một ngọn đồi của thủ đô Seoul. Không ai có thể chối cãi được rằng dân tộc Đại Hàn qua lịch sử và truyền thống có cách nấu ăn đặc thù của họ. Tuy vậy, qua bao thế kỷ giao lưu, họ không sao tránh khỏi chịu ảnh hưởng của Trung quốc, Nhật Bản và đặc biệt là Mãn Châu. Kinh nghiệm ban đầu cho tôi thấy rằng dân Đại Hàn ưa dùng vị chua và cay của kim chi trong đa số những món ăn của họ.

Những điều căn bản của nghệ thuật nấu ăn của Trung Quốc

Trải dài qua lịch sử, nghệ thuật ẩm thực của Việt Nam đã chịu nhiều ảnh hưởng từ phương Bắc. Điều này giúp tôi hiểu được tại sao tôi ưa thích ăn cơm Việt và Tàu.

Tuy thức ăn Tàu được nổi tiếng thế giới nhưng ít khi được biết đến khía cạnh sang trọng và đa dạng bởi lẽ thức ăn của người Hoa dựa vào địa phương và sản phẩm có sẵn, điều kiện khí hậu, ngay cả yếu tố lịch sử, chánh trị và văn hóa nữa. Sau một vòng quan sát ngắn, chúng ta có thể tóm gọn thức ăn của người Hoa trong vùng Vịnh San Francisco vào mấy loại sau: Quảng Đông, Bắc Kinh, Thượng Hải, Hồ Nam, Hakka, Phúc Kiến, Tứ Xuyên, Hong Kong và gần đây có thêm Singapore và Đài Loan. Mặc dầu có nhiều cách nấu ăn theo từng vùng như vậy, nhưng tựu chung, tất cả đều chia sẻ một số những đặc điểm giống nhau. Bữa ăn nào cũng có một vài món ăn được nấu theo nguyên lý âm dương để mọi người ăn chung với nhau. Tất nhiên là yếu tố thẩm mỹ và sự chọn lựa hương vị cũng không thể bỏ qua được.

Trong một cuộc họp thường niên về kinh tế giữa Việt Nam và Trung Hoa Dân Quốc ở Đài Loan, phái đoàn chủ nhà đã khoản đãi chúng tôi với những món ăn đặc biệt của xứ họ. Tại Sài Gòn, vị đại sứ Trung Hoa Dân Quốc thường mời tôi dự cơm tối và cho tôi dùng thử những món ăn có nhiều gia vị, đa dạng và ngon miệng hơn so với cơm Nhứt.

Hai tòa đại sứ Nhứt và Trung Hoa Dân Quốc có lẽ không bị gò bó nhiều bởi ngân sách quốc gia trong việc khoản đãi, tiệc tùng trong khi Tòa Bạch Ốc, Điện Buckingham hay Điện Élysées, chắc bị giới hạn chặt chẽ hơn.

Ngoài ra, chúng ta cũng không thể quên được những hoàng đế của Trung Hoa ngày xưa có nuôi hàng trăm cung nữ trong Cố Cung (hay Cấm Cung). Vì vậy không mấy ngạc nhiên khi đa số những thức đơn trong hoàng cung đều có những món ăn bổ dưỡng theo sự đòi hỏi và sở thích của mỗi vị hoàng đế. Đối với những vua chúa của Pháp sống tại Palais du Louvre hay Chateau de Versailles, nếu chúng ta chỉ dựa vào cách thức dọn món ăn trong các đại tiệc, có lẽ thức đơn của mấy vị này sang trọng và phong phú hơn gấp bội bên Trung Hoa thời đó.

Nghệ Thuật Ẩm Thực Của Pháp

Lần đầu tiên tôi được thưởng thức nghệ thuật ẩm thực cao cấp tiêu biểu của Pháp là tại Tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn. Nhiều người tin rằng chính tại những nơi này chúng ta mới tìm được các món ăn có tiếng của Pháp. Trong gia đình tôi có ông bếp người Việt từng làm trên tàu Pháp đường Sài Gòn-Marseille nấu những món ăn Pháp truyền thống. Tuy vậy, tôi đã phát hiện được hai điều khó quên và đặc sắc về nghệ thuật ẩm thực của Pháp.

Trong một lần thăm viếng xứ này, tôi được người anh họ là bác sĩ Khương Hữu Hồ, chủ một phòng thử nghiệm y khoa ở Villeneuve-sur-Lot gần thành phố Bordeaux mời tối dùng cơm. Ông lập gia đình với một phụ nữ Pháp và bà má vợ đã tự tay làm cho con rể những “bloc de Foie gras” thật đặc biệt. Trong 36 năm liền tôi không được gặp người anh chú-bác của tôi. Các bạn người Pháp của anh cho tôi biết anh là “đại gia” trong tỉnh anh ta đang sống. Anh họ tôi rất hãnh diện vì tôi tốt nghiệp trường kỹ sư có tiếng của Mỹ và là thứ trưởng kinh tế trẻ nhút của Việt Nam. Anh tôi mời mười người bạn thân nhút tới dự buổi họp mặt gia đình “kiểu” bỏ túi để đãi tôi. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi dự một buổi cơm tối chỉ với rượu Sauterne tinh xảo của Pháp và “Home made bloc de foie gras”, trái sung fig, bánh mì baguette trong bầu không khí vui vẻ như thế. Để bảo đảm cắt “foie gras” mỗi lát láng mượt như mặt thủy tinh, anh tôi mỗi lần đều cho nước nóng chảy trên mặt lưỡi dao trước khi cắt. Anh tôi có một con dao dài đặc biệt trông như con dao Nhật dùng để cắt Sashimi. Sau nhiều phút hồi hộp chờ đợi, anh tôi bưng ra một đĩa sứ lớn hình bầu dục bày đầy foie gras và trái sung nướng vàng màu caramel. Quả là một bữa tiệc tuyệt vời!



Bloc de Foie gras trưng bày với trái sung nướng và rượu Sauterne



Anh chú-bác của tôi Dr. Khương Hữu Hồ và gia đình tại Villeneuve-sur-Lot gần Bordeaux

Nghệ thuật ẩm thực và hậu quả của hiện tượng Toàn Cầu Hóa.

Trong thế kỷ 21, một cuộc cách mạng đã xảy đến trong lãnh vực ẩm thực. Nền “du lịch thế giới” đã cho ra đời “Nghệ thuật nấu ăn quốc tế”. Năm 1958, thay vì lấy máy bay đi từ Nữ Ớc về thẳng Sài Gòn, tôi có ý muốn đi thăm viếng Tây Âu bằng xe hơi trước và cắm trại luôn thể. Sau đó, tôi dự tính đáp máy bay của Pan Am từ Ba lê về Sài Gòn với những chặng đáp ở Milan, Rome, Athens, Cairo, Teheran, Bombay, New Delhi, Calcutta, Rangoon, Bangkok, Nam Vang và sau cùng là Sài Gòn.

Điều tuyệt vời trong chuyến đi này là các bạn đồng khóa của tôi tại Lafayette College và MIT muốn tôi trên đường về, nếu tiện, viếng thăm thân sinh của họ tại những thành phố đó và luôn thể thưởng thức các món ăn ngon của địa phương.

Vào năm 1958, đi du lịch vòng quanh thế giới bằng máy bay là một việc làm tốn kém. Kỹ nghệ du lịch thế giới hầy còn trong tình trạng phôi thai. Khi chưa có hiện tượng “Toàn Cầu Hóa” thật khó mà kiếm được một tiệm ăn Tàu hay Nhựt chính cống tại những nước vùng Scandinavia hay Âu châu. Tôi không kiếm đâu ra một nhà hàng Việt trên đường về. Ở miền Bắc Âu tôi thường ăn thịt cá voi và con tuần lộc/reindeer và rất nhiều loại cá để ăn lạnh. Đối với người Việt mà phải ăn điểm tâm với cá để lạnh và sữa lạnh thay vì phở hay cháo nóng là cả một việc bất bình thường. Ngay trong thập niên 1960, trong khi dự khóa tu nghiệp về ngân hàng phát triển trong một tháng ở Bá Linh, tôi cũng chỉ kiếm được một nhà hàng Tàu kha khá nấu những món ăn Tàu tầm thường, nấu theo khẩu vị của người Đức. Ngày nay, trong thế kỷ 21, với “Toàn Cầu Hóa” đi song đôi cùng kỹ nghệ du lịch, chúng ta có thể kiếm được một nhà hàng Tàu hảo hạng gần như bất cứ ở đâu.

Để trình bày về hiện tượng đổi thay trong nghệ thuật ẩm thực của thế giới do Toàn Cầu Hóa gây ra, tôi xin nói tới trường hợp của Paris.

Từ lâu, nghệ thuật nấu ăn của Pháp được coi là đứng đầu ở phương Tây. Và do đó, sự suy thoái của nó càng trở nên rõ ràng hơn. Tôi hoàn toàn bị sốc, khi chỉ trong thời gian thật ngắn phải chứng kiến thức ăn “haute cuisine” của Pháp đã thay đổi đến độ nhiều người Pháp hiện nay thích ăn hamburger của Mỹ.

Sanh tại Mỹ, Sản xuất tại Pháp: Làm sao McDonald’s đã thành công được trên đất nước của Michelin Stars.

McDonald’s đã xâm lăng nước Pháp. Hiện nay, có trên 1.200 tiệm McDonald’s bên đó và chúng được gán cho biệt danh “McDo.” Một hiện tượng mới lạ cho thấy đồ ăn Mỹ đã đổ bộ vào Ba lê: Từ xe bán thức ăn của mình, cô gái Nữ Ớc



Big Mac

mang tên Kristin Frederick đã bán loại hamburger ngon cho dân Ba lê đứng xếp hàng dài chờ mua! Dân chúng Pháp ưa hamburgers của Mỹ tới độ công ty McDonald đã thu lời nhiều nhứt ở Mỹ rồi sau đó là Pháp. Hamburgers đã trở thành thức ăn bình dân và thay thế baguette jambon sandwich hay steak với khoai tây chiên ở Pháp.

Là người Việt sống trong thời Pháp thuộc nên tôi đã được thưởng thức những món ăn ngon của Pháp trong tám thập niên qua. Tôi rất tiếc khi chứng kiến sự suy thoái của nghệ thuật ẩm thực Pháp như vậy. Nghệ thuật này được coi là một trong những khí giới quyến rũ của ngành ngoại giao. Tôi rất ngạc nhiên khi nhận thấy báo giới ngoại quốc không ngưng chỉ trích tình trạng suy đồi trong nghệ thuật nấu nướng của Pháp. Dân chúng Pháp đã đưa ra những nhận xét chính xác về cuộc cách mạng trong nghệ thuật nấu nướng tại Tây Ban Nha hay sự nở rộ của nó tại các thành phố như Luân đôn, Tokyo, Nữu ước và San Francisco. Ngày nay, những đầu bếp giỏi nhứt thế giới đang làm việc ở Barcelona, London, Tokyo, ... Ngoài ra, vì tiêu chuẩn của Liên minh Châu Âu, nước Pháp không còn xuất cảng loại phô mát nổi tiếng làm bằng sữa tươi nguyên chất. Đây là một trong những sản phẩm được ưa chuộng của thế giới. Dưới thời tổng thống Reagan và nữ thủ tướng Thatcher nền kinh tế phồn thịnh đã giúp cho nghệ thuật nấu ăn tại Hoa Kỳ và Anh Quốc bùng phát. Ngược lại, trong suốt hai thập niên qua, nền kinh tế của Pháp đã rơi vào tình trạng trì trệ đưa tới độ tăng trưởng sút kém và mức thất nghiệp tăng cao. Người dân Pháp có ít tiền hơn để chi cho việc đi ăn nhà hàng. Các tiệm bán thịt, bán bánh, bán phô mát tại các khu phố đua nhau đóng cửa nhường chỗ cho những tiệm bán quần áo hợp thời trang.

Tôi còn nhớ, trong thập niên 70, nhiều bạn và bà con từ Pháp qua San Francisco thăm tôi nói với tôi người Pháp ăn steak và uống cà-phê ngon còn người Mỹ ăn nhiều hamburger làm bằng thịt xay và uống cà-phê quá dở. Quả thật là vào thời điểm đó, tại những góc phòng của nhiều nơi làm việc bên Mỹ người ta thường thấy những bình Mr. Coffee được giữ cho ấm suốt ngày. Nước cà phê trong những bình đó khi uống có vị như thuốc Bắc.

Hiện tượng toàn cầu hóa và du lịch thế giới trong thế kỷ 21 có tác dụng đồng nhất hóa cách sống của con người. Ngày hôm nay, giống như người Mỹ, dân Pháp mua 75% thức ăn của họ từ các siêu thị. tại nhà hay những đình "la cuisine de dọa một cách ngày, hơn một triệu bữa tại McDonald. giờ dân Pháp dành ngồi ăn ít như vậy. bình mất khoảng 38 một bữa so với 88 năm.



Thói quen nấu ăn bữa ăn nấu cho gia "familiale" đang bị trầm trọng. Mỗi người Pháp dùng Chưa bao giờ thời cho việc nấu ăn và Người Pháp trung phút để ăn xong phút cách đây 25

Tiệm McDonald's ở Montpellier, Pháp, tọa lạc tại địa điểm quan trọng nhứt trong thành phố.



Tiệm McDonald và Starbucks tân thời ở Pháp



Tiệm Starbucks trên đại lộ Boulevard des Capucines, Ba lê chiếm một ngôi nhà khang trang và được trang trí với những ghế bọc nhung, đèn treo và một trần nhà mạ vàng có hình thiên thần bay trên bầu trời xanh. Dân Pháp cũng ưa dùng bánh cheesecake của Mỹ và uống chocolat nóng. Ngày nay, thay vì cà-phê tầm thường, hãng Starbucks của Mỹ đã hốt bạc triệu ở ngoại quốc. Trong vài thập niên gần đây, tổng số những quán bistro bên Pháp đã giảm mất một phần năm. Cả

ngàn những quán loại này thi nhau đẹp tiệm. Đó là những dấu hiệu rõ rệt cho thấy văn hóa ẩm thực đang trên đà đi xuống. Trong một nền kinh tế tăng triển chậm và mức thất nghiệp cao, dân chúng ưa chuộng loại thức ăn nấu dễ và nhanh thuộc loại "comfort food." Trong một bối cảnh như vậy, dân Pháp, và tất cả chúng ta, đã trở nên hấp tấp, vội vã, luôn âu lo, bớt chú trọng tới phẩm chất nên phần đông không còn biết hưởng những thú vui tao nhã ẩm thực như xưa.

Nghệ Thuật Ẩm Thực Tân Thời Của Pháp

Chỗ đứng của nghệ thuật ẩm thực Pháp trên thế giới sẽ tùy thuộc vào mức độ cải thiện thức ăn bình dân và thường ngày tại những nơi công cộng như phi trường, ga xe lửa và khu thương xá. Một nền kinh tế phát triển và một nghệ thuật ẩm thực năng động thường hay đi đôi với nhau. Ở Hoa Kỳ người ta đang chứng kiến một phong trào nấu nướng loại thủ công rất phát đạt. Theo tôi nghĩ, động cơ đưa tới sự kiện này chính là sự phồn thịnh kinh tế chúng ta được hưởng ở Mỹ trong quá khứ.

Nhiều đầu bếp Pháp nổi tiếng có khuynh hướng ỷ lại vào những thành quả họ gặt hái được trong quá khứ. "Nếu tôi mua tất cả vật liệu nấu ăn tươi tôi sẽ phải thuê thêm một nhân viên nữa," một chủ nhà hàng Pháp than thở như vậy. Để tiết kiệm, họ dùng các vật liệu tuy có phẩm chất tốt nhưng không được chọn lọc để nấu những món ăn ngon. Trong lúc đó, những đồng nghiệp ngoại quốc của họ, như ở bên Tây Ban Nha, đã qua mặt họ trên nhiều phương diện. Điều đáng mừng là một số đầu bếp của thế hệ trẻ Pháp đã thành công trong việc chế

Đông *gặp* Tây

ra các món ăn ngon miệng với những vật liệu đơn giản nhưng tươi với giá phải chăng. Nhà hàng của họ thuộc loại khiêm tốn nên giúp họ tránh được sở hụi cao.

Nói tóm lại, một bữa ăn ngon cần hội đủ nhiều yếu tố, được nấu với những vật liệu đơn giản nhưng với sự chăm sóc của nhà bếp, bầu không khí trong tiệm ăn thích hợp, nhân viên hầu bàn biết rõ cách thức món ăn được nấu như thế nào và tại sao, cách trình bày đẹp mắt, và thức ăn có do chính tay đầu bếp nấu không. Điều gây ngạc nhiên là cách trình bày món ăn của ẩm thực Pháp đã chịu ảnh hưởng phong cách của Nhật như trong các hình dưới đây:



Thịt trầu nướng



Tôm



Steak



Tôm hùm



Cá hồi xông khói, măng tây



Cá đối đỏ "swimming in the sea"



Thịt bê nướng, gan, ức/lá lách và củ cải đỏ

Các món ăn ngon khác của Pháp



Salmon Terrine



Soupe à l'oignon



Steak với khoai chiên



Belon



Ốc



Boeuf Bourguignon



Confit de canard



Salade Niçoise



Canard à l'orange



Sole Meunière



Magret de canard

Những Bài Học Được Thẩm Nhuận

Trong gia đình tôi, lúc ăn chúng tôi dùng đũa hay dao nĩa tùy theo món ăn. Khi sống tại San Francisco, Marie và tôi cố gắng lập một “thực đơn trong ngày”, “Menu du jour” ngon bằng cách thay phiên nấu ở nhà hay đi ăn tại nhiều tiệm ngoại quốc ngon trong thành phố. Hiển nhiên là chúng tôi tự tay nấu các món đơn giản và dễ nấu còn với những món khó nấu hay đòi hỏi tay nghề cao và dụng cụ đặc biệt chúng tôi nhường lại cho nhà hàng. Thí dụ như món điểm sấm (Dim Sum) cần phải tới nhà hàng vì có quá nhiều món và mất nhiều thì giờ mới nấu xong. Món này không nên nấu ở nhà. (xin xem hình phía dưới)



Các món Điểm Sấm khác nhau



Steak, món ngon miệng có thể nấu ở nhà dễ dàng

Tại vùng Vịnh, có vô số chương trình dạy nấu ăn ngon trên tivi... Trong cuộc sống về hưu 20 năm qua, tôi có nhiều thì giờ để thực tập thú vui tôi ưa thích là nấu nướng. Là một kỹ sư tôi hiểu rõ phương cách nấu thức ăn qua phương pháp dẫn nhiệt/conduction, đối lưu/convection, bức xạ/phóng xạ/radiation và vi sóng/microwaves. Nhờ kiến thức đó, tôi có thể kiểm soát độ chín của miếng steak khi dùng lò nướng than, vỉ nướng, lò nướng điện hoặc ga, hay chảo sắt. Tại nơi tôi sống, muốn đi ăn ngon, chỉ cần chọn một trong nhiều tiệm nổi tiếng như Koi Palace, Dragon Beaux, Hong Kong lounge, M.Y.CHINA, Chapeau, Le Central, Kincaid's ... ngoài ra còn các nhà hàng rẻ tiền được nhiều người lui tới nữa. Tôi có thể tự nấu những món ăn đơn giản một cách dễ dàng nhờ kiếm được nhiều nơi bán hải sản và rau tươi với phẩm cao.

Với thời gian, tôi lập ra được một bảng liệt kê dài với những "thực đơn trong ngày" "menu du jour" cho phép tôi có thể ăn ngon mỗi bữa. Tôi còn có cái thú theo dõi tin tức của các tay đầu bếp thượng thặng ở San Francisco để xem ai đã nghỉ việc đi mở tiệm ăn của riêng mình.

Nhiều siêu thị của người Hoa có trang bị loại bồn nước ngọt hay nước biển chứa những tôm, cá, cua Dungeness, nghêu, hàu, ốc, sò, hoang dã hay được nuôi trong trại... Một số người Việt tị nạn tới lập nghiệp ở Vùng Vịnh nên nơi đây bán nhiều rau thơm vùng nhiệt đới, trái cây và rau lạ của Á Châu. Những vật liệu của cả thế giới được đưa vào San Francisco vì nhu cầu của vùng Silicon Valley phồn thịnh. Nơi đây có nhiều du khách và nhiều người Hoa giàu có đến định cư.

Những món ăn Tàu tiêu biểu của tôi



Tôm Bỏ lò



Cơm và đuôi tôm hùm



Một bữa tiệc cơm Tàu có chín món



Cá hấp với gừng, hành lá và xì dầu



Thịt ba-rọi kho



Cách trình bày vịt Bắc Kinh theo kiểu mới



Một bữa tiệc cơm Tà tiêu biểu có heo sữa quay để ăn khai vị

Những món ăn Nhật của tôi chọn



Món Sashimi được trình bày đầy mỹ thuật



Cá salmon với Miso



Shabu-shabu



Món cá hồi Teriyaki



Tôm Tempura, củ sen, cà tím và các loại rau



Tempura trước khi chiên

Đông gặp Tây

Những món ăn ngon Pháp tiêu biểu của tôi



Hàu Belon



Đĩa phở mát tiêu biểu



Scallop



Crayfish gazpacho asparagus, watercress



Cá Sea Bream với ratatouille



Thịt bò luộc với légumes, pot au feu



Vịt nấu cam



Gà nấu rượu chất

*Bánh flan**Cà phê espresso với bánh ngọt*

Nước Pháp có thể đã mất ngôi vị bá chủ của nghệ thuật ẩm thực nhưng thức ăn xứ này vẫn được xếp hạng cao trong giới sành ăn của phương Tây. Thức ăn Pháp tiếp tục bỏ xa một số đối thủ bên Âu Châu như Anh Quốc hay Đức hay Thụy Sĩ hay Bắc Âu hay Hy Lạp và Áo... Phở mát Pháp vẫn còn tuyệt ngon và chưa có sấm banh nước nào hạ nổi Dom Perignon. Rượu Cognac và Armagnac của Tây vẫn giữ nguyên ngôi vị vô địch. Một số người có thể ưa cà phê Starbucks nhưng ly Espresso của Pháp và Ý thường thức trong quán bistro có hương vị đặc biệt mà cà phê Starbucks chưa thể sánh nổi. Câu hỏi nghệ thuật nấu nướng của xứ nào dẫn đầu lúc này đến nay vẫn còn trong vòng tranh cãi.

Những món ăn ngon Mỹ của tôi

Tôi được đại sứ Mỹ Bunker mời dùng cơm để giải thích về chương trình phát triển kinh tế của nước nhà cho khách người Mỹ thuộc giới thương gia hay Thượng và Hạ Viện Hoa Kỳ. Thực đơn gồm những món ăn thường ngày bên Mỹ. Không có dấu hiệu xa xỉ vì ngân sách thời chiến vào lúc đó. Tuy nhiên, tại US Army Post Exchange (PX) ở Sài Gòn, tôi có dịp được thưởng thức những miếng T-bone steaks ngon gỏi từ Mỹ qua và rượu mạnh đầy hương vị như Kentucky bourbon, Chivas và Johnny Walkers Black label... và còn món cà rem nữa. Bất cứ sinh viên nào của MIT cũng nhớ rất rõ những món ăn ngon tại Durgin Park trong thành phố Boston.

*Durgin Park restaurant*

Đông gặp Tây

Con tôm hùm nặng 2 cân Anh và đĩa prime rib.



Tôm hùm ở Durgin Park



Prime rib au jus



Gà chiên có mật ong



Bắp và đậu bắp chiên có pho mát dê



Sò và bắp chowder



Cánh gà BBQ



Cheesecake của Mỹ



Sườn truồng nướng, zucchini, mint



Bacon bọc cá Hồi Alaska, parsnip tắng



Bò medallions



Nai nướng và pinot noir-dried cherry



Caviar salmon và trứng cá khác



Buttermilk Pancakes, Berry, Vanilla Butter



Pot-au-feu và sauce

Lời kết

Theo ý riêng của tôi, trong bốn nước của nền “văn hóa dùng đũa”, ẩm thực đơn giản, thanh tao, và trình bày nghệ thuật nhất là của Nhật. Còn thức ăn Tàu thì cầu kỳ, đa dạng nhất về hương vị. Có lẽ bởi Trung Quốc là một nước rất lớn gồm 8 vùng có 8 cách nấu nướng khác nhau. Trước đây, tôi đã đưa nhận xét Tàu không có món ăn nào dùng rau cải tươi trong thực đơn vì cách trồng trọt dùng phân người. Ẩm thực Đại Hàn có chiều hướng kém cầu kỳ hơn của Tàu phải chăng vì thiếu thốn về nguyên liệu nấu ăn và ít đất canh tác. Tôi luôn nhớ món kim chi xuất hiện trong mỗi bữa ăn của người Đại Hàn. Điều làm tôi bị sốc và ngạc nhiên nhất là dân Đại Hàn ăn quá nhiều thịt chó. Theo đài BBC, trong năm 2003, tại xứ này có từ 4.000 tới 6.000 quán ăn bán thịt chó. Lượng tiêu thụ thịt chó mỗi năm lên tới 8.500 tấn cộng thêm 93.600 tấn dùng để chế thuốc bổ.

Nghệ thuật ẩm thực của Việt Nam thay đổi tùy theo ba miền Bắc, Trung và Nam. Vì ở kề cận Trung Quốc nên món ăn Bắc chịu ít nhiều ảnh hưởng của nước láng giềng to lớn này. Đồng Bằng Sông Hồng ít phù sa nên không phì nhiêu như Đồng Bằng Sông Cửu Long do đó sản xuất lượng thực phẩm giới hạn hơn. Tương tự như vậy, sông ngòi Miền Trung có nhiều đá và cát nên có ít tôm cá. Thức ăn vùng này mang tính cách của cung đình. Đi về Miền Nam, thức ăn thật dồi dào. Khí hậu nhiệt đới và đất đai phì nhiêu nơi đây cho phép sản xuất nhiều gạo, tôm cá nước ngọt, hải sản, trái cây, rau tươi và rau thơm. Cách nấu nướng Miền Nam cũng chịu nhiều ảnh hưởng của hai nước lân bang là Cao Miên và Thái Lan. Thời xưa, Sài Gòn được gọi là “hòn ngọc Viễn Đông” một phần cũng nhờ vào thức ăn Pháp tại đây.

Không thể phủ nhận được rằng thức ăn và đồ uống chiếm một địa vị quan trọng trong đời sống của con người. Có câu phương châm là “Hãy cho tôi biết bạn ăn thức gì và như thế nào, tôi sẽ cho bạn biết bạn là người như thế nào.” Đó cũng là diễn tiến lịch sử loài người kể từ khi con người còn sống trong hang lỗ bắt đầu biết dùng lửa để nấu ăn. Từ đó nảy sinh ra nghệ thuật nấu nướng tinh xảo ngày nay. Nghệ thuật này còn căn bản hơn những nghệ thuật như hội họa, nhạc, múa hát và phim ảnh đối với đời sống của chúng ta nữa...

Nói về ẩm thực trong gia đình, tôi không thể quên đề cập tới Marie, người đã cùng tôi nấu nướng và ở bên tôi để chia sẻ những thăng trầm của đời tôi. Quả là không nói quá khi tôi viết rằng Marie còn hơn là “nữ tướng” của tôi trong nhà bếp suốt hơn nửa thế kỷ qua. Tôi thật là người may mắn và biết ơn về điều này. Marie rành về cách nấu ăn Việt và Pháp hơn tôi và trong bốn thập niên qua đã đảm trách việc bếp núc tại nhà của chúng tôi ở San Francisco. Marie rất kỹ lưỡng trong khi tôi chỉ muốn “đốt giai đoạn” khi nấu. Nhờ vào sự hiểu biết của tôi về thức ăn Mỹ, Anh, và ngoại quốc khác như Ý và Tây Ban Nha... tôi đã đóng góp nhiều vào những bữa ăn hàng ngày trong gia đình cũng như đem lại thích thú cho bạn bè và họ hàng. Tài nấu ăn tuyệt vời của Marie đã hòa hợp tốt đẹp với quan niệm về ẩm thực quốc tế của tôi. Tôi hân hoan báo cáo rằng về lãnh vực ẩm thực tôi quan trọng với cuộc sống của chúng tôi ở San Francisco, tại bàn ăn của nhà chúng tôi “Đông gặp Tây” rất dễ huề trên đất nước Hoa Kỳ đa chủng này.

Chương 23

Sống Thọ, Sống Khỏe, Sống Vui Khi Về Hưu

Mùa xuân của tuổi già!



***San Francisco, thành phố lý tưởng
Đẹp nhất miền Tây!***



Cầu Golden Gate



Đại lộ dài theo Thái Bình Dương

Khi về hưu, tôi có cuộc sống tốt đẹp như tôi hằng mong ước. Tôi cảm thấy vui sướng, vì cả thể xác lẫn tinh thần, nếu nói không quá đáng, vẫn còn khỏe mạnh và sáng suốt; ngoài ra tôi không phải âu lo về tài chánh vì lúc còn trẻ tôi luôn lấy câu: liệu cơm gắp mắm làm kim chỉ nam. Qua quyển hồi ký này, tôi mong chia sẻ kinh nghiệm sống của mình cùng độc giả về mọi thử thách, nỗi gian nan, lẫn niềm vui thích. Trong những ngày tháng nhàn tản của cuộc đời, tôi ghi lại nếp sống vui của riêng mình và mong quý độc giả cũng như tôi tìm được sự thoải mái khi về già. Sau đây là một số bí quyết để giữ được sức khỏe dồi dào và nếp sống tuyệt hảo. Tôi đã sưu tầm từ trong sách báo sau khi gạn lọc kỹ càng, qua lời dạy dỗ,

rút tĩa những bài học hữu ích và tôi theo đúng như lời chỉ dẫn thực tập liên tục từ lúc còn trẻ đến nay. Tôi luôn đặt niềm tin vào số mạng nên đến lúc hiểm nguy tôi vẫn tin có **ĐÁNG TỐI CAO** hướng dẫn, chỉ điểm cho mình. Thêm vào đó yếu tố di truyền cũng góp phần vào cuộc đời của tôi.

Dù nay đã bước qua tuổi trên 86, tôi tin mình vẫn còn có thể sống lâu hơn nữa! Khoa học ngày nay cho thấy là những ai có cha mẹ sống thọ cũng có thể sống lâu như cha mẹ mình. Ba má tôi đều cao tuổi lúc qua đời: ba tôi thọ 93 tuổi, má tôi 99 tuổi. Hơn nữa, theo sự ước tính của "IRS" tôi còn có thể lãnh tiền từ quỹ 401(K) thêm 15 năm nữa, nghĩa là cho tới lúc tôi được 101 tuổi. Tôi cảm thấy mình may mắn thừa hưởng được "gen" di truyền tốt từ song thân nên tôi có bốn phận tiếp nối di sản sống lâu của gia đình!

Cũng như mọi người, tôi đã có những cảm nghĩ lẫn lộn khi phải đối diện với tuổi về hưu. Tôi vẫn bị dằng co giữa cảm nghĩ nhẹ nhõm và tiếc nuối. Tôi nghỉ hưu vào ngày thứ Ba, 8 tháng 10 năm 1996. Cái dấu mốc khó quên này cũng có nghĩa là cuộc hành trình ngoằn ngoèo và nhiều bất trắc của tôi kéo dài trong 65 năm qua đã đi tới chỗ kết thúc. Với tôi đó là một ngày hạnh phúc. Nó khiến tôi khoan khoái vì sau một chuyến bay dài đặng đặng và cam go, cánh chim ưng đã đáp nhẹ nhàng và êm ái xuống Vùng Vịnh Cựu Kim Sơn. Khác với khi còn điều hành một công ty cố vấn về kỹ thuật, lúc đó đầu óc tôi luôn bị căng thẳng mỗi ngày.

Cuộc sống về hưu đã cho tôi nhiều thì giờ để chiêm nghiệm lại đời mình. Điều thất vọng hơn hết trong lòng tôi là thấy đất nước Việt Nam vẫn còn rất chậm tiến so với những "con hổ" Á châu khác trong khu vực. Tôi nuối tiếc đã không đem ra áp dụng được tất cả khả năng kỹ thuật của mình như đã từng mong mỏi trước đây. Chẳng hạn, tôi không có thể thành lập một Trường Đại Học Kỹ Thuật Cao/high-tech như MIT (Massachusetts Institute of Technology) để giúp quê hương đủ sức cạnh tranh với các nước Đài Loan, Nam Hàn... Tôi đã mất cơ hội đào tạo những người chỉ huy trong lãnh vực phát triển quốc gia.

Hiển nhiên, nguyên nhân đưa đất nước mình tới ngõ cụt, thua thiệt, hoang phí là lẽ lỗi lãnh đạo thiển cận và mù quáng của người cộng sản Việt Nam. Họ đã không biết đi theo gương người cộng sản Trung Quốc cách đây khoảng bốn thập niên trong việc vận dụng tài nguyên xứ sở và nhóm trí thức được đào tạo tại ngoại quốc để đưa nền kinh tế nước nhà vươn lên. Với hằng triệu tài năng người Việt Nam sống rải rác trên thế giới mà chế độ Hà Nội cũng chẳng đề ra được một giải pháp hay sáng kiến nào có thể thuyết phục họ tham gia, tích cực và thực sự đóng góp cho quê hương đất nước. Chẳng những thế nhiều chuyến đi thiện chí của những người từ nước ngoài về Việt Nam đã gặp thất bại thê thảm trong những năm gần đây. Điều đó tạo thành tiền lệ xấu khiến không ai muốn hợp tác trong tương lai nữa. Đó cũng là sự lãng phí lớn lao của tiềm lực xứ mình.

Có một lần, quả là tôi gặp cơ hội để trở về Việt Nam. Nó đến với tôi hoàn toàn bất ngờ - không hẹn trước chi hết.

Vào năm 1991, chuông cửa nhà tôi reo và tôi ngạc nhiên khi thấy người bạn thời trước 1975 tại Sài Gòn và một người lạ mặt đứng trước cửa ra vào. Tôi mở cửa mời họ vào nhà. Bạn tôi giới thiệu nhân vật đi cùng là người thân tín của đương kim thủ tướng Võ Văn Kiệt. Họ đến mời tôi về Sài Gòn để làm việc cho chính phủ đương nhiệm. Họ cho tôi biết những cơ quan tài chánh quốc tế đã cam kết giúp Việt Nam những khoản vay với điều kiện dễ dãi lên tới hàng chục tỷ Mỹ kim để thực hiện các dự án phát triển. Nhưng nước ngoài chưa chịu tháo khoán số tiền được vay vì lý do nước nhà thiếu người quản trị đủ khả năng để triển khai các dự án.

Như để khích lệ tôi, thủ tướng Kiệt (qua lời họ nói) có hứa trả lại ngôi nhà xưa tại Sài Gòn cho tôi sau khi đã sơn mới lại với màu sơn tôi lựa. Họ còn nói tôi không cần phải quyết định ngay tức thì, vì lẽ tôi đã rời khỏi quê hương trên 16 năm rồi. Tôi được mời về thăm Sài Gòn trong khoảng mười hôm, rồi trở về lại San Francisco để suy nghĩ thêm. Họ cũng cho biết rõ là vị tân thủ tướng đang áp dụng chánh sách đưa chính phủ cộng sản Hà Nội tái hội nhập vào sân khấu chánh trị thế giới sau nhiều thập niên chiến tranh và bị cô lập. Vị thủ tướng đó đang theo đuổi mô hình canh tân quốc gia theo phương thức của liên bang Nga. Thẳng thắn mà nói, tôi đã hiểu biết khá đủ về các chế độ cộng sản nên trong đầu tôi đã quyết định thế nào rồi trước lời đề nghị của họ. Trong thân thiện, tôi đã ngồi nghe họ nói và cùng đi picnic với họ cũng như thăm viếng vườn nho làm rượu vang Hacienda Winery tại Sonoma. (Xin coi hình)



"Picnic" với bạn thân của thủ tướng Võ văn Kiệt tại Hacienda Winery, Sonoma Ca

Sau đó hai ngày họ trở về nước. Tôi có nhờ họ khi tới Sài Gòn đến thăm và đưa giùm má tôi ít tiền tôi gửi tặng bà và để lo cho cháu tôi được xuất ngoại sang Mỹ. Tôi còn nhớ có nói với họ thế này: "Tôi là một nông gia có trong tay hột giống tốt, có thuốc trừ sâu, có phân bón, biết cách dùng nước canh tác, nhưng tôi biết chắc khi gieo hột giống trên đất cộng sản

chẳng khác gì như làm ruộng trên một sân tennis tráng xi-măng. Sẽ không có giống chi mọc lên nổi!"

Vài tháng sau, cũng người khách lạ đó gọi điện thoại cho tôi từ khách sạn Sheraton tại Bangkok, Thái Lan, báo cho tôi biết anh đã tới gặp má tôi. Anh lại nài nỉ tôi nên trở về Việt Nam làm việc. Trước khi dứt lời, anh nói má tôi tỏ ý muốn gặp lại đứa con trai út trước khi bà nhắm mắt. Đương nhiên tôi biết chắc rằng má tôi, một cụ già lúc đó đã 96 tuổi, chẳng có nói như vậy đâu! Chị Bảy của tôi từ Sài Gòn có cho tôi biết điều này.

Thôi, tôi đã đi lạc đề rồi. Phải trở lại câu chuyện những năm sống tuổi hạc của tôi. Tôi mong muốn chia sẻ cùng quý vị những gì tôi đã học hỏi được về sức khỏe, tình cảm, tinh thần, và độc lập tài chánh. "Có sức khỏe là giàu có thực sự, chứ không phải là vì mấy thoi vàng đâu." Tôi cũng đặt lòng tin vào câu tục ngữ nôm na: "Sức khỏe cần tiền bạc và tiền bạc cũng cần sức khỏe."

Đọc những khảo cứu nhằm gia tăng mức tuổi thọ của con người và phẩm chất đời sống, tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng những khuyến cáo của các bác sĩ Mỹ trong việc đạt được hai mục tiêu nói trên đã không thay đổi nhiều lắm trong hơn 50 năm qua. Thực vậy, bảng liệt kê mới đây vẫn gần giống như tờ liệt kê tôi còn giữ trong bóp mà tôi đã cắt ra từ tờ nhật báo tiếng Pháp "Journal d'Extrême Orient" xuất bản tại Sài Gòn trong tháng 7, năm 1960. (Xin xem hình)



Báo "Journal d'Extrême Orient" xuất bản tại Sài Gòn, tháng 7, năm 1960

Điều này khiến tôi được yên lòng khi biết rằng những nguyên tắc tôi đã làm theo từ năm 1960 để giữ sức khỏe và sống lâu cho tới giờ vẫn được coi là đúng cách.

Biên dịch từ bản văn Pháp ngữ:

"Dựa vào những nhận xét của một nhóm bác sĩ Mỹ, dựa vào những thói quen và phương cách sống của những bệnh nhân đã đạt được tuổi thọ đặc biệt. [sau đây là các việc cần làm để sống khỏe và lâu]"

1. Ngủ đủ giấc.
2. Tập thể dục đều đặn.
3. Ăn chậm rãi.
4. Ăn nhiều chất đạm (thịt, cá, và chất sữa).
5. Uống nhiều... nước.
6. Đi cầu mỗi sáng.
7. Uống rất ít rượu và giảm hút thuốc.
8. Làm được nghề mình yêu thích.

9. *Đi nghỉ hè (du ngoạn, đi chơi) nhiều.*
10. *Có thú, sở thích riêng.*
11. *Chuyên chú vào một bộ môn nghệ thuật.*
12. *Có một nhóm bạn thân.*
13. *Thăng thả và lương thiện.*
14. *Có tinh thần trách nhiệm.*
15. *Biết tiết kiệm, phòng xa.*
16. *Có một niềm tin do mình chọn.*

Sau hơn nửa thế kỷ, chỉ có điều số 7, "Uống rất ít rượu và giảm hút thuốc," là cần phải sửa lại. Giờ đây, chúng ta đều nhận thức được rằng hút thuốc tai hại cho sức khỏe. Rủi thay, việc đó đã bị các hãng sản xuất thuốc lá giấu nhem không cho dân chúng biết trong suốt bao năm qua.

Bảng liệt kê trên bao gồm tất cả những điều quan trọng nhứt liên quan đến vấn đề sức khỏe thân thể, tình cảm và tinh thần, các trách nhiệm cá nhân và độc lập tài chánh. Để triển khai thêm về những điều đó, tôi cũng xin chia sẻ vài kinh nghiệm của chính mình.

SỨC KHỎE THÂN THỂ

Như tôi đã đề cập tới lúc đầu, tầm quan trọng của việc tập thể dục đã ăn sâu vào trí não tôi ngay từ thuở ấu thơ. Ngoài chuyện đi bộ và bơi lội mà ba tôi bắt các con làm vào sáng sớm, ba tôi còn nêu lý do đi săn chim để dẫn chúng tôi về miệt quê mỗi cuối tuần. Thực ra, ba tôi muốn tạo thêm cơ hội cho bầy con được sống trong cảnh thiên nhiên và hít thở không khí trong lành nơi đồng ruộng. Vào thời đó, tôi rất ham đi bắt dế và cá lia thia ngoài ruộng. Để khuyến khích các con tập dượt hơn nữa, ba tôi còn cho dựng một chiếc đu và cái thanh song song nơi một góc vườn cây. Khi tôi được mười tuổi, ba tôi cho tôi học võ với một thầy dạy người Việt gốc Hải-Nam, anh Năm Ngâu, bạn của ba tôi. Chính nhờ chịu khó tập thể dục đều đặn mỗi ngày lúc còn nhỏ, nên khi lớn lên, tôi có thể duy trì kỷ luật đó một cách dễ dàng.



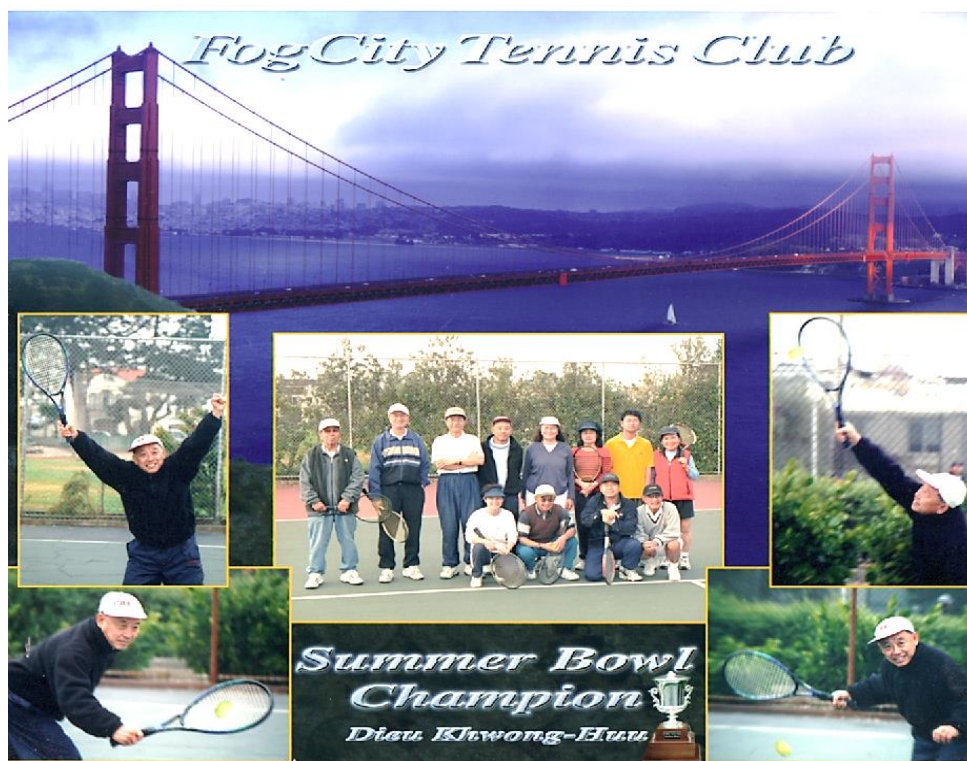
Cho đến lúc 75 tuổi, chúng tôi vẫn đi đồng trại thường xuyên để sống vui mạnh trong sự thử thách của thiên nhiên trên vùng cao nguyên Sierra. Chúng tôi cũng tiếp tục như vậy trên vùng Canadian Rockies.

Camping vùng Sierra Nevada



Camping vùng Canadian Rocky Mountains

Bác sĩ gia đình đã cảnh giác tôi là người ta thường hay viện ra đủ mọi lý do để tránh tập thể dục đều đặn. Để giải quyết chuyện đó, tôi tự nhủ là tôi phải "nộp thuế sức khỏe" cho mình mỗi ngày, không được sót ngày nào cả. Từ khi về hưu tại Cựu Kim Sơn, "thuế sức khỏe" của tôi gói gọn trong việc chơi tennis đánh đôi trong khoảng một giờ mỗi buổi sáng và cuộc bộ lúc xế chiều ngoài biển hoặc đi theo các đường mòn "trails" ngoạn mục trong vùng tôi ở.



Nhóm Tennis Club gần nhà tôi, 1999



Nhóm Tennis doubles trước nhà số 16 Riverton, chụp lúc sắp ăn trưa, 2014

Để có thể chơi tennis một cách đều đặn, tôi đã tổ chức một hội chơi banh nhỏ trong khu vực Sunset (thuộc phía Tây Nam San Francisco) và bảo đảm luôn luôn có sẵn ít nhất bốn tay vợt đánh đôi vào đúng 7:30 mỗi sáng. Tình thân hữu, cộng thêm thú tập dượt thể thao trên sân tennis, đã biến mỗi buổi sáng thành thứ nghi thức hay thông lệ thật vui nhộn. Vào xế chiều, tôi thường đi bộ dọc theo bờ biển hay dạo bước trên một trong nhiều đường mòn ở gần nhà. Khi nào cảm thấy hơi làm biếng, tôi rón kiếm một động lực thật hấp dẫn để giải điều này. Tôi thả bộ tới chợ thực phẩm ngon của Mỹ Trader Joe's hoặc vô một siêu thị Tàu. Tới lúc này, mọi khó khăn của tôi coi như đã giải quyết xong. Về hưu trải qua hơn hai mươi năm dài, tôi đã tránh được mọi thứ bệnh nặng và chưa vào nằm điều trị tại bệnh viện.



Đường mòn Golden Gate Coast

Đông gặp Tây



Đường mòn Lands End



Ocean Beach - Câu cá Chém

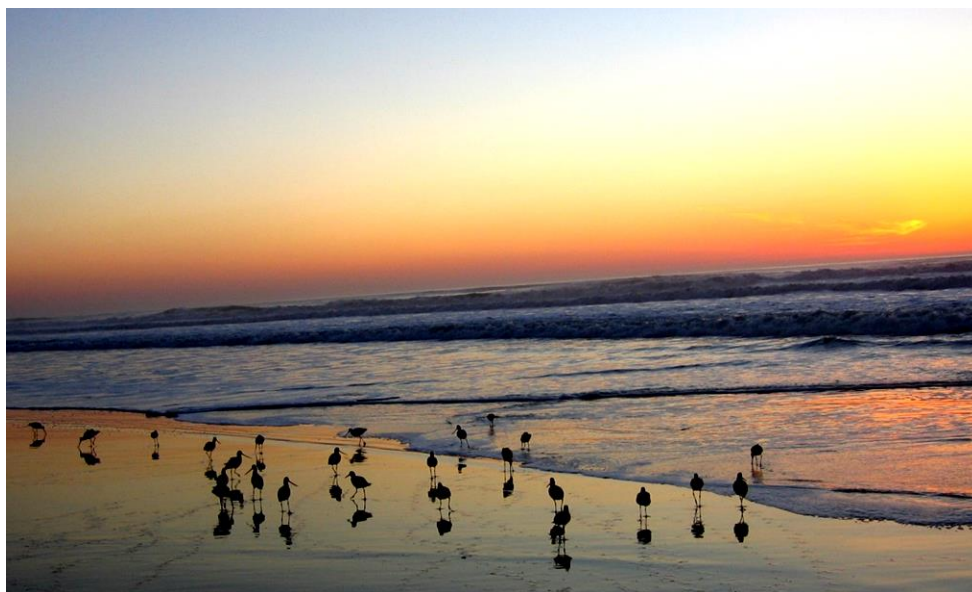


Đường mòn Twin Peaks



Cảnh sương mù San Francisco dài treo biển Thái Bình Dương

Nhà tôi cách biển độ 1Km. Sương mù rửa gió biển sạch bụi hằng ngày. Về chiều thả bộ dài theo bờ biển xem mặt trời lặn thật ngoạn mục với màu hồng rực rỡ.



Chim ăn tối tại Ocean Beach

Ở tuổi 86, với sự thận trọng đặc biệt, tôi vẫn tập luyện môn tennis mỗi ngày. Gần đây thôi, có ba người bạn khoảng lứa tuổi tôi đã ngã té và đột tử ngay trên sân tennis. Sự chuyện đó cũng có thể xảy ra cho mình, tôi đã đến tham khảo vị bác sĩ gia đình để lấy hẹn thử chạy trên máy đo nhịp tim (treadmill) và làm siêu âm tâm động đồ (echocardiogram). May mắn thay, kết quả cho thấy tim tôi còn đủ khỏe để chơi môn quần vợt tôi ưa thích.

Về chuyện ăn uống, tôi coi việc nấu nướng và biết thưởng thức món ăn ngon như một nghệ thuật gắn liền với nếp sống văn minh. Nhưng để duy trì sức khỏe tốt, tôi phải tìm ăn những loại thực phẩm lành mạnh và tránh những thứ có thể gây rắc rối như mỡ trong máu, huyết áp cao và tiểu đường.

Để hiểu thêm về vấn đề dinh dưỡng, tôi đã ghi danh vào khóa học "Diet for Health" tại một trung tâm y học gần nhà. Mỗi ngày tôi thích lập ra một bảng "Thực Đơn Trong Ngày" (Menu du Jour) vừa ăn ngon mà lại vừa đơn giản. Muốn thực hiện được việc đó, tôi thích đi tìm kiếm những loại thực phẩm tươi tốt nhất trong các "chợ nông gia" – "the farmer's markets." Thường thì chủ nhân các quầy thực phẩm nơi đây cũng là chủ nông trại luôn. Dưới nhiều hình thức, Cựu Kim Sơn cũng cung cấp một kho báu dồi dào về cách thức nấu ăn hảo hạng trên thế giới.

Nhằm cho thức ăn được tăng phần hấp dẫn, tôi cũng sưu tầm các loại rượu nho thơm và hợp khẩu. Đó là ảnh hưởng phần nào từ thời thực dân Pháp còn tại Việt Nam trong thời niên thiếu của tôi. Đối với chuyện uống rượu, tôi cố gắng tự chế chỉ uống hai phần (servings) rượu mỗi ngày. Ngoài ra, tôi còn thử kết hợp các thứ nước ép từ rau quả tươi với thực phẩm tôi dùng thường nhật. Và dĩ nhiên tôi luôn luôn nhớ uống nhiều nước lọc để tốt cho cơ thể và nội tạng nữa.

SỨC KHỎE TÌNH CẢM VÀ SỨC KHỎE TINH THẦN

Nơi phần giữa trong bảng liệt kê về sống lâu có nêu vấn đề sức khỏe tình cảm và sức khỏe tinh thần. Chủ yếu chỉ nhằm nhắc nhở chúng ta mỗi ngày cần biết hưởng thụ, vui vẻ, hài lòng và làm việc ơn nghĩa.

Để ăn mừng ngày về hưu, nhà tôi và tôi đã mở tiệc mời hơn bốn mươi bạn thân tới nhà chúng tôi tại Cựu Kim Sơn. Cuộc họp mặt bữa đó quả là khó quên đối với mọi người chúng tôi. Tôi có cảm tưởng mình như một lực sĩ môn marathon đưa cao cả hai tay lên trời để mừng chiến thắng khi bước qua lằn đến của vòng chung kết đầy gay cấn và cam go. Còn ân sủng nào hơn là được hưởng phần đời còn lại của mình nơi thành phố Cựu Kim Sơn xinh đẹp! Buổi họp rất vui và hào hứng đến nỗi một trong những bạn thân của chúng tôi là tiến sĩ Đỗ Bá Khê đã đề nghị thành lập một câu lạc bộ. Mọi người đều tán đồng. Nhờ đó Câu Lạc Bộ Cửu Long (Mekong Club) quy tụ toàn những người hưu trí đã ra đời và hoạt động đến hôm nay được hai mươi năm.

Những năm nghỉ hưu vừa qua được coi như thời gian an hưởng vui nhứt trong đời tôi. Tôi được vậy chính nhờ có tư tưởng tích cực yêu đời, làm việc cẩn trọng và luôn luôn biết kiểm điểm nếu sai. Đúng vậy, giờ đây tôi bớt lo âu và căng thẳng hơn trước. Tôi cho mình đã chu toàn bốn phận với đời và có quyền coi sự chọn lựa cách sống cho riêng mình như một ưu tiên. Quả thực như vậy, nhờ có sự chuẩn bị và dẫn đo đúng mức, tôi đã đủ sức thi thố hết tiềm lực của mình, đồng thời cũng hưởng được những thú vui của cuộc đời. Những lựa chọn của tôi bây giờ bao gồm những việc như làm thiện nguyện, đi du lịch, viết lách, học hỏi, và biết bao thú vui giản dị khác. Chúng đã giúp tôi đạt được tâm an lạc, vui vẻ, tự tại, tự trọng và thanh thoi.

Ý tưởng coi "cái tôi trên hết" chắc chắn không ngự trong tâm khảm của tôi khi tôi từ Hoa Kỳ trở về Việt Nam làm việc để giúp phát triển một đất nước đang bị chiến tranh tàn phá từ 1958. Vào thời điểm đó, ý tưởng như vậy đúng là một quan điểm vị kỷ hay thiếu suy nghĩ! Nhưng giờ đây, tôi không còn quan tâm đến những ý nghĩ yếu hèn đó nữa. Tôi nghĩ là mình đã trả xong nợ với đời và bây giờ xứng đáng được hưởng thụ ngày tháng về hưu này.

Ở tuổi 86, tôi đã già rồi, nhưng tôi không cảm thấy mình già chút nào cả. Tôi còn đầy hăng say. Trong tôi còn tích lũy nhiều sinh lực và một nhân sinh quan yêu đời. Thêm vào đó, các sinh hoạt văn hóa thú vị, sống động mà tôi vui hưởng mỗi ngày khiến tôi quên phứt đi tuổi tác của mình. Hiển nhiên, chính nhờ cuộc sống năng động trước khi về hưu mà tôi mới có được ngày hôm nay. Một lần nữa, bảng liệt kê kể trên đã nhắc nhở tôi phải luôn lưu ý tới sức khỏe tình cảm và sức khỏe tinh thần.

Tôi ý thức được rằng, sự lành mạnh về tinh thần hay tình cảm không chỉ có nghĩa là không mắc bệnh tâm thần thôi đâu. Nó còn hàm ý làm sao mình có thể đối phó được với thăng trầm của cuộc đời một cách hữu hiệu cũng như biết cách giải quyết tình trạng căng thẳng hay ứng phó với các tình huống bất ngờ.

Sự lành mạnh tâm thần cũng bao gồm cả những cảm xúc tích cực, tính yêu đời sâu đậm, biết sống có mục đích và cười đùa càng nhiều càng tốt. Nụ cười không những rất tốt cho sức khỏe của chính mình mà còn dễ lây lan và đem niềm vui tới cho người khác nữa. Với tâm tình như vậy, tôi luôn dành nhiều thì giờ cho gia đình và bè bạn. Dù sao đi nữa, chúng ta là những tạo vật sống trong xã hội và có nhu cầu gia nhập vào tập đoàn.



Cháu Tâm bác sĩ từ Biarritz



Cháu Đàng nha sĩ từ Soissons



Đàng và Jean Michel tại nhà San Francisco



Thật là vui khi bà con từ Pháp qua thăm vài ngày



Hội ngộ tại Domaine Chandon, Napa, Ca, với Âu Trường Thanh, Paris; Hồ Tấn Phát, Beaverton, Or; Huỳnh Văn Huân, San Lorenzo, Ca



Nhóm này ghé thăm anh chị Đỗ Bá Khê tại nhà Walnut Creek, Ca



Thăm gia đình Ortons, San Luis Obispo, Ca với Sáng & Renaud từ Reims

Tôi còn khám phá ra là ngồi thiền/yoga giúp cho trí óc mình được định và giảm thiểu sự căng thẳng hay lo âu. Hàng ngày, nhờ vào làm những việc theo thói quen tôi có được một tâm thần thoải mái hơn và khi tôi dành cho mình những giây phút tĩnh lặng thì tâm hồn tôi cũng được an tịnh. Tôi cố gắng đặt mình vào địa vị của người khác để hiểu được họ. Với một đầu óc cởi mở và không phán xét ai, tôi học hỏi và thông cảm được nhiều hơn. Để tránh bị bệnh lú lẫn/Alzheimer, tôi viết hồi ký, chơi ô chữ, hay những việc gì vận dụng được trí não.



Cháu Đàng từ Soissons qua thăm



Đem cây kiểng, « thiên nhiên » vào nhà



Hòn non bộ trong nhà

Marie và tôi đi nghỉ hè nhiều như tôi đã đề cập tới trong cuốn sách này và nhờ vậy tâm thần cũng được sáng khoái.



Weekend tại Clearlake, CA



Bạn bè dùng cơm trên nóc S F Hilton với Đàng & J.Michel từ Paris qua



Japantown ngày lễ hoa anh đào



Viếng thăm vườn nho và picnic tại Hacienda winery, Sonoma, Ca



Cơm gia đình bỏ 7 món với Đàng từ Paris qua



Lai rai tại nhà



Tiệc gia đình với Định-Linh-Andrew và Sáng, Renaud, Phi Vân từ Pháp đến

Khi về hưu, tôi có dư thì giờ để tổ chức đi thăm viếng họ hàng và bạn bè sống trên khắp nước Mỹ và ngắm thẳng cảnh nằm dọc theo đường rầy xe lửa của Amtrak.



Thăng cảnh hai bên đường rầy Amtrak dọc theo bờ biển California

Cùng với nhóm bạn mười hai người trong câu lạc bộ Mekong, từ San Francisco, chúng tôi đáp thuyền đi thăm Alaska trong mùa hè và Mễ Tây Cơ trong mùa đông. Những chuyến đi này, cho chúng tôi dịp tốt để cùng nhau vui đùa, ngồi cùng bàn ăn cơm tối với nhau và tập thể dục để tiêu bớt chất bổ dưỡng của các thức ăn ngon trong ngày. Riêng trong tiểu bang California chúng tôi từng nghỉ tại các nhà trọ tư nhân "bed and beakfast" khi đi thăm các vườn trồng nho vào cuối tuần. Theo tháng ngày, Marie và tôi đã cùng nhau dùng chiếc "camper VW Westfalia" để đi cắm trại nhiều lần dọc theo bờ biển California lên tận British Columbia, vùng phía bắc, và điểm cuối cùng của xa lộ là châu thành Homer của tiểu bang Alaska.



Đi cắm trại trên Alaska với chiếc "camper VW Westpflia" hồi 1987



Homer, Alaska

Mỗi chuyến đi đều được tổ chức thật kỹ lưỡng. Chúng tôi chất lên xe toàn thức ăn ngon, rượu chát và rượu mạnh chọn lọc. Tại Homer, ngư dân đổ xuống cả ngàn cân anh cua Dungeness còn tươi mỗi sáng. Chúng tôi không quên mua thật nhiều cua cho chuyến về qua miền hoang vu và chỉ trả có mười Mỹ Kim cho ba con mà thôi!

Bảng liệt kê những điều cần làm để sống thọ còn ghi thêm sự quan trọng của các thú chơi và nghệ thuật. Riêng đối với tôi hai thứ đó gần như chỉ là một vì những thú chơi của tôi, kể luôn thú làm vườn, đều có thể coi là nghệ thuật. Từ lúc còn nhỏ, ba tôi có dạy cho tôi cách săn sóc và thưởng thức tiếng chim yến hót và các loại chim biết nói tiếng người. Ba tôi còn chỉ cho tôi kỹ thuật cắt tỉa cây kiểng cũng như cách trồng hoa và thảo mộc vùng nhiệt đới. Thật ra, hồi còn ở Sài Gòn tôi đã đứng ra thành lập Hội Hoa Kiểng và Cây Cảnh Việt Nam. Tôi còn học nghệ thuật phác họa các kiểu vườn cảnh và hòn non bộ nữa. Ở trên sân thượng nhà tôi có mảnh vườn với hồ nước, cây ăn trái, và rau cỏ. Mảnh vườn nơi mặt tiền căn nhà

có một bể nước nuôi cá Koi được hệ thống đèn đặt dưới nước rọi sáng khi trời tối. Bể nước được xây theo hình bản đồ Việt Nam có cây cầu Hiền Lương biểu tượng cho sự chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17.

Thú làm vườn đi theo tôi sang tận California. Trong 40 năm sống ở tiểu bang này, tôi đã sưu tầm những mảnh gỗ trôi dạt vào bãi biển "driftwood" nhứt là ở gần các cửa sông. Tôi kết hợp các mảnh gỗ này với các loại cây xương rồng của vùng Châu Mỹ nhiệt đới để tạo thành những sản phẩm nghệ thuật độc đáo.



Sản phẩm mỹ thuật từ mảnh gỗ trôi



Sản phẩm mỹ thuật từ mảnh gỗ trôi (Driftwood Sculptures)

Một trong những yếu tố giúp chúng ta sống thọ là có một nhóm bạn tốt. Nhờ tôi dành nhiều thì giờ cho bạn bè và thân nhân nên tôi không cảm thấy cô đơn. Tôi có nhiều dịp được cười đùa, ăn nhậu lai rai và trò chuyện với người thân. Đương nhiên khi cần gì tôi có thể tìm đến họ và ngược lại tôi cũng luôn có mặt khi họ cần đến tôi.

Đông gặp Tây

Thực ra tôi có hai nhóm bạn. Nhóm đầu tiên gồm họ hàng sống bên Mỹ như anh chị em họ, cháu trai và cháu gái cùng gia đình. Là người cao tuổi trong đại gia đình, tôi cố gắng tổ chức những buổi họp mặt gia đình trong ngày sinh nhật của bất cứ ai trong họ.



Họp mặt gia đình năm 2010



Họp mặt gia đình năm 2010

Nhóm thứ hai gồm bạn bè cũ hời ở Sài Gòn kể luôn cả thành viên của câu lạc bộ Mekong. Mỗi một hay hai tháng, chúng tôi ăn trưa thật ngon với nhau rồi bàn luận về những đề tài hấp dẫn để được cập nhật về thời sự thế giới và các vấn đề xã hội. Nhiều thành viên trong nhóm trước đây đã làm việc trong ngành hành pháp, tư pháp và lập pháp bên nhà. Cũng có người làm việc trong lãnh vực tư. Những hoạt động của chúng tôi trên 20 năm qua cho thấy chúng tôi đã quyết định đúng khi thành lập hội.



Họp mặt của thành viên câu lạc bộ Mekong : Từ trái qua phải: Bảy, Trang, An, Chánh, Hườn, Mỹ Hạnh, Bình, Thủy, Phát, Chánh, An, Hoa, Marie, Châu, Điểu, Bình



Trái qua Phải: Nđ Tường, Nđ Cường, Kh Điểu, Hđ Nhã, Nđ Khôi



Nhóm Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ thường họp tại 16 Riverton, San Francisco



Trái qua Phải: Khiêm, Vũ, Điều

Trái qua Phải: Tv Chơn, VvLộc, Tt Khiêm, Kh Điều



Nguyễn Khắc Bình, Nguyễn Thượng Vũ, Khương Hữu Điều và Trần Thiện Khiêm.

Bảng liệt kê cũng đề ra tầm quan trọng của các đức tính ngay thẳng và thành thật, dám nhận lãnh trách nhiệm, và có một niềm tin do mình chọn. Những đức tính trên đã nằm nơi con người tôi từ bao giờ tôi không rõ nữa. Tánh tôi minh bạch, đâu ra đó, như các bạn tôi từng thấy. Đối với tôi, thấy sao làm vậy. Tôi chẳng hề e dè hay sợ sệt khi phải nói ra những gì tôi nghĩ trong đầu và cũng không bao giờ xiên xẹo, lắt léo để tránh né trách nhiệm. Niềm tin trong lòng tôi khó mà lay chuyển được. Tôi tin vào quyền năng của tính lương thiện và lòng chính trực. Nhờ nền tảng Khổng và Phật giáo của gia đình, nên tôi tin có một Thượng Đế, đáng quyền năng thiêng liêng.

ĐỘC LẬP TÀI CHÁNH

Bảng liệt kê có ghi luôn mọi khía cạnh của cơ thể, tâm trí, và túi tiền. Việc biết tiết kiệm tiền có nằm trong danh sách đó. Tôi luôn lưu tâm tới sự khuyến cáo trên và cố sống trong khả năng tài chánh của mình và để dành tiền lo cho khi về già. Kế hoạch này đã thành tựu và đem lại cho tôi sự độc lập tài chánh để có cuộc sống thoải mái khi về hưu.

Có ba yếu tố quan trọng về an toàn tài chánh tôi cần lo toan một cách thực tiễn, trước khi đi đến quyết định dứt khoát nghỉ việc lúc tới 65 tuổi. Tôi cần có một khoản lợi tức hàng tháng ổn định, một quỹ dự trữ phòng chuyện bất trắc, và sau hết một số tiền tiết kiệm kha khá. Sau bao mồ hôi, nước mắt và hoạch định tài chánh, nay đã tới lúc Marie nhà tôi và tôi được an hưởng một nếp sống hưu trí chúng tôi hằng mơ ước dưới mái nhà ấm cúng của chúng tôi ở Cựu Kim Sơn.

Như tôi đã trình bày ở phần trên, lộ trình của tôi để đạt được độc lập về tài chánh đã phải bắt đầu lại từ số không trong năm 1975 khi tôi bước ra khỏi trại ty nạn Pendleton với vốn vụn có 150 Mỹ kim bằng ngân phiếu du lịch/traveler's check. Kiếm được một việc làm lúc đó cũng trần ai. Trong khi chờ đợi có một việc về engineering, một người bạn cũng tị nạn như tôi đã nhờ tôi làm quản lý một dự án mở một tiệm ăn Pháp mang tên La Cabane nằm trên đường Union Street, San Francisco. Tôi còn nhớ, lúc đó, tôi lãnh về 500 Mỹ kim mỗi tháng. Nhà hàng gặt được kết quả mỹ mãn nhờ một bài báo nhiệt tình khen ngợi trong tờ nhật báo San Francisco Chronicle. Nhưng sáu tháng sau, trong năm 1975, tôi nhận một việc làm thuần túy về engineering tại Bechtel Inc. với chức vụ "Phụ tá Giám đốc Dự án." Nhờ có một mức lương khá hậu và biết tiêu xài cần kiệm, gói ghém trong khả năng của mình, mỗi năm tôi để dành được 10.000 Mỹ kim. Sau ba năm, tôi có đủ tiền để đặt cọc mua một căn nhà trị giá 100.000 Mỹ kim.



Ngôi nhà ở San Francisco từ năm 1978

Khoảng năm năm trước ngày nghỉ việc, tôi khởi công sửa chữa hay tân trang ngôi nhà để sửa soạn cho những chuỗi ngày về hưu được thoải mái và vui thỏa. Tôi biết là việc sửa lại căn nhà sẽ dễ dàng hơn trong lúc tôi còn nhận lương hàng tháng thay vì phải rút tiền tiết kiệm ra để trả lúc không còn đi làm nữa. Mỗi năm tôi chi ra chừng 20,000 Mỹ kim cho mỗi dự án như sau:

1. Tân trang nhà bếp,
2. Cất thêm một nhà kiếng "sunroom,"
3. Xây thêm một phòng tắm,
4. Sửa lại phòng khách ở tầng dưới,
5. Xây một sàn gỗ "redwood," một nhà kiếng cho cây kiếng và một kho để dụng cụ nơi sau vườn.

Việc sửa sang này đã được hoàn tất trong vòng năm năm. Kết quả là tôi có một ngôi nhà thật ấm cúng, đầy đủ tiện nghi - một "lâu đài" xinh xắn - cho Marie và tôi chung sống với nhau trong những năm tháng còn lại. Ngày nay, sau 20 năm được hưởng những ích lợi của năm dự án trên, tôi hoàn toàn mãn nguyện về chương trình này.

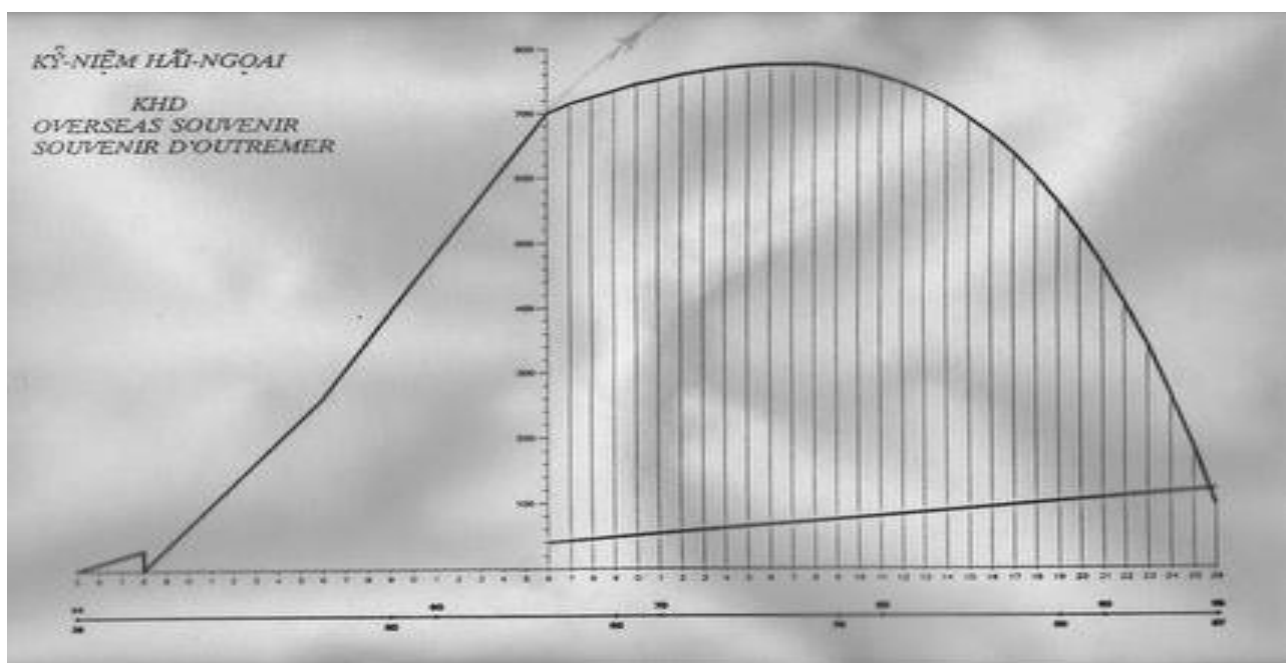
Tôi biết ơn ba tôi đã dạy tôi biết sống cần kiệm. Khi còn nhỏ, ba tôi buộc tôi làm những việc vặt để kiếm tiền túi. Nhờ đó, tôi biết được giá trị của đồng tiền do mồ hôi nước mắt mình kiếm ra và biết thận trọng khi tiêu xài. Từ đó về sau, tôi luôn cẩn thận khi xài tiền. Vào năm 1976, tôi mua chiếc xe tiện ích và ít hao xăng, giá rẻ hiệu Vega Station Wagon mà công ty xe hơi sắp ngưng sản xuất. Tôi dùng xe này đi cắm trại vào cuối tuần để thưởng thức thú sống ngoài trời như tôi đã từng làm với ba má tôi hồi còn nhỏ. Nếp sống này vừa lành mạnh vừa ít tốn kém.



Đi cắm trại với bạn bè: chiếc xe Station Wagon Vega 1976

Ngoài ra, đây cũng là dịp tốt để lánh xa nơi thị tứ đông người, bị ô nhiễm và sự căng thẳng của sở làm.

Đi đôi với việc sống cần kiệm, tôi còn tiết kiệm bằng cách lập ra quỹ 401(k) được hoãn thuế. Trong thời gian làm tại Bechtel ở San Francisco từ năm 1975 tới năm 1987, tôi luôn đóng mức tiền tối đa được cho phép vào quỹ này. Công ty Bechtel cũng đóng một số tiền tương đương vào quỹ 401(k) của tôi. Tôi có thể đầu tư số tiền trong quỹ vào thị trường chứng khoán như mua cổ phiếu, miễn sao tôi không rút tiền ra trước khi tôi 70 tuổi rưỡi. Sau một thời gian dài, nhờ vào tiền lời kép và số tiền hoãn thuế, tiền tiết kiệm trong quỹ của tôi đã lên tới con số đáng kể.



Tôi dựa vào bảng đồ biểu trên để theo dõi tiến trình gia tăng sự độc lập tài chánh của tôi.

Với bản chất ưa phân tích, vào năm 1980, tôi lập ra bảng đồ biểu trên để theo dõi nhịp tiến triển sự độc lập tài chánh. Đơn vị "US\$ 1.000" nằm trên trục tung độ "Y" còn đơn vị "năm", từ 1975 tới 2027, nằm trên trục hoành độ "X". Tới năm 2027 tôi sẽ được 96 tuổi và coi như là năm cuối của đời mình.

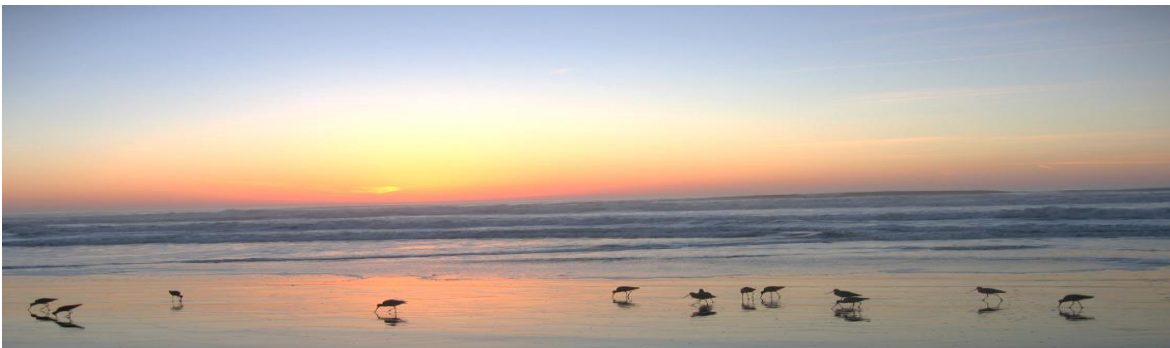
Như biểu đồ cho thấy, vào năm thứ ba, tiền tiết kiệm của tôi bị kiệt quệ vì tôi phải dùng 30,000 Mỹ kim để trả tiền đặt cọc cho căn nhà. Trong biểu đồ, tôi giả dụ mức độ lạm phát hàng năm là 3% còn tỷ lệ tiền lời trung bình trên vốn đầu tư là 6% mỗi năm. Nếu tôi bắt đầu rút tiền trong quỹ ra khi tôi 65 tuổi khi đến năm 2027, lúc tôi 96 tuổi, trên lý thuyết, sẽ không còn đồng nào để tôi rút nữa. Trong trường hợp tôi sống thợ hơn, tôi có thể dựa vào giá trị của căn nhà để sống vì tôi đã trả dứt nợ cho nó rồi. Trên thực tế, đường cong của tiền tiết kiệm thực sự khi về hưu sẽ cao hơn là đường cong của tiền tiết kiệm giả định. Như vậy, tôi vẫn được an toàn trong kế hoạch tài chánh của mình. Con đường đi tới độc lập tài

chánh đã gặp phải vài “ổ gà” vì nền kinh tế Mỹ bị khủng hoảng trong thập niên đầu của thế kỷ 21. Nhưng khi mọi sự đã ổn định trở lại, đường cong thực sự vẫn cao hơn đường cong giả định.

Một cách tóm tắt, đối với Marie và tôi, mọi việc liên quan tới thân thể, tâm trí và tài chánh có thể được coi là ổn! Chúng tôi vẫn tiếp tục sống trong ngôi nhà chúng tôi thương quý trong bốn thập niên qua. Chúng tôi không mắc bệnh khiến chúng tôi phải lo âu ngoài những đau ốm thông thường của tuổi già. Đầu óc chúng tôi còn minh mẫn và chúng tôi vẫn cười đùa cũng như hưởng những giây phút vui tươi với bạn bè. Tuy nhiên, ở tuổi cao niên, tôi thấy mình cần phải cẩn trọng, tránh làm những việc gì mới mẻ hay bốc đồng. Tôi cần phải có đầu óc thực tế và hiểu biết chỉ làm những gì thích hợp với khả năng của mình mà thôi.

Nói cách khác, tôi cần gắng sức tự kiểm chế trên phương diện thể chất, tâm trí và tiền bạc.

Cuộc sống về hưu đã cho phép tôi trở lại với “cái tôi” thực sự của mình, biết thư giãn sống tà tà, gạt bỏ đi những lo âu, chia sẻ thú an nhàn với bà con và bạn bè, nhưng quan trọng nhất vẫn là được gần gũi hơn với Marie, người bạn đời của tôi trong hơn nửa thế kỷ nay rồi. Marie đã tận tụy chăm sóc cho tôi và mái ấm gia đình. Xin cảm ơn Marie nhiều lắm.



Chương 24

Những Mẫu Chuyện Vui Buồn Của Nhóm “Gà Nòi”

Đây Gà Cựa Chọn Lọc!



Sau gần mười năm cố gắng làm việc, nay đã đến lúc tôi phải kết thúc quyển sách này.

Nửa thế kỷ trước đây, trong giai đoạn 1964-1975, tôi may mắn tìm được một nhóm chuyên viên trẻ có tài để cùng nhau nỗ lực phát triển kinh tế cho miền Nam. Tôi thường dùng danh từ “gà nòi” với anh em chúng tôi. Tiếng lóng Sài Gòn thời này là “gà chết”, “gà đông lạnh”, “gà nuốt dây thun”, “gà kẹt *giở*” để ám chỉ những người thiếu khả năng, thiếu tấm lòng và làm việc tập tễnh.

Nhiều anh em sau đó tung ra khỏi tổ ấm IDC-IDB, phục vụ các cơ quan chánh phủ hiện hữu hoặc sau đó. Anh em đã thăng tiến và đạt nhiều thành quả đáng kể nơi nhiệm sở mới.

Một vài người đã đảm nhận những chức vụ tổng trưởng hoặc thứ trưởng, một số khác đã trở thành trưởng cơ quan của Trung Tâm Đầu Tư Phát Triển, Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, Viện Định Chuẩn, Tổng Cuộc Dầu Hỏa Và Khoáng Sản, Khu Chế Xuất, Viện Quản Trị Xí Nghiệp, VISSAN (Lò sát sanh tân tiến)... Do sự gần bó giữa tôi và nhóm chuyên gia trẻ, một người bạn của tôi ở San Jose đã gán cho tôi biệt danh khá gay cấn là “đại ca” của nhóm “mafiosi.”

Với tuổi 86, bốn mươi năm sau biến cố “Đổi Đời”, mười ngàn dặm xa cách tổ ấm ngày xưa, niềm vui thực sự của tôi là luôn luôn được họp mặt với anh chị em đồng nghiệp để cùng chung vui, ăn uống, nâng ly giữa những tràng cười giòn giã nơi thành phố tuyệt đẹp của Vùng Vịnh.

Hồi năm 2000, sau 25 năm xa cách, các bạn đã hợp ý tổ chức buổi lễ sanh nhật thứ 70, “*thất thập cổ lai hy*” cho tôi trong sự bất ngờ tuyệt đối tại ngôi nhà ở San Francisco. Nhờ

vào Internet, cho tới giây phút cuối, tất cả mọi sự xếp đặt được hoàn tất cả tháng mà tôi không hề hay biết gì cả. Thật là một phép lạ cho đời tôi!



Thất Thập Cổ Lai Hi. Anh Chị Em Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ nghệ,
Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam và Công Ty Quốc Gia Khuếch
Trương Kỹ Nghệ mừng sinh nhật 70 của Anh Khương Hữu Điều và
cầu chúc Anh Chị Điều Phước như Đông Hải và Thọ tợ Nam Sơn.

Ngày 7 tháng 10 năm 2000

Nguyễn Văn Châu	<u>Nguyễn Văn Châu</u>	
Ngô Đức Chiến	<u>Ngô Đức Chiến</u>	<u>Đặng Hữu Năm Nhi</u>
Nguyễn Đức Cường	<u>Nguyễn Đức Cường</u>	<u>Mary Bui Mỹ Dung</u>
Nguyễn Khắc Đỗ	<u>Nguyễn Khắc Đỗ</u>	
Nguyễn Ngọc Diên	<u>Nguyễn Ngọc Diên</u>	
Huỳnh Hữu Hân	<u>Huỳnh Hữu Hân</u>	<u>Judy Huỳnh (pen H&I)</u>
Đoàn Mộng Hoàng	<u>Đoàn Mộng Hoàng</u>	<u>Bùi D. Xuân</u>
Lâm Hồ	<u>Lâm Hồ</u>	<u>Thánh Hùng</u>
Võ Hùng	<u>Võ Hùng</u>	<u>Đỗ Khắc Phan</u>
Nguyễn Đăng Khởi	<u>Nguyễn Đăng Khởi</u>	<u>Đỗ Kim Dung</u>
Trần Văn Khởi	<u>Trần Văn Khởi</u>	<u>Nguyễn T. Nga</u>
Lê Trọng Mưu	<u>Lê Trọng Mưu</u>	<u>Mai Lê</u>
Trương Chí Nghĩa	<u>Trương Chí Nghĩa</u>	<u>Tam</u>
Hoàng Đức Nhã	<u>Hoàng Đức Nhã</u>	<u>M&T</u>
Tề Trọng Tạo	<u>Tề Trọng Tạo</u>	<u>T&L</u>
Phí Minh Tâm	<u>Phí Minh Tâm</u>	<u>Vyethuong</u>
Vinh Thúc	<u>Vinh Thúc</u>	<u>Hoàng Hương</u>
Nguyễn Duy Tường	<u>Nguyễn Duy Tường</u>	<u>Xuan Nguyen</u>
Nguyễn Văn Hùng	<u>Nguyễn Văn Hùng</u>	



*Chung vui tại mái ấm đại gia đình, San Francisco năm 2000
trong sự bất ngờ tuyệt đối sau 25 năm xa cách*

Các anh chị em học từ các trường sau đây: Lafayette College, MIT, Stanford University, Columbia University, NYU, Phu Tho Technical University, Saigon University, Dalat University, California State University, Sacramento, University of Arizona, Colorado State University, Georgetown University, Purdue University, Oklahoma State University, Pittsburgh University, Carnegie Mellon University, Bowling Green State University, Laval University, Asian Institute of Technology, Ecole Nationale Supérieure des Beaux-Arts de Paris, Université de Montpellier, Université de Nantes, Ecole Polytechnique de Montréal, Monash University, Melbourne Australia, University of Western Australia Perth, University of Canterbury, Christchurch, NZ, Massey University NZ, London School of Economics, ...

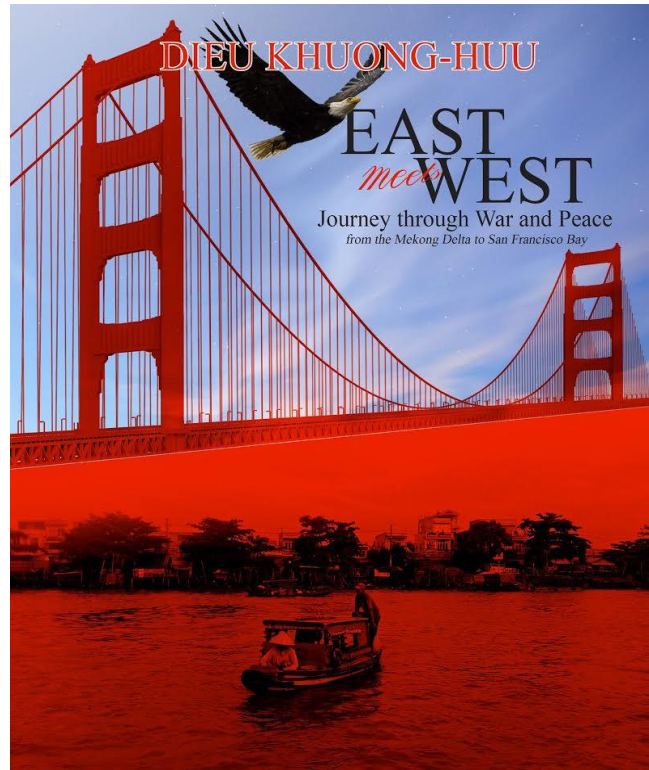
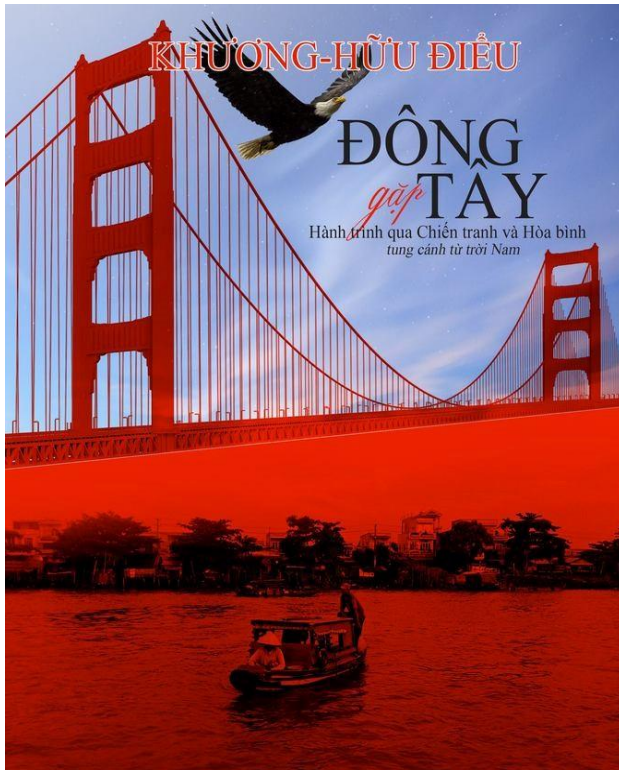


Năm 2010, nhóm anh chị em "IDB" tặng cho tôi chai "Champagne Magnum" với tất cả chữ ký trên chai như ngày sanh nhật thứ 80 của tôi. Tôi xin cảm ơn đã làm tôi trở thành người thật may mắn.

Thật nhiều Champagne trên bàn nhỏ !

Đông *gặp* Tây

Chúng tôi gặp lại trong tháng Mười, 2015, vào dịp kỷ niệm ba ngày vui trong đời: ngày cưới thứ 55, ngày sinh thứ 85 và ngày hoàn tất hai **quyển sách** « **Đông gặp Tây** » và « **EAST meets WEST** » của gia đình Khương Hữu.



Và ngày 15 tháng 10 năm 2016, đại gia đình IDC-IDB lại vui vầy bên nhau cũng tại tổ ấm của chúng tôi ở vùng Vịnh. Nhân dịp này, Anh Phong đã tặng tôi chai rượu quý Cognac Louis XIII mà cả đời tôi chưa được nếm thử.





*Trái qua phải – Hàng Ngồi: Chị NĐKhôi, Chị Bích Lan (bạn HĐNhã), Chị Quách Anh, Anh PKNgọc, A/C KHĐiền, Chị NĐCường.
Hàng Đứng: NĐKhôi, TPhong, PLQuang, HĐNhã, NTHoan, NTường (VQTHuệ), LHThịnh, PMTâm, TQMinh, Võ Hùng, Chị TQMinh, Chị Hằng,
Chị PLQuang, LTTạo, NĐCường, NDTường, Chị VHùng, Chị NDTường, Chị Đoàn Mộng Hoàng, NĐChiến.*

Họp mặt 2016 trước nhà San Francisco

Tôi rất vui mừng được các bạn gửi cho những mẫu chuyện vui buồn mà chúng tôi đã trải qua bên nhau trong ngày xa xưa và đã dùng làm đoạn kết hợp lý, thích đáng cho quyển hồi ký. Đối với tôi đó là những món quà thật chân thành và khó quên.

Những mẫu chuyện này phản ánh trung thực ý nghĩ của người viết và không có sự sửa đổi hay góp ý gì ngoài việc nhắc nhở mời góp bài.

A. TRẦN VĂN KHÔI, University of Arizona

Hai mươi lăm năm sau khi xa xứ, anh em chúng tôi họp lại tổ chức một tiệc mừng anh Điếu, một *surprise party* mà những ai tham dự vẫn còn nhớ đời. Đặc biệt, anh em đã dày công làm một *Kỷ Yếu IDB 2000*, ghi lại hình ảnh của từng anh chị em, từng gia đình, để làm quà.

Trong Lời Giới Thiệu, tôi đã cố gắng ghi lại cảm nghĩ và tâm tình của mọi người:



“Đối với nhiều người, Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ / Công Ty Quốc Gia Khuếch Trương Khu Kỹ Nghệ / Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ không những chỉ là những định chế phát triển của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là nơi hun đúc và tăng cường những đức tính căn bản để phát triển và thăng tiến nghề nghiệp: **sự ngay thẳng, lòng hăng say, và tính cởi mở với đồng nghiệp**. Từ những ngày đầu tiên... đến sau này, nhiều anh chị em đã thành công trong lãnh vực nghề nghiệp của mình, ở trong nước cũng như ở ngoại quốc. Trước sau, ai cũng luôn luôn vững tâm duy trì những đặc tính cố hữu: **sự ngay thẳng, lòng hăng say, và tính cởi mở với đồng nghiệp**, ... Tập Kỷ Yếu IDB 2000 được ấn hành một phần để kỷ niệm 25 năm ngày anh chị em mỗi người ra đi một ngã, một phần để đánh dấu... một thiên niên kỷ đã qua và sắp tới. Nhưng lý do chính của Kỷ Yếu IDB 2000 là để kỷ niệm và ăn mừng ngày đạt tới Thất Thập Cổ Lai Hy của Anh Khương Hữu Điều – một chuyên viên đàn anh mà suốt cuộc đời nghề nghiệp đã luôn luôn không ngừng thể hiện **sự ngay thẳng, lòng hăng say và tính cởi mở với đồng nghiệp**.”

Tôi làm việc với Anh Điều từ năm 1964, không liên tục, qua nhiều công việc khác nhau, và vẫn tiếp tục duy trì liên lạc sau 75. Qua bao nhiêu năm quen biết, tôi học được anh làm việc thường thì không phải là “làm” mà là “ủi”, và đối với tôi thì Anh Điều “nghe thấy sao thì đúng là như vậy – mà thường là nghe Anh trước khi thấy Anh.”

Tháng 9 năm 1964, mới trở về và còn hoang mang không biết làm gì ở đâu, tôi gặp Vĩnh Thúc, một bạn du học cùng lứa khi đó đã làm ở Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ được mấy tháng. Thúc nói “Ở đây có ông Phụ Tá Kỹ Thuật chịu chơi lắm, dân MIT – toa về đây đi.”

Tôi đi ngay, gặp Anh Điều, và một tuần sau vào làm việc. Khi đó Anh Điều là Phụ Tá Kỹ Thuật cho ông Giám Đốc Bửu Hoan; qua năm sau Anh thay ông Hoan khi ông Hoan đi ngoại quốc. Công việc chính lúc đó là nghiên cứu và soạn thảo hồ sơ kỹ thuật cho một lò sát sinh tân tiến. Ngoài ra, tôi cũng giúp thực hiện vài dự án kỹ nghệ nhẹ như làm caustic soda, làm ống thủy tinh, thực phẩm gia súc, ... Công việc cũng không đòi hỏi nhiều kiến thức chuyên

môn – dự án thường là chìa-khoá-trao-tay (turn key), các nhà bán máy móc Nhật hay Đài Loan có chuyên viên chỉ rõ chi tiết và giúp xây cất, ráp máy, thử nghiệm, và vận hành.

Qua năm 1966, tôi cùng vài anh em theo Anh Điếu đi làm việc ở Bộ Kinh Tế khi Anh được mời làm Phụ Tá cho Ông Tổng Trưởng Âu Trường Thanh, lo về Thương Mại. Công việc hoàn toàn mới lạ; từ liên lạc với giới chức viện trợ Mỹ đến cứu xét hồ sơ xin nhập cảng với ngoại tệ riêng của Việt Nam. Tôi còn nhớ có lần cùng với một Trung Tá Hoa Kỳ dẫn đầu một công voa chở đầy xi măng từ Thương Cảng về Thủ Đức để giúp rầm rộ quảng bá xi măng không thiếu mà có thừa. Nói chung, công việc không đòi hỏi gì khó khăn, chỉ cần lòng tin cậy của Anh Điếu, và phải làm nhiều giờ.

Sau khi Ông Thanh từ nhiệm, Anh Điếu về làm full-time ở TTKTKN, để tôi ở lại biệt phái làm cho Ông Uỷ Viên (Tổng Trưởng) Công Kỹ Nghệ La Thành Nghệ, rồi cho người kế nhiệm sau đó.

Đến giữa năm 1968, Anh trở lại làm Phụ Tá Tổng Trưởng Kinh Tế cho Ông Âu Ngọc Hồ, lần này đặc trách về Công Kỹ Nghệ. Tôi lại làm việc trực tiếp với Anh, trong cương vị Chánh Sở Đầu Tư. Lúc này, sau biến cố Tết Mậu Thân, một luật tổng động viên vừa mới được ban hành. Thấy ngay ảnh hưởng đối với hoạt động kỹ nghệ và đầu tư, Anh đã dành nhiều thì giờ thúc đẩy chương trình "biệt đoàn trừ bị" nhằm hoãn dịch cho chuyên viên kỹ thuật cốt cán, trong chính phủ cũng như ở lãnh vực tư. Anh họp liên miên với Bộ Quốc Phòng, không ngần ngại nói đi nói lại với đối tác là một Đại Tá Đồng Lý "ai lại đem gà nòi đi nấu cà ri bao giờ." Anh "ùi" hết mình, không từ nan một chuyện gì, kể cả giúp lập hồ sơ và đích thân viết thư giới thiệu cho con ông Đại Tá nạp đơn vào MIT. Anh cũng chú tâm đến các công tác thăm dò địa chất ngoài khơi, và thúc đẩy việc soạn thảo Luật Dầu Hỏa.

Đến cuối năm 1969, chính phủ lại thay đổi; Anh trở lại full-time TTKTKN, đang trong tiến trình trở thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ. Tôi tiếp tục làm Chánh Sở Đầu Tư. Sau khi Luật Dầu Hoả ban hành cuối năm 1970, tôi được giao đi tìm dầu, và không còn làm trực tiếp với Anh nữa.

Tuy không còn làm trực tiếp, tôi vẫn giữ đều liên lạc với Anh, và với các đồng nghiệp cũ ở TTKTKN, và cũng vài lần tham dự các buổi thuyết trình đặc biệt sáng sớm thứ Ba.

Khoảng giữa năm 1974, sau khi Tổng Cục Dầu Hỏa và Khoáng Sản được chính thức thành lập làm một cơ quan tự trị, mặc dù tôi đã phụ trách thành công chương trình dầu hỏa từ đầu và đã soạn thảo khai sinh tổng cục, có tin có giới chức thẩm quyền không muốn tôi làm Tổng Cục Trưởng mà muốn một kỹ sư đang làm việc với công ty Shell. Anh Điếu nghe được chuyện và gọi điện thoại cho tôi, như tôi có kể trong *Dầu Hoả Việt Nam 1970-75: Những Ngày Còn Nhớ (trang 118)*:

"Bản tính ngay thẳng, ông Điếu nói oang oang trong điện thoại là ông có nghe chuyện về Tổng Cục Dầu Hỏa, và cho rằng làm như vậy là tào lao, là không được. Ông khuyên tôi

đừng lo, không có ai làm chuyện gì ngược đời như vậy. Trong một cách nói đặc biệt mà những ai hơn một lần tiếp xúc với ông đều khó lòng quên, ông Điều nói như là lên trong điện thoại: "Gà người ta đang đá ngon lành như vậy sao lại đi thay được? Đưa gà không có cửa vào, biết lấy gì mà đá? Mà gập gà chết thì lại hư sự hết cả." Ông nhả với tôi là ông sẽ tìm cho ra rõ sự tình, và một lần nữa bảo tôi đừng nản chí."

Tôi không bao giờ quên được những lời lẽ và tâm tình trong cú điện thoại của Anh.

B. VŨ THỊ LOAN, Laval University



KÝ ỨC VỀ SỞ NĂNG SUẤT TTKTKN/ NHPTKVN

1967: Năm tôi từ giã miền Đất lạnh Quebec Canada để trở về Sài Gòn, quê hương nắng ấm và đầu quân làm lính mới cho Sở Năng Suất thuộc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN), sau này là Ngân Hàng Phát triển Kỹ Nghệ VN (NHPTKVN).

Ở thời điểm đó, Sở Năng Suất là "Sở đàn anh" so với các sở khác của TTKTKN vì có thể kiếm ra tiền bằng những dịch vụ của mình như tổ chức đấu thầu máy móc, soạn thảo các dự án tiền khả thi (feasibility studies) cho kỹ nghệ gia. Nhưng lý do chủ yếu, theo tôi nghĩ, là vì Sở đã quy tụ được một lực lượng hùng hậu các trí thức trở về từ các nước khác nhau trên thế giới như Mỹ, Canada, Úc, Tân Tây Lan, Pháp và Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ của VN.

Đứng đầu Sở là Ông Chánh Sự Vụ Đỗ Kim Thức. Ông tuy to con, mang thùng nước lèo trước bụng nhưng có tác phong người lính, rất nhanh nhẹn và tháo vát. Đặc điểm là khi Ông chưa

xuất hiện mọi người đã nghe thấy tiếng cười nói rộn ràng của Ông. Gần gũi chúng tôi hơn là Tiến sĩ Nguyễn Phước Du từ Pháp về. Bác nhỏ người, ăn nói nhỏ nhẹ, điềm đạm. Tuy Bác đã lớn tuổi nhưng cũng rất nhanh nhẹn và sẵn sàng cố vấn cho mọi người về mọi vấn đề. Khi Bác làm giảng viên cho Khóa Quản trị Xí nghiệp do TTKTKN tổ chức Bác cũng kéo tôi theo để tôi học thêm kiến thức về Quản trị. Vị niên trưởng thứ ba là Ông Bùi Thanh, [*em ông chủ đầu khuynh diệp Bác sĩ Tín, tức ông Bùi Kiến Tín*] người miền Trung hay kể chuyện hài hước và có nick đặc biệt là "Ông Bành Tổ" mà cho đến tận bây giờ tôi vẫn không biết vì sao Ông lại có cái nick kỳ lạ này! Tiếp theo là bộ ba Xe Pháo Mã từ Mỹ về, các Anh Nguyễn Đăng Khôi, Chu Tam Cường, và Lê Trọng Mưu. Anh Khôi luôn khôi ngô như tên của anh.

Anh Cường trông đạo mạo với cặp mắt kính dày cộm và anh Mưu trắng trẻo như sữa nên có nick là "Sữa." Cả ba anh là những "gà nòi" sáng giá của Sở. Sau này, với sự phát triển kinh tế của đất nước cũng như nhu cầu nhân lực cấp cao, ba người giữ các vị trí mới: anh Khôi lên Tổng Cục Đầu tư, anh Cường sang Tổng Cục Gia cư và anh Mưu về Khu Chế xuất *Sài Gòn*. Ngoài ra, một số "gà nòi" sáng chói khác cũng được "xuất chuồng" ngay tại thời điểm này. Đó là các anh Lê Thanh Nhân đi "khai phá" Vissan, Phí Minh Tâm đi "đặt chuẩn" cho Viện Định Chuẩn, Trần Văn Khởi đi "tìm dầu" cho Tổng Cục Dầu Khí, Nguyễn Đức Cường qua "làm kinh tế" cho Bộ Kinh tế và anh Hoàng Đức Nhã "biệt phái" lên Phủ Tổng Thống. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy Sở Năng Suất đúng là cái nôi đào tạo và cung cấp nhân lực cao cấp cho xã hội.

Từ Canada về, chúng tôi cũng có một "bộ ba": Bạch diện Thư sinh Trần Bình Minh, Nguyễn Hữu Thư "Tây con" (nick này có từ thời du học) và tôi. Chúng tôi cùng học một trường, Laval University, một đại học rất lâu đời của Đất Lạnh Quebec. Quebec City có nhược điểm là quá lạnh nhưng lại có ưu điểm là một thành phố cổ kính và thơ mộng, người dân ở đây có thể giao tiếp bằng tiếng Pháp và Anh. Vì vậy du học sinh sau khi tốt nghiệp cũng sử dụng được cả hai ngôn ngữ này. Ba chúng tôi đều được Colombo Plan cung cấp học bổng cho những ngành học khác nhau: anh Minh học Điện, anh Thư Hoá Học và tôi Thực Phẩm. Tôi vì sang trước nên tự nhiên được là "đàn chị."

Những gương mặt chính được đào tạo từ Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ là hai anh Nguyễn Văn Chưởng và anh Nguyễn Thành Ngưu. Anh Chưởng gầy và cao như cây tre, luôn "ngghiêm túc" trong mọi việc. Anh Ngưu thì mập mạp và hiền hòa như ruộng đồng Nam Bộ.

Kế tiếp là nhóm chuyên viên trẻ cũng xuất thân từ Kỹ Thuật Phú Thọ. Đầu tiên là Quách Anh với dáng người phúc hậu; đây đây là Võ Quý Thanh Huệ; luôn lăng xăng theo bác Du học hỏi là Nguyễn Thị Hai và mình hạc xương mai là Đoàn Mộng Hoàng. "Hoang Huyền" lúc đó gầy đến gió thổi cũng bay nhưng lại có khuôn mặt bầu bĩnh và thông minh của Audrey Hepburn. Còn lại là hai "cậu bé" có dáng như học sinh Nguyễn Văn Hòn và Nguyễn Văn Quan.

Khi TTKTKN trở thành NHPTKVN, Sở Năng Suất chuyển thành các đoàn Tín Dụng. Chúng tôi thêm hùng hậu với những bạn cũ, mới. Đầu tiên là anh Thái Vĩnh Khiêm rất lịch thiệp và

“diễn trai”, anh Vĩnh Thúc với giọng Huế nhẹ, anh Từ Văn Minh người có màu da “bánh mật”, anh Lưu Phong Lợi mà chúng tôi hay gọi đùa là Lợi “phong lưu.” Các anh Ngô Văn Thành, Khấu Văn Viện luôn hiền hoà, vui vẻ. Hai ngôi sao đáng yêu khác là “Nữ Hoàng Ai Cập” Kim Cương vóc dáng giống như Cléopâtre và Bích Thủy với mái tóc rất dài đong đưa theo nhịp bước đi. Sau cùng là các bạn trẻ khác như các anh Phạm Tiến Nam, Trần Tấn Lộc và Bùi Việt Long.

Năm 1975, là người ở lại, tôi phải chứng kiến cảnh kẻ ở người đi. Mọi thứ đều thay đổi đến tận gốc rễ nhưng dẫu sao thì thời gian cũng qua nhanh, tưởng như mới ngày hôm qua mà nay đã hơn 40 năm. Có điều ấn tượng tôi vẫn còn giữ mãi trong lòng. Đó là người lãnh đạo NHPTKN có ý chí muốn tạo nên một khối chuyên viên có đủ khả năng phát triển một nền kinh tế để biến quốc gia thành giàu mạnh, sẵn sàng tiến cử các nhân viên trẻ có tài lên vị trí cao hơn mình để tham gia vào công việc phát triển và tiếp tục đào tạo số chuyên viên còn lại để dự kiến cho việc phát triển tương lai.

Tôi vẫn còn nhớ những buổi thuyết trình sáng thứ ba hàng tuần tại NH, qua đó chúng tôi được tiếp cận những bài toán kinh tế kỹ thuật hóc búa mà ít khi được học ở trường. Những buổi thuyết trình này có mục đích giúp chúng tôi học hỏi lẫn nhau, mở rộng kiến thức, hoàn thiện nghệ thuật nói trước công chúng và đặt dưới sự chủ trì của Ông Tổng Giám Đốc. Thông thường thì các vị chủ trì, chủ tọa phải ngồi hàng ghế đầu tiên nhưng oái oăm cho chúng tôi ở đây là ông lại ngồi cuối phòng họp trong một cái ghế kê ngay giữa lối đi! Khi đồng hồ chỉ đúng 7:30 giờ, ông bước vào như một cơn lốc, cửa phòng họp lập tức được đóng lại. Nếu đến trễ dù chỉ một vài phút thì chỉ còn cách quay ra cùng “giữ chùa” với mấy bác thư ký! Vì thế sáng thứ ba nào tôi cũng “hốt hải” chuẩn bị cho nhanh, trang điểm và bới tóc trong vòng năm phút, rồi phóng đến Sở để có thể “hùng dũng” bước vào phòng họp trước Ông!

Đến đây tôi xin phép được mô tả “Ông Tổng của chúng tôi.” Viết theo văn Bắc Kỳ xưa thì Ông là người không mấy... đẹp trai với dáng đi lúc nào cũng vội vàng tất bật! Tuy nhiên với những ai có dịp tiếp xúc với Ông thì đều phải công nhận Ông là người rất có duyên và mạnh mẽ. Với một giọng miền Nam khỏe, với một kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực, luôn đi thẳng vào vấn đề chính, và với cách dùng cả “body language” khi diễn tả, Ông dễ dàng thu hút tất cả các khán thính giả, làm cho họ chú ý nghe Ông một cách thích thú lẫn ngưỡng mộ. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao ngoài các biệt danh “người anh cả, chim đầu đàn”, Ông còn có nick là “ông bầu gánh.” Với một “ông bầu gánh» năng động và sôi nổi như thế thì gánh nào mà không “nổi đình nổi chùa” cho được! Sau này, những kinh nghiệm học hỏi được từ những buổi thuyết trình đó đã giúp tôi rất nhiều trong nghề làm “cô giáo” mà không phải qua một trường lớp sư phạm nào! Xin cảm ơn Ông Tổng! Xin cảm ơn tất cả các thuyết trình viên!

Và cũng xin được cắt dòng ký ức nơi đây. Tôi mong muốn, khi đọc những dòng chữ này, các thành viên của Gia Đình IDB đều có thể tìm lại được hình bóng của bạn bè và của chính mình, trên một đoạn đường chúng ta đã cùng đi chung với nhau, khi mà tất cả chúng ta

đều còn khỏe, còn đẹp với mái tóc còn xanh... xanh...

Sài Gòn tháng 12 năm 2015

VŨ THỊ LOAN

Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ
Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam
1967 – 1975

C. HOÀNG ĐỨC NHÃ, **Oklahoma State University**
University of Pittsburgh



Gia đình Hoàng Đức Nhã và gia đình con Hoàng Đức Phú (2016 Rome Prize Winner)

MỘT CƠ HỘI ĐỐI ĐỜI

Một châm ngôn phổ thông cho rằng sự thành công trong đời tùy thuộc một phần nhỏ vào học vấn và hiểu biết của mình nhưng phần lớn tùy thuộc vào những người mình biết và cơ hội họ cho mình.

Tôi trở về Sài Gòn vào đầu tháng Hai năm 1965 với bằng Kỹ sư Điện của đại học Oklahoma State sau ba năm du học. Như nhiều sinh viên Việt Nam khác được học bổng của chương trình Leadership do chánh phủ Hoa Kỳ tài trợ tôi có ý định ở lại thêm để tiếp tục chương trình Cao học về Kỹ sư điện nhưng được chánh phủ triệu hồi về làm tại Tổng Nha Viễn Thông trực thuộc Bộ Nội Vụ.

Lúc đó chánh phủ Hoa Kỳ, trong chương trình giúp đỡ kỹ thuật cho Việt Nam Cộng Hòa, đã thiết kế một hệ thống viễn thông tân tiến để thống nhất hệ thống viễn thông và theo dõi

tình hình trong nước. Phái bộ Phát triển Quốc tế (USAID) của Hoa Kỳ tại Việt Nam yêu cầu chánh phủ chỉ định một kỹ sư Việt Nam để làm việc chung với Toán Kỹ thuật Hoa Kỳ. Tôi không ngờ rằng phần vụ tôi được giao phó là bước đầu trong việc thiết lập cơ quan an ninh quốc gia của Việt Nam Cộng Hòa.

Công việc tôi được giao phó rất thích thú trong thời điểm đầy thử thách của đất nước. Tôi theo Toán Kỹ thuật Hoa Kỳ bay đến những tỉnh lỵ và nhiều địa điểm hẻo lánh trên đất nước rất thường xuyên. Nhờ đó tôi được biết đời sống của người dân và những tập tục cũng như những đặc sản địa phương.

Tuy nhiên, sau thời gian hứng thú dần dần tôi thấy công việc bắt đầu khó khăn vì bốn ngày trong tuần tôi phải đi bằng Vespa từ căn phòng trọ tôi thuê ở khu Chợ Quán, cạnh Phái Bộ Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (MACV), đến Trung tâm Kỹ thuật của Tổng Nha Viễn Thông nằm sau lưng Trường Bộ Binh Thủ Đức, một đoạn đường dài gần 40 cây số mỗi vòng.

Trong thời gian đó trên xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa có rất nhiều quân xe Việt Nam và Hoa Kỳ cũng như xe tư nhân. Những xe đó phun rất nhiều khói và chất độc, và vì đó áo quần và sắc diện tôi cũng bị “hư hại”, thậm chí đến nỗi tôi phải thuyết phục ba má của người vợ tương lai rằng tôi là người Việt chứ không phải người Phi!

Tôi nhớ vào dịp Tết năm 1966 tôi về Nha Trang ăn Tết với Má tôi và tình cờ gặp lại anh Từ Văn Minh, một cựu du học sinh trong chương trình Leadership và cũng là đồng hương Nha Trang. Lúc đó anh Minh làm việc trong Sở Tín Dụng của Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN) do anh Khương Hữu Điều lãnh đạo.

Chắc anh Minh thấy tội nghiệp tôi sau khi nghe tôi kể những khổ sở trong việc làm cho chánh phủ cho nên anh ta khuyên tôi hãy nghĩ đến TTKTKN và xin gặp anh Tổng Giám Đốc Điều. Vài tuần sau Tết tôi xin và được gặp anh Tổng Giám Đốc.

Buổi gặp anh Tổng Giám Đốc thành công ngoài sự tưởng tượng của tôi vì chỉ sau ba mươi phút nghe tôi trình bày về công việc tôi làm và ước vọng của tôi, anh Tổng Giám Đốc Điều hỏi tôi “chứng nào anh bắt đầu làm được”! Rất có thể anh Từ Văn Minh đã “tưng bốc” tôi với anh Tổng Giám Đốc nhưng tôi vẫn tin rằng anh Điều cho tôi một cơ hội và xem tôi làm được gì với cơ hội đó.

Sau đó ít lâu tôi gia nhập Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ với chức vụ Kỹ Sư Dự Án trong Sở Năng Suất của Trung Tâm. Tại đây tôi làm việc chung với nhiều anh em kỹ sư tốt nghiệp các đại học Hoa Kỳ, đại học Kỹ thuật Phú Thọ, đại học Gia Nhĩ Đại, và Úc Châu.

Mỗi thứ Ba trong tuần mấy kỹ sư đều dự buổi họp tham mưu với anh Tổng Giám Đốc để trình bày công việc và duyệt mấy dự án mình đảm trách. Anh Điều hỏi rất chu đáo về những dự án đó, từ những giả định đến phương pháp của dự án, và những lập luận của chúng tôi

giải thích về sự thích hợp của dự án trong chương trình phát triển đất nước, cũng như những lợi ích cho địa phương khi dự án được thực hiện.

Anh Điều nhắc chúng tôi phải chú ý đến các khía cạnh văn hóa xã hội có thể ảnh hưởng hoặc làm cho dự án bị đình trệ, và anh cũng chú ý đến những lợi ích xác thực cũng như các lợi ích không thể nắm được mà dự án có thể đem lại cho đồng bào địa phương. Một cách gián tiếp anh Tổng Giám Đốc nhấn mạnh vai trò trọng yếu của các yếu tố nêu trên hầu giúp chúng tôi có những lập luận chín chắn và phần tài chánh của dự án được tính toán kỹ lưỡng trước khi đệ nạp dự án lên Tổng Giám Đốc và Hội đồng Quản trị để cứu xét và chấp thuận.

Nhiều lần tôi lý luận với anh Tổng Giám Đốc vì tôi biết rằng dự án tôi soạn thảo hội đủ các điều kiện và phần lời lẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Anh Điều thường đồng ý với chúng tôi khi anh thấy rằng dự án chúng tôi trình được soạn thảo đúng tiêu chuẩn và anh ấy cho chúng tôi toàn quyền thực hiện dự án.

Tôi rất thích không khí và cách làm việc đó và thấy mình được cơ hội tốt làm việc cho một cấp chỉ huy sẵn sàng cho nhân viên cơ hội để thành công và còn giúp chúng tôi tiếp tục tiến thân.

Sau sáu tháng làm việc tại TTKTKN tôi được anh Điều cho biết anh ta quyết định biệt phái tôi và một kỹ sư đồng nghiệp, anh Nguyễn Đức Cường, lên làm tại văn phòng của ông Tổng trưởng Kinh tế Âu Trường Thanh, thể theo lời yêu cầu của ông Tổng trưởng có được nhân viên của Trung tâm đã được đào tạo tại các đại học Hoa Kỳ. Ông Âu Trường Thanh biết rằng anh Tổng Giám Đốc có một số chuyên viên được đào tạo kỹ lưỡng, những ngựa đua hay gà chọi như anh Tổng Giám Đốc thường gọi nhóm chuyên viên chúng tôi.

Anh Nguyễn Đức Cường và tôi không ai được biết ông Tổng Trưởng Âu Trường Thanh, và chúng tôi cũng không biết gì về trách nhiệm mới của chúng tôi tại Bộ Kinh Tế. Chưa gì tôi thấy mất tinh thần đồng đội và không khí làm việc tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, nhất là những buổi tán dóc với mấy đồng nghiệp trong giờ và sau giờ làm việc.

Tôi không hề nghĩ rằng trách nhiệm mới tại Bộ Kinh Tế sẽ là một cơ hội đổi đời trong sự nghiệp và công vụ của tôi.

Tôi mang một ơn lớn đối với anh Khương Hữu Điều đã cho tôi một cơ hội để phục vụ đất nước ở một bình độ khác.

Tại Bộ Kinh Tế anh Nguyễn Đức Cường đặt trọng tâm vào những vấn đề liên quan đến viện trợ Hoa Kỳ và làm việc với những chuyên viên của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và Phái Bộ Việt Nam của Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ (USAID). Những bài học và kinh nghiệm anh Cường đạt được sẽ là nền tảng quý báu khi anh ta đảm nhận trách nhiệm Tổng Trưởng Thương Mại và Kỹ Nghệ của VNCH.

Tôi được giao trách nhiệm phụ giúp một giáo sư Đại học Luật lúc đó làm Cố Vấn Tổng trưởng về các vấn đề kinh tế vĩ mô mà VNCH cần phác họa để thi hành một chương trình phát triển táo bạo. Vào thời điểm đó tôi không hiểu gì nhiều về vấn đề kinh tế hướng gì kinh tế vĩ mô. Dù sao mấy kỹ sư chúng tôi thời ấy không phải học về kinh tế căn bản tại trường kỹ sư.

Khi Tổng Trưởng Âu Trường Thanh từ chức anh Cường trở về Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và tôi may mắn được một học bổng tu nghiệp chuyên môn trong bốn tháng. Đây là một khóa tu nghiệp về cách quản trị các chương trình phát triển. Thế là, vào đầu tháng Tư năm 1967, vốn vẹn một tháng sau ngày cưới, tôi lên đường đi tu nghiệp tại Viện Cao Học về các Vấn đề Quốc gia và Quốc tế của đại học Pittsburgh, tiểu bang Pennsylvania.

Tại Viện Cao Học này một hôm tôi tham dự một hội thảo về vấn đề Kinh tế lượng (econometrics) với sự tham gia của một số giáo sư và chuyên gia kinh tế trên thế giới, trong đó có Giáo sư Jan Timbergen gốc Hòa Lan. Sau đó, vào năm 1969 Giáo sư Timbergen được giải thưởng Nobel về Khoa Học Kinh Tế.

Tôi rất vui được cơ hội trao đổi ý kiến với Giáo Sư Timbergen trong buổi hội thảo đó, và sau này nghĩ lại đó là trường hợp khiến tôi chú ý đến các vấn đề kinh tế vĩ mô và chánh sách kinh tế các quốc gia chậm tiến cần thẩm định. Điều đặc biệt là nhờ vậy tôi hiểu được hai yếu tố căn bản của kinh tế lượng, Mục tiêu và Phương tiện, mà các quốc gia cần thẩm định và áp dụng đúng mức hầu có một chánh sách phát triển kinh tế hợp lý và thi hành được.

Trên đường về xứ sau thời gian tu nghiệp vào cuối tháng Tám năm 1967 tôi tham gia một khóa huấn luyện tại chỗ (on the job training) ở Khu Biễn Chế Xuất Cảng (Export Processing Zone) tại thành phố Mayaguez, Puerto Rico.

Trở về nhiệm sở cũ tại TTKTKN vào giữa tháng Chín năm 1967 tôi quyết tâm vận động anh Tổng Giám Đốc Điều giao cho tôi trách nhiệm hoạch định kế hoạch thiết lập công trình này cho quê hương.

Tuy nhiên, vì định mệnh hay may mắn, tôi được tham gia và làm việc trong Văn Phòng Chuyên Viên của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sau khi ông ta tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống thứ nhất của nền Đệ nhị Cộng hòa Việt Nam vào giữa tháng Mười năm 1967.

Tại Văn phòng này, với tính cách là chuyên viên nghiên cứu, tôi có cơ hội áp dụng những gì tôi đã học hỏi tại đại học Pittsburgh và giúp toán chuyên viên hoạch định một số chiến lược và kế hoạch kinh tế mà điểm chánh yếu là giảm thiểu sự thiếu công bằng xã hội và kinh tế trong xã hội miền Nam thời đó. Mục tiêu này sẽ được thành tựu qua chánh sách Người Cày Có Ruộng. Chánh sách này, cùng với chương trình Tăng gia Năng suất Nông nghiệp và chánh sách Kinh tế Thị trường, giúp VNCH tiến triển rất nhanh và xúc tiến tích cực công cuộc thi hành chánh sách giảm thiểu sự thiếu công bằng kinh tế xã hội tại miền Nam Việt Nam.

Sự nghiệp và công trình phục vụ đất nước của tôi tiến theo một con đường khác khi tôi được đề cử làm Bí Thư Tổng Thống sau biến cố Tết Mậu Thân 1968 và sau đó làm Tổng Trưởng Dân Vận và Chiêu Hồi trong Nội Các. Vì hai trách nhiệm này tôi đành rời hẳn lãnh vực kỹ sư và phát triển quốc gia.

Tuy nhiên, với tư cách Bí Thư Tổng Thống và sau đó thành viên của Nội Các, tôi vẫn tiếp tục cố võ và đôi khi chủ xướng việc thi hành những chánh sách phát triển kinh tế và nông nghiệp mà tôi có cơ hội hoạch định tại Văn Phòng Chuyên Viên của Tổng Thống.

Sau này tại Hoa Kỳ trong mấy chức vụ chỉ huy tại ba đại công ty Hoa Kỳ, và ngay cả sau khi về hưu và thành lập và quản trị công ty riêng, tôi vẫn áp dụng những gì tôi học được tại đại học Pittsburgh năm 1967.

Cơ hội đổi đời và những lợi ích tôi đạt được từ đó không thể nào thành tựu được nếu đàn anh Khương Hữu Điều không cho tôi cơ hội hoàn toàn thay đổi sự nghiệp và cuộc sống của tôi.

Hoàng Đức Nhã

D. Cô HOANG HUYỀN, Saigon Technical University



IDB ngày tháng cũ

Đồng *gặp* Tây

Anh Thư ơi,

Nhân dịp ông Tổng sắp xuất bản cuốn hồi ký, trong đó có nhiều đề tài về IDB nên tôi cũng muốn đóng góp ít hàng về những ngày tháng êm đềm của tụi mình. Lúc đó tất cả đều mới "hăm" thôi còn rất trẻ, làm việc dưới mái ấm IDB ở số 40 Nguyễn Huệ, Sài Gòn. Địa điểm trụ sở ngay trung tâm Hòn Ngọc Viễn Đông thật náo nhiệt và thật lý tưởng cho những lúc trốn sở đi chơi.

Anh nhớ không?

Chỉ cần băng qua đường đã có tiệm kem Mai Hương, Passage Tax. Nhắc đến Mai Hương lại nhớ đến anh Thái Vĩnh Khiêm đã lợi dụng sự ngờ nghệch của tôi để dụ cá độ và đương nhiên kẻ chiến bại là tôi đã cháy túi với những châu kem Mai Hương cho cả phòng, trong đó có anh Khấu Văn Viện, Bùi Việt Long, chắc hai anh chưa quên? Sau lưng Nguyễn Huệ là Tự Do với những hàng bán vải nhập cảng Tân Cương v.v... mà hai chị em Hoàng+Loan vẫn hay xẹt xẹt ra vô trong 8 giờ vàng ngọc.

Rồi đi vài block đường đã đến khu Chợ Cũ với nhiều tiệm ăn nổi tiếng hấp dẫn như tiệm cháo cá góc Hàm Nghi & Tôn Thất Đạm gần Tổng Nha Ngân Khố, không nhớ tên gì, cháo chưa tiệm nào ngon hơn. Gần gần khu Chợ Cũ có Chí Tài và Tài Nam. Tiệm ăn góc Công Lý và Hàm Nghi là Thiên Nam bán 2 thứ Tàu và Tây. Bên Võ Di Nguy có tiệm Le Mekong. Đường Tự Do có Brodard, Givral, La Pagode ... Đối diện rạp Rex bên phía Eden có bà Bắc Kỳ bán bún ốc cũng thuộc vào hạng đệ nhất. Ăn paté chaud có Phạm Thị Trước hay Givral. Lê Lợi có Pole Nord, tiệm kem Bạch Đằng, nhà hàng Thanh Thế. Thanh Bạch trên Lê Lợi có món bún suông đệ nhất. Cơm Việt Nam có Bà Cả Đọi. Nhảy đầm qua Bông Lai hay Olympia. Ăn mì chiên dòn qua Phó Đức Chính trước nhà Chú Hỏa. Hẻm phía sau rạp Casino Sài Gòn bán toàn món Bắc. Rồi còn phá lấu và nước mía Viễn Đông ở Pasteur nữa.

Nguy quá!!! Với tâm hồn ăn uống cao độ tôi đã đi lạc quá xa. Phải trở về thôi.

Câu chuyện tôi sắp kể xảy ra đã hơn 40 năm mà tôi thì sắp bước vào lứa tuổi "thất thập cổ lai hy", chắc hẳn "bộ nhớ" cũng trục trặc nhiều rồi mong anh vui lòng sửa dùm nếu anh thấy chi tiết nào sai. Sở dĩ tôi nhờ anh vì "nhân chứng" vụ việc này chỉ còn anh thôi. Thật ra câu chuyện này là một kỷ niệm "không đẹp" mấy với IDB, đúng ra với ông Tổng Giám Đốc của tụi mình, mà mỗi lần nghĩ lại tôi vẫn còn quề quề đây.

Anh nhớ không ?

Có lẽ vào khoảng cuối năm 1974 ông Tổng làm tiệc Tất Niên tại tư gia ở đường Kỳ Đồng cho toàn thể nhân viên IDB. Nếu tôi nhớ không lầm hình như đó là buổi họp mặt không những đầu tiên mà là duy nhất và cũng là cuối cùng của toàn thể nhân viên IDB. Phải không anh? Ở VN thời đó rất hiếm những bữa tiệc cho tất cả nhân viên. Phần nhiều tiệc tùng chỉ dành cho các ông "nhớn" thôi. Nhưng năm đó ngoại lệ có đủ cả "nhớn" lẫn "nhỏ" nên thật đông

và vui.

Xóm nhà lá của mình có anh Trần Bình Minh, anh, Bông và tôi chụm nhum vào một góc hơi khuất để dễ bề thao túng. Tôi nhớ hôm đó có cả rượu nữa. Mà mấy ông thì rượu vào lời ra ồn ào vui hơn Tết, không còn nghiêm nghị, mặt khó đăm đăm như lúc ngồi sau "bàn giấy."

Sau vài chầu rượu hình như ai cũng trở lại tuổi thơ nghịch ngợm, phá phách. Anh Minh bỗng đứng nổi tính rắn mắt đã thách tôi:

- Này bà, bà dám chôm trái bưởi này về không? Mai đem vô sở mình ăn.

- Dám sao không dám.

Bông và tôi, hai đứa tuy tính tình khác hẳn nhau, Bông chững chạc, dăm thắm bao nhiêu thì tôi bộp chộp quậy phá bấy nhiêu nhưng hai đứa tôi lại là cặp bài trùng rất thân thiết, đi đâu cũng có đôi. Hôm đó chúng tôi ngồi cạnh nhau nhưng anh Minh "biết nhìn người" đã chọn tôi mà không chọn Bông để thách thức.

Đã lỡ lớn tiếng làm tàng "Dám sao không dám" cho nên tuy ngoài mặt hùng hổ còn trong bụng thì đánh lô tô, tôi vẫn phải run như cây sậy, lấm lét, vụng về cố gắng hoàn thành sứ mạng. Ngày hôm sau hoàn hồn mới thấy sao mình to đầu mà đại thế. Háo thắng lỡ bị bắt gặp quả tang thì ... ôi trời ... không dám nghĩ tiếp.

Tuy ngày đó là chuyện "chơi đại" nhưng giờ nghĩ đến lại thành kỷ niệm vui vui và dễ thương. Lúc đó tụi mình thật "hồn nhiên." Phải không anh?

Chuyện "đạo chích" tưởng chừng mới đây vậy mà đã qua hơn 40 năm, đã trở thành kỷ niệm tuy thật xa vời nhưng khó quên để mỗi khi nhớ lại vẫn còn tùm tùm cười và nuối tiếc.

Chúng mình bốn đứa thì anh Minh và Bông đã ra người thiên cổ. Xóm nhà lá của mình chỉ còn anh và tôi mà lại nghìn trùng xa cách. Các IDBers khác cũng tản mác khắp 4 hay 5 châu, tôi không rõ châu Phi có ai không, nên cũng ít có dịp tụ họp đông đủ để hàn huyên.

Cũng may mắn là tại vùng Vịnh California, con chim đầu đàn định cư ở đó cùng với một số đồng các chim IDB khác, nên hằng năm vẫn có những cuộc họp mặt lớn, nhỏ hầu hết cũng tại tư gia của ông Tổng ở San Francisco để nhắc nhở chuyện xưa, bàn tính chuyện tương lai. Và tất cả các buổi họp mặt đều có tác dụng sưởi ấm lòng người cho một thời đã qua, một thời để nhớ.

Mong anh bổ túc giúp tôi nhé. Cám ơn anh trước.

**E. John Phạm Tiến Nam, Phu Tho Technical University
Asian Institute of Technology, (AIT) Thailand**



Anh Nam bên trái



Anh Nam đứng giữa hình

2013. Chuyện Xưa Nay Mới Kể

1. BUỔI HỌP SÁNG THỨ BA

Buổi họp bao giờ cũng bắt đầu từ rất sớm. Nếu ai đi trễ hơn 7 g, sẽ không được vào tham dự buổi họp vào sáng thứ Ba hàng tuần. Đây là buổi họp do Ông Tổng Giám Đốc Khương Hữu Điều khởi xướng và giao cho các chuyên viên của ngân hàng luân phiên trình bày về những đề tài do chính họ chọn lựa. Chính vì vậy những đề tài rất phong phú và bao hàm nhiều lãnh vực. Trong các buổi họp này mặc dầu những chuyên viên đã nghiên cứu hơn một tháng và rất kỹ lưỡng các đề tài trước khi đem ra trình bày nhưng ai cũng e ngại nhất là phần kết luận của Ông Giám Đốc vào cuối buổi họp.

Điều đáng ngạc nhiên là trong phần kết luận, bao giờ ông TGD cũng vạch ra được những mặt trái, mặt phải và những sai lệch về lý luận trong lãnh vực các chuyên viên đó trình bày mà ai cũng biết là ông chưa hề xem trước. Giọng nói của ông khi đó rất lớn khiến ai cũng nghĩ rằng đó là lời khiển trách, nhưng tôi lại không nghĩ như thế. Nếu mình trình bày vấn đề nào đó mà lại có người nêu lên mặt trái, phải hay những sai lệch về quan điểm thì đó là món quà quý chứ không là lời khiển trách.

Chính vì hiểu mục đích các buổi họp của ông TGD mà khi đến phiên mình, tôi đã chọn đề tài "Tìm kiếm và khai thác dầu hỏa" và đã được cử tọa chăm chú theo dõi. Tuy đề tài rất rộng nhưng tôi đã tóm tắt và nhất là từng chương mục đều được trình bày trên bảng bằng hình vẽ và các gợi ý chính điều mình đang nói, nhất là dùng nhiều hình ảnh để minh chứng.

Sau phần trình bày của tôi khoảng 20 phút là các câu hỏi của các chuyên viên nhưng lần này không có câu hỏi của bạn Nguyễn Đức Cao, một người bạn rất hay đặt câu hỏi sau các phần

trình bày, và đặc biệt ông TGD cũng chỉ nhẹ gật đầu tán thưởng mà thôi. Sau này khi được bổ nhiệm làm trưởng công trường xây dựng trụ sở tôi mới hiểu giá trị của 'cái nhẹ gật đầu' này.

2. ĐOÀN TÍN DỤNG B

Tôi vào Ngân Hàng từ khoảng tháng 9-1973 và được đưa vào Đoàn Tín Dụng B để giúp đoàn định giá phần xây dựng của những nhà máy để cho Ngân Hàng có thể căn cứ vào đây cho vay tín dụng vốn lãi suất ưu đãi nhiều để phát triển kỹ nghệ nước nhà.

Ban đầu thì tôi làm cho Đoàn Tín Dụng B, nhưng rồi các Giám Đốc của các đoàn khác cũng có nhu cầu nên sau đó chúng tôi phải lập nên một bảng đơn giá tiêu biểu cho các Giám Đốc Tín Dụng làm căn cứ để định giá tài sản cố định để vay vốn.

3. DẤU VẾT XƯA – VẾT BÃ TRẦU

Ở đây tôi cũng xin nhắc lại về bài học cần chính xác, chắc chắn và cụ thể trong công việc của ông TGD mà đây chính là động lực cho tôi làm việc sau này :

Nhớ lại khoảng tháng 9-1972, khi tôi còn làm ở Đoàn Tín Dụng B được anh Minh cử đi nhà máy nước đá để đánh giá tài sản cố định của một nhà máy ở Điện Bàn – tỉnh Quảng Nam, cách Đà Nẵng khoảng 19 km. Khi ra đó, tôi được anh Trần Mạnh Hiệp, Giám Đốc chi nhánh Ngân Hàng ở Đà Nẵng ra tiếp đón và sau đó tôi có đề nghị sáng mai anh Hiệp cùng tôi đi thăm nhà máy nước đá ở Điện Bàn. Tuy nhiên anh Hiệp từ chối vì bận việc gia đình và anh sẽ cho tài xế lái xe đưa tôi đi Điện Bàn.

Sáng sớm tôi gặp anh tài xế, anh cũng nói đang bận việc gia đình nên không đi được. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Ủa ! Anh sợ hả ? Có tôi đi với anh còn sợ gì ?

Cuối cùng thì anh tài xế cũng chở tôi đi. Đi được 8 km, thì gặp một mô đất do 'phía bên kia' làm để chặn đường. Anh tài xế nói :

- Anh Nam ơi, chặn đường rồi không đi được.

Tôi nói :

- Anh cứ né sang bên mô đất theo vết lốp xe trước mà đi.

Thấy tôi cương quyết nên bác tài xam mình lái xe nhanh qua mô đất, chỉ vài cây số là đã đến nhà máy nước đá. Tôi cũng được ông Giám Đốc nhà máy nước đá tiếp đón và trình bày hồ sơ xây dựng cùng bản dự toán xây dựng. Sau khi xem xong, tôi thấy đã đầy đủ các tài liệu như đã trình bày trong hồ sơ đệ trình và chúc mừng ông chủ nhà máy nước đá là tôi sẽ

phúc trình lên cấp trên Ngân Hàng đồng ý tài trợ đúng số vốn ông cần cho nhà máy, căn cứ vào phần tài sản cố định.

Sau đó trước khi ra về, tôi mời ông chủ nhà máy nước đá ra trước cổng chụp hình để làm bằng chứng với ngân hàng là tôi đã đến tận nơi làm việc. Nhưng khi tôi kéo ông ra gần cổng nhà máy để chụp hình thấy ông có vẻ e ngại, tôi nói :

- Anh làm việc thật và mọi điều là sự thật, tôi đã xác nhận thì anh còn ngại gì ?

Chần chừ một lúc ông cũng phải ra đứng với tôi để chụp hình. Lúc đứng chuẩn bị chụp hình, tôi lo né tránh mấy vết bã trầu mà mấy người dân quê thường hay nhổ bừa bãi. Sau khi chụp hình xong, chúng tôi lên xe ra về. Trên đường đi đã thông thoáng vì không còn ụ đất nữa. Khi xe chạy qua vị trí mô đất khoảng vài cây số thì anh tài xế mới mở lời với tôi :

- Anh có biết lý do tại sao ông Giám Đốc không dám chụp hình với anh trước cổng nhà máy không ? Những 'vết bã trầu' mà anh nói đó thật ra là vết máu những nạn nhân của một bản án mới được thi hành sáng nay chưa kịp gột rửa !

Tôi nhắc lại chuyện trên để trong một đôi phút chúng ta nhớ lại dấu tích đau thương của một cuộc chiến tranh khốc liệt đã qua.

4. XÂY DỰNG TRỤ SỞ NGÂN HÀNG TRONG CHIẾN TRANH

Khoảng giữa năm 1974 thì tôi nhận được quyết định của Ngân Hàng làm Trưởng công trường xây dựng trụ sở chính của Ngân Hàng ở số 4 Thái Lập Thành và điều tôi ngạc nhiên là trong quyết định lại xếp chuyên viên mới này với ngạch trật tương đương với Chánh Sự Vụ. Ở Việt Nam lúc ấy ở tuổi 27 (1974) chắc cũng có ít người được như vậy. Vậy phải chăng đây là món quà ông TGD khen thưởng cho phong cách và nội dung trình bày vấn đề trong buổi họp hàng tuần khi tôi còn làm ở Đoàn Tín Dụng B ?

5. NHỮNG CÂU HỎI TỐC ĐỘ CỦA KỸ SƯ HỎA TIẾN MIT

Tác phong làm việc nghiêm minh của ông TGD, được thể hiện và gây ấn tượng trong các buổi họp giao ban hàng tuần trong việc xây dựng trụ sở chính của Ngân Hàng ví dụ như sau:

Một hôm, như thường lệ, ông TGD ra công trường là ghé văn phòng công trình gặp tôi và chỉ chào tôi một tiếng. Sau đó ông đi rất nhanh về phía hàng rào. Tất nhiên, đã hiểu phong cách làm việc của ông, nên không đợi ông yêu cầu, tôi đi theo sát ông chỉ cách 2 bước. Khi đến hàng rào công trình, ông hỏi :

- Cái hàng rào này hoàn chỉnh bao lâu rồi ?

- Nếu bên kia ném đồ sang thì cái hàng rào này chịu được sức tải bao nhiêu ?
- Chu vi hàng rào bao nhiêu mét ?
- Khi nào hàng rào này đã hoàn tất ? v.v...

Và tôi phải trả lời thật nhanh những câu hỏi của ông. Sau đó ông lại bước thật nhanh quan sát giàn máy đang đóng cửa và lại hỏi liên tục :

- Đã đóng được bao nhiêu cửa ?
- Đóng từ bao giờ ? Bao giờ xong ?
- Một ngày đóng được bao nhiêu cái ?
- Một cái đóng trong thời gian bao lâu ? v.v...

Ông đưa ra những câu hỏi nêu trên với tốc độ rất nhanh và tôi phải trả lời ngay lập tức. Ông sẽ căn cứ vào câu trả lời sau để có thể kiểm chứng câu trả lời trước. Hỏi xong, ông quay lưng đi về văn phòng trụ sở và hoàn toàn không nói gì thêm nữa. Dường như tâm trí ông lúc đó hoàn toàn chỉ dành cho công việc mà thôi. Thái độ đó đối với tôi cũng là một bài học, nhất là cách đặt những câu hỏi.

Ông quay bước trở về văn phòng chính thật nhanh và tất nhiên tôi theo ông sát gót ra đến tận cổng công trường để chờ câu hỏi 'tốc độ' khác !

6. CHÍNH XÁC VÀ KHOA HỌC

Hai kiến trúc sư nổi tiếng nhất thời đó là ông Huỳnh Kim Măng và ông Lê Văn Lắm. Hai ông được ông TGD giao phó phụ trách thiết kế Trụ Sở Ngân Hàng. Trong các buổi họp hàng tuần với hai kiến trúc sư, ông Tổng Giám Đốc luôn yêu cầu họ phải nêu ra thật rõ ràng các đặc tính kỹ thuật của những vật liệu đưa ra. Ví dụ khi nói đến màu sắc của kính thì không được nói mơ hồ là màu nâu đậm, nâu cánh kiến hay nâu đỏ... mà phải kèm mã số màu và công nghệ để tạo nên loại kính đó.

8. LẦU GIÓ

Một lần khác, kiến trúc sư Hùng và kiến trúc sư Măng có thiết kế một cái lầu gió và ông TGD có hỏi hai anh :

- Có sợ mưa tạt không ?
- Dạ, bảo đảm không tạt.

Đông gặp Tây

- Anh lấy gì bảo đảm nó không tạt mưa ?

Hai anh kia không trả lời được, ông chỉ sang tôi :

- Anh về nghiên cứu xem nó có bị tạt mưa không ?

Ban đầu tôi chưng hửng về lệnh này nhưng vẫn phải tìm cách chứng minh được điều đó.

Theo thiết kế, lầu gió quay về hướng Nam nên khi mở niên giám thống kê tôi thấy lượng mưa hàng năm từ hướng Nam ít nhất, lượng mưa ít nhất, tốc độ gió cũng chậm nhất. Sau khi kết hợp số thống kê và các công thức tính lực đẩy ngang của gió trên giọt nước mưa. Tôi cũng hoàn thành bản tính với báo cáo là hàng năm chỉ có 10 % mưa tạt quá 3 m.

Sau khi xem xong bản báo cáo, ông TGD cười và nói với các kiến trúc sư :

- Các anh bảo đảm mưa không tạt tuy không có bằng chứng nhưng đúng. Tôi đồng ý duyệt thiết kế.

9. CÔNG BẰNG

Trong thời gian làm việc, tôi nhận thấy ông TGD cũng có cùng chung quan điểm với tôi về sự công bằng, không muốn ai phải thiệt thòi.

Khi tôi xét hồ sơ đấu thầu một hạng mục nhỏ của trụ sở, đó là hàng rào. Tôi thấy nhà thầu Phạm văn Hoán đã bỏ giá thấp hơn 20% so với giá nhà thầu thấp nhất. Về nguyên tắc thì nhà thầu Phạm văn Hoán đã trúng thầu. Tuy nhiên về sau sợ ông không làm tốt vì thiếu vốn nên tôi đã mời ông đến để hỏi thăm tại sao ông cho giá thấp như vậy. Ông ta trả lời vì ông có kho sắt tồn đọng lại nên cần có công trình để đưa số sắt đó sử dụng vào công trình để lấy lại vốn. Tôi biết thời điểm đó nhiều nhà thầu cũng ở trong trường hợp tương tự nhưng tôi vẫn yêu cầu ông cho địa chỉ nhà kho. Tôi bất ngờ đến địa chỉ này và sau khi kiểm chứng, xác nhận ông Hoán đúng là chủ kho, tôi kiểm tra lại chất lượng sắt, xem dự toán và tăng giá sắt lên theo đúng giá thị trường và đề nghị Ngân Hàng duyệt cho ông Hoán một giá cao hơn, tuy vẫn là giá thấp nhất trong cuộc đấu thầu. Điều làm tôi ngạc nhiên là đề nghị của tôi đã được Ban Tổng Giám Đốc chấp thuận và duyệt ngay mà không đặt vấn đề gì khác.

10. "SAO KHÔNG KÊU TUI RA COI VỚI ?"

Trong thời gian làm việc ở công trường thì chúng tôi có sự hợp tác của kỹ sư Ngô Đức Chiến và kiến trúc sư Quách Văn Hà, ông TGD cũng thường ra kiểm tra công trình xây dựng. Một hôm đang lúc 3 người đang chú ý đầu xem cuốn playboy thì bất thành lình ông TGD xuất hiện khiến chúng tôi không kịp cất giấu cuốn sách đang nằm lộ liễu trên bàn. Thấy vậy ông TGD đập tay lên bàn cái 'rầm' và lớn tiếng nói :

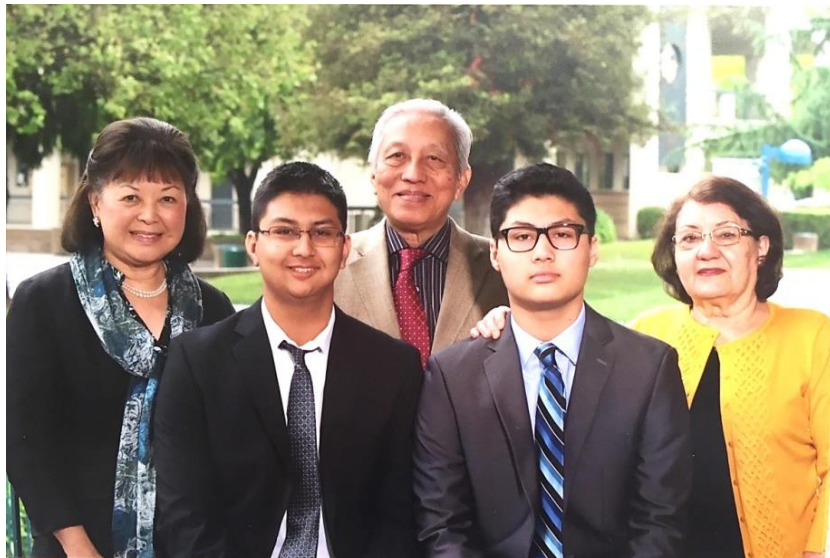
- Lỗi thứ nhất là giờ làm việc mà các anh lại mở sách ra coi cái này, các anh có nhớ đây là giờ làm việc không ? Lỗi thứ hai là không kêu tui ra coi với !!!

~~~~~

Chuyện xảy ra như thế thực ư ? Bản tính ông TGD ai cũng biết là hết sức nghiêm chỉnh ! Về sau, vào tháng 10 - 2013 tôi có dịp sang Mỹ gặp ông trong một buổi tiệc mừng sinh nhật thứ 83 của ông. Nghe tôi kể lại chuyện này, trước tiên ông cự TGD ngẩn người ngạc nhiên, dường như ông đang cố nhớ lại xem có đúng như vậy không; còn những người khác vốn rất kính trọng ông và biết ông nghiêm chỉnh nên vừa nghe chuyện xong tỏ vẻ 'hết hồn.'

À, thì ra đây chỉ là chuyện khôi hài để giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng... do Nam 'sáng tác.'

## F. NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG, MIT



### *Vài chuyện tâm tình với Anh Khương Hữu Điều*

**Chuyện 1 : Tại sao chúng ta phải làm việc trong bóng tối, và lợi nước ngập tới mắt cá nếu đi ngủ sau.**

Tôi gia nhập gia đình Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (IDC) khoảng tháng 7 năm 1965, bốn tháng sau khi quân đội Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Ông xếp trực tiếp của tôi lúc đó là Bác Lang, Chánh sự vụ Sở Năng Suất. Ông xếp lớn là Tổng Giám Đốc Khương Hữu Điều, có khi chúng tôi gọi là ông Trời. Người Pháp kêu ông là Monsieur Dieu, dịch ra tiếng Việt là ông Trời.



Nhưng, vấn đề của tôi lúc đó không phải là ông Trời, hoặc là phải tham dự những buổi họp hàng tuần với ông Trời cùng với các anh em kỹ sư khác. Vấn đề rắc rối của tôi lúc đó là tại sao chúng ta chấp nhận làm việc trong bóng tối mấy tiếng một ngày, và nếu vào ngả sau của IDC thì phải lội nước cao tới mắt cá chân, mỗi khi trời mưa lớn. Tại sao?

Sau khi điều tra, tôi được cho biết lúc đó năng suất của nhà máy điện Sài Gòn không đủ xài cho cả thành phố nên chính phủ phải có biện pháp cúp điện luân chuyển một ngày mấy tiếng. Tôi có bàn chuyện với anh Tô Ngọc Sử, và anh Nguyễn Đăng Khôi để xem có giải pháp nào không. Tôi được biết ông xếp lớn đã nói chuyện với ông Phát, xếp lớn ở Nhà máy điện rồi. Một vài tuần lễ trôi qua, cúp điện vẫn xảy ra như thường lệ.

Tôi không nhớ trong dịp nào mà tôi làm quen được với một kỹ sư người Mỹ đang làm cho US Corps of Engineers. Lúc đó quân đội Mỹ đang nhập cảng vào Việt Nam đủ loại máy móc dụng cụ quân sự để trang bị cho các trại quân sự đang được thiết lập cấp tốc trên toàn quốc. Trong số các dụng cụ quân sự quân đội Mỹ đem theo có rất nhiều máy phát điện đủ cỡ, từ 15 kW tới 60 kW. Người bạn Mỹ này cho biết họ có thể cho IDC mượn một máy phát điện 15 kW với lý do là một cơ quan chính phủ quan trọng như IDC cần có điện liên tục để có thể hoạt động hữu hiệu. Tôi đồng ý kiến trên nên bàn với anh Khôi làm thế nào chuyên chở máy phát điện về trụ sở IDC. Nội chiều hôm đó máy phát điện bắt đầu cung cấp điện cho IDC. Tuy nhiên, chúng tôi quên một chi tiết là cần châm dầu thường xuyên để cho máy chạy, nếu không thì phải trở lại giai đoạn làm việc trong bóng tối như trước.

Đối với vấn đề phải lội nước để vào cửa sau thì chúng tôi được biết lúc đó IDC đang ở trong giai đoạn khuếch trương trụ sở cần xây thêm một dãy văn phòng 3 lầu ở đằng sau. Nhà thầu đang ở trong giai đoạn đào móng, cho nên khó tránh khỏi lội nước sau một trận mưa lớn khi đi qua cửa sau của IDC. Vấn đề đã được tự giải quyết khi mùa khô bắt đầu. Mưu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên là như vậy.

## **Chuyện 2: Ngày mai ơi... ngày mai ơi... mặt trời sẽ mọc...**

Bài hát "Ngày mai..." do Barbara Streisand hát là một trong những bài hát tôi rất ưa thích, nhất là câu chót khó có ai có thể hát hơn được. Không có gì ngạc nhiên mà bài hát đó được đứng số 1 trong năm 1978.

Khi tôi gia nhập IDC, tôi nghĩ là tôi sẽ làm việc lâu dài với IDC, và tương lai của tôi sẽ gắn liền với tương lai của IDC. Ngày mai là một quan niệm quá ngắn ngủi đối với tôi, không có chỗ trong chương trình tính toán dài hạn của tôi.

Bốn mươi năm sau, tôi mới nhận thấy là những suy tư lâu dài của tôi không đúng cho lắm.

Ngày mai ơi, ngày mai ơi, trở thành Ông Mai ơi, Ông Mai ơi...

Thật vậy, 40 năm sau, nhân dịp các anh chị em IDB gặp mặt tại nhà anh Điều ở San Fran-

cisco, anh Điều cho tôi biết là nhờ anh Điều làm mai mà tôi mới lấy được vợ. Ông bố vợ tôi có quen biết với anh Điều trong thời gian anh Điều học ở bên Mỹ. Sau khi chúng tôi thông báo cho gia đình hai bên là chúng tôi đã quyết định đi tới hôn nhân, ông bố vợ tương lai muốn được yên tâm nên hỏi ý kiến anh Điều về tôi khi được biết tôi đã làm việc với anh Điều một thời gian.

Lúc đó người vợ tương lai của tôi đang làm việc ở New York với hãng máy bay Pan American. Trở về Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh của năm Mậu Thân 1968 để lập gia đình với một người nói giọng Bắc, và sắp sửa bị gọi động viên là một hy sinh đáng kể. Anh Điều cho biết do anh trả lời ông bố vợ tương lai một cách thuận lợi nên tôi mới lấy được vợ. Chúng tôi làm lễ cưới trong tấn công đợt hai của năm Mậu Thân, cho nên phải luôn luôn đề cao cảnh giác trường hợp hỏa tiễn SAM rớt vào đầu.

Anh Điều luôn nhắc lại là nhờ anh làm mai nên tôi mới lấy được vợ. Có lúc tôi tự hỏi nếu lúc đó anh Điều trả lời không thuận lợi thì chuyện hôn nhân của chúng tôi sẽ ra sao.

Theo phong tục trong Nam, ông Mai luôn được đãi heo quay. Nhưng trong trường hợp của chúng tôi thì ngược lại, ông Mai này luôn luôn đãi chúng tôi heo quay mỗi khi gặp mặt tại nhà ông Mai, đặc biệt năm nay. Ông Mai ơi... Ông Mai ơi...

### **Chuyện 3 : Làm việc được một năm...**

Tôi làm Kỹ Sư Dự Án tại IDC được một năm thì một biến cố xảy ra đã hoàn toàn thay đổi cuộc đời tôi. Cũng là do anh Điều mà ra.

Anh Điều lúc đó được bổ nhiệm vào chức Phụ Tá Thương Mại tại Bộ Kinh Tế dưới quyền ông Tổng Ủy Viên Kinh Tế Tài Chánh Âu Trường Thanh. Anh Điều cần một số chuyên viên lên Bộ giúp việc. Ba kỹ sư được biệt phái sang Bộ Kinh Tế là Hoàng Đức Nhã, Trần Văn Khởi và tôi.

Tôi quyết định rời bỏ nghề Kỹ Sư Dự Án, và đón chào nghề Kinh Tế, mặc dầu lúc đó tôi cũng không rõ nghề Kinh Tế ở trên Bộ là nghề gì.

Nói tóm lại, tương lai của tôi tại IDC chấm dứt sau một năm làm việc, nhưng mối liên hệ giữa tôi và anh Điều và IDC, sau này là IDB – tức Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ vẫn tiếp tục cho tới ngày nay, hơn một nửa thế kỷ sau.

Tổng Ủy Viên KTTC Âu Trường Thanh tại chức được 10 tháng, và anh Điều trở về làm việc tại IDC. Tôi vẫn tiếp tục được biệt phái làm chuyên viên tại Bộ Kinh Tế, lúc này dưới quyền ông TUV KTTC Trương Thái Tôn. Trong giai đoạn này Bộ KT cần giao thiệp rất nhiều với cơ quan Viện Trợ Mỹ vì viện trợ Mỹ đang gia tăng đáng kể.

Ông Trương Thái Tôn gửi tôi đi dự một khóa họp do Liên Hiệp Quốc tổ chức tại New Delhi

Đông *gặp* Tây

tháng giêng năm 1968. Biến cố Tết Mậu Thân xảy ra, tôi bị kẹt lại ở New Delhi 3 tháng. Khoảng 10 tháng sau thì ông Âu Ngọc Hồ thay thế ông Trương Thái Tôn, và 10 tháng sau do ông Phạm Kim Ngọc thay thế ông Âu Ngọc Hồ.

Tôi vẫn được anh Điều biệt phái sang Bộ KT, và IDC vẫn tiếp tục trả lương biệt phái cho tôi cho tới năm 1971. IDC còn cấp cho tôi một căn phố ở Cư Xá Xóm Lò Heo, cạnh căn phố của anh Lâm Hồ. Tôi ở tại cư xá này cho tới khi anh Hà Xuân Trừng, lúc đó làm Tổng Trưởng Tài Chánh, cấp cho tôi một căn phố tại Cư Xá Đoàn Thị Điểm năm 1971. Cùng ở trong cư xá này có anh Vũ Đình Thịnh, Trịnh Quang Bình, và Nguyễn Hải Bình. Chúng tôi ngày nay vẫn còn giữ liên lạc, vẫn gặp nhau để cùng nhau ăn phở, sau bao nhiêu thay đổi của cuộc đời.

Thật không dè một năm làm việc với anh Điều, ông Mai của tôi, đã trở thành một mối liên lạc chặt chẽ, trải dài trên 50 năm, kể từ ngày gặp về việc làm trong tháng 7 năm 1965. Ngày nay, chúng tôi vẫn thường gặp nhau tại nhà anh Điều ở San Francisco để cùng chia sẻ những bữa cơm thịnh soạn, có heo quay, có bồ câu quay, có ly rượu ngon, hòa với những tiếng nói sang sảng của anh Điều, và những tiếng cười rộn rã...

*Nguyễn Đức Cường*

*San Jose, ngày 9 tháng 3 năm 2016.*

## **G. Lê Trọng Mưu, Colorado State University**



*Tháng 11, 2015*

## **Kỹ Sư Dự Án**

Sau khi gia nhập Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, cũng như những bạn khác, tôi được chỉ định làm Kỹ Sư Dự Án (Project Engineer). Danh từ này hoàn toàn xa lạ với tôi. Khi đi học tôi chỉ biết có các ngành kỹ sư Công Chánh, Công Nghệ, Điện, Hóa Học nhưng chưa bao giờ được nghe đến Kỹ Sư Dự Án.



Những dự án ở Việt Nam trong giai đoạn mới phát triển tương đối nhỏ và căn bản, nên mỗi khi nghiên cứu tính khả thi của dự án (feasibility study) thường chỉ có một người phụ trách từ đầu đến cuối. Những yếu tố chính của dự án là nghiên cứu thị trường, thẩm định kỹ thuật, phác họa quy trình sản xuất, ước tính vốn đầu tư, tính giá thành của sản phẩm, ước lượng lời lỗ và dự đoán thời gian để thu hồi lại vốn đầu tư.

Khi học ngành kỹ sư điện, tôi hoàn toàn chú trọng đến những khía cạnh kỹ thuật và say mê tìm hiểu những khám phá kỹ thuật mới mẻ. Đến khi làm việc tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, thấy những dự án không có những thách đố về kỹ thuật tân kỳ như lúc học ở đại học nên tôi cũng hơi ngạc nhiên nhưng dần dần cũng thích ứng. Đây là một thiếu sót của tôi, không được chuẩn bị để chuyển tiếp từ môi trường đại học lý thuyết sang tình trạng thực tế của kỹ nghệ, nhất là kỹ nghệ phôi thai của Việt Nam trong giai đoạn mới bắt đầu phát triển.

Năm 1967 American Management Association gửi ba chuyên viên sang giúp Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ huấn luyện quản trị. Tôi theo học và phụ giúp ông Henry Winter về Quản Trị Nhân Viên. Lúc học kỹ sư điện, tôi chỉ chú trọng vào những khía cạnh kỹ thuật, nên tôi thấy Quản Trị Nhân Viên cũng không có gì hấp dẫn. Nhưng tôi không ngờ là hai ngành Kỹ Sư Dự Án và Quản Trị Nhân Viên mà lúc đầu tôi không thích lại là những yếu tố căn bản giúp tôi thành công sau này.

Năm 1975 tôi gia nhập công ty M. W. Kellogg; đây là công ty chuyên về những dự án kỹ thuật chứ không phải là công ty Kellogg sản xuất cereal. M. W. Kellogg đã phụ trách dự án sản xuất nước nặng (heavy water) để giúp Mỹ chế tạo bom nguyên tử trong Đề Nhị Thế Chiến. Nhìn những kinh nghiệm của tôi tại Việt Nam không ăn nhập gì đến kỹ nghệ của Mỹ, họ cho tôi làm Kỹ Sư Cạo Giấy, ấy quên Kỹ Sư Hành Chánh (Administration Engineer). Lại thêm một ngành kỹ sư mới mà tôi chưa nghe bao giờ.

Năm 1976 M. W. Kellogg ký một hợp đồng thực hiện dự án hoá lỏng khí đốt (liquefied natural gas) cho Algeria, trị giá gần một tỉ dollars. Phần design basis trong contract technical annex viết bằng chữ Pháp mà rất ít người Mỹ biết tiếng Pháp. Bob Wright, một trong bốn project engineers của dự án nhờ tôi dịch design basis sang tiếng Anh để các kỹ sư có thể bắt đầu làm việc.

Vì Algeria chịu ảnh hưởng của Pháp nên hợp đồng bắt buộc phải design hydraulics theo luật Pháp có từ thời Napoleon. M. W. Kellogg truy cập khắp nơi mà không kiếm ra luật này. Tôi liên lạc với Bình, em nhà tôi là giáo sư đại học tại Lyon và Bình kiếm được cho tôi bộ luật này dày trên 200 trang. Bob Wright mừng quá đề nghị với công ty cho tôi làm project engineer, nhưng M. W. Kellogg là một công ty bảo thủ, muốn làm project engineer phải có khoảng 20 năm kinh nghiệm do đó tôi chỉ được làm Staff Engineer (lại một danh từ kỹ sư mới!). Hai năm sau thấy tôi làm việc được M. W. Kellogg cho tôi làm project engineer. Khi học trung học, tôi không thích Pháp Văn nên tiếng Pháp của tôi thuộc loại ăn đong. Không ngờ sau này tiếng Pháp ăn đong lại mở đường cho tôi.

Sau khi tốt nghiệp MIT, Anh Điều đã làm việc vài năm tại New York với một công ty Mỹ rất uy tín về engineering. Khi về Việt Nam Anh Điều dùng kinh nghiệm này và đặt ra chức vụ Kỹ Sư Dự Án (Project Engineer) tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ.

Sau khi học xong đại học tại Mỹ, tôi không được thực tập tại kỹ nghệ Mỹ, nhưng may mắn được học kinh nghiệm khởi đầu về Kỹ Sư Dự Án do Anh Điều thiết lập tại Việt Nam. Sau khi làm Project Engineer tại M. W. Kellogg, tôi lần lượt được làm Engineering Manager, Project Manager, Senior Project Manager và Program Director phụ trách những dự án kỹ nghệ quốc tế cho các công ty Exxon, Shell, Chevron, Total, Sonatrach, Yukong, Sinopec và Westlake. Thêm vào đó môn Quản Trị Nhân Viên mà tôi học được của ông Winter tại Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ và bằng MBA năm 1979 đã giúp tôi rất nhiều trong việc quản trị những dự án với hàng trăm kỹ sư các ngành.

Ngoài ra môn hóa học là môn tôi không thích lúc ở trung học, nhưng tất cả những dự án mà tôi phụ trách đều là hóa chất: liquefied natural gas, ethylene, olefins, ammonia, urea, v.v... Đúng là ghét của nào trời trao của đó. Còn môn kỹ sư điện mà tôi miệt mài trong bốn năm đại học thì gần như không bao giờ tôi dùng tới. Bây giờ kiến thức về điện mà tôi còn nhớ là điện có 2 dây, và đôi khi có 3 dây.

## **Rời Xa Việt Nam**

Tin tức Ban Mê Thuột thất thủ vào tháng Ba năm 1975 làm mọi người nản chí. Thêm vào đó thủ đô Nam Vang của Cam Bốt rơi vào tay cộng sản làm tình hình thêm bi quan. Tôi tìm cách liên lạc với vài người bạn Cam Bốt trước đây cùng học ở Colorado nhưng không được. Mỗi ngày lại thêm nhiều tin xấu. Pleiku, Kontum, Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang lần lượt rơi vào tay cộng sản.

Mọi người tìm cách để đi khỏi Việt Nam. Một số người quen biết lần lượt lẳng lẳng ra đi. Một vài chỗ cho hay là họ có thể giúp tôi đi, nhưng rồi cũng không có kết quả cụ thể. Quân cộng sản càng ngày càng tiến dần về Sài Gòn. Để đề phòng cộng sản pháo kích, tôi làm một hầm trú ẩn bằng bao cát ngay trong phòng khách. Anh Nguyễn Đăng Khôi và tôi tiếp tục tìm đủ mọi cách để đi khỏi Việt Nam. Vì chúng tôi là công chức mà lại trong tuổi động viên nên có thể bị bắt nếu rời Việt Nam. Tin tức cho biết một cựu tổng trưởng bị giữ lại trên đường di tản.

Anh Khôi và tôi được USAID và Tòa Đại Sứ Mỹ hứa là sẽ giúp. Vì tôi đang làm việc tại Khu Chế Xuất, USAID nghĩ là cơ quan sẽ dao động nếu tôi đi sớm nên họ bảo tôi đợi và họ sẽ giúp tôi sau. Ngày 28 tháng Tư, Tòa Đại Sứ cho biết là họ sẽ đưa gia đình tôi đi ngày hôm sau. Nhưng tối 28 phi trường Tân Sơn Nhất bị cộng sản pháo kích nặng nề và không còn sử dụng được nữa. Sáng 29 tháng Tư, đường phố Sài Gòn vắng tanh vì giới nghiêm. Anh Khôi và tôi đến văn phòng Tùy Viên Thương Mại của Tòa Đại Sứ. Văn phòng vắng lặng, nhưng may mắn là chúng tôi còn gặp được ông Tùy Viên Thương Mại và ông khuyên chúng tôi đến

một ngôi nhà ở đường Đoàn Công Bửu. Anh Khôi và tôi trở về Cư Xá NHPTKN để đón gia đình.

Bước vào địa điểm ở đường ĐCB tôi choáng váng, lần đầu tiên tôi nghĩ thế này là mất nước. Khoảng 50 người đợi ở nhà này toàn là những viên chức cao cấp trong chính phủ: tổng trưởng, thứ trưởng, tướng lãnh, nghị sĩ, dân biểu. Với tất cả các yếu nhân ở đây, còn ai là người điều hành chính phủ và quân đội bảo vệ đất nước? Tôi nói chuyện với một số người và được biết là Tòa Đại Sứ hứa sẽ gọi xe bus đến đón mọi người ra phi trường lúc trưa.

12 giờ trưa không thấy động tĩnh gì. 1 giờ, tình trạng vẫn vậy. Lúc 2 giờ chiều chúng tôi nghe tiếng máy bay trực thăng bay ngang trên trời đi đón người ở những địa điểm khác. 3 giờ chiều vẫn không thấy xe bus. Lúc 4 giờ Tòa Đại Sứ gọi và nói là kế hoạch di tản không thành và khuyên mọi người xuống thương cảng Sài Gòn tìm phương tiện đường thủy.

Hai gia đình chúng tôi lên xe của anh Khôi và đi xuống Kho Năm. Đường phố Sài Gòn hỗn loạn, xe nhà binh, xe dân sự, xe gắn máy, xe đạp chạy tứ tung. Người đi bộ ngơ ngác không biết hướng nào. Cửa vào Kho Năm khóa chặt nhưng được lính gác mở ra cho một xe Jeep cảnh sát vào. Anh Khôi lái xe theo sát xe cảnh sát, nhưng bị lính gác đóng sập cửa vào Kho Năm và nện báng súng trên mui xe của anh Khôi. Tôi xuống xe nhỏ nhẹ năn nỉ với người lính và nói trên xe có ông Thứ Trưởng và xin anh giúp cho chúng tôi vào. Người lính ngần ngừ nhưng sau cùng cũng mở cửa cho xe chúng tôi vào.

Tình trạng thương cảng Sài Gòn náo loạn, đông đảo người chen lấn ngược xuôi tìm tầu. Tôi vô cùng sợ hãi, nhớ lại cảnh hàng ngàn người xô đẩy, dày xéo lên nhau mà chết ở thương cảng Đà Nẵng tháng trước. Đi vòng vo một hồi chúng tôi thấy một xà lan đậu bên bờ. Đây là loại xà lan trước đây dùng để chở đạn sang Cam Bốt, xà lan cao hơn nhà hai tầng và bên hông có treo những thang leo bằng dây thừng. Gia đình anh Khôi gồm toàn những người lớn leo thang dây lên xà lan. Tôi giúp hai cháu bé Tina (4 tuổi) và Louise (2 tuổi) leo thang dây treo lên xà lan. Ngay lúc đó xà lan bất chợt tách rời bến, nhà tôi và mẹ tôi vẫn còn đứng trên bờ thương cảng. Tôi như người mất hồn giữ hai cháu nhỏ, không biết làm gì. Anh Khôi vội nhảy từ xà lan xuống bờ để giúp nhà tôi và mẹ tôi. Nhưng xà lan tiếp tục rời bến, để lại anh Khôi, nhà tôi và mẹ tôi trên bờ. Ở trên xà lan, chị Khôi, ba má anh Khôi, các em anh Khôi, tôi và hai cháu bé bàng hoàng, bất động không biết xử trí ra sao. Xà lan tiếp tục trôi theo sông Sài Gòn đi về phía Nhà Bè. Trên xà lan mấy trăm người thần thờ, vô vọng như người mất trí. Trời bắt đầu đổ mưa, mọi người chịu trận, không có mái che. Các cô em anh Khôi giúp hai cháu Tina và Louise. Hai cháu có một back pack nhỏ đựng ít sữa bột Guigoz để tạm thời cầm cự. Người lớn không có đồ ăn, đành chịu đựng nhịn đói. Cháu Tina và Louise hỏi mẹ đâu, tôi phải nói dối là mọi khi đi Vũng Tàu bằng xe hơi thì hôm nay đi bằng xà lan.

Sáng sớm hôm sau xà lan chạy ngang Vũng Tàu và tiếp tục ra khơi. Mọi người trên xà lan bần khoản không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Có tin đồn là đêm qua lúc đi ngang Rừng Sát, có một số thuyền cập sát xà lan đưa người lên, trong đó có cả Việt Cộng và tàu Mỹ không



cho xà lan lại gần vì có Việt Cộng. Xà lan chạy ngang, chạy dọc, ngược xuôi không chiều hướng nhất định. Mưa tiếp tục rơi. Tối đến mà chiếc xà lan cũng vẫn chạy lung tung. Mọi người càng thêm lo âu vô vọng.

Sáng ngày thứ ba xà lan được ghé sát tàu Sergeant Miller do Hải Quân Mỹ mượn. Lúc rời xà lan, chúng tôi được tin là chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã đầu hàng Việt Cộng. Chúng tôi nước mắt lưng tròng, quốc gia Việt Nam thân yêu không còn nữa. Chúng tôi lần lượt rời xà lan lên tàu Sgt. Miller. Bước chân lên tàu, tôi vô cùng ngạc nhiên và sung sướng khi thấy anh Khôi, nhà tôi và mẹ tôi đang đứng đợi chúng tôi. Quả là một phép lạ, Trời Phật đã cứu mạng chúng tôi. Gia đình tôi mãi mãi cảm phục và ghi ơn hành động cao cả của anh Khôi đã nhảy từ xà lan xuống để giúp đỡ nhà tôi và mẹ tôi trong cơn khốn khó. Sau này khi nói chuyện tôi mới biết là chiếc xà lan mà tôi leo lên là chuyển áp chót và chiếc xà lan mà anh Khôi, nhà tôi và mẹ tôi đi là chuyển chót.

Tàu Sgt. Miller đông nghẹt với mấy ngàn người. Tàu chật ních, chỉ có chỗ đứng hay ngồi chứ không có chỗ nằm ngả lưng. Lúc còn ở trên xà lan tôi nói với hai cháu bé là khi lên tàu chúng tôi sẽ có phòng riêng như trên các du thuyền. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy mình thật ngây thơ. Sau ba ngày lênh đênh trên biển, tàu Sgt. Miller đến Subic Bay. May là tháng năm, biển êm nên mọi người không bị say sóng. Chúng tôi tạm trú tại căn cứ Hải Quân Mỹ vài ngày rồi lên máy bay quân sự sang đảo Wake thay vì Guam, vì trại tị nạn ở Guam đã hết chỗ. Một tháng sau, chúng tôi đến trại Camp Pendleton ở California. Tại Camp Pendleton chúng tôi ở lều vài quân đội dựng trên sườn đồi. Khi cháu Tina thấy lều và ghế bố, cháu nói đây là nhà quê của chị giúp việc chứ không phải nước Mỹ mà tôi đã tả cho cháu trước đây.

Một hôm Jim Grattan ở San Clemente đến thăm trại tị nạn và nhận bảo trợ gia đình tôi. Jim, Jan cùng hai con Sean và Brian đưa chúng tôi về nhà và tận tình giúp đỡ. Người bạn cùng phố, Jim và Lynn cũng phụ với gia đình Jim Grattan bảo trợ chúng tôi. Nhà tôi trước làm ở Esso Sài Gòn nên ba tuần sau được thu dụng lại với Exxon Chemicals và gia đình chúng tôi dọn về Houston, Texas. Công ty Exxon rất tử tế, cho chúng tôi ở khách sạn Westin Galleria khi chúng tôi mới tới Houston. Khi rời Sài Gòn chúng tôi mất hết hành lý nên gia tài chỉ có một hộp carton đựng quần áo cũ xin được của Goodwill ở California. Thật là một sự tương phản cực giữa một hộp carton quần áo cũ và sự tráng lệ của khách sạn 5 sao. Trước khi rời Việt Nam tôi sắp trong túi xách tay một bộ business suit để sau này mặc đi xin việc. Nhưng trong lúc di tản hỗn loạn, tôi mất luôn cả túi xách tay. Hậu quả là tôi đến Mỹ mặc quần áo xin được của Goodwill như những người tị nạn điển hình.

Thấm thoát đã hơn 40 năm. Chúng tôi tạ ơn Trời Phật đã cứu giúp chúng tôi. Chúng tôi ghi ơn tấm lòng cao thượng của người Mỹ đã mở rộng vòng tay đón nhận chúng tôi. Chúng tôi biết ơn sự hy sinh và tình bạn cao quý của các bạn tôi.

*Lê Trọng Mưu, November 2015*

**H. Nguyễn Duy Tường, University of Western Australia**



*Tháng 11, 2015 (IDC/IDBVN, 1968-1975)*

**Trong Chiến Tranh vẫn Xây Dựng.....**

**Cương lĩnh của người lèo lái  
Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam**

**Lời mở đầu:**

*Khi xếp lớn của chúng tôi, anh Khương Hữu Điểu, Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam trước ngày 30 tháng 4, 1975, gợi ý muốn có trong tập Hồi ký của anh một chương nói về những kỷ niệm giữa anh và các cộng sự viên trong suốt quá trình làm việc với nhau tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ/Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam và yêu cầu chúng tôi đóng góp những kỷ niệm, những kinh nghiệm chúng tôi có trong thời gian làm việc tại đây.*

*Tôi ngạc nhiên một cách thích thú vì đề nghị có phần như một thách đố. Khó thấy một người xếp nào lại dẫn thân vào con đường "chôn đầy mìn" này vì nhân viên ít khi nào nói tốt về xếp, và nếu xếp có tính tốt thì thời gian đã trên 50 năm có còn ai nhớ đến những kỷ niệm tốt đẹp này không?*

*Tuy nhiên tôi tán thành đề nghị của anh vì thứ nhất chương sách khá đặc biệt này mang lại những khác lạ cho Tập Hồi Ký của anh so những tập hồi ký khác, và thứ hai là tôi cũng muốn xem những nhận định, những kỷ niệm của các anh chị em trong cùng mái nhà cơ quan giống và khác nhau như thế nào.*

*Đối với riêng tôi, không khó để tìm những kỷ niệm đầy sống động tuy trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi, chỉ có 7 năm (1968-1975) dưới trướng của anh. Những kỷ niệm này tôi khó thể quên vì chúng là một phần quan trọng trong quá trình tạo nên con người tôi sau này. Tôi suy tính có nên chọn đề tài mà xếp lớn đã bỏ nhiều thời giờ tranh đấu để các chuyên viên vẫn có thể tiếp tục xây dựng đất nước ngay trong giai đoạn chiến tranh tàn khốc nhất, hay là nên nói về chương trình đào tạo nhân viên của Ngân Hàng rất thành công qua các buổi thuyết trình hàng tuần vào những ngày thứ ba cộng thêm việc gửi nhân viên đi tu nghiệp ở nước ngoài, hay gần hơn là việc thành hình Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam cung cấp cho các công thương kỹ nghệ gia những kiến thức quản trị hiện đại nhất rất quan trọng ngay cả trong giai đoạn chiến tranh và cần yếu hơn cho thời kỳ hậu chiến.*

*Nhưng tôi không mất nhiều thời giờ chọn lựa vì đã có một đề tài liên hệ sâu xa đến cá nhân tôi, giúp tôi phân biệt được rõ ràng hơn về con người, về khả năng lãnh đạo và về sự tương giao nhân sự. Tôi chính là nhân chứng và tựa đề của bài viết này chỉ là nhắc lại kỷ niệm mà mình đã đi qua, một bài học sống.*

---

Câu chuyện có đầu đuôi rõ rệt và bắt đầu vào giữa năm 1967 sau khi tôi tốt nghiệp và đang làm việc (có tính cách thực tập thì đúng hơn) tại Bureau of Census and Statistics ở thủ đô Canberra của Úc Đại Lợi thì được điện thoại của Tòa Đại Sứ VNCH tại đây cho biết có 2 vị từ Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp tại Việt Nam ghé qua Canberra và muốn gặp tôi. Hai vị đó là phụ tá hàng đầu của ông Nguyễn Văn Hảo, Tổng Giám Đốc Ngân Hàng này. Họ muốn tôi về giúp họ vì Ngân hàng Phát Triển Nông Nghiệp (NHPTNN) đang mở hệ thống Ngân Hàng Nông thôn, cần thêm nhiều nhân viên và cả người điều hành.

Tôi đồng ý nhưng không hỏi chức vụ là gì, lương bao nhiêu hoặc những điều kiện khác ra sao, và thu xếp hồi hương khoảng ba tháng sau đó, trình diện ngay với ông Hảo. Ông tiếp tôi tại văn phòng, chào hỏi nhưng không niềm nở và vui mừng như tôi hình dung sự việc phải là như vậy. Ông cảm ơn tôi đã trở về và bàn ngay vấn đề quân dịch của tôi, một điều hoàn toàn bất ngờ, tôi chưa hề nghĩ tới và hai vị phụ tá của ông cũng không đề cập khi nói chuyện với tôi ở Canberra. Trong khi tôi băng khuâng chưa biết xử trí ra sao với chuyện bất ngờ này, ông bốc điện thoại gọi cho Đại tá Tùng, Chánh Văn phòng của tướng Bùi Đình Đạm hỏi về trường hợp những người như tôi. Cuộc điện đàm kéo dài không quá 3 phút, và sau đó ông nói với tôi là nếu tôi muốn làm ở NHPTNN thì chỉ một thời gian ngắn tôi sẽ bị gọi nhập ngũ và ngân hàng của ông không can thiệp được.

Tôi cảm ơn ông, nói sẽ cho biết quyết định của tôi sớm. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi đến với NHPTNN. Tôi không trả lời quyết định của tôi cho họ biết, vì chẳng có gì cần phải trả lời cả. Vấn đề không phải nhập ngũ hay không nhập ngũ, vì nếu sợ bị gọi nhập ngũ tôi đã không về và hành xử như một vài người quen biết hồi đó. Trong thập niên 1960 nước Úc vẫn còn theo đuổi chính sách "White Policy" chỉ chấp nhận cho người da trắng nhập cư. Những người da màu (Á châu là chính kể cả các du học sinh Á Châu) nếu muốn ở lại thì cách hay nhất là lập gia đình với người có quốc tịch Úc. Nếu tôi muốn ở lại thì cách



này cũng không khó nhưng hoàn toàn không phải là cái gì tôi muốn. Vấn đề chính là vì thái độ tiếp đón tôi cho thấy họ chẳng quan tâm đến mình. Tôi không nhìn thấy khả năng lãnh đạo trong con người đang tiếp tôi và về kỹ năng quản trị thì sự giao tế vừa qua đủ cho tôi thấy rõ tài năng. Nếu Ông Hào có thể nói với tôi với một giọng điệu khác ngoại giao hơn/ấm áp hơn đại khái như trường hợp của tôi sẽ bị gọi nhập ngũ nhưng ngân hàng ông sẽ cố gắng tranh đấu xin hoãn dịch dù cơ hội thành công không lớn lắm thì tôi có thể đã làm việc với ngân hàng này.

Không đầy một tuần sau đó, tôi nộp đơn xin việc tại Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ Việt Nam (TTKTKNVN) vì họ đang cần tuyển nhân viên. Ông Phụ Tá Hành Chánh tuổi khá cao, tiếp đón tôi rất niềm nở và nói chuyện với tôi như bố nói chuyện với con. Ông hỏi tôi khi nào muốn bắt đầu làm việc, có muốn nghỉ một hai tuần cho quen với khí hậu và sinh hoạt tại quê nhà. Tôi xin ông cho nghỉ thêm một ngày thôi. Sự việc tôi làm ở TTKTKN và sau đổi tên thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam như một định mạng. Trong những dự tính về công việc làm sau này khi trở về quê nhà, tôi không hề nghĩ đến tên nó, nhưng nó đã tới bất ngờ và trong suốt thời gian của chế độ VN Cộng Hòa nó là cơ quan duy nhất tôi phục vụ. Và cũng nhờ làm tại đây tôi đã có những sợi dây liên hệ với người mà chúng tôi giờ đây quen gọi một cách thân mật là xếp lớn, là đại xếp, là Ông Tổng, là người Anh Cả, hay Anh Hai tùy theo từng nhân viên. Bài viết ngắn dưới đây chỉ là tóm tắt những nét chính tôi biết về sự việc xếp lớn tranh đấu cho chúng tôi tạm hoãn dịch để tiếp tục những công việc cần thiết cho sự xây dựng và phát triển quốc gia ngay trong Thời chiến.

Tài xế đậu xe trước cửa lối vào cơ quan. Lúc bấy giờ là những tháng cuối năm 1968, biến cố Mậu thân tuy đã qua, nhưng hệ lụy để lại là việc gọi nhập ngũ khẩn cấp hầu hết mọi thành phần kể cả những chức vụ được đặc miễn trước đây. Danh sách được gọi bao gồm hầu hết chuyên viên của Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, và nếu không có gì thay đổi thì một là Trung Tâm phải đóng cửa hai là chỉ còn cái tên, hoạt động cầm chừng cho có lệ.

Anh đã tắt cả mấy tháng nay tranh đấu cho các chuyên viên Trung Tâm được tạm hoãn dịch để lo công việc phát triển kỹ nghệ. "Nấu cà ri gà thì dùng gà thịt chứ đừng bắt gà Nòi cho vào nồi", anh biện luận như vậy. Ngày ấy, lối ra vào Trung tâm cùng chung với cao ốc số 40 đường Nguyễn Huệ và Trung tâm chiếm toàn thể lầu một và một vài phòng lân cận. Chúng tôi, nhân viên Trung tâm đang ở lối đi, gật đầu chào anh. Anh gật đầu chào lại nhưng giữ yên lặng, nét mặt không được vui. Tôi nhìn theo anh, vẫn dáng đi tất bật, và bỗng có cảm tình với anh hơn. Tôi mới vào làm Trung Tâm được ít tháng, chưa gần anh nhiều. Anh có thể nhận ra tôi, tôi hy vọng như vậy, nhưng điều đó không quan trọng. Tôi có cảm tình hơn với anh vì trong cái nhìn của tôi, anh hành xử đúng với cương vị của một người lãnh đạo cơ quan, tranh đấu để phát triển nền kỹ nghệ nước nhà dù tình hình an ninh quốc gia ở mức độ nào, và đi đôi với sự tranh đấu ở mức độ cao, các nhân viên của anh cảm nhận được là anh đang tranh đấu cho chính họ. Nhưng cặp mắt khá mệt mỏi của anh và qua dáng đi của anh tôi biết anh còn phải đi thêm một đoạn đường dài, vất vả hơn nữa. Chúng tôi nhìn nhau lặng lẽ, tất cả đều nằm trong lứa tuổi sẽ được gọi nhập ngũ tuy trong đám chuyên viên trẻ gặp anh hôm đó chưa ai có gia đình.

Sự tranh đấu kiên trì của anh cuối cùng cũng đạt kết quả tốt cho cơ quan nói chung và cho riêng từng cá nhân chúng tôi vì đến khoảng đầu năm 1969, Bộ Kinh Tế (cơ quan chủ quản của TTKTKN) nhận được một sắc lệnh gì đó của Thủ Tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm cho phép chuyên viên của Bộ lên đường tham dự huấn luyện quân sự 9 tuần qua các khóa 3, 4 và 5/69 và sau khi tốt nghiệp được trở về phục vụ tại nhiệm sở cũ vì là chuyên viên tối cần thiết cho nền kinh tế quốc gia. Tôi nhớ mãi cụm từ "chuyên viên tối cần thiết cho nền kinh tế quốc gia", cảm thấy ấm cúng và hãnh diện dù biết rằng cái mình hãnh diện đúng là "thầy sang bắt quàng làm họ" vì trong danh sách những chuyên viên đi thụ huấn quân sự 9 tuần và trở về nhiệm sở cũ, tôi thuộc nhóm trẻ nhất và hạng bét nhất. Trong giai đoạn chiến tranh khốc liệt vẫn cần người lo việc phát triển kinh tế quốc gia. Lãnh đạo có cái nhìn xa như vậy nên các sinh viên/chuyên viên được gửi ra nước ngoài du học hay huấn luyện thêm phần đông vẫn trở lại làm việc tại quê nhà dù tình hình chiến sự ra sao.

Đám gà nòi của anh lần lượt lên đường thụ huấn quân sự rồi cùng lục tục trở về lại cơ quan tiếp tục công việc phát triển nền kỹ nghệ nước nhà. Thời gian trôi qua, vui có buồn có nhưng đáng đi tất bật của anh, nét mặt đăm chiêu và cặp mắt nặng trĩu sau những lần họp tại Nha Động viên trở về đã gây cho tôi một ấn tượng tốt về anh. Gần 50 năm đã trôi qua nhưng ấn tượng tốt đẹp này về anh vẫn còn nguyên vẹn trong tôi.

Sau này khi gần gũi với anh hơn, anh kể lại là trong một lần họp với Bộ Quốc Phòng và xếp của Nha Động viên là Thiếu tướng Bùi Đình Đạm, anh nhìn thẳng TT Đạm và nói "Ở Việt Nam không ai cấm nấu cà ri gà, nhưng nếu có nấu thì dùng gà thịt chứ đừng bắt gà Nòi cho vào nồi. Tôi xin giải thích là ở quốc gia đang phát triển như chúng ta, số học sinh tốt nghiệp Tú tài hai vẫn còn rất ít. Tôi so sánh họ như gà Nòi tốt có thể nuôi dưỡng thành gà đá độ. Phú Thọ sẽ rèn luyện họ thêm 4 năm nữa thành Kỹ sư, thành gà Nòi có thể đá độ được. Số này lại càng ít hơn. Chúng ta không nên bắt gà Nòi nấu cà ri uống lắm. Phải để những gà Nòi này lo việc phát triển kinh tế quốc gia."

Có thể có thêm những yếu tố khác đưa đến quyết định tạm hoãn dịch cho các chuyên viên chúng tôi, nhưng lời phát biểu của anh "Nấu cà ri gà thì dùng gà thịt chứ đừng nấu gà Nòi" chắc chắn tạo một ảnh hưởng không nhỏ vì những dẫn chứng khá cụ thể qua ngôn ngữ sử dụng trong sắc lệnh của Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm cho phép đám chuyên viên chúng tôi được trở về nhiệm sở cũ tiếp tục công việc phát triển quốc gia.

**Nguyễn Duy Tường**  
**Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ**  
**Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam**  
**1968-1975**

## I. Phí Minh Tâm, MIT



Ngày 25 tháng 11, 2015, San Francisco, CA

### Vài Chuyện Ghi Nhớ Về Anh Khương Hữu Điều

Khi anh Điều bảo tôi viết vài hàng để kèm vào hồi ký của anh, tôi lúng túng vì không nhớ nhiều về chuyện cũ, nhất là những chuyện trước năm 1975.

Trước 1975, anh Điều là cấp chỉ huy của hầu hết anh em chúng tôi. Trong công việc anh là người kỹ lưỡng, nhưng thẳng thắn, liêm chính và tốt bụng... Chúng tôi kính trọng và xem anh như bậc đàn anh đáng kính của mình mặc dù lúc đó chúng tôi không gần gũi, thân thiết với anh nhiều như bây giờ. Hầu hết những lần gặp anh Điều là để bàn công việc hay có liên quan đến công vụ. Trong kí ức của tôi, tôi nhớ chưa có một lần nào mời anh đi ăn cơm, tặng anh một món quà hay đến thăm xã giao tại nhà riêng của anh ở số 11 đường Kỳ Đồng. Tuy nhiên không vì thế mà tôi cảm thấy bị anh "đi" hay đối xử tệ. Ngược lại, trong vài trường hợp, tôi còn được anh khuyến khích, che chở khi bị người khác hiếp đáp, giúp phương tiện để hoàn tất công việc... Nhờ đó tôi có cơ hội phát triển và thăng tiến sự nghiệp của bản thân.

Trong cuộc đời của mỗi con người, gặp gỡ, quen biết, cùng làm việc chung với nhau đã là duyên phận may mắn. Với tôi nhân duyên đặc biệt đó lại đến 2 lần khi, sau biến cố năm 1975, tôi gặp lại anh Điều trong một lần đi xin việc ở Mỹ. Lần gặp định mệnh này cũng là cơ hội cho tôi biết về anh nhiều hơn như một người bạn thay vì cấp chỉ huy. Chuyện là như thế này: Năm 1981, hai tháng sau khi đặt chân đến nước Mỹ từ trại tỵ nạn, tôi được công ty Bechtel Petroleum Inc., San Francisco gọi phỏng vấn việc làm. Kết thúc buổi phỏng vấn lần 2, ông George Triantaphyllos (Manager of Project Engineering) mời tôi ăn cơm trưa tại một nhà hàng khá sang trọng. Sau đó tôi quay trở lại văn phòng công ty để đợi xe bus đưa ra phi trường về Orange County. Khi đi ngang thư viện của công ty, ông Triantaphyllos bảo tôi chờ ở đó, ông sẽ cho tôi gặp một người. Khoảng 10 phút sau, tôi thật không tin nổi vào



mắt mình khi nhìn thấy anh Điếu bước vào phòng và anh Điếu cũng ngạc nhiên không kém khi trông thấy tôi ở đây. Tha phương gặp cố nhân, khỏi phải nói vào cái giây phút đó chúng tôi vừa mừng rỡ vừa xúc động mạnh như thế nào khi mà chỉ trước đó vài phút chẳng ai trong chúng tôi lại có thể nghĩ rằng sẽ có ngày gặp lại nhau trong hoàn cảnh này. Chúng tôi có ít hơn một giờ để nói chuyện. Tôi không nhớ đã nói gì với anh Điếu trong khi, như thường lệ, anh khuyên nhủ tôi về cách xử trí với công việc sắp tới mà tôi linh cảm mình sẽ được nhận vào làm việc cho công ty Bechtel.

Vài ngày sau, tôi nhận được thư mời hợp tác của Bechtel và tôi bắt đầu đi làm việc sau ngày lễ Lao Động Mỹ. Một tuần trước khi đi làm, vợ chồng tôi lên San Francisco để lo tìm và thuê nhà. Ở Mỹ thuê được chỗ để tiện đi làm không dễ chút nào nhất là với những người tỵ nạn chưa có good credit như chúng tôi. Đã gần hết một tuần mà cũng chưa tìm được nơi ở thích hợp. May thời lúc đó anh Điếu cho biết nhà của anh chị có một in-law apartment ở tầng trệt còn để trống, tạm thời chúng tôi cứ dọn đến ở cho đến khi tìm được chỗ khác. Kể từ ngày hôm đó chúng tôi được sống dưới mái nhà ấm áp và tràn đầy tình thân của anh chị Điếu. Mỗi sáng, tôi đi làm chung với anh Điếu và chiều về cũng đi chung với anh. Chuyện gì cũng được anh hướng dẫn và giúp đỡ, nên việc hội nhập vào xã hội mới của tôi rất ư là suôn sẻ.



*Ngày sinh nhật các con đi ăn*

Anh chị Điếu không chịu nhận tiền thuê nhà mà chỉ bằng lòng cho vợ chồng tôi góp phân nửa chi phí điện nước. Anh chị còn khuyên nên để dành dụm ít tiền mỗi tháng để sớm có tiền đặt cọc mua nhà. Mặc dù nhà anh chị Điếu có lò sưởi khí đốt hoạt động tốt, mùa đông đầu tiên ở nước Mỹ thật lạnh lẽo với chúng tôi. Vì vậy vợ chồng tôi bàn nhau mua thêm một lò sưởi điện, để chạy ngày đêm cho ấm áp. Tôi đâu biết là giá đơn vị nhiệt từ điện đắt hơn gấp nhiều lần so với giá từ khí đốt. Do đó chi phí điện khí của nhà trong tháng 12/1981 từ

vài mươi đồng nhảy vọt lên cả trăm đồng. Tôi hiểu ngay lý do và đề nghị trả hết tiền điện tháng đó, nhưng anh chị Điều lại không chịu mà chỉ nhận phân nửa như trước. Đương nhiên là sau đó, chúng tôi mặc áo dày hơn và thỉnh thoảng mới bật lò sưởi điện.

Những ngày cuối tuần hai gia đình thường ăn cơm chung cho vui. Cuối tuần, anh chị Điều rất thích đi chơi dã ngoại, đi về trong ngày. Những lần đi như vậy luôn có vợ chồng tôi tháp tùng. Ngày lễ có weekend dài chúng tôi cùng đi cắm trại ở xa hơn. Nhờ anh chị Điều mà tôi thêm yêu thiên nhiên và học được cách sống ngoài thiên nhiên thật thú vị. Cắm trại ngoài thiên nhiên, đôi khi trong lúc trời mưa gió, chúng tôi vẫn cùng đi chợ mua thức ăn tươi về nấu ăn chung với nhau. Đi biển thì hấp sò với bia Heineken, ăn uống ngay tại bãi biển. Ăn ngoài trời với chén đĩa sành thay vì chén đĩa giấy. Uống rượu trong ly thủy tinh đem theo từ nhà... Tôi thích nhất là món paté và cocktail rượu vang ngâm nhiều thứ trái cây của anh Điều. Thời đó tôi chưa ăn chay trường. Chỉ sau khi quy y và thọ giới vào tháng 8 năm 2002, tôi mới không còn ăn thịt cá và uống rượu bia. Tôi đổ bỏ tất cả rượu đang có trong nhà, trừ chai Dom Pérignon mà tôi mua với mục đích làm quà sinh nhật anh Điều. Tôi không hề hối tiếc là không được cùng anh Điều uống chai rượu đó. Bây giờ thì tôi chỉ còn nhớ salad và dressing của chị Marie mà thôi.

Anh Điều rất có uy với người lớn thì chúng ta ai cũng thấy rõ rồi nhưng với trẻ con thì chắc là không phải ai cũng biết. Lần đó, trong một chuyến cắm trại trên bờ hồ Siskiyou, trong khi người lớn còn bận lo dựng lều, cháu trai đầu lòng gần một tuổi của vợ chồng tôi bị bỏ trong play pen la khóc om sòm. Thấy không ai chạy lại dỗ dành hay bế cháu, anh Điều bèn đi đến gần play pen và thật kì lạ không biết anh đã nói gì với cháu mà cháu nín khóc ngay lập tức và bắt đầu chơi một mình. Bây giờ cháu đã 31 tuổi khi nghe tôi nhắc lại chuyện này cháu rất vui. Vào ngày ăn mừng sinh nhật lần thứ 85 của anh Điều hồi năm ngoái, tôi đang ở Florida, cháu đã thay mặt tôi tham dự và mừng Thọ bác Điều với một chai rượu vang Ý. Khi tôi kể lại cho cháu nghe về khoảng thời gian ở nhà bác Điều, cháu kết luận đơn giản: "thì ra bác Điều đã giúp Ba mua nhà!"

Trong đời tôi chưa thấy ai lạc quan và nhìn sự việc rủi ro theo chiều hướng tích cực như anh Điều. Chuyện xảy ra ngày hôm đó và những câu nói của anh vẫn làm tôi nhớ mãi đến hôm nay. Số là sáng hôm đó, anh và tôi đang trên xe bus đến sở làm, đột nhiên anh quay lại nói với tôi bằng một giọng nói hoảng hốt rằng: "*Anh Tâm ơi! tôi bị mất cái bóp.*" Trong khi tôi còn đang lo lắng dùm cho anh và hỏi anh có biết mất khi nào và ở đâu không thì anh lại nói ngay: "*Thôi vật đi thay người*" và suốt chặng đường đến nơi làm việc anh không nhắc đến chuyện này nữa. Ngày hôm sau anh vui vẻ cho tôi biết đã tìm được cái bóp rơi ở đầu giường và cho là mình thật may mắn chưa tới số mất của. Để ăn mừng việc tìm thấy lại cái bóp mà quan trọng nhất là không mất mẫu giấy mà anh cắt từ báo Extreme Orient năm 1960 có ghi 16 điều khuyên về cách Sống Mạnh Khỏe, anh Điều đãi tôi ăn trưa.

Căn phòng mà vợ chồng tôi đang ở trước đó anh Điều cũng đã cho một cặp vợ chồng trẻ tị nạn ở nhờ, sau đó họ mua được nhà nên dọn đi. Sau gần một năm sống ở nhà anh chị Điều, chúng tôi quyết định dọn đi để nhường chỗ cho gia đình tị nạn khác sắp đến. Ít lâu sau, vợ

chồng tôi cũng mua được nhà ở Richmond cách nhà anh chị Điếu một giờ lái xe. Dù chỉ sống chung dưới một mái nhà chưa đầy năm cùng với anh chị Điếu nhưng khoảng thời gian đó cuộc sống của vợ chồng tôi thật vô cùng hạnh phúc và đầy ắp tiếng cười. Tình đồng nghiệp, tình bạn bè, tình yêu thương gia đình cùng hòa quyện vào nhau tạo cho cuộc sống của chúng tôi thêm hương vị và ý nghĩa. Hiện nay tôi vẫn thường liên lạc với anh Điếu qua điện thoại và anh cũng hay hỏi ý kiến tôi về những chuyện con con làm tôi có cảm tưởng như anh tin tưởng tôi chân thành. Anh bảo tôi dịch bài thơ tiếng Anh dưới đây ra tiếng Việt và kèm theo bài viết của tôi. Tôi không biết ai làm tặng anh Điếu bài thơ này.

Nếu lần đầu tiên gặp anh Điếu ở Việt Nam là nhân duyên tốt cho công danh và sự nghiệp của tôi, thì lần gặp lại anh Điếu ở Mỹ cũng ảnh hưởng đến nhân sinh quan và cuộc sống của tôi cho đến ngày hôm nay.

*Phí Minh Tâm  
Ngày 15-10-2016*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>HEAVEN</p> <p>Last night while I lay sleeping,<br/>I died or so it seems.<br/>Then I went to Heaven<br/>But t'was only in my dreams.</p> <p>But, it seems St. Peter met me,<br/>there at the Pearly Gate.<br/>He said, "I must check your record<br/>So stand right here and wait.</p> <p>I see, you drank whiskey,<br/>and used tobacco, too.<br/>Fact is you've done everything<br/>that a good person shouldn't do.</p> <p>We can't have people like you up here,<br/>Your life was full of sin.<br/>Then he read the last of my record,<br/>He then grasped my hand and said, "Come in."</p> <p>He took me up to the Big Boss,<br/>Said, "Take him in and treat him well."<br/>He worked for IDB, Sir.<br/>He's had his share of hell.</p> | <p>Thiên Đường</p> <p>Tối qua trong giấc ngủ<br/>Tôi thấy mình đã chết<br/>Rồi đến được Thiên Đường<br/>Dù chỉ giấc mơ thôi.</p> <p>Thánh Phê Rô gặp tôi<br/>Ở ngưỡng cửa Thiên Đường<br/>"Người hãy đứng chờ đây!<br/>Ta cần xét phước tội."</p> <p>"Hừ! Người thích rượu mạnh.<br/>Hút thuốc lá liên miên.<br/>Người làm đủ mọi điều<br/>Mà người hiền không phạm."</p> <p>"Ta không thể nhận người,<br/>Cuộc sống đầy tội lỗi."<br/>Rồi đọc đến điều cuối,<br/>Nắm tay tôi, ông bảo:<br/>"Vào đi!"</p> <p>Ông đưa tôi gặp Chúa.<br/>"Xin biệt đãi người này<br/>Hắn làm Ai Đi Bi (IDB)<br/>Đã từng biết địa ngục."</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



**J. HUỖNH HỮU HÂN, Monash University, Melbourne, Australia**

-Tháng 11-1968 - Tôi từ New Zealand (Tân Tây Lan) về nước, được tuyển dụng vào Sở Nghiên cứu và Huấn-Luyện để hợp tác với Bùi Hồng Cẩm và Lê Quang Long tổ chức Chương Trình Huấn Luyện Tại Việc (Training Within Industry). Tôi không tiên đoán được là toàn bộ Chương Trình Huấn Luyện Quản Trị Xí Nghiệp của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ đã trở thành tiền thân của Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam và Viện Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam trong một thời gian kỷ lục.

-1969-1970 - Sau thời gian thụ huấn tại Trường Huấn Luyện Sĩ Quan Thủ Đức/Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi được biệt phái về Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, và được chọn đi Nhật Bản để tham dự Chương Trình Huấn Luyện Tự Động Hóa với Sản Phẩm Thấp của Tổ Chức Năng Suất Á Châu. Nhờ vậy, tôi được thêm kiến thức về sinh hoạt kỹ nghệ tân tiến rất hữu ích cho việc phát triển kỹ nghệ Việt Nam. Tại thời điểm này, nhu cầu phát triển kỹ nghệ rất là khẩn thiết.



*Dec 4, 2015*

-1972 - Tôi được giao trách nhiệm hướng dẫn một phái đoàn công kỹ nghệ gia đi thăm viếng Đài Loan và Nhật Bản để quan sát tại chỗ các hoạt động kỹ nghệ với năng suất cao và kỹ thuật tân tiến, với sự hỗ trợ của Tổ Chức Năng Suất Á Châu.

-1973 - Để xúc tiến chương trình huấn luyện quản trị xí nghiệp, tôi được tham dự Hội Thảo Quản Trị Xí Nghiệp Quốc Tế tại New Delhi, đại diện cho Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam.

## Đông *gặp* Tây

-1974 - Tôi được biệt phái sang Bộ Thương Mại và Công Kỹ Nghệ để làm việc với các Anh Nguyễn Đức Cường và Nguyễn Đăng Khôi. Anh Nguyễn Đức Cường đặc trách cho tôi hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị Khu Chế Xuất, do Anh Lê Trọng Mười điều hành. Cũng trong thời điểm này, Anh Trần Văn Khởi xúc tiến việc khai thác dầu hỏa trên thềm lục địa Việt Nam, điều hành Tổng Cuộc Phát Triển Dầu Hỏa và Khoáng Sản.

-Tháng 4-1975 - Người Việt Nam ta có câu “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.” Đến giờ phút này, một số anh chị em nhóm Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ đành phải giã từ vũ khí, nhưng không khỏi ngậm ngùi.

Nhìn lại những hoạt động mà tôi đã được giao phó, tôi rất cảm ơn Anh Điếu đã tận lực hướng dẫn, tạo cơ hội và đốc thúc nhóm thành viên của Anh, về phương diện chức nghiệp cũng như về phương diện bản thân. Tôi rất mong chúng ta vẫn tiếp tục giữ vững mối liên hệ này, mặc dù mỗi người một nẻo.

### **K. Nguyễn Hữu Thư, Laval University**



## **VÀI DÒNG TẢN MẠN VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ ... NĂM XƯA**

Ông Tổng Giám Đốc thuộc một gia đình nổi tiếng tại Mỹ Tho, ông rất nghiêm, ít cười và nóng tính – đám nhân viên trẻ tụi tôi thấy ông la ... người khác mà sợ xanh mặt.

Hàng tuần vào ngày thứ ba – tụi tôi gọi là ngày THỨ BA KINH HOÀNG – Tổng Giám Đốc bắt mỗi chuyên viên phải chọn một đề tài liên quan đến lĩnh vực mình làm việc để thuyết trình trước Ban Giám đốc, lãnh đạo các Sở/Phòng và các chuyên viên khác – để xem chuyên viên này am hiểu lĩnh vực mình làm đến mức độ nào.

Tổng Giám Đốc nói: "Làm ngân hàng... mà không am hiểu rành rẽ về lĩnh vực mình cho vay... thì làm sao cho vay có hiệu quả được" – ví dụ như người cho vay về ngành MAY MẶC... thì phải tìm hiểu kỹ về NGÀNH MAY MẶC – những điểm thuận lợi và không thuận lợi khi cho vay các doanh nghiệp trong ngành này...

Sau khi thuyết trình là tới phiên Tổng Giám Đốc "quay" người thuyết trình về một số nội dung trong bài thuyết trình – nếu trả lời không trúng... thì sẽ bị quay tới tấp ngay... kể cả việc lên thuyết trình... mà gãi đầu, đứng quay lưng lại người nghe ... cũng bị nhắc nhở "mạnh", vì vậy đám mới ra trường như tụi tôi sợ tới ngày thứ ba hàng tuần lắm... thấy bạn mình bị "quay như dế"... thì chắc tới phiên mình không chừng còn bị te tua hơn.

Tụi tôi luôn nhớ đỉnh điểm của việc này là có một anh bạn lựa chọn thuyết trình đề tài KỸ NGHỆ ĐƯỜNG MÍA TẠI VIỆT NAM... vì anh này đang cho vay một số nhà máy đường. Khỏi nói là anh bạn phải chuẩn bị kỹ lưỡng tất cả những gì cần phải thuyết trình về lĩnh vực này rồi.

Cuối bài thuyết trình Tổng Giám đốc nói: "Tôi chỉ hỏi anh một câu thôi ... là biết anh có nắm vững về ngành chế biến đường mía... hay không. Anh cho biết NƠI NÀO Ở MIỀN NAM CÓ NĂNG SUẤT TRỒNG MÍA CAO NHẤT?"

Tôi không nhớ rõ là anh bạn trả lời là ở địa phương nào chỉ nhớ là SAI (hình như anh này nói là Tây Ninh... nhưng câu trả lời của TGD... là Quảng Ngãi vào thời điểm 1970)... thế là Tổng Giám đốc quát cho một trận ra trò... và lúc đó tụi tôi mới nhớ ra... Xếp lớn xuất thân là Giám đốc kỹ thuật nhà máy ĐƯỜNG HIỆP HÒA. Thế là... một bài học kinh nghiệm được tụi tôi rút ra là CẦN PHẢI TRÁNH NHỮNG ĐỀ TÀI... MÀ TỔNG GIÁM ĐỐC BIẾT RẤT RÕ. Nhờ vậy... tới phiên tôi thuyết trình... tôi chọn đề tài... TRIỂN VỌNG KỸ NGHỆ LỘC DẦU HỎA TẠI VIỆT NAM – vào thời điểm 1970 có tin là có thể tìm được dầu hỏa tại thềm lục địa của Việt Nam.

Nhưng lần nào cũng vậy, tụi tôi có quới nhơn phù hộ là ông Phó Tổng Giám Đốc... ông này lại rất hiền tuy có cái tên không hiền chút nào... đó là Lâm Hồ. Ông luôn "nói giùm" cho bọn trẻ tụi tôi... làm giảm đi cơn nóng của TGD.

Tuy chức danh là Phó TGD ... nhưng hầu như là ông làm hết tất cả những việc QUẢN LÝ



ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG VỀ MẶT ĐỐI NỘI (cho ý kiến về các hồ sơ vay... trước khi trình Tổng giám đốc quyết định, xem xét việc tuyển dụng nhân viên mới... và nhất là phối hợp hoạt động của các bộ phận khác nhau trong ngân hàng...) còn Tổng Giám đốc... thì hầu như lo việc đối ngoại, hội họp với các vị lãnh đạo các cơ quan, ngành khác... tiếp khách nước ngoài... hay là đi dự tiệc. Tụi tôi ít khi nào gặp được Tổng Giám Đốc lắm... trừ ngày thứ ba “kinh hoàng” hàng tuần – mà chỉ thường xuyên được gặp ông Phó Tổng Giám đốc... hiền hòa, hay ân cần hỏi thăm... giúp đỡ mọi người.

Ông chính là cây CẦU NỐI HIỆU QUẢ giữa nhân viên chúng tôi và Tổng Giám Đốc... trong tất cả mọi việc có liên quan đến ngân hàng – có những điều chúng tôi không dám nói với Tổng Giám Đốc nhưng rất mạnh dạn nói với ông Phó vì ông này thường xuyên đi đánh tennis với tụi tôi hay là trong NHỮNG BUỔI TIỆC CƯỚI, HỌP MẶT (ông TGD thì ít khi tham dự tiệc cưới của nhân viên)... nhất là nhà của ông cũng ở trong cư xá ngân hàng (đối diện với nhà của tôi ở trước đây).

Vài lời thân mật xin được chia sẻ cùng các bạn.

Thân mến.

NHTHƯ

PS: Từ trong thâm tâm tôi và các anh chị em IDB vẫn luôn kính trọng và nhớ ơn ông Tổng rất nhiều vì đã giúp anh em chúng tôi học hỏi kiến thức và trưởng thành rất nhiều.

**L. NGUYỄN VĂN CHÂU**    **Saigon University,**  
**University of Southern California**



***Môi trường năng động, linh động và trẻ***

Đang làm việc nơi Tổng Nha Thuế Vụ thuộc Bộ Tài Chánh sau khi tốt nghiệp trường Luật Sài Gòn năm 1966, tôi được dịp tham dự một buổi hội thảo về Phát triển Kỹ nghệ Việt Nam do Trung Tâm Phát Triển Kỹ Nghệ tổ chức hồi đầu háng 3 năm 1967.

Thuyết trình đoàn gồm các vị : GS Denis Nguyễn Phước Du, Lâm Hồ, và Đặng Đức Tư, tất cả là chuyên viên trẻ, phụ tá ông Khương Hữu Điều đương kiêm Tổng Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ, sau đổi là Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam. Tất cả làm việc rất tốt, trình bày rõ ràng, súc tích, đặc biệt là khi số tham dự viên quá đông, hai vị Lâm Hồ và Đặng Đức Tư, dù đang là chủ tọa đoàn, không ra lệnh, tự động, hai anh chạy đi tìm mang thêm ghế ngồi và phân phát tài liệu cho những người đang đứng nghe thuyết trình.

Quá nhiều ấn tượng tốt, tôi đã chia sẻ với ông Chánh Sự Vụ Nha Thuế Vụ Trục Thâu về những cảm nghĩ và ngưỡng mộ của tôi về tính năng động và hữu ích của cuộc hội thảo trên. Có lẽ đoán được phần nào dự định của kẻ mới tốt nghiệp và làm việc chưa được một năm, ông đã khuyên: «anh cố làm việc tốt thêm một thời gian nữa, khi được một năm, có thể sẽ bổ anh đi Ty Thuế Vụ, khi đó anh tha hồ thi thố tính năng động của tuổi trẻ».

Phân tích so sánh sự hoạt động cùng hướng đi của hai định chế : Tổng Nha Thuế Vụ lúc đó đang được điều khiển bởi đa số các vị đốc phủ sứ đáng kính trọng nhưng rất bảo thủ, và định chế TTKTKN được dẫn dắt bởi các chuyên viên trẻ có tinh thần rất trẻ trung và năng động.

Tôi đã quyết tâm tìm đường xin gia nhập và được OK gia nhập vào đoàn chuyên viên trẻ của TTKTKN, hội viên Tổ Chức Năng Suất Á Châu (APO) được hướng dẫn bởi Anh Khương Hữu Điều.

*Nguyễn Văn Châu*  
*09/15/2015*

**M. LÂM HỒ, Georgetown University**

Tôi đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhứt vào ngày 8 tháng 12, năm 1964. Tôi nhìn thấy nhiều thay đổi sau thời gian vắng bóng Sài Gòn khoảng gần sáu năm. Đường sá càng nhiều xe cộ, xe gắn máy cùng những chuyên chở công cộng khác.

Sau khi nghỉ vài ngày, tôi tiếp xúc với Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN) vài ngày trước lễ Giáng Sinh. TTKTKN là cơ quan đã tuyển dụng tôi làm chuyên viên tài chánh thuộc Sở Tín Dụng và Đầu Tư. Nhiệm vụ của TTKTKN là tài trợ và giúp đỡ kỹ thuật. Nhiệm vụ chánh của tôi là cứu xét các hồ sơ tín dụng. Trừ một số nhỏ, phần lớn các cơ sở kỹ nghệ nằm tại Sài Gòn và các vùng lân cận. Thỉnh thoảng chúng tôi viếng các xưởng xin cấp tín

dụng ở những tỉnh miền Nam. Tình hình an ninh lúc ấy tương đối khá. Nếu có đi công tác, chúng tôi sáng đi chiều về, và nếu cần thì ngủ qua đêm tại một thị trấn gần đó.



Có một lần chúng tôi đã thất hẹn với anh tài xế chúng tôi khi trời sắp tối. Theo như đã hẹn, anh tài xế sẽ gặp chúng tôi bên kia bờ sông để đưa chúng tôi đến nghỉ đêm tại một thị trấn gần đó. Tôi cùng một anh bạn đồng nghiệp, một kỹ sư thuộc Sở Năng Suất, phải vất vả lắm mới lấy được chuyến đò Vàm Cống cuối cùng trong ngày vì vị trí của cơ xưởng thăm viếng nằm xa hơn vị trí chúng tôi tưởng. Vì trời sắp tối rồi mà không thấy bóng dáng chúng tôi nên anh rất lo sợ. Tôi không bao giờ quên được gương mặt hớn hỏ vui mừng khi anh thấy chúng tôi leo lên bờ.

Lúc ấy muốn đi từ Sài Gòn xuống Cần Thơ thì phải qua hai chuyến đò (bắc Mỹ Thuận và bắc Vàm Cống), bây giờ là cầu Mỹ Thuận và cầu Cần Thơ, thường bị kẹt xe phải mất cả ngày trường. Anh tài xế nói lại rằng rất lo âu khi không thấy chúng tôi trên mấy chuyến đò trước. Anh không hết cầu Trời lo lắng cho chúng tôi rất nhiều vì vùng chúng tôi viếng thiếu an ninh.

Tôi gặp Anh Giám Đốc lần đầu trong cuộc họp ban lãnh đạo Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ (TTKTKN) vào đầu năm 1965 khi Anh vào Trung Tâm bàn giao với ông Bửu Hoan, cựu Giám đốc Trung Tâm. Ông Bửu Hoan vừa được đề cử làm Giám Đốc đại diện cho Chánh Phủ Việt Nam cạnh Ngân Hàng Phát Triển Á Châu tại Manila, Phi Luật Tân. Lúc ấy, tôi cũng như các Chánh Sở đồng nghiệp rất lo âu về sự thay đổi này.



Có lẽ hiểu rõ tình trạng này và để trấn an mọi người, anh Điều, tân Giám đốc, thành thật kêu gọi sự giúp đỡ và cộng tác của mọi người cùng tiếp tục hoạt động mạnh mẽ theo vai trò nhiệm vụ của Trung Tâm. Riêng phần Anh, Anh sẽ yểm trợ giúp đỡ và góp thêm phương tiện để hoàn thành mục đích. Thời gian qua đã chứng minh điều này.

Theo gương lãnh đạo của Anh Điều cùng với sự hướng dẫn của Ban Cố Vấn hùng hậu kể cả cố vấn Tiến sĩ Nguyễn Phước Du, chúng tôi cố gắng điều hành TTKTKN/NHPTKN suôn sẻ nhất là trong khoảng thời gian Anh Điều nhận lãnh thêm trách nhiệm ở Bộ Kinh Tế. Mặc dù rất bận đương đầu với khó khăn lúc bấy giờ, Anh vẫn liên lạc thường xuyên với chúng tôi, theo dõi việc điều hành của TTKTKN/NHPTKN như một người anh cả trong đại gia đình.

Sự lãnh đạo mạnh không ngừng của Anh đã đem lại sự trưởng thành cho TTKTKN thành một Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (NHPTKN) vào năm 1972. NHPTKN không ngừng tiếp tục củng cố hoạt động nội bộ và đối ngoại nói chung để trở nên một ngân hàng phát triển thật sự có tầm vóc quốc tế vào năm 1975.

Ngoài ra Anh TGD đã giúp một số anh em đồng nghiệp trẻ thành lập những cơ quan hạ tầng cơ sở thiết yếu theo đường lối các quốc gia phát triển. Những tổ chức sau đây được thành lập : Viện Định Chuẩn, Tổng Cục Phát Triển Đầu Tư, Tổng Cục Dầu Hỏa, Khu Chế Xuất... với sự giúp đỡ tài chánh hay cổ vũ của người anh lãnh đạo.

Rất tiếc vì biến cố Tháng tư, 1975, những chương trình xây dựng cơ cấu căn bản kinh tế thành lập trong khoảng vài năm trước đó phải tạm ngưng hoạt động. Rồi sau đó ít lâu, vì lợi ích phát triển kinh tế, nhà cầm quyền đương thời vẫn phải tiếp tục các công tác do chúng ta khởi xướng trước kia. Chúng ta hãnh diện thấy những sáng kiến đưa ra là đúng và những nỗ lực đóng góp xưa kia không phải là vô ích.

Kinh nghiệm thâm thập được của 10 năm sát cánh cộng tác đặc lực với Anh Điều với tính cách Phó Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và Phó Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ đã giúp tôi tìm được việc làm tại JPMorgan cho đến khi hưu trí vào năm 2002.

Vợ chồng chúng tôi rất cảm kích sự có mặt của Anh Điều đến tham dự đám cưới của con gái chúng tôi vào tháng 7 năm 1999. Đó là một trong những ngày vui nhất trong đời chúng tôi. Anh Điều cùng Bác sĩ Huởn, một trong những bạn thân nhất của Anh, đã lấy xe lửa Amtrak đến Chicago (vì lẽ anh không thích bay).

Tôi xin trích lại nguyên văn đoạn diễn văn của Anh chúc đôi tân hôn hôm ấy. Diễn văn này rất có duyên đem lại những tràng pháo tay vui vẻ trong buổi tiệc cưới. Sau 25 năm, Anh Điều vẫn tiếp tục vai trò vừa thầy vừa cố vấn xưa kia, nay với tính cách là Bác, chúc cho con gái chúng tôi và chú rể những lời chúc như sau :

« Đến từ Ca-li tôi thấy gần đây các bạn trẻ có khuynh hướng chúc đôi tân hôn như vậy :

Đông gặp Tây

«Satisfaction garantie ... Joint Account... No Refund ... No Return»

Riêng tôi, cựu thể hệ già, tôi xin chúc Thanh Phương và Tony lời chúc xưa ở Miền Nam Việt Nam :

"Tôi chúc:

***Đồng vợ đồng chồng tát Biển Đông cũng cạn.***

Tạm dịch Anh văn như sau:

***A couple in harmony can empty the South China Sea.***

**N. Nguyễn Đăng Khôi, Đại Học Purdue (1963)  
Đại Học Stanford (1965)**



### **1. Cơ Duyên Với Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (IDB)**

Ở đời nhiều việc xảy ra hình như do cơ duyên tiền định. Con đường nghề nghiệp của tôi tại Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam (IDB) bắt đầu một cách hết sức bất ngờ. Tháng 4 năm 1965, tôi vừa tốt nghiệp Cao Học Kỹ Sư tại Trường Đại Học Stanford, Tiểu Bang California, Hoa Kỳ, thì Bộ Quốc Gia Giáo Dục, viện nhu cầu công vụ cấp bách, đã gửi văn thư ra lệnh cho tôi phải cấp tốc hồi hương để nhận công tác giảng dạy tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật. Trên đường về nước, tôi được ghé Trường Đại Học Philippines ở Manila để

quan sát phương thức đào tạo kỹ sư tại đây. Con đường sự nghiệp của tôi hầu như đã được gắn bó với công việc giảng huấn, với mục tiêu đào tạo các kỹ sư cần thiết cho một quốc gia trẻ trên đường phát triển. Tôi nghĩ đó là một mục tiêu cao đẹp và sẵn sàng làm hết sức mình để chu toàn nhiệm vụ.

Do đó vừa chân ướt chân ráo về tới nhà tôi đã hăng hái tới trình diện tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật để nhận công tác. Nhưng sự việc xảy ra đã không giống như tôi chờ đợi. Ông Giám Đốc Trường Điện không những không hay biết gì về văn thư của Bộ QGGD chỉ định tôi về phục vụ tại trường mà sự tiếp đón lạnh nhạt của ông không hề phản ánh một nhu cầu cấp bách về nhân viên giảng huấn. Ông không nói nhiều, chỉ đưa cho tôi một mẫu đơn xin việc, bảo về nhà điền rồi mang đến nộp; sáu tháng sau nếu được chấp thuận thì sẽ có sự vụ lệnh bổ nhiệm. Tôi có cảm tưởng như người vừa bị mắc lừa. Tôi đâu có cần đến đây xin việc làm? Ở Mỹ tôi đang được trả lương Research Assistant để theo học chương trình Tiến Sĩ của trường Đại Học Stanford, một Đại Học nổi tiếng trên thế giới mà không tốn một xu học phí. Tại sao Bộ QGGD lại triệu hồi tôi về nước cấp tốc, để điền đơn xin việc rồi ngồi đợi 6 tháng?

Trong niềm thất vọng tràn trề, tôi không về nhà mà đi thẳng lên Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ tại đại lộ Nguyễn Huệ thăm Kỹ Sư Trần Văn Khởi, người bạn cùng lớp ở trường Trung Học Chu Văn An và cùng đi du học Mỹ trong chương trình học bổng Leadership Training nhưng đã hồi hương khoảng một năm trước. Sau khi nghe tôi bày tỏ nỗi bức dọc trong lòng, Khởi an ủi rằng phần lớn anh em du học về đều gặp những thất vọng không ít thì nhiều. Rồi Khởi gợi ý, hay là tôi về làm chung tại đây cho vui. Khi đó nhóm của Khởi đang soạn thảo hồ sơ gọi thầu quốc tế cho một dự án Lò Sốt Sinh Tân Tiến. Bình thường những hồ sơ này được giao cho một công ty cổ vấn kỹ thuật soạn thảo, nhưng ông Giám Đốc mới của Trung Tâm muốn các kỹ sư gà nhà vừa làm vừa học thêm kinh nghiệm. Thật tình tôi thấy dự án Lò Sốt Sinh không mấy hấp dẫn nhưng cũng theo Khởi qua gặp ông Chánh Sự Vụ Sở Năng Suất, xếp của Khởi. Ông Nguyễn Bá Lăng, một kỹ sư tốt nghiệp tại Pháp, đề nghị Khởi đưa tôi lên gặp "Ông Trời." Tôi còn đang ngơ ngác thì Khởi giải thích đó là biệt danh nhân viên thường gọi ông Giám Đốc Khương Hữu Điều, phần vì lỗi làm việc rất nghiêm khắc của ông khiến nhân viên nể sợ, phần vì ông chỉ ký tên văn tắt "Dieu" không bỏ dấu mà theo tiếng Pháp thì có nghĩa là "Ông Trời."

Trong văn phòng gần máy lạnh trên lầu một, tôi đã gặp ông Điều lần đầu tiên, một người trung niên, tóc ngắn, dáng khỏe mạnh trong bộ "complet" màu xám nhạt. Hoàn toàn tương phản với sự tiếp đón lạnh nhạt tại Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ, ông Điều niềm nở bắt tay tôi mời ngồi xuống salon, hỏi qua về việc học của tôi tại Mỹ và văn tắt cho tôi biết ông cũng du học ở Mỹ, tốt nghiệp Cao Học Kỹ Sư Cơ Khí tại Học Viện Kỹ Thuật Massachusetts (MIT) và đã từng làm công việc kỹ sư tại New York trước khi về nước. Không để mất thì giờ, ông Điều vào đề liền. Ông cho biết một trong những mục tiêu ưu tiên của ông tại cơ quan này là đào tạo một "ê kíp" kỹ sư có tầm vóc quốc tế để thực hiện những dự án đầu tư quan trọng với sự trợ giúp tài chánh và kỹ thuật của các quốc gia tân tiến. Rồi với một nhiệt tình hăng say hiếm thấy, ông thao thao kể lại tình trạng hết sức lạc hậu và mất vệ sinh mà ông



đã thấy tận mắt trong dịp đi thăm Lò Heo Chánh Hưng, nguồn cung cấp thịt chính yếu cho cả triệu dân Đô Thành. Thấy nhu cầu cấp bách, ông đã tìm được nguồn tài trợ Đức Quốc và hiện các kỹ sư của Trung Tâm đang nỗ lực soạn thảo hồ sơ gọi thầu quốc tế để thực hiện một Lò Sát Sinh Tân Tiến đầu tiên cho Việt Nam theo đúng tiêu chuẩn quốc tế. Nếu tôi muốn gia nhập “ê kíp” kỹ sư của Trung Tâm thì ngoài dự án này sẽ còn nhiều dự án cùng tầm cỡ và nhiều cơ hội làm việc với các kỹ sư và chuyên viên quốc tế. Tôi sẽ lãnh lương 12 ngàn đồng một tháng và có thể khởi sự làm việc ngay từ sáng hôm sau. Tôi chưa kịp phản ứng thì ông đã đứng lên, bắt tay và tiễn tôi ra cửa.

Tôi như bị choáng ngợp trước sự hăng say hiếm thấy của ông Điều, cùng với lối phát biểu bộc trực của ông, thông tin ngắn gọn, đi vào thẳng vấn đề, không rào trước đón sau, rồi kết thúc mau chóng vào đúng mục tiêu. Mọi việc bắt đầu và kết thúc quá mau, tất cả chưa đầy 15 phút! Quả đúng như biệt danh của ông, “Ông Trời” bộc lộ một niềm tự tin tuyệt đối nơi suy nghĩ của mình và một thái độ tích cực, quyết tâm đạt bằng được mục tiêu, bất kể mọi trở ngại.

Cuộc gặp gỡ không hẹn trước của tôi với “Ông Trời” đã bất ngờ lái con đường nghề nghiệp của tôi sang một hướng hoàn toàn khác với hướng đi đã định sẵn. Sáng hôm sau tôi tới nhận việc tại TTKTKN mà không cần điền đơn xin việc!

Trong những tháng sau đó, “ê kíp” Sở Năng Suất đã hoàn tất hồ sơ gọi thầu quốc tế cho dự án Lò Sát Sinh Tân Tiến. Một công ty Đan Mạch đã trúng thầu cung cấp máy móc trang bị mua với ngân khoản ngoại tệ do Đức Quốc tài trợ, và ít năm sau công ty Việt Nam Súc Sản (VISSAN) đã được khánh thành và tiếp tục hoạt động cho tới ngày nay.

## **2. IDC/IDB: Lò Đào Tạo Gà Nòi**

Trung Tâm Khuếch Trĩ Kỹ Nghệ (IDC) - sau này trở thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (IDB) - thường được ví với một lò đào tạo gà nòi, vì quá trình đào tạo kỹ sư và chuyên viên tại đây cũng tương tự như quá trình đào tạo gà nòi để đi đá độ. Thoạt tiên phải lựa gà “có chân, có cẳng”, cựa cứng, mài dũa cho “bén nhọn”, rồi tập luyện để đá cho hay trước khi ra đấu. Lúc đó những chương trình đào tạo chuyên viên trong nước cũng như gửi đi du học nước ngoài kể từ những năm cuối thập niên 1950 đã bắt đầu đem lại kết quả. Hai chương trình đáng kể đã gửi nhiều sinh viên đi du học là chương trình học bổng “Leadership Training” của Cơ Quan Viện Trợ Hoa Kỳ (USAID) và chương trình học bổng Colombo của Liên Hiệp Quốc. Ông Điều đích thân phỏng vấn và tuyển chọn những kỹ sư và chuyên viên có nhiều triển vọng trong số những người tốt nghiệp từ những trường Đại Học uy tín trong và ngoài nước như:

- Trung Tâm Kỹ Thuật Quốc Gia (Phú Thọ) và các phân khoa Đại Học Sài Gòn, Đà Lạt: Nguyễn Văn Chưởng, Nguyễn Quốc Bính, Tô Ngọc Sử, Nguyễn Thành Ngưu, Nguyễn Sáu, Nguyễn Văn Châu, Đoàn Mộng Hoàng, Nguyễn Thị Hai, Võ Quý Thanh Huệ, Nguyễn Ngọc Điển...

- Các trường Đại Học Pháp: Nguyễn Bá Lăng, Bùi Thanh ...
- Các trường Đại Học Hoa Kỳ: Lâm Hồ, Trần Văn Khởi, Nguyễn Đăng Khôi, Lê Trọng Mưu, Chu Tam Cường, Trần Quốc Bảo, Từ Văn Minh, Vĩnh Thúc, Thái Vĩnh Khiêm, Đỗ Kim Thúc, Phí Minh Tâm, Hoàng Đức Nhã, Nguyễn Đức Cường, Ngô Đức Chiến, Phạm Tấn Nam ...
- Các trường Đại Học Gia Nã Đại: Lê Thanh Nhân, Vũ Thị Loan, Trần Bình Minh, Nguyễn Hữu Thư...
- Các trường Đại Học Úc và Tân Tây Lan: Bùi Hồng Cẩm, Nguyễn Duy Tường, Huỳnh Hữu Hân, Lê Quang Long, Đỗ Duy Lâm ...

Rồi qua những chương trình rèn luyện nội bộ, làm việc và học hỏi với các chuyên viên/cố vấn ngoại quốc hoặc gửi đi tu nghiệp ở nước ngoài, ông Điều tạo cho họ cơ hội thăng tiến trên đường nghề nghiệp.

Nói đến chương trình rèn luyện nội bộ thì không thể không nói đến những buổi họp chuyên viên hàng tuần do ông Điều chủ tọa. Các chuyên viên được lần lượt chỉ định lên thuyết trình về dự án của mình. Trong những phiên họp này ông Điều cố ý hỏi những câu đi sâu vào từng chi tiết của dự án. Các chuyên viên không những phải "thuộc bài", biết cách trình bày cho mạch lạc, rõ ràng trước công chúng, mà còn phải biết dự liệu trước cách trả lời những câu hỏi hóc búa của cử tọa.

Tại trụ sở IDC/IDB thường có một số kỹ sư cố vấn và chuyên viên ngoại quốc làm việc tại chỗ để trợ giúp kỹ thuật. Kỳ cựu nhất phải kể ông cố vấn Nguyễn Phước Du, Tiến Sĩ Kỹ Sư do Phái Bộ Văn Hóa Pháp đài thọ. Kể đến là các chuyên viên do các cơ quan thuộc Liên Hiệp Quốc như Chương Trình Phát Triển (UNDP) và Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (ILO) cung cấp. Thêm vào đó còn có các chuyên viên của Tổ Chức Năng Suất Á Châu (APO) mà ông Điều là đại diện của Việt Nam trong Hội Đồng Quản Trị. Sau cùng và quan trọng hơn cả là các chuyên viên do USAID tài trợ, đặc biệt là trong giai đoạn giúp TTKTKN (IDC) biến thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (IDB). Các kỹ sư và chuyên viên IDC/IDB được cắt cử làm việc chung với các kỹ sư cố vấn và chuyên viên ngoại quốc để học hỏi những kiến thức và kinh nghiệm trong các lãnh vực chuyên môn của họ như Quản Trị Xí Nghiệp, Kế Toán, và các ngành kỹ nghệ sản xuất khác nhau.

Đường lối rèn luyện tại IDC/IDB chú trọng vào kinh nghiệm thực hành. Ông Điều lại thường tạo ra những thử thách để cho đám kỹ sư và chuyên viên trẻ của mình có dịp thi thố tài năng. Tỉ dụ như khi IDC trở thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, các kỹ sư và chuyên viên xin cơ quan cung cấp cư xá cho chuyên viên như thường thấy tại các ngân hàng đương thời. Thay vì chấp thuận, ông Điều lại cho anh em một thử thách. Ông nói, ông sẽ không xây cư xá cho chuyên viên như tại các ngân hàng khác, nhưng ông sẵn sàng trình Hội Đồng Quản

Trị cấp cho ngân khoản để các anh em tự xây lấy cư xá, vì các anh em đều là kỹ sư và chuyên viên đủ mọi ngành, nếu không tự xây được cư xá mà ở thì đừng trách ai.

Sau đó anh em hăng hái tự đi kiếm đất, vẽ họa đồ, tính “bê tông” cốt sắt và hoàn tất một cư xá 4 tầng gồm 16 căn, mỗi căn có 2 phòng ngủ, phòng khách, phòng ăn, phòng tắm và nhà bếp, tất cả đầy đủ tiện nghi tối tân. Cư xá lại có sân thượng với hồ chứa nước, có nhà đậu xe và cả một khu vườn nhỏ phía sau. Phần khởi trước thành quả tốt đẹp của cư xá đợt 1, anh em hoàn tất thêm cư xá đợt 2, một tòa nhà tương tự, đem tổng số lên 32 căn làm nơi cư trú cho gia đình các chuyên viên Ngân Hàng và một số chuyên viên ngoại quốc trong thời gian công tác tại đây. Tự xây lấy cư xá đã cho anh em chuyên viên cơ hội áp dụng kiến thức nghề nghiệp của mình, thâm nhập kinh nghiệm làm việc chung với nhau và với các nhà thầu để hoàn tất một công trình mà mọi người đều cảm thấy tự hào. Hơn nữa sống gần gũi như láng giềng với nhau đã thắt chặt thêm tình thân thiết giữa các anh em cư ngụ trong cư xá. Nhìn lại, mọi người đều cảm ơn ông Điều đã cho anh em sự thử thách đáng ghi nhớ này.

Sau một thời gian được rèn luyện, những chuyên viên được coi là “thuộc bài” và “bén nhọn” lại được trao cho những trách nhiệm ngày càng lớn hơn để có cơ hội phát triển theo công việc. Nguyễn Đức Cường, Trần Văn Khởi, Hoàng Đức Nhã và Lê Thanh Nhân được biệt phái lên làm chuyên viên Bộ Kinh Tế để giúp giải quyết các vấn đề về thương mại và kỹ nghệ. Sau này Nhã lên làm Tổng Trưởng Dân Vận và Chiêu Hồi; Cường làm Tổng Trưởng Thương Mại và Kỹ Nghệ; Nhân làm Quản Trị Viên Công Ty Việt Nam Súc Sản (VISSAN) đã nói ở trên; Khởi làm Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Dầu Hỏa và Khoáng Sản. Ngoài ra, Phí Minh Tâm được trao trách nhiệm đứng ra thành lập và điều hành Viện Quốc Gia Định Chuẩn, Lê Trọng Mưu thiết lập và điều hành Khu Chế Xuất đầu tiên tại Tân Thuận Đông, bên kia sông Sài Gòn. Riêng tôi, khởi đầu từ một chuyên viên Sở Năng Suất, tôi đã lần lượt được giao phó những trách nhiệm lớn dần: Chánh Sự Vụ Sở Nghiên Cứu và Huấn Luyện (IDC), Giám Đốc Nha Cổ Động Đầu Tư (IDB), rồi Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Phát Triển Đầu Tư, một cơ quan tự trị thuộc Bộ Kinh Tế với trách nhiệm điều hành Văn Phòng Ủy Ban Đầu Tư và Trung Tâm Dịch Vụ Đầu Tư.

### **3. Không khí Làm Việc và Truyền Thống IDC/IDB**

Nhóm anh em IDB làm việc chung với nhau trong một bầu không khí thân thiện, cởi mở và thẳng thắn, người này giúp đỡ người kia, học hỏi lẫn nhau. Điều đáng nói là tôi không hề thấy có sự kỳ thị và xích mích giữa các anh em, bất kể nam nữ và nguồn gốc: người Bắc, người Trung, người Nam, học trường trong nước hay các trường Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc, Tân Tây Lan... Được như vậy, theo tôi nghĩ là nhờ 2 yếu tố:

- Trước hết là cá tính và đường lối lãnh đạo của người Trưởng Cơ Quan. Chính ông Điều là người đã chủ trương và nuôi dưỡng một truyền thống làm việc dựa trên sự cởi mở và thẳng thắn nghề nghiệp, hăng say trong công tác và tôn trọng lẫn nhau. Hơn nữa ông đã làm cho truyền thống tốt đẹp đó thấm nhuần vào mỗi nhân viên trong cơ quan qua cách



ông điều hành công việc hàng ngày. Những người không biết rõ về ông có thể nghĩ ông là người lãnh đạm, vô cảm - người ta không thấy ông cười bao giờ - nhưng trong thực tế ông rất tha thiết với trách nhiệm và "ê kíp" của mình. Ông thường la rầy nhân viên mỗi khi không làm công tác chu đáo, tuy nhiên họ hiểu ông không có ác ý và coi ông như một người anh nghiêm khắc với các em, nhưng tốt bụng muốn cho các em nên người, hoặc như một ông bầu đòi hỏi mọi người trong "ê kíp", kể cả ông, phải cố gắng hết sức để thắng cuộc tranh đua.

- Yếu tố thứ hai là tư cách tự trị của IDC/IDB. Vì có khả năng tự tài trợ, không phải lệ thuộc vào ngân sách quốc gia, nên cơ quan được tương đối uyển chuyển trong việc tuyển chọn nhân viên và điều hành công việc, không bị ràng buộc bởi những qui luật hành chính nhiều khi vô lý. Mức lương của nhân viên IDC/IDB cũng tương đối cao hơn các cơ quan chính phủ, đủ để cho anh em chú tâm vào công việc và không bị cám dỗ kiếm thêm tiền cho đủ sống. Vì vậy không có gì ngạc nhiên khi sau này các định chế phát triển do anh em IDC/IDB đứng ra thành lập và điều hành như đã nói trên đều là những cơ quan công lập tự trị.

Rất tiếc rằng những định chế phát triển tân lập này chưa có đủ thì giờ để trưởng thành và đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển đất nước thì Việt Nam Cộng Hòa đã bị thất thủ về tay Cộng Sản. Đa số "ê kíp" kỹ sư và chuyên viên IDB đã di tản được ra nước ngoài, đem tài năng đóng góp cho các quốc gia khắp 5 châu đã cho họ tỵ nạn. Tất cả mọi người đều rất tự hào về truyền thống IDB của mình.

Ngày nay, anh Điếu đã về hưu, vui hưởng cuộc sống thanh bình, hạnh phúc bên người bạn đời là chị Marie trong căn nhà ấm cúng tại thành phố San Francisco với giàn bông giấy rực rỡ trước cửa. Có điều đặc biệt là "ê kíp" ngày xưa của anh tại IDB, sau hơn 50 năm không còn làm việc chung với nhau nữa, vẫn còn tìm đến với anh, vẫn họp mặt hàng năm tại nhà anh, vẫn gần bó và thân mật với nhau như xưa. Mọi người vẫn quý mến anh như một người anh cả, một con chim đầu đàn, một ông bầu gánh vác dìu dắt "ê kíp." Chỉ có một điều khác là bây giờ người ta thấy anh Điếu cười nhiều hơn trước!

Chúc anh chị Điếu & Marie nhiều sức khoẻ và hạnh phúc mỗi ngày.

Nguyễn Đăng Khôi

## **O. Võ Văn Huệ, UNIVERSITÉ DE NANTES**

### **VÀI KỶ NIỆM VỀ :**

### **NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ VIỆT NAM**

PHỔ BIẾN KHOA HỌC QUẢN TRỊ XÍ NGHIỆP

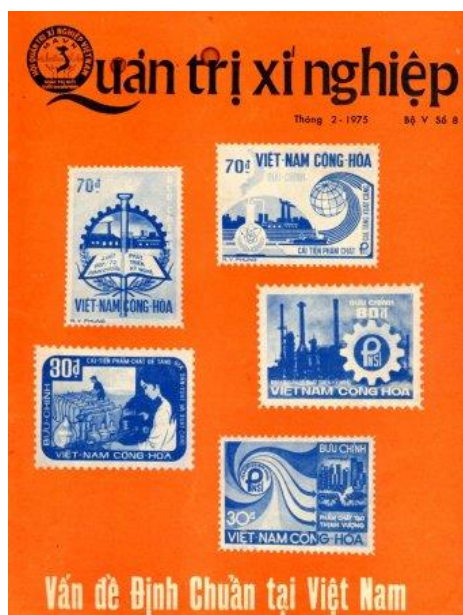
TRONG CÁC NGÀNH SẢN XUẤT KỸ NGHỆ Ở VIỆT NAM



### KỶ NIỆM VỀ "SẾP" TÔI :

Một thời gian dài cũng gần cả chục năm, tôi đã cùng cộng tác với nhiều anh chị em ở Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam qua nhiều thời kỳ, hầu hết các anh em tuy là "gà tơ" nhưng "cựa" người nào người nấy đã qua đào tạo nên cũng sắc bén lắm: không sắc bén sao được vì làm việc với "ông Tổng" "đầy bài bản" như vậy, nên không "cà rề" được đâu!

Có nhiều anh em học xong ở nước ngoài về "tá túc" ít lâu rồi đi về những cơ quan "then chốt" cao hơn, cũng là "gà" của ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam! Bây giờ nhìn lại, điể qua các cơ quan khác mà hồi đó chúng tôi thường xuyên tiếp xúc, thấy "gà nhà" của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam "ngon lành" hơn nhiều! Chúng tôi, "đâu ra đó" mỗi người một việc, đâu lưng với nhau mà làm; vì nhiều việc quá, anh em chúng tôi làm cái gì cũng đạt được lợi ích thấy rõ - kết quả thấy liền trước mắt, vì thời kỳ đó là thời kỳ đầu xây dựng nền tảng của chương trình "kỹ nghệ hóa" của đất nước, các



công trình còn thênh thang lắm, mà Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam lại có trọng trách xây dựng chương trình này!

Tôi là người không thuộc tổ chức của ngân hàng, nhưng tôi rất gắn bó với Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam ngay từ lúc đầu thành lập, lúc nào thì tôi cũng nhận được sự thân mến và giúp đỡ của từng anh em ở bất cứ "Sở" nào, nhất là ở Sở Nghiên Cứu Phát Triển do anh Nguyễn Đăng Khôi phụ trách; đặc biệt là trong thời gian dài làm việc trực tiếp với anh Khương Hữu Điều: một người có bước đi như vừa đi vừa sai, đúng giờ đúng giấc, tiếng nói rõ ràng dễ thuyết phục, qua lý luận vững vàng nên lúc nào thì tôi cũng thua! Làm cái gì thì mình cũng chuẩn bị "o bế" kỹ càng trước, nhưng đến lúc "đụng" với anh Điều thì lúc nào tôi cũng bị bắt lỗi, không lỗi này thì cũng lỗi khác! Làm chung với nhiều anh em, nhưng mấy anh em kia thì ít khi "đụng" trực tiếp với anh Điều, dù tôi muốn "né" cũng không được, vì mình là người phải trực tiếp với anh Điều mỗi ngày!

Có lẽ nhờ sống trong "lò rèn" đó với anh Điều – qua thời gian dài – nó có ảnh hưởng đến công việc và đời sống của tôi rất nhiều, mãi cho đến bây giờ!

Kỷ niệm với anh Khương Hữu Điều thì sao kể hết vì ngày nào cũng có liên lạc trực tiếp với anh, mãi đến cả chục năm trời, anh em chúng tôi đã ghi lại nhiều kỷ niệm với anh Điều; ngoài những công việc hằng ngày như những anh chị em khác, riêng tôi thì tôi muốn ghi lại đây thêm một việc rất nổi bật của anh Điều, một công trình có lợi ích để đời mà nó xuất phát từ việc làm của anh Điều : đó là công trình thành lập và tổ chức phổ biến ngành Quản Trị Xí Nghiệp ở Việt Nam: mà chính anh Khương Hữu Điều là người đề xướng và cũng là "máy ủi" chính; còn chúng tôi – gồm có thêm nhiều anh em khác suốt nhiều năm trời đã nhiệt tình tham gia trực tiếp thường xuyên như các anh Nguyễn Đăng Khôi, Huỳnh Hữu Hân, Bùi Hồng Cẩm, Nguyễn Duy Tường, Chu Tam Cường, Lê Trọng Mưu, Từ Văn Minh, cô Trúc Lâm...

Bây giờ, nhìn lại thời kỳ đó – có thể lấy mốc thời gian của những năm đầu của giữa thập niên sáu mươi – việc phổ biến một kỹ thuật quản trị khoa học mới cho các ngành sản xuất ở một quốc gia, mà ở đó các công ty kinh doanh và xí nghiệp sản xuất vừa mới thành lập được chừng vài năm, đó là công việc không phải là dễ! Đứng trước nhiều công ty xí nghiệp có thể nói là vừa mới thành lập, họ còn ú ớ - chưa định hướng được hình thức quản trị doanh nghiệp của mình! Thật là một công trình rất thách thức, có nhiều khó khăn, cần tốn nhiều thời gian dài và với nhiều công sức tham gia của nhiều người!

Thời gian đó, xí nghiệp mới ra đời rất nhiều, nó xuất phát từ sự yểm trợ của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam về tất cả mọi mặt, nguồn vốn là chính, rồi máy móc nữa... nhưng các "ông chủ" xí nghiệp muốn đưa nó vào sản xuất hoàn chỉnh thì xí nghiệp nào cũng bị "kẹt" cứng, họ "nuốt không trôi"! Như vậy thì họ lấy vốn đâu mà hoàn lại cho Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam, đơn vị đã cho mình vay, nay đáo hạn rồi!?

Hoạt động của một xí nghiệp thì việc chính là **tổ chức sản xuất và kinh doanh**! Từ công



tác sản xuất đến vấn đề kinh doanh thì bắt buộc phải có “bài bản”, phải biết **tổ chức** con người, sắp xếp máy móc, vận dụng nguyên liệu, sử dụng tài chính hiệu quả, nhất là vấn đề tổ chức tiêu thụ sản phẩm... phải có phương pháp làm mới thành công, mới có nguồn thu mà hoàn vốn lại được!

Các nhà đầu tư thời đó, có nhiều người ăn học đúng mức, cũng tốt nghiệp ở các trường Tây nổi tiếng ở Pháp, như Bác sĩ Bùi Kiện Tín, ông bà Dược sĩ Nguyễn văn Trang – Nguyễn thị Hai, Dược sĩ La Thành Nghệ - Dược sĩ La Thành Trung, Kỹ sư Nguyễn văn Hải, Tiến sĩ Hóa học Phạm văn Hai, nhiều lắm không kể hết... tất cả đều “loay hoay” khi đụng vào việc điều hành một đơn vị xí nghiệp sản xuất với qui mô tầm vóc “kỹ nghệ”, không còn là thủ công như ngày trước !

#### NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH THỜI ĐÓ : BÀI BẢN ĐÀO TẠO Ở CÁC TRƯỜNG “TÂY” :

Cách nay cũng hơn nửa thế kỷ, ai được “đi học Tây” về là hầu như cả nước đều biết người đó ! Họ thuộc về lớp “kem” thượng lưu của xã hội thời bấy giờ!

Họ tự nhiên đã có địa vị trong xã hội và đã “ăn nên làm ra” mỹ mãn rồi, nhưng đến giai đoạn phát triển – kỹ nghệ hóa đất nước, họ cũng là người sớm nhất đi theo trào lưu phát triển này. Nhưng đến lúc va chạm vào thực tế của lĩnh vực sản xuất có tầm vóc qui mô kỹ nghệ hóa, thì nhu cầu điều hành phải có phương pháp: lúc đó người ta mới hiểu là kinh nghiệm và nghề nghiệp mình đã học qua thì chỉ “nuốt trôi” được ngành nghề chuyên môn mình đã học mà thôi!

Lấy kinh nghiệm của bản thân tôi, tôi nhớ là theo chương trình giảng dạy thời đó ở Pháp, ai chọn ngành đào tạo chuyên môn nào thì rành về cái nghề của mình chọn; chứ thời đó, đâu có môn nào mà người ta truyền dạy cho mình phương pháp hay kỹ thuật để tổ chức sản xuất – để quản lý cụ thể về cái ngành mình học đâu!

Bởi vậy, khi chúng tôi gặp nhau bên lề một khóa học (Marketing do ông ? Winter dạy) – nhóm học viên này là “lớp kem” của xã hội gọi là có tiếng tăm, người trí thức – người có học của thời đó – sau lưng họ là người nào cũng có xí nghiệp sản xuất lớn với số công nhân từ vài trăm người. Hôm đó gồm có Bác sĩ Bùi Kiện Tín, Dược sĩ Nguyễn Thị Hai, anh Phan Đăng Ký, Dược sĩ Đặng Quốc Cơ, Trương Khắc Cẩn..., mỗi người đều trầm trồ về cái hay, những cái kỹ thuật “chìa khóa” xem như công cụ quá là cụ thể cần thiết cho các công tác điều hành một xí nghiệp sản xuất “phải có”!

Bác sĩ Tín thì cứ chắc lưỡi khen tới khen lui hoài, bác bảo là tôi tham dự khóa học này thì tôi thấy là tôi đã trở thành con người mới, chứ không như trước đây! Tôi áp dụng nó cho cả đời sống hằng ngày của tôi nữa! Chị Hai thì cứ lắc đầu và mím môi chắc lưỡi hoài, bảo là tôi chỉ được tiếp thu chưa hết lớp học này, mà tôi đã thấy thời gian dài đã qua trong sản xuất và kinh doanh trước đây, tôi đã quá “dốt” chỉ biết điều hành theo nhận định của mình

toàn là sai, dù là tôi có thành công như ngày nay!

Đặc biệt anh Đặng quốc Cơ, anh ấy phát biểu hết sức nghiêm nghị, long trọng lắm, anh trình bày rất chi tiết, anh lật tập ghi chép bài của anh ấy ra và vừa phân tích lại – vừa diễn giảng lại những đặc điểm mà anh ấy đã "mê" từ bài giảng ở lớp; anh trình bày sự kết hợp ứng dụng ngay những gì anh tiếp thu được trong Viện Bào Chế của anh ấy như thế nào...! Qua cử chỉ trình bày nghiêm chỉnh của anh Cơ, mới thấy anh ấy quý những "công cụ - tác vụ mới" mà anh tiếp thu được trong lớp học, anh xem như là một "liều thuốc mới" cho công tác điều hành xí nghiệp của mình! Việc này đã gây ấn tượng nhất cho tôi tới bây giờ! Vì chính tôi cũng đã đam mê một môn học mới có lợi ích rõ ràng, có sự phân tích rõ từng chi tiết trong mọi công việc – mọi tác động, không phải trong công việc mà thôi, mà nó cũng đã được áp dụng luôn trong đời sống hằng ngày của mình!

DANH TỪ TIẾP THỊ :

Bài giảng thì bằng tiếng Anh, mà khi anh em ngồi lại để sinh hoạt ở lớp, danh từ nào thì anh em cũng đều thông qua suốt, nhưng đến chữ Marketing thì dù là anh em đều hiểu nghĩa của nó, nhưng đặt cho nó một danh từ Việt đúng thì anh em cứ loay hoay, hết chữ này rồi đến chữ khác, vẫn thấy không xuôi! Tôi nhớ rõ lúc đó, anh Nguyễn Duy Tường đề nghị dùng danh từ TIẾP THỊ! Anh em lúc đó có được lối thoát, đều đồng ý chọn ngay chữ TIẾP THỊ này! Cứ nghĩ là dùng tạm danh từ đó, nhưng chữ TIẾP THỊ này vẫn được sử dụng mãi cho đến ngày nay ở Việt Nam! Đây cũng là một kỷ niệm của tôi về ngành quản trị xí nghiệp mà một thời gian dài, anh em chúng tôi đã có một thời đóng góp xây dựng lên ở Việt Nam, dần dà nó đã mở rộng ra theo nhu cầu ngày càng lớn mạnh lên theo nền kinh tế phát triển lên... cho đến ngày nay!

NHÌN LẠI VĂN HOÁ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM NGÀY TRƯỚC:

Thời xưa, với mấy ông Đồ Nho, thì chỉ "dạy làm người" là chính, vì thời đó người mình sống đơn giản với nghề nông nhàn hạ, trồng lúa chỉ để đủ ăn, trồng thêm mớ rau – vài cây ăn trái và cá tôm đã có sẵn dưới ao nhà... Về sau, khi đất nước nằm dưới sự đô hộ của người Pháp, thì người mình được có thêm những sản phẩm khác được nhập từ nước Pháp chở sang, như đường, sữa, vải vóc, thuốc men... Cả nước, ban đầu nước ta được cai trị toàn bộ là người Pháp, kể cả những ông thầy dạy chữ cũng là người Pháp!

Từ chế độ cai trị đó, với sự áp đặt hệ thống giáo dục nhiều lắm là để thông hiểu được văn hóa căn bản của người Pháp! Chứ người dân thuộc địa làm gì có trường đào tạo nào có được tính chất phát triển đâu! Thực phẩm căn bản thì dân bản địa tự làm mà ăn, các sản phẩm chế biến khác thì nhà giàu mới tiếp cận được.

Dần dà về sau, người Pháp nói lỏng hơn, mở trường cao cấp hơn, để đào tạo lớp người tiếp tay với họ để cai trị dân bản xứ, bước đầu là đào tạo những người có trình độ hay ít nhiều chuyên môn để đào tạo ra những người phục vụ có chức năng là thư ký phục vụ cho các

“quan Tây” đứng đầu tỉnh hoặc các bộ phận chuyên môn thuộc tỉnh. Lâu ngày về sau, các Thầy Thông Thầy Ký người mình lên ngạch dần, với chức hàm thời đó gọi là Đốc Phủ Sứ!

Nhìn vào quá trình kể trên, để thấy công tác đào tạo thời đó, người ta chỉ đào tạo cho mục đích cai trị, không chú trọng vào việc phục vụ cho cộng đồng phát triển. Thời kỳ này, dân có tiền thì gửi con đi Tây học, ở trong nước thì đâu có trường nào dạy cao hơn, mà thực tế thì trong nước đâu có lực lượng sản xuất nào “ra hồn”, sản phẩm chế biến thì hầu hết là nhập từ Pháp, vì thế nhu cầu đào tạo nghề nghiệp thì không có!

#### ĐIỂM QUA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT HÀNG HOÁ TRƯỚC KHI CÓ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ VIỆT NAM :

Khi Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ Việt Nam đã trở thành Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam, công việc rõ ràng phải thay đổi hoàn toàn vì trọng trách của nó là phải thiết lập và canh tân một lực lượng sản xuất thủ công lạc hậu thành lập dưới thời Pháp thuộc, như “Xà bông Việt Nam”, với sản phẩm **“xà bông Việt Nam 72% dầu”** mà hồi đó người ta vừa tắm vừa giặt quần áo – nó được treo bằng quảng cáo khắp nơi; về sau họ có ra thêm 1 sản phẩm nữa đặc biệt dùng để tắm, đó là **“xà bông cô Ba”**, được đóng gói hình nền màu xanh, ở giữa có in hình “cô Ba” mặc áo dài – tóc búi... mà mọi người đều cho đó là hình của bà Trương văn Bền, vợ ông “Hội Đồng Bền” chủ hãng Xà Bông Việt Nam thời bấy giờ!

Một sản phẩm tượng trưng khác là “kem đánh răng” mang nhãn hiệu “KOOL”, không biết chữ KOOL là gì, nhưng được biết sản phẩm này là của anh Huỳnh văn Xinh, nhà ở và cũng là cái xưởng hồi đó nằm trước chợ An Đông. Kem đánh răng này đựng trong một hộp bằng nhôm, mở nắp ra là một cục nhỏ hình tròn như cục xà bông, màu hồng hồng, dùng bàn chải chà sát nổi bọt lên và cứ thế dùng để đánh răng!

Thời còn Tây mãi cho đến khi Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam ra đời, thuốc trị bệnh thì hoàn toàn là được nhập từ Pháp qua, nên trong dân gian thì ai cũng gọi là “thuốc tây”, danh từ này vẫn còn lưu truyền mãi cho đến ngày nay! Không phải riêng thuốc tây, mà bất cứ mặt hàng chế biến nào - như vải – đường – sữa... cũng đều tùy thuộc vào hàng nhập cảng từ Pháp!

Không hiểu chính quyền thời Pháp thuộc họ muốn nô lệ hóa Việt Nam phải tùy thuộc vào nền kinh tế của họ, hay tại vì trong thời kỳ chiến tranh họ phải lo việc binh biến, nên việc canh tân đất nước thì bị người ta bỏ quên!?

#### SỰ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KỸ NGHỆ TRONG THỜI KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ VIỆT NAM

Các ngành kỹ nghệ thời đó phát triển quá nhanh chóng, nhờ vào các chương trình trợ giúp phát triển kỹ nghệ và sự hướng dẫn chuyên môn về các loại máy móc thích hợp và nhất là



việc trợ giúp vốn từ Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam đã xây dựng một lực lượng sản xuất đồng bộ một cách nhanh chóng!

Cộng đồng dân chúng phát triển nhanh, kinh tế ở Việt Nam thời kỳ đó có ảnh hưởng ít nhiều theo sự hiện diện của người Mỹ đến Việt Nam, tuy nhiên theo chính sách của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa thời đó có xu hướng xây dựng sự tự túc, do đó nhu cầu sản xuất các loại hàng hóa đều được xem là cần thiết để đáp ứng nhanh, thay thế cho các mặt hàng nhập cảng, mà xưa nay người mình phải sống dựa vào nhập cảng từ thời Pháp, và sau này là từ Viện Trợ Mỹ!

Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam được giao trọng trách tổ chức và xây dựng các ngành sản xuất theo qui mô kỹ nghệ hóa ở Việt Nam thời đó ! Đây thật sự là một công trình lịch sử trong công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam. Chúng ta hãy nhìn qua quá trình xây dựng các công trình phát triển kỹ nghệ mà Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam trước đây đã thực hiện, để thấy lại những công trình mà anh chị em Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam đã gây dựng lên dưới sự điều hành của anh Khương Hữu Điều.

Sự thành công đã qua - thì ngoài Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam - đương nhiên là còn có sự tham gia của toàn thể đơn vị yểm trợ khác như Viện Quốc Gia Định Chuẩn do anh Phí Minh Tâm làm Tổng Giám Đốc, Tổng Cục Phát Triển Đầu Tư do anh Nguyễn Đăng Khôi làm Tổng Cục Trưởng, ... mà trong những đơn vị yểm trợ đó còn có một đơn vị "con nuôi" của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam, đó là Hội Quản Trị Xí nghiệp Việt Nam, vì cái Hội này là do Ngân Hàng Phát triển Kỹ Nghệ Việt Nam đề xướng các Công Thương Kỹ Nghệ gia Việt Nam thành lập ra, và anh Khương Hữu Điều liên tục được bầu làm Chủ Tịch nhiều khóa từ ngày thành lập (năm 1967) đến ngày mình mất nước (năm 1975)!

#### CƠ QUAN "TỪ THIỆN":

Ở Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam thì gồm có nhiều thành viên được bầu vào Ban Chấp Hành, gồm có nhiều viên chức cấp lãnh đạo như ông Trương Văn Quý – Chủ tịch đại diện cho Tổng Đoàn Công Kỹ Nghệ Việt Nam, ông Nguyễn văn Khải – Phó Chủ tịch làm đại diện cho Phòng Thương Mãi Việt Nam, đặc biệt là có sự tham gia của nhiều anh em đã từng tham gia chính phủ có chức danh Tổng – Bộ Trưởng trong chính quyền như các anh Trương Thái Tôn, Âu Ngọc Hồ, Hồ Tấn Phát, Trần Quý Thân, Võ Văn Nhung, Phạm Minh Dưỡng, ... và nhiều thành viên khác là chủ tịch hay tổng giám đốc của những công ty – xí nghiệp thuộc các ngành kinh doanh lớn trong nước.

Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam là một đơn vị tự trị, nuôi dưỡng mở rộng nhân sự lớn dần lên lúc đó cũng gần được 30 anh chị em, vì lúc đó hoạt động của Hội đã chính thức thành lập Viện Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam để mở trường đào tạo ngành quản trị xí nghiệp cho đất nước, nên người nào cũng phải xứng đáng đúng việc của người đó tuy rằng trong nhóm nhân sự này có 3 người khuyết tật. Trong đó có 2 anh là đang học cử nhân, một anh là

cháu của Từ Văn Minh, và một anh là con của một chị (?) làm thư ký đánh máy của ngân hàng mình, hai anh này đều bị bệnh polio, và một anh nữa bị mất một con mắt là cháu của chị Dương (thư ký của anh Điếu), vì tuy là họ đi đứng khó khăn nhưng tôi vẫn sử dụng họ đúng vào công việc mà không phải cần sử dụng đến cặp chân của họ! Tạo một công việc để cho anh em có cơ hội học tiếp tục thì mình tiếc gì! Miễn là năng suất công việc vẫn được bảo đảm!

Thời đó, mỗi tuần là Ban Chấp Hành họp một lần tại văn phòng của Hội Quản Trị Xí Nghiệp Việt Nam, có bữa đó Chủ tịch Khương Hữu Điếu đến sớm hơn thường lệ, ông đi một vòng trong văn phòng và nói với tôi là *"tôi vô văn phòng của anh, tôi tưởng tôi đi vô một cơ quan từ thiện chứ!"* Tôi giục mình qua nhận định của chủ tịch Điếu, tôi hiểu là chủ tịch Điếu nhìn thấy trong cơ quan tôi có đến 3 nhân viên "tàn tật", nên đã phát biểu như thế! Lúc đó tôi bối rối chưa biết trả lời thế nào, nhưng tôi thấy chủ tịch Điếu "cười", một nụ cười rất tươi và rất vui vẻ, tôi mừng quá vì tôi hiểu là chủ tịch Điếu đã đồng tình với tôi về cách sử dụng 3 anh em tàn tật đó, và thông cảm với tôi bằng câu đùa vui "cơ quan từ thiện" này!

Có lẽ nhờ những tình cảm mà tôi có đối với 3 anh em đó, nên khi đám người mới đến "tiếp quản" cơ quan của tôi, họ đầu tố tôi là giám đốc bóc lột nhân viên, có hoạt động góp phần làm giàu cho tư bản để chống phá cách mạng, ... 3 người này là nòng cốt phản đối mạnh mẽ nhất, có lẽ họ đã là người tàn tật rồi, *"cùi rồi không sợ lở nữa"* nên họ chống trả hết lời! Có lẽ nhờ vậy mà tôi mới thoát được cái "mũ" chụp lên đầu mình! Mừng được tai qua nạn khỏi! Chứ không thì mình phải đi học tập "mút mùa"!

Nhân dịp anh Điếu cho tôi cơ hội đóng góp một vài kỷ niệm với anh em bạn xưa cũ đã một thời làm việc mỗi ngày với nhau, còn nhiều chuyện lắm, mong có ngày anh em được tái ngộ nhau để kể cho nhau nghe về những chuyện đời xưa.

Cầu xin các anh em và gia đình vẫn đầy đủ sức khỏe, chỉ tiếc là anh em mình bây giờ thấy chúc qua chúc lại và lâu lâu lại thấy chia buồn thôi...

**P. Ngô Đức Chiến   California State University, Sacramento  
BSCE 1973, MSCE 1980**

Trong tất cả các nhân viên của Ngân Hàng Phát Triển Kỹ nghệ Việt Nam, có lẽ tôi là người nhỏ tuổi nhất. Tôi tốt nghiệp Cử nhân ngành Kỹ sư Công Chánh năm 1973 và hoàn tất chương trình Cao học cùng ngành năm 1980 từ trường Đại Học Tiểu Bang California tại Sacramento. Sau đó tôi làm việc ở Công ty John J. Kasner Consulting Engineers tại khu Manhattan thuộc thành phố New York với tư cách là một kỹ sư tập sự trước khi trở về Việt Nam vào tháng Một năm 1974.



Sau khi trở lại Việt Nam, tôi rất nóng lòng muốn áp dụng những kiến thức về ngành Kỹ sư Công Chánh vào việc tái xây dựng nền kiến trúc hạ tầng của quốc gia. Qua sự giới thiệu của một người bạn, tôi nộp đơn xin vào làm tại Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ (IDB) mà không biết là mình sẽ làm gì với tấm bằng Kỹ sư Công Chánh. Hóa ra, ngân hàng này đang ở trong giai đoạn phát triển và có kế hoạch xây dựng một tòa nhà văn phòng mới; tòa nhà này được dự định làm nơi đón tiếp các thượng khách ngoại quốc và để cho tất cả các nhân viên ngân hàng cùng làm việc dưới một mái nhà. Tòa nhà mới này sẽ được xây dựng tại số 6, đường Thái Lập Thành, cạnh bên một ngôi đền thờ của người Ấn Độ và nằm ngay sau khách sạn Caravel, khoảng 5 phút đi bộ từ văn phòng hiện tại của ngân hàng tọa lạc tại số 40 Đại lộ Nguyễn Huệ. Tôi may mắn được mời phỏng vấn và được tuyển dụng ngay tại chỗ. Người Quản lý Nhân viên yêu cầu tôi bắt đầu làm việc vào tuần kế tiếp.

Hai năm trước khi tôi về nước, Ban Điều Hành IDB đã quyết định nói rộng cơ sở ngân hàng và chọn ra một nhóm công tác có trách nhiệm thiết kế tòa nhà văn phòng mới. Các thành viên của nhóm là hai Kiến trúc sư Lê Văn Lắm và Huỳnh Kim Mãng và Kỹ sư Hồ Văn Chấn. Khi tôi về Việt Nam thì đồ án thiết kế đã được hoàn tất và một nhà thầu đã được chọn lựa. Mô hình của tòa nhà mới cũng đã được dựng xong và trình bày rất nổi bật tại trung tâm tầng trệt của văn phòng IDB tại số 40, Đại lộ Nguyễn Huệ.

Tôi được giao phó trợ giúp anh Phạm Tiến Nam, Trưởng dự án. Vài tháng sau, Kiến trúc sư Quách Văn Hà được bổ sung vào nhóm. Như vậy, nhóm ba người chúng tôi có trách nhiệm quản lý việc xây dựng của dự án “khổng lồ” này.

Tôi còn nhớ tòa nhà này có một vẻ nhìn rất độc đáo. Nó là một cấu trúc hình tròn (đường kính khoảng chừng 75 mét) và cao mười tầng, được thiết kế bằng bê tông cốt sắt bao gồm một tầng hầm và một tòa nhà ống có sân đáp máy bay trực thăng trên tầng thượng. Vì nó có hình ống nên không có phòng nào vuông góc trong tòa nhà này.

Vì vậy việc thiết kế các đà và xà ngang là một thách thức lớn cho chúng tôi. Đối với phần móng, vì lớp đất bên dưới phần lớn là đất phù sa, đất sét và mạch nước ngầm, Kỹ sư cố vấn quyết định dùng cừ bê tông và móng riêng biệt để chống đỡ cấu trúc đồ sộ này. Có khoảng 50 móng riêng biệt, mỗi móng được chống đỡ bởi từ 25 đến 50 cây cừ bê tông được đóng xuống đất sâu khoảng 50 mét.



Trách nhiệm của tôi là quản lý công trình xây dựng và kiểm định phẩm chất công trình tại chỗ. Thành thật mà nói, tôi có thể quản lý việc xây dựng nhưng lại gặp khó khăn về kiểm định phẩm chất vì những người kỹ sư và kiến trúc sư này dùng tiêu chuẩn Châu Âu trong thiết kế trong khi tôi lại được huấn luyện dùng tiêu chuẩn Mỹ. Tòa nhà được thiết kế bằng bê tông cốt sắt và tôi biết có hai thông số tôi phải kiểm soát, đó là sức nén của bê tông và độ dẻo tối đa của thép. Để làm điều này, tôi phải dựa vào phòng thí nghiệm kiểm tra vật liệu tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn của Mỹ tại Sài Gòn.

Buổi họp về dự án được tổ chức vào mỗi thứ hai hằng tuần để duyệt lại những tiến triển của công trình xây dựng cũng như để giải quyết những vấn đề khó khăn gì chưa được giải quyết. Việc tham gia buổi họp là bắt buộc và những người thường xuyên dự họp là anh Phạm Tiến Nam (Trưởng Ban Điều Hành Dự Án), các ông Lê Văn Lắm và Huỳnh Kim Măng (kiến trúc sư), ông Hồ Văn Chấn (kỹ sư), và tôi (kỹ sư trực tiếp điều hành dự án). Buổi họp được điều hành bởi ông Khương Hữu Điều (Tổng Giám Đốc). Dù rất bận rộn, ông luôn cố gắng tham dự buổi họp vì đây là thời gian ông để toàn tâm toàn trí theo dõi tiến triển công trình và giải quyết những vấn đề khó khăn xảy ra trong quá trình xây dựng. Một điều thú vị là trong buổi họp hằng tuần này, khi bàn về các vấn đề kỹ thuật, ông Điều thường điều hành buổi họp bằng ba ngôn ngữ: ông nói tiếng Pháp với các ông kiến trúc sư và kỹ sư, nói tiếng Anh với tôi và anh Nam, và tiếng Việt với người thư ký. Chính tại buổi họp này, tôi đã gặp ông Điều lần đầu tiên. Tương tự như buổi họp nổi tiếng “Huấn luyện nhân viên vào sáng thứ ba” cũng được điều hành bởi ông Điều, tại buổi họp này, ông yêu cầu mỗi chúng tôi trình bày những khó khăn gặp phải trong công tác. Ông mong muốn chúng tôi làm việc thật chính xác trong công tác, kỹ lưỡng trong việc điều tra, và kết luận luôn luôn dựa trên những chứng cứ khoa học. Câu nói nổi tiếng của ông là “các anh phải học thuộc bài”, có nghĩa là các anh phải rất ráo kỹ càng tối đa đối với công tác mà các anh thực hiện. Tôi đã học hỏi được nhiều từ ông khi làm việc cho ông trong dự án này.

Công tác của tôi tại IDB chấm dứt vào ngày 30, tháng 4, năm 1975, sau khi tôi làm việc được mười lăm tháng. Trong suốt thời gian đó, chúng tôi đã hoàn tất phần nền móng, bãi đậu xe trong tầng hầm, và chuẩn bị đổ bê tông vào tầng chính. Vào năm 1989, tức là 14 năm sau, khi tôi trở lại Việt Nam, tôi quyết định ghé thăm công trường cũ. Thật ngạc nhiên là nơi ấy nhìn rất giống ngày xưa khi tôi ra đi; không có gì thay đổi ngoại trừ tất cả những cột sắt chờ đã bị hoen rỉ. Ngôi nhà dựng tạm để làm văn phòng tại công trường bây giờ đã bị quân lính chiếm đóng. Tôi đứng lặng lẽ giữa công trường, hồi tưởng lại kỷ niệm những ngày xưa, và tưởng tượng rằng sẽ ý nghĩa biết bao nếu tôi có thể hoàn tất dự án. Ngày nay, nơi này là Khách Sạn Sheraton Saigon & Towers.

*Ngô Đức Chiến  
Garden Grove, California  
March 25, 2016*

**Q. Thái Vĩnh Khiêm, Bowling Green State University – Ohio**



*Thái Vĩnh Khiêm – Tháng Hai năm 2016*

Hôm nay, ngồi viết bài này, tôi được sống lại quãng đời mình cách đây trên 40 năm – nói rõ hơn là bắt đầu từ thập niên 1970. Khi được biết tôi đã học xong chương trình cao học và nhà trường hứa sẽ gửi bằng về Việt Nam, tôi quyết định không ở lại đi dự buổi lễ ra trường để được về nước sớm hơn.

Tôi tới cảm ơn và từ biệt ông Lương Nhị Kỳ Tổng Lãnh Sự Việt Nam ở San Francisco vì lúc đó tôi là nhân viên địa phương dưới quyền ông. Chúc tôi đi về bình an xong, ông cấp cho tôi một chiếu khán sáu tháng ra vào nhiều lần cho phép tôi có thể trở về Mỹ nếu muốn. Ông là người tôi rất kính mến vì tính tình nhân hậu, thẳng thắn, và bình dị của ông.

Sau một tuần lễ nghỉ ngơi, đi thăm thân nhân là tới lúc phải lo đi kiếm việc. Tôi đang phân vân chưa biết làm gì thì em gái tôi cho biết có chị bạn cùng sở có chồng làm ở Trung Tâm Phát Triển Kỹ Nghệ đang thu nhận nhân viên và khuyến khích tôi tới đó nộp đơn. Nhờ đó tôi được anh Lâm Hồ phỏng vấn và thuê nhận vào làm trong Đoàn Tín Dụng. Phải thú thật khi kêu anh Lâm Hồ là "anh" tôi rất ái ngại. Tôi thấy thoải mái hơn khi kêu là "ông" vì tôi khi đó còn trẻ lắm và ông lại là cấp trên. Tuy nhiên ông nói ông chỉ hơn tôi vài tuổi và muốn tôi kêu là "anh" nên tôi xin chịu theo ý ông.

Lúc đầu tôi được chỉ định vào Đoàn Tín Dụng B của anh Từ Văn Minh rồi khi có thêm Đoàn Tín Dụng D tôi được chuyển qua Đoàn này. Ngân Hàng thuộc loại ngân hàng phát triển nên không lo dịch vụ nhận tiền ký thác như các ngân hàng thương mại mà chỉ chuyên cấp tín dụng của chính phủ tài trợ thực hiện hoặc khuếch trương các dự án kỹ nghệ mà thôi. Có thể nói đa số các dự án kỹ nghệ lớn trong nước đều nhận sự tài trợ của Ngân Hàng. Khi

cứu xét hồ sơ vay các chuyên viên thuộc nhiều ngành như tài chánh, kỹ thuật, kinh tế, tiếp thị... cần thực hiện các nghiên cứu khả thi. Công việc tuy khó và đòi hỏi nhiều thời gian nhưng ngược lại giúp các chuyên viên cảm thấy được thử thách và mở mang kiến thức nhiều.

Vào lúc Ngân Hàng đưa ra Chương Trình Phát Triển Tiểu Công Nghệ phần lớn ở các tỉnh tôi xin được đưa qua Chương Trình này vì mong có cơ hội học hỏi thêm những điều mới lạ. Các bạn làm chung ở Ngân Hàng đã viết nhiều về không khí và tinh thần làm việc rất đặc biệt ở nơi đây rồi. Tôi chỉ xin thêm một vài điều đến bây giờ, khi đã về hưu sau mấy thập niên làm việc ở bên nhà hay bên Mỹ, mỗi khi nghĩ lại tôi thấy vẫn được vui trong lòng.

Đúng vậy, nhờ đi về các tỉnh tôi được viếng nhiều nơi trong nước như: thăm các cánh đồng mênh mông thẳng cánh cò bay, tới các tỉnh miền Tây và miền Đông, viếng sông Tiền sông Hậu, đi miền Trung như Huế, Quảng Trị... Có những nơi cuộc sống tương đối còn được an toàn như Long Xuyên, Cần Thơ, lại có chỗ khác bị chiến tranh tàn phá như Quảng Trị, Hậu Nghĩa...

Đó là nói về đất nước còn về dân tình đối với tôi lại đặc biệt hơn nữa. Càng ngày tôi càng thấy với một thiên nhiên trù phú như vậy đáng lý ra người dân hiền lành chất phác xứ mình phải được hưởng một cuộc sống no ấm, an bình hơn.

Tôi còn nhớ có lần làm việc xong với khách hàng tại nhà người này ở giữa cánh đồng, nhóm chúng tôi xin phép ra về. Lúc đó đã đứng trưa nên ông một mực giữ chúng tôi ở lại dùng cơm với ông. Trước lòng hiếu khách chân tình của ông chúng tôi không thể từ chối. Chỉ ít lâu sau, người nhà đem ra mấy đĩa đầy tôm, cá và gà. Tôi ngạc nhiên hỏi thì được ông giải thích đó toàn là những món "cây nhà lá vườn" bắt từ lạch và vườn sau nhà mà có. Còn nữa, đối với người gốc Bắc như tôi chữ "qua" nghe từ miệng một ông hay bà trong Nam đứng tuổi xưng hô với mình nó ngọt ngào, thân mật và nhiều tình người làm sao!

Tuy không cầm súng để bảo vệ đất nước nhưng điều này không có nghĩa là khi làm công việc của mình anh em trong Ngân Hàng không đối đầu với những nguy hiểm của chiến tranh. Anh Lâm Hồ và Phạm Tiến Nam đã kể lại một vài kinh nghiệm của mình. Ở đây tôi xin nói thêm một vài "chuyện vui buồn" nữa.

Một kinh nghiệm buồn là khi tôi dẫn một phái đoàn ngoại quốc đi viếng thành phố Quảng Trị sau năm 1972. Nơi đây chỉ còn là những đồng gạch, cột xi măng đổ nát đến nỗi không còn một con đường nguyên vẹn nào trong khi mìn và bom đạn chưa nổ thì nằm la liệt ở khắp nơi. Để được an toàn chúng tôi đã phải nhờ đến anh em Thủy Quân Lục Chiến lái xe Jeep đi dẫn đường.

Có lần tôi không còn nhớ ở vùng nào mà chỉ nhớ có một lều tranh xiêu vẹo giữa một mảnh đất khô cằn có gió thổi làm bụi bay là là trên mặt đất khiến tôi liên tưởng tới cảnh trong phim "For A Few More Dollars" hay "The Good, The Bad, The Ugly" gì đó. Nơi đây tôi gặp



hai ông bà cụ đã lớn tuổi có một con trai duy nhất nhập ngũ mấy năm rồi nhưng giờ đã bắt tin và có lẽ đã hy sinh nơi chiến trường. Điều làm tôi xúc động mạnh là nghe ông nói khi qua đời ông sẽ không cần mua quan tài vì da ông đủ dày để chôn ông rồi. Lúc đó tôi mới để ý thấy da ông vừa dày vừa sần sùi như da voi vậy. Ông cho biết mỗi ngày ông phải lặn nước mặn vào rừng nhặt củi để kiếm ăn. Khi bước lên đất liền, ánh nắng mặt trời làm bay hơi nước chỉ để lại muối ướp da nên riết da ông dày và cứng như vậy!

Trong một chuyến đi Hậu Nghĩa cứu xét hồ sơ một nhà máy đường tiểu công nghệ thì nghe tiếng súng cối hay đại bác nổ ở gần đó. Trong câu chuyện, ông chủ nhà máy yêu cầu tôi nếu có ai hỏi thì trả lời tôi không đến để cho vay mà chỉ để coi xem có hùn vốn được không vì ông sợ sẽ có người tới đòi ông "đóng thuế" sau đó. Xong việc tôi đề nghị bác tài lái xe ra chợ kiểm quán ăn trưa. Bác nói nên đợi về gần Sài Gòn đã vì dù đã dùng số xe ẩn tể nhưng trên đường đi Việt Cộng nắm vùng đã báo cáo lên trên về sự hiện diện của chúng tôi rồi. An toàn hơn hết là nên đi khỏi nơi đó càng sớm càng tốt.

Một lần khác xe đang chạy thì ở phía trước bị ổ phục kích. Tôi vào quán bên đường uống nước để chờ. Đang ngồi có người đập mạnh vào vai và kêu tên tôi. Khi quay lại tôi nhận ra một anh bạn cùng lớp thời còn ở trung học nay đã đeo lon đại úy dẫn một đoàn quân xa đi qua nơi đó và cũng bị kẹt như tôi.

Ít lâu sau, ông Tổng Giám Đốc kêu tôi lên và khuyên nên cẩn thận hơn mỗi khi đi tỉnh, vì nếu có điều gì xảy ra Ông rất khó nói chuyện với thân nhân của tôi và của các bạn đồng nghiệp đi cùng. Lúc đó tôi mới thấy Ông để ý theo dõi và lo cho sự an toàn của nhân viên.

Tôi còn nhớ trong thời kỳ bên nhà bị nạn thiếu đường ăn, cơ quan Food and Agriculture Organization (FAO) hay World Bank (?) có gửi một phái đoàn chuyên viên qua để giúp. Tôi được chỉ định làm việc với họ và hỏi họ có cách gì giúp mình không? Một thành viên trả lời là sẽ nghiên cứu và đề nghị tài trợ cho mình một nhà máy sản xuất đường tân tiến và hữu hiệu nhất. Tôi trình bày chúng tôi đã có sẵn mấy nhà máy ở Hậu Nghĩa, Quảng Ngãi... nhưng phải hoạt động cầm chừng vì lý do an ninh nên không trồng được đủ mía dùng cho nhà máy. Ngoài ra, nếu xây thêm nhà máy thì cũng phải vài năm mới hoàn tất xong trong khi nhu cầu cần đường lại cấp bách. Đây là chưa kể mình lại phải mắc nợ thêm cho dự án này. Khi họ hỏi như vậy thì sao, tôi đề nghị họ có thể dùng ngân khoản dùng cho dự án để kiểm tra một phương cách trồng mía có thâm hoạch cao hơn để giúp mình về lâu về dài. Để phái đoàn hiểu rõ vấn đề, tôi tổ chức đưa họ đi Hậu Nghĩa để quan sát tại chỗ. Sáng sớm lên đường, họ cử một đại diện đến cho biết là tòa Đại Sứ của một thành viên khuyến cáo không nên đi vì lý do an ninh. Lúc đó cũng gần tháng 4 năm 1975.

Điều làm tôi vui và thấy mình may mắn hơn cả là được làm một công việc hữu ích và có ý nghĩa trong một không khí năng động, cởi mở, không phong kiến quan lại hay ganh đua phe phái. Điểm đặc biệt nữa là Đoàn Tín Dụng không phải chịu áp lực từ trên xuống khi cứu xét hồ sơ với các số tiền vay có thể rất lớn trong khi lãi suất lại thấp và cho vay dài hạn.

Tôi xin đơn cử hai thí dụ:

Có một dự án nằm trong Khu Kỹ Nghệ tại miền Trung hay bị lụt và lượng điện cung cấp nơi đây không dồi dào nên tôi đề nghị xây nền xi măng cao hơn và gắn thêm dàn máy phát điện phụ. Kỹ nghệ gia không đồng ý và dự án không hiểu sao bị đưa ra một cuộc họp có đại diện nhiều bộ để giải quyết. Chiều hôm trước anh Lâm Hồ cho biết sẽ cùng tôi đi dự phiên họp đó. Trước giờ họp tôi mở bản dự án dành cho tôi do một cơ quan khác làm ra đọc và thấy con số ước tính nguồn điện ghi trong đó cao hơn con số tôi có. Tôi trình bày với anh Lâm Hồ về điều này và nói buổi sáng trước khi tới họp tôi có điện thoại ra kiểm chứng với anh Hiệp làm Giám Đốc chi nhánh Ngân Hàng ở Đà Nẵng về nguồn cung cấp điện ngoài đó rồi. Sau lời trình bày của anh Lâm Hồ mọi việc được giải quyết ổn thỏa.

Dự án thứ hai nằm trong số những dự án có số tiền vay cao nhất của Ngân Hàng. Một khuyết điểm của dự án là đòi hỏi nguồn ngoại tệ nhập cảng nguyên liệu khá lớn trong khi không dự trù giai đoạn hai để biến chế nguồn nguyên liệu thay thế từ nội địa. Gần 40 năm sau, khi được gặp lại ông Tổng Giám Đốc ở vùng Orange County, ông chỉ hỏi tôi: "Sao anh không chịu đề nghị tài trợ dự án đó."

Như đã trình bày, trong cả hai trường hợp tôi không hề bị áp lực gì từ trên xuống mà ngược lại còn cảm thấy được tự do làm việc theo suy xét của mình.

Ở phần trên, anh Mưu có đề cập đến biến cố thành phố Ban Mê Thuột thất thủ năm 1975. Nhân đây tôi cũng xin kể lại một dự án có liên quan tới việc này. Khoảng đầu năm, một chủ nhà máy cửa ở Ban Mê Thuột đến Ngân Hàng lập hồ sơ vay để khuếch trương cơ sở của mình. Vì thấy ông thật nhiệt tình đi từ xa tới để làm hồ sơ nhiều lần nên chúng tôi gắng cứu xét hồ sơ cho xong sớm để ông khỏi mất công thêm nữa. Khi dự án được chấp thuận, chúng tôi gửi thư mời ông đến ký giao kèo nhưng không được hồi âm. Rốt cuộc ông tới xin lỗi không thể ký và cho biết khi nhân viên trại cửa vào rừng đốn cây có gặp nhiều binh lính và chiến xa Miền Bắc nằm trong đó. Ông tin họ sẽ tấn công Ban Mê Thuột, còn trại cửa vì nằm trên đường tiến quân của họ có thể bị phá hủy, và ông sẽ không có khả năng trả nợ. Quả thật chỉ ít lâu sau thành phố bị mất và tiếp theo là việc miền Nam sụp đổ.

Trong một đất nước sống trong thời buổi binh đao, ngoài mặt trận súng đạn ra còn phải đối đầu với mặt trận kinh tế nữa. Do đó, Ngân Hàng đã phải hoạt động trong tình huống không mấy bình thường như các ngân hàng khác trên thế giới.

Nói tóm lại, tôi cảm thấy mình thật may mắn đã được cùng với các đồng nghiệp làm việc ở Ngân Hàng dưới sự lãnh đạo của ông Tổng Giám Đốc trong một môi trường đặc biệt và có thể nói là hiếm hoi như vậy.

**R. Đỗ Ngọc Phước , London School of Economic and Political Science**



Năm 1966 tôi rời ESSO Standard Eastern mà tôi đã cộng tác trong hơn 6 năm trong cương vị senior management để gia nhập SONADEZI và Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ với một kỳ vọng là, với tư cách một chuyên viên, được tham gia vào những công việc phát triển kỹ nghệ và kinh tế, một khía cạnh nghề nghiệp mà tôi yêu thích và được huấn luyện. Thật may mắn cho tôi là được cộng tác với anh Điều, một người cương trực và năng động đồng thời là một lãnh đạo có hiệu năng cao, nhiệt tâm trong công việc, nhiệt tình với anh em. Tôi cũng may mắn được cộng tác với các anh em đồng nghiệp khác, những người mà anh Điều thường quảng bá là "gà nòi có cựa."



Anh Điều có liên lạc và gợi ý cho tôi viết một chút gì về kỷ niệm vui buồn trong khoảng thời gian cùng anh em làm việc hăng say không ngừng nghỉ để thăng tiến mức độ phát triển kỹ nghệ và kinh tế nước ta để anh đăng vào quyển sách Hồi Ký của anh. Những mẫu chuyện vui buồn thì tôi thấy anh chị em đã viết nhiều, cảm động có, vui nhộn hài hước cũng có, tất cả đều hướng về tinh thần đồng đội rất quý.

Ở đây tôi chỉ xin được viết về một chuyện vui chung về nghề nghiệp và rồi để kết thúc bằng... một lời than thở.

Chuyện vui về nghề nghiệp mà tôi muốn chia sẻ cùng anh chị em là: hồi tưởng lại những công việc mà chúng ta cùng làm trong thập niên 60 và nửa thập niên 70 thì chúng ta phải nhận định là chúng ta đã theo con đường phát triển kỹ nghệ và kinh tế vô cùng đúng đắn cả về mặt khái niệm, tổ chức và phương thức thực hiện. Và hơn thế nữa, chúng ta đã ĐI TRƯỚC các nước đang phát triển khác, kể cả Trung Quốc hơn cả mười năm.

Thực vậy, theo thống kê của các cơ quan chuyên môn, trong năm 2015 có khoảng 4,500 Special Economic Zones [SEZs] ở 140 nước trên thế giới, sử dụng khoảng 66 triệu nhân công [The Economist, 2015] trong số này có 30 triệu làm việc ở Trung Quốc. SEZs đã sản xuất trên US\$200 tỉ hàng hóa xuất cảng. Khái niệm về SEZs đã được hấp thụ và thực thi một cách qui mô ở các nước phát triển như một chiến lược phát triển kinh tế trong những năm 70 và 80. Tổng số SEZs trên thế giới đã gia tăng từ 9 vào cuối những năm 1960 lên đến 107 trong 51 nước đang phát triển vào cuối năm 1987 [Amado, 1989].

Ai cũng biết, khái niệm về Khu Kỹ Nghệ của SONADEZI với TTPTKN yểm trợ về kỹ thuật, tài chánh và quản trị cho các nhà đầu tư cùng với những biện pháp giảm đến mức tối thiểu thủ tục hành chánh đã biến các khu kỹ nghệ của chúng ta thành một Special Economic Zone chứ không phải chỉ đơn thuần là một Industrial Park.

Nhìn lại thí dụ điển hình của Trung Quốc, trong năm 1980 TQ chính thức thiết lập 4 Special Economic Zones ở Shenzhen, Zhuhai, Shantou và Xiamen. Trong 4 SEZs này, Shenzhen là một khu đặc biệt nhất. Shenzhen vào năm 1980 chỉ là một làng đánh cá với 30000 dân, cách Hong Kong qua một con sông. Từ năm 1980 cho đến 1984, tổng sản lượng [GDP] hàng năm của TQ gia tăng trung bình là 10% so với GDP của Shenzhen tăng vượt lên đến 58%. Giữa năm 1978 và năm 2014, GDP tính trên đầu người của Shenzhen đã tăng từ RMB 606 đến RMB 149,500; tỉ lệ gia tăng choáng váng là 24,569% [Liwack and Qian, 1998; Wong, 1987; Yeung, Lee and Kee, 2009].

Nghe nói mà thêm rõ dãi!

Nên nhớ là SONADEZI được thành lập năm 1963 và TTKTKN được thành lập nhiều năm trước đó.

Và sau đây là lời than vãn của tôi: Nhìn lại quá trình phát triển của TQ làm tỷ dụ, làm sao

TQ có thể đạt được mức phát triển khổng lồ có thể cho là phép màu như vậy? Cái gì là động cơ thúc đẩy? Các nhà làm chính sách, các kinh tế gia hoặc các nhà khoa bảng có thể tiếp tục thảo luận về các lý do, nhưng không ai có thể phủ nhận được rằng chính các Khu Kinh Tế, Khu Kỹ Nghệ đã đem đến 22% tổng sản lượng quốc gia, 46% foreign direct investment [FDI], 60% xuất cảng và phát sinh được trên 30 triệu công ăn việc làm cho người dân TQ. Đó chính là động cơ phát triển hàng đầu của phép màu kinh tế TQ.

Như tôi đã nói, chúng ta đã có khái niệm, tổ chức, phương thức thực hiện tối thiểu từ năm 1963 để rồi vì chiến tranh không tiến được bao xa và sau đó tan rã với vận mệnh của đất nước.

### **S. Khương Hữu Diệu, Lafayette College, MIT**

Điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là tôi được điểm phước khi nhóm "Gà Nòi" đã tặng cho tôi "mẫu chuyện vui buồn" quý giá nhứt vào năm 2000! Tại sao và như thế nào? Cổ ngữ có câu "Thất thập cổ lai hy." Nhóm "Gà Nòi" đã lặng lẽ dùng Internet để tổ chức ngày ăn mừng sinh nhựt thứ 70 cho tôi trong bí mật tuyệt đối.



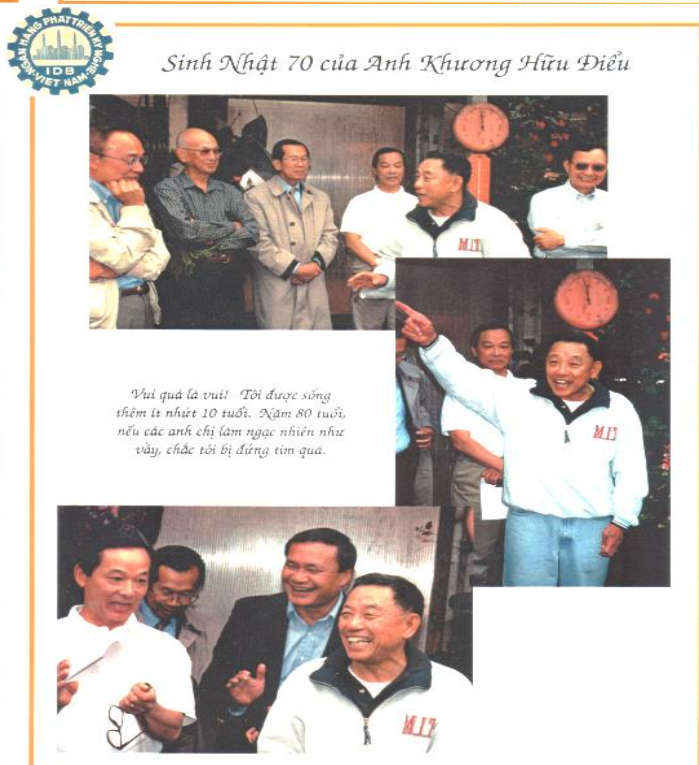
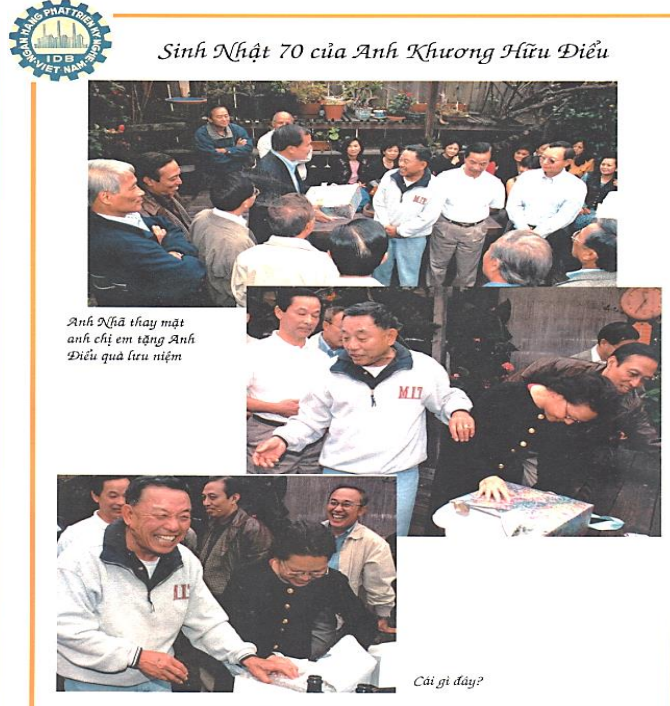
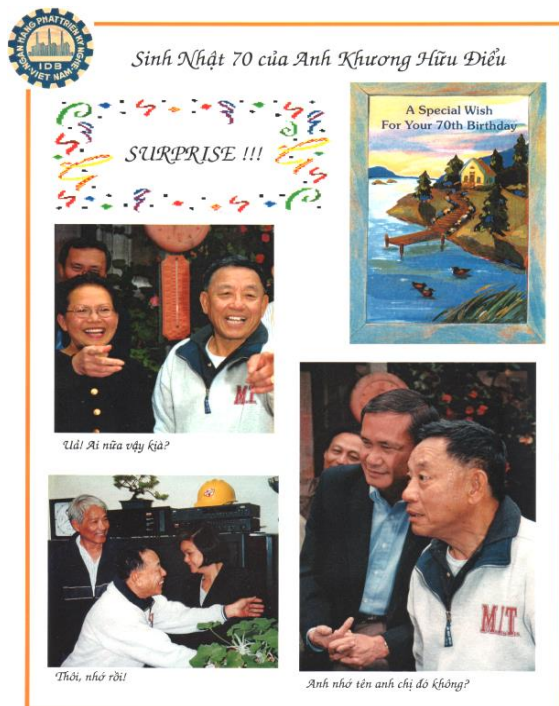
Họ làm sao để cầm chân tôi ở nhà vào lúc 11giờ 30 sáng ngày đó vậy? Người bạn thân của tôi là bác sĩ Hườn đã giúp họ một tay. Ông này hẹn sẽ đến nhà tôi để cùng tôi đi ăn mì tại nhà hàng Tàu quen thuộc và nổi tiếng "Hải Ký Mì Gia" trên đường Irving! Vào đúng ngày hẹn, nhóm "Gà Nòi" đậu xe ở supermarket LUCKY cách nhà tôi hai blocks. Anh Vĩnh Thúc, nay đã qua đời, âm thầm tiến gần đến nhà và bắt gặp tôi đang đi chân không rửa chiếc xe camper đầy bùn và bụi bặm của tôi. Rồi bất thành linh, anh Hoàng Đức Nhã dẫn đầu nhóm tay cầm một hộp quà bước lại gần. Hoàn toàn bị bất ngờ, tôi đưa họ đi qua garage ở tầng nhà dưới vào cái deck xây bằng gỗ redwood nơi vườn sau nhà. Thực tình là phòng khách trong nhà quá nhỏ để tiếp được hơn 30 người. Chúng tôi đã cùng nhau ăn mừng ngày sinh nhựt thứ 70 của tôi như thế đó.

Sau ngày Sài Gòn thất thủ, nhóm chúng tôi đã lưu lạc đi khắp bốn phương trời. Nhưng 25

## Đông gặp Tây

năm sau, tôi cảm thấy thật xúc động, bất ngờ và vinh dự khi được các bạn trong nhóm coi tôi như chim đầu đàn của họ. Quả thật, chúng tôi đã được hưởng một cuộc họp mặt đầy vui vẻ của một đại gia đình.

(xem hình dưới đây)





Sau bao thăng trầm của cuộc đời, vào tuổi bát tuần, tôi phải công nhận mình đúng là may mắn được tận hưởng cảnh về hưu bên Marie, người bạn đời thân yêu của tôi, trong thành phố San Francisco tuyệt vời này. Thêm nữa, tôi còn trân trọng "tình thân hữu" sâu đậm vô số các cộng tác viên của tôi trong hai thập niên 1960 và 1970 ở Sài Gòn đã dành cho tôi. Không phải ai cũng trải nghiệm được "tình thân hữu" hiếm hoi và kéo dài trên nửa thế kỷ như vậy. Từ đáy lòng, tôi trân trọng điều đó và "**Tình Người**" chân thành này đã khiến cuộc đời tôi có ý nghĩa nhiều hơn bội phần và là động lực mãnh liệt khiến tôi viết hồi ký của đời mình./.

PS: Tôi vừa được feedback của anh bạn tại San Jose:

Kính anh,

Đọc những cảm nghĩ của các công sự viên của anh hồi trước, tôi thấy ai cũng chân thành mến anh vì tánh thẳng thắn và nghệ thuật chỉ huy khéo léo của anh. Bây giờ sau mấy chục năm lặn lội anh em còn tưởng nhớ nhau đó là vì tình, lời lẽ phát ra lúc này là lời thật. Anh hãy trân trọng lời vàng ngọc của bạn bè.

Kính,

Nguyễn thành Sơn

Đông *gặp* Tây

# Thay Lời Kết

Người Pháp có câu ngạn ngữ “À quelque chose malheur est bon”, người Anh, Mỹ thì nói “Misfortune may be a blessing in disguise”, còn người Tàu có câu chuyện dân gian “Tái Ông Thất Mã” cùng nói về vận may rủi.

Xưa có ông lão tên là Tái Ông sinh sống ở vùng biên giới phía Bắc Trung Quốc. Ông rất giỏi việc nuôi ngựa. Ngày kia, ngựa của Tái Ông chạy lạc sang nước Hồ lân cận. Hàng xóm đến an ủi nhưng Tái Ông cười nói “Tôi tuy mất ngựa, nhưng đó có thể lại là điều tốt.”

Vài tháng sau, con ngựa mất tích đột nhiên trở về cùng với một con tuần mã. Thấy thế, hàng xóm đến chúc mừng, nhưng Tái Ông lại cau mày nói “Tôi được ngựa quý, nhưng sợ rằng đó chẳng phải là điềm lành.”

Con trai ông thích cỡi con tuần mã, một hôm anh ta ngã ngựa gãy chân và trở thành tàn phế. Hàng xóm đến khuyên nhủ ông đừng quá buồn, Tái Ông thán nhiên “Con trai tôi tuy gãy chân, nhưng đó chưa hẳn đã là điều không may.”

Một năm sau, nước Hồ láng giềng đưa quân sang xâm lược. Tất cả thanh niên trai tráng đều phải tòng quân và hầu hết đều bị tử trận. Con trai ông tật nguyên nên được ở nhà và thoát chết. Lúc này hàng xóm láng giềng mới thấy rằng những lời của Tái Ông quả thật thâm thúy.

Chung quy các câu ngạn ngữ, chuyện dân gian trên đều hàm ý trong cái rủi có tiềm ẩn cái may, vận xui đôi khi hóa ra phúc lành, xấu lại biến tốt.

Vận mệnh cuộc đời tôi trong suốt hơn tám mươi lăm năm qua là biểu hiện vận số may rủi như thế. Nhìn lại đoạn đời đã qua, tôi đã được sinh ra và sống thời thơ ấu hạnh phúc nơi vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trù phú của miền đất tên gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh. Những tưởng cuộc đời phẳng lặng bình an bên cạnh hàng họ quyền thuộc sẽ tiếp tục êm đềm như dòng sông Bảo Định xuôi chảy cạnh nhà, nhưng tôi có nào ngờ vận số đã đưa đẩy tôi đến vùng đất Cựu Kim Sơn của Tân Thế Giới hay Lãnh Thổ của Người Tự Do. Xui hay hên, may hay rủi, sung sướng hay bất hạnh là tùy theo cách cảm nhận và cách phản ứng.

Nếu cuộc đời dành cho mọi người thường là chuyện thăng trầm, vinh nhục, thì cuộc đời tôi cũng không thoát ra khỏi cái phạm trù ấy qua 24 chương sách tôi vừa kể.

Xin bắt đầu với cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Đây là một trong những thảm kịch nhân loại kinh hoàng nhất của thế kỷ 20, kéo dài trong ba thập niên, gây chết chóc và thương tật cho nhiều triệu người Việt trên chiến trận, trong làng mạc, và trong ngục tù cộng sản. Kế tiếp là cuộc di cư chưa từng có trong lịch sử Việt Nam đã đẩy hàng trăm ngàn người bỏ mạng trên đại dương, trên rừng sâu núi thẳm, và khiến non 3 triệu người Việt mất gia



*đình, mất tài sản, mất quê hương đang phải tản mác khắp bốn phương trời trong đó có gia đình tôi. Đó là vận xui của đất nước Việt Nam bị rơi vào tay đảng cộng sản Hồ Chí Minh sau vận may của tiền nhân đã bành trướng lãnh thổ trong cuộc Nam Tiến ba thế kỷ trước. Có người đem thuyết nghiệp báo, ân đền oán trả của nhà Phật giải thích vận số của Việt Nam hôm nay là cái nghiệp phải trả vì sự xâm lấn đất đai của Chiêm Thành và Chân Lạp trong quá khứ.*

*Sau hơn 70 năm cai trị miền Bắc và 40 năm cai trị Miền Nam, Cộng Sản đã áp dụng chánh sách bạo ngược gian tham, nói chung với tất cả các thói hư tật xấu để phá hủy hệ thống đạo lý gia đình và xã hội Việt Nam, đã tạo ra một lớp người thiếu nhân cách, vô cảm vì «chính quyền nào, người dân này.» Nhưng vận xui của Việt Nam sẽ phải chấm dứt bởi lẽ trước sự ngu dốt, độc tài và khiếp nhược của đảng cộng sản Việt Nam đã để Trung Cộng chiếm đất và tài nguyên, trong những năm gần đây đã xuất hiện một thế hệ người Việt được tiếp cận với tư tưởng tự do dân chủ qua truyền thông và giao tiếp với Tây Phương đã công khai nổi lên chống đối bạo quyền. Cuộc cách mạng tự do như phong trào mùa Xuân Á Rập đã manh nha và viễn ảnh một Việt Nam tự do phồn thịnh sẽ không lâu được thiết lập tại Việt Nam với sự vùng dậy của người dân trong nước và chắc hẳn có sự góp phần xây dựng của thế hệ tài năng người Việt tị nạn ở ngoài nước.*

*Nói đến người Việt tị nạn cũng là nói đến vận đề may rủi. Không một dân tộc nào muốn lìa bỏ quê cha đất tổ để sống tha phương trên đất người. Khi Cộng Sản chiếm Sài Gòn, hàng triệu người Việt Nam đã bỏ xứ ra đi là một bất hạnh cho dân tộc và thảm cảnh người vượt biển vượt biên chết trên đường tìm tự do là nỗi bất hạnh kinh hoàng đã làm chấn động lương tâm nhân loại. Đi tìm cái sống trong cái chết, người Việt di tản, di cư, sau khi may mắn đến được bến bờ đã phải tái xây dựng, đa số lúc nửa đời người, bằng nhọc nhằn, mồ hôi nước mắt để thành hình các cộng đồng người Việt khắp nơi trên thế giới mà Hoa Kỳ là đất hứa của non hai triệu người Việt tị nạn. Không kể các cộng đồng người Việt ở Đông Âu là những cộng đồng người Việt ô hợp ra đi từ thế giới cộng sản, các cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ, Tây Âu và Úc Châu là những cộng đồng người di dân mới, được dân địa phương nể trọng bởi khả năng làm việc và óc sáng tạo. Chỉ sau 41 năm, nhiều nhân vật lỗi lạc trong tất cả các ngành nghề thuộc người Mỹ, người Canada, người Pháp, người Đức, người Úc... gốc Việt đã làm thế giới biết đến cộng đồng người di dân gốc Việt và trong một tương lai không xa, người gốc Việt sẽ có thể là người lãnh đạo tại những nơi mà trước đó tổ tiên họ đã định cư khi rời bỏ cộng sản.*

*Số phận của tôi là điển hình của hệ lụy may rủi như vừa luận bàn. Tháng 4 năm 1975, khi Cộng Sản chiếm miền Nam, tôi bắt buộc phải ra đi làm lại cuộc đời lúc tuổi 40 với hai bàn tay trắng trong thân phận một người tị nạn khi đặt chân đến trại tạm cư Pendleton tại California. Đến lúc đó, tôi mới thấu hiểu câu ngạn ngữ “Every cloud has a silver lining” hay câu “Họa trung hữu phúc” mà người Việt và người Tàu hay nói. Thật là một biến cố trọng đại phũ phàng và bất ngờ mà trước đó, chưa bao giờ tôi nghĩ sẽ có thể xảy ra trong đời tôi. Có lúc, tôi đau buồn nghĩ là mình sẽ không bao giờ còn thấy lại được ngôi nhà tổ đường, và có lẽ chỉ còn hi vọng tro bụi hài cốt mình sẽ một ngày về sum họp với song thân*

*phụ mẫu đang nằm an giấc ngàn thu nơi mộ phần tại miền đồng bằng Cửu Long Giang mà thôi.*

*Nhưng chỉ sau thời gian ngắn ngủi bị quan, sâu thẳm lúc ban đầu, như lời dạy của ba tôi là hãy đứng lên chỗ mình đã ngã, và với bản chất tự tin, quyết tâm không sợ gian khổ đã khiến tôi rắn rỏi phần đầu từng bước một để tái xây dựng cùng với Marie, người bạn đời của tôi, trên Mảnh Đất của Cơ Hội nhưng cũng là Mảnh Đất của Đua Tranh. Ôn nhớ lại chẳng đời gần 50 năm trên đất Mỹ, từ lúc là cậu sinh viên nghèo ngơ ngác ở Lafayette College đến người tị nạn xơ xác ở Camp Pendleton, đôi lúc tôi cũng khó tin là tôi đã vượt qua được biết bao biên cố từ năm này qua năm khác. Thực ra tôi có được một số may mắn, nhưng cũng có quá nhiều cái bất hạnh, nhưng trong cái may hay cái rủi, tôi đều cố áp dụng cái nguyên tắc căn bản, từ trường học đến trường đời, là để được thoát nạn hay thành công chỉ cần 10% kiên thức nhưng phải cần đến 90% mồ hôi và nghị lực.*

*Không phải ai cũng có một bộ óc thông minh tuyệt vời như Steve Jobs, nhưng cũng phải hiểu rằng trước khi trở thành đỉnh cao chói lọi của tin học và ti phú, Steve Jobs cũng đã phải trải qua nhiều gian khổ : ngủ ở sàn nhà các người bạn, lượm lon coca để gom những 5 xu mua thức ăn và bị đát hon, bị đuổi ra khỏi công ty do chính ông sáng lập. Ông đã lao đao lận đận, nhưng kiên trì và đam mê với công việc ông làm, không ngại thử thách trước khi thành công. Dĩ nhiên, tôi không có được cái thiên tài và cái ý chí của Jobs, nhưng trong mọi trường hợp, tôi luôn dành 90% cho sự cố gắng, do đó khi gặp nạn hay thất bại tôi không bi lụy và khi thành công tôi không tự mãn. Tôi cảm ơn ba tôi đã dạy tôi những ý niệm này khi tôi còn học tiểu học và những thăng trầm của cuộc sống đã làm tôi vững vàng hơn. Chính nhờ cái nguyên lý này mà tôi luôn cảm thấy lạc quan, yêu đời và yêu người. Cuộc sống của tôi luôn vây quanh bởi tiếng cười của thân bằng quyến thuộc.*

*Nói đến bằng hữu, tôi không thể nào không nhắc đến nhóm bạn 40 người mà trong thập niên 60, chúng tôi gặp nhau bằng tình đồng nghiệp, gần gũi nhau bằng tình tự dân tộc, và gắn bó nhau suốt đời bằng tình tri kỷ. Nhóm chúng tôi có 40 người mà chúng tôi gọi theo cách bình dân là nhóm gà nòi và văn vẻ hơn là «Dream Team.» Nếu phải dịch thoát nghĩa «Dream Team» là «nhóm lý tưởng», tôi nghĩ danh từ cũng không phải khoa trương, bởi lẽ trong bối cảnh giao tranh ác liệt trên chiến trường và tranh giành quyền lực tôi tị trên chính trường dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa, sự có mặt của nhóm 40 chuyên gia trẻ, tốt nghiệp từ các đại học danh tiếng trên thế giới và Việt Nam là một lực lượng «chất xám» lý tưởng để xây dựng và phát triển nền công kỹ nghệ Việt Nam đang trong tình trạng phôi thai và bị chiến tranh tàn phá. Trong vòng 15 năm cuối của chế độ Cộng Hòa, nhóm «Dream Team» đã mang kiên thức và tâm lòng để thành khẩn phục vụ quê hương và có thể nói mà không sợ ngoa ngưỡ, nhóm «Dream Team» đã góp phần không nhỏ trong công cuộc phát triển kinh tế, khoa học của Việt Nam Cộng Hòa. Buồn thay, khi cộng sản cưỡng chiếm Sài Gòn, nhóm Dream Team phải xa lìa mỗi người một ngã, nhưng cái thành quả và lý tưởng của nhóm là thứ keo sơn gắn chặt chúng tôi với nhau mà những cuộc gặp gỡ là những giây phút vui tươi tràn đầy kỷ niệm.*

*Kể lại chuyện đời tôi, trên hết, tôi phải bày tỏ niềm sung sướng có được Marie, người vợ hiền hậu và thương yêu đã luôn có mặt bên tôi trong suốt 56 năm qua trong mọi cảnh ngộ, dù tốt hay xấu. Bản chất tận tụy, kiên nhẫn và nhường nhịn trong tình thương của Marie đối với tôi còn vượt cao hơn tình nghĩa phu thê theo quan niệm Nho Giáo cổ truyền của Đông Phương. Khi còn son trẻ, vợ chồng yêu nhau say đắm nhưng khi tuổi đời thêm chồng chất thì vợ chồng càng gắn bó nhau hơn, bởi ngoài cái tình còn có cái nghĩa, ngoài tài sắc còn có cái ơn, ngoài vợ chồng còn có con cháu thân bằng quyến thuộc. Đó là cái lý do chính yếu giải thích sự bền vững của gia đình Đông Phương cao hơn người Tây Phương, một trong những khác biệt văn hóa Đông và Tây. Nhưng văn hóa không thể hiểu theo quan niệm cổ điển chỉ là phong tục tập quán mà văn hóa hôm nay còn có ý nghĩa rộng hơn là văn hóa chính trị (culture of politics). Với hiện tượng toàn cầu hóa kinh tế và truyền thông, văn hóa hiểu theo nghĩa nhân văn xã hội đã lần lần bị biến đổi bởi kỹ thuật và chính trị. Internet đã khiến con người gần nhau hơn, cái biên giới nhân văn tư tưởng các dân tộc không còn quá cách xa, Đông và Tây lần lần gặp nhau.*

*Viết lại cuộc đời, tôi muốn ghi lại thời tôi đã sống. Tôi tự xem mình như là một thứ sản phẩm hỗn hợp giữa nền “Văn Hóa Cầm Đũa” Á Châu và nền “Văn Hóa Cowboys” của Tân Thế Giới. Một nửa đời tôi là Miền Nam Việt Nam, còn một nửa kia là Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. “Gien tổ” của tôi là sự lai giống giữa Việt và Tàu. Tín ngưỡng của gia đình tôi là sự sống chung giữa Công giáo và Khổng giáo. Học vấn của tôi lại là sự pha trộn của ba hệ thống giáo dục Việt, Pháp, Mỹ. Với sự đa dạng về môi trường sống và hệ thống giáo dục thụ hưởng như vậy, tôi có cơ may trải qua những biến động lịch sử quan trọng của đất nước tôi và của nước Mỹ trong hơn 8 thập niên.*

*Qua 24 chương của hồi ký, tôi đã đi theo một lộ trình đông dài, ngoằn ngoèo từ Đông sang Tây với khó khăn và thuận lợi, bi quan và lạc quan, thành công và thất bại... Trong mỗi trạng huống, tôi tự đặt tôi vào khung cảnh gia đình và xã hội, do đó quyển sách không phải chỉ là một hồi ký đời tôi mà còn là một địa phương chí và lịch sử những vùng đất tôi đã sống.*

*Và như vậy, qua các trang sách như nhìn qua cửa sổ, qua bóng dáng của cậu học trò tiểu học vô tư ở vùng đồng bằng sông Cửu Long năm xưa đến cụ già đã trải qua bao thăng trầm của cuộc đời từ ngôi trường Lafayette ở Pennsylvania, MIT ở Massachusetts đến vùng Cội Kim Sơn hôm nay, nếu độc giả có thoáng thấy chút hình ảnh thu nhỏ của Đông và Tây, Việt Nam và Hoa Kỳ trong 80 năm qua, tác giả thực tâm mãn nguyện, vì đã đạt được ước vọng khi viết những trang giấy này.*

*Xin cảm ơn quý độc giả đã kiên nhẫn cùng đi với tác giả đến dòng chữ cuối.*

**Khương Hữu Điều**  
**San Francisco, 2016**



# Phụ Lục

## Phản Hồi (Feedback)

**Subject: I want to share with you the book feedback.**

**When I received good feedback from a chapter, I usually thought it was a polite reply. Then some feedbacks have convinced me that I am on the right track. (KHD)**

.....  
**Nhiều người đồng ý với lối thấy sao nói vậy, nghĩ đúng thì bắt tay làm không do dự. Đây là những khích lệ cho tác phẩm của anh. Thân chào.**

---

From: **Thomas Hoang Vu** <[vuthuyhoang35@gmail.com](mailto:vuthuyhoang35@gmail.com)>

Date: 2015-04-18 16:12 GMT-07:00

Subject: Re: rất hấp dẫn

To: Dieu Khuonghuu <[dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)>

Kính gửi anh Điều,

Tôi đã đọc mấy chương anh mới gửi thêm. Anh đã khéo xen đan những ngày trẻ tuổi của anh vào với khung cảnh xã hội VN thời ấy để người đọc biết về anh và VN. Những chương này viết thật hay và vẫn hấp dẫn người đọc. Nhờ đọc sách của anh, tôi biết cụ thể hơn về việc cho người thân nhân nuôi con mình, cũng như xã hội miền Nam trước năm 1945. Tôi nghĩ sách của anh giúp cho người Mỹ cũng như Việt hiểu biết thêm về VN và những vấn đề liên hệ thời cuộc.

Nói chung sách rất hay cả về nội dung lẫn kỹ thuật.

Xin anh Điều cho biết bao giờ anh cho ra mắt sách, và ấn bản tiếng Việt ra cùng với bản tiếng Anh hay ra sau. Cũng xin anh cho biết số phone và địa chỉ của anh để tiện liên lạc với anh, và để tôi gửi tặng anh mấy cuốn sách của tôi..

Thân mến,

Hoàng.

---

2015-04-05 22:35 GMT-07:00 Thomas Hoang Vu <[vuthuyhoang35@gmail.com](mailto:vuthuyhoang35@gmail.com)>:

Kính gửi anh Khương Hữu Điều,

Đông *gặp* Tây

Tôi cảm ơn anh đã gửi cho mấy chương trong cuốn sách của anh. Tôi rất thích thú khi đọc mấy chương này. Sách rất hấp dẫn vì tiết lộ một số bí mật. Cách trình bày sự kiện cho thấy anh đã dày công sưu tầm tài liệu sâu rộng. Lối viết thẳng thắn cùng với phân tích và nhận định công bình của anh có sức thuyết phục người đọc.

Được biết anh từ khi làm ở Stanvac năm 1961, tôi không ngờ anh còn có cả tài múa bút như một cây viết chuyên nghiệp thuộc hàng quốc tế. Xin được ngả mũ bái phục anh.

Tôi muốn đặt mua sách của anh. Xin anh vui lòng cho biết thể thức và địa chỉ đặt mua sách.

Kính chúc anh và gia quyến mọi điều an lành.

Vũ Thụy Hoàng

---

**From:** [VMAFORUM@yahoogroups.com](mailto:VMAFORUM@yahoogroups.com) [mailto:[VMAFORUM@yahoogroups.com](mailto:VMAFORUM@yahoogroups.com)]

**Sent:** Thursday, July 21, 2016 8:37 AM

**To:** [VMAFORUM@yahoogroups.com](mailto:VMAFORUM@yahoogroups.com)

**Subject:** [VMAFORUM] Hồi Ký anh Thứ Trưởng Khướng Hữu Điểu

Cám ơn anh đã giới thiệu Hồi Ký Khướng Hữu Điểu. Loạt bài "*Khi Đông và Tây gặp nhau*" của anh ấy có đăng trên báo Thời Luận của Đỗ Tiến Đức và trên website <http://vanghe.blogspot.com>

Rất khâm phục tài năng của anh Điểu và rất thích những nhận xét thật xác thực của anh. Anh có trí nhớ siêu phàm còn ghi lại được từng chi tiết nhỏ.

Kính anh Điểu,

Chương này (17) hay và hấp dẫn lắm, nhất là đối với những người đã ở trại Pendleton. Tôi cũng ở trại này hơn ba tuần lễ trong tháng 5, 1975, ở lều 8 gần lều ông Kỳ. Nhưng hồi đó vì quá bận rộn phải lo cho vợ và 3 con nhỏ từ 10 tháng tới 4 tuổi, nên tôi không biết anh là "mayor." Uổng quá! Phóng viên Aarons Leroy của Washington Post có đến thăm trại hai ba lần, và tôi có giúp anh ta đi phỏng vấn một số người để viết bài về người Việt ở trại tỵ nạn.

Thân mến, Thomas Hoang Vu <[vuthuyhoang35@gmail.com](mailto:vuthuyhoang35@gmail.com)>  
Hoàng.

---

**Thanks Dieu. You have some wise friends. The fact is that almost every time I read one of your chapters I think it is the best, so I stopped saying so because I feared you would not believe me.**

.....  
This is one of your best chapters. it is informative, factual. It shows the intrigue and "trading" between government and big business. It shows that everything is for sale! Excellent job.

You mentioned Ambassador Parker Hart. He was the one who encouraged me to write my book. His widow, Jane, later did some editing of my manuscript. Small world.

Dieu, you certainly had a fascinating, productive and enjoyable life. Now you are sharing your rich experience with others.

Good job.

Thank you

---

Your records, memory and research are all so great. I especially like the letters of referral and the chance meetings with key people. As usual, there is not a boring page in your book.

Chuck

---

Dear Mr. Dieu,

Please let me know if and how can I have all of your chapters of this great biography of yours to read it. It is a great inspiration writing to learn from real life experience of yours.

Thank you for sending out such a great piece of writing.

---

Kinh Anh Dieu

Your self-biography-memoir is excellent. It has a strictly southern quintessence that will enrich the wealth among all the memoirs of the post-1975 exodus of South Vietnamese from their mother land. It was out of realm of ghost writers and beautifully genuine in every fiber of your penmanship. Congrats.

Toronto, Canada

March13, 2014

---

**Ông Khương hữu Điều kính mến,**

Cho em được tự giới thiệu em là ai để ông không phải ngạc nhiên khi nhận bức thư này. Em tên là Vũ văn Ninh sinh năm 1941 nhỏ hơn ông 10 tuổi. Em là học trò và là nhân viên của Viện Quốc Gia Định Chuẩn dưới quyền ông Tổng giám đốc Phí minh Tâm. Em của là học trò của thầy Trương công Hiếu, Tổng giám đốc Cơ Quan Đánh



Tiền Kim Loại Hoàng Gia tại Canada. Em rất ngạc nhiên và sung sướng nhận được những trang “Nhật Ký” của ông. Em rất thán phục sự ngay thẳng và học hỏi được những kinh nghiệm sống cùng biết qua sự kiện lịch sử của quê hương xưa cũng như nay.

Em cũng rất đồng cảm với ông khi lấy sự ngay thẳng, nhìn vào bản thân mình để viết “nhật ký đời mình” thì mình sẽ lắng đọng những khắc khoải, những hối tiếc cùng những tri ân với cha mẹ, người thân và bạn bè mà mình không có cơ hội nói lên được. Tất cả lý do đó ông đã bày tỏ trong EPILOGUE.

**“As always a very practical man, with thanks to MIT, I have carried out this project with concrete parameters. This project has required commitments and planning of time as well as mental, intellectual and physical efforts. This ambitious endeavor will surely be my last big challenge. I have done it, first of all, as my filial duty in memory of my parents with my profound respect and love for them. To remember the past has also been an opportunity for me to express the lasting friendship and deep affection for my siblings, relatives and friends in Viet Nam, America, Europe and elsewhere in the world, who have filled my life with so much affection, sharing and love. And to tell the story of my life is, above all, a chance for me to say how lucky I have been to have Marie in my life, my kind and beloved wife who has remained by my side for better or for worse during the past 55 years. My story is at the same time very much her story, and I have often wondered during difficult times, how she endured the unbelievable hardships of our lives. Furthermore, her love and devotion for me must have been supernatural in order to cope with seemingly hopeless situations. I must admit that I did not always make things easy for Marie. In many ways I have a complicated mind, and at times a rather difficult temperament. I have been blessed with great happiness and gratitude for my wife’s forgiveness of my impossible character. It is quite possible that the flaws of my character have been further aggravated by the process of East meets West! More than anyone else, Marie has been aware of such a mixture in me and has always stuck by my side.**

**To write the story of my life has helped me to have a closer look at myself.”**

Em không biết có phải qua liên lạc thư từ với hai Thầy Phí minh Tâm và Thầy Trương công Hiếu mà em nhận được những trang “Nhật Ký của ông Khương hữu Diểu” thật tình nghĩa, xúc tích, hình ảnh đẹp, đầy ắp những sử liệu của Việt Nam

xưa và nay, và một điều đáng quý nhất là tất cả đã được mở ra như tấm lòng ngay thật, bao dung và trong sáng của tác giả.

Kính chúc ông và gia đình nhiều sức khỏe và hạnh phúc .

Toronto, Canada

March 13, 2015

---

Chuck Hage <[chage@mohicanfinancial.com](mailto:chage@mohicanfinancial.com)>

Dieu

Your records, memory and research are all so great. I especially like the letters of referral and the chance meetings with key people. As usual, there is not a boring page in your book. Chuck

---

Anh Dieu thân mến,

Chương này, cũng như nhiều chương khác, rất hấp dẫn. Tôi thích lối viết trong sáng, ngắn gọn của anh, cùng lối kể chuyện chân thật có đan xen vào những mẩu chuyện nhỏ có liên hệ tới thời cuộc trước kia để người đọc cảm nhận theme của cuốn sách East Meets West.

Thân mến,

Hoàng.

---

Date: Fri, Sep 18, 2015 at 1:45 PM

Subject: Re: ENGLISH-CHAPTER 21. Twenty-Two Years of Work for a Happy Retirement PART ONE-

To: Dieu Khuonghuu <[dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)>

This is one of your best chapters. it is informative, factual. It shows the intrigue and "trading" between government and big business. It shows that everything is for sale! Excellent job.

You mentioned Ambassador Parker Hart. He was the one who encouraged me to write my book. His widow, Jane, later did some editing of my manuscript. Small world.

Dieu, you certainly had a fascinating, productive and enjoyable life. Now you are sharing your rich experience with others.

Good job.

Thank you for allowing me to read your book.

Rashid

---

Đông gặp Tây

Dear Mr. Khuong Huu Dieu,

Please let me know if and how can I have all of your chapters of this great biography of yours to read it. It is a great inspiration writing to learn from real life experience of yours.

Thank you for sending out such a great piece of writing.

Do Hung

---

From: catina nguyen <[vlanguyen@hotmail.com](mailto:vlanguyen@hotmail.com)>

Date: 2015-09-29 2:02 GMT-07:00

To: Dieu Khuonghuu <[dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)>

Hello Dieu,

Je n'en doute pas que votre biographie est très captivante, intéressante et bouleversante, bon courage pour la suite.

Vous avez déjà des lecteurs avides de vous lire.

Cordialement.

Cathy

---

From: phanngoc.thu <[phanngoc.thu@free.fr](mailto:phanngoc.thu@free.fr)>

Date: Thu, Dec 3, 2015 at 6:43 AM

Subject: EPISODES Chapter of EMW

To: [dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com) 3 Decembre 2015

Hi Dieu:

Just finished reading -- and enjoying -- this latest chapter which I think ranks among the best of your writing project, Dieu.

The "Episodes" contributed by Cuong, Muu and his pals are the best evidence of the love and admiration all IDCers felt and continue to feel for you, Dieu. Though I barely qualify as an IDC, I've always shared the same sentiments of admiration and love.

Among the thousands of major leaders of the Republic of Vietnam, you're one of the handful, nay the only one who enjoyed such success among the boys and gals you led during the few short years of the RVN.

**YOU HAVE EVERY REASON TO BE PROUD, KHD.**

Thu

---



**From:** catina nguyen <[vlanguyen@hotmail.com](mailto:vlanguyen@hotmail.com)>

**Date:** 2015-12-04 0:24 GMT-08:00

**To:** Dieu Khuonghuu

**Hello Dieu**

**j'ai lu avec plaisir ce dernier chapitre 22**

**mais je ne peux m'empêcher de souligner la force de votre caractère votre volonté de fer qui vous ont aidé et guidé à affronter tous les obstacles avec succès.**

**Votre bonne humeur , votre rire ont fait de vous un ami très apprécié.**

**Bonne et Heureuse année à Marie et à vous**

**Cathy et Van**

---

**From:** Michael Lee <[maimuulee@yahoo.com](mailto:maimuulee@yahoo.com)>

**Date:** 2015-12-05 7:31 GMT-08:00

**Subject:** Re: EAST MEETS WEST-CHAPTER 22.-Original FINALdraftANECDOTES-10.docx (12,190K)

**To:** Dieu Khuonghuu <[dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)>

Anh Điều,

Xin cảm ơn Anh Điều đã gửi Chapter 22 update với bài Kỹ Sư Dự Án và bài của Hân gửi từ Pyramid Cheops về.

Sau 40 năm không còn làm việc chung dưới mái nhà IDB, nhưng tất cả anh chị em vẫn còn quý mến Anh Điều và nhớ ơn Anh Điều đã đào tạo anh chị em trong những năm đầu của cuộc đời làm việc. Đó thật là một điểm son mà rất ít người lãnh đạo có được.

Xin cảm ơn Anh Điều và mừng Anh về thành quả tốt đẹp.

LT Mưu

---

**Good morning, Dieu.**

**What an interesting and full life you have had.**

**You kept referring to your book as "biography". It is infact an Autobiography.**

Đông *gặp* Tây

**The stories written by your friends are interesting, and I am sure brought treasured memories to all of you. Sorry I could not read the Vietnamese parts!  
Thanks for sharing your story.  
Have a healthy and a happy new year.**

---

Thomas Hoang Vu <vuthuyhoang35@gmail.com>

Dieu Khuonghuu <dieu16@gmail.com>

Tue, Dec 22, 2015 at 12:07 PM

Mừng anh có sách được người đọc nhiệt thành hưởng ứng. Hiển nhiên đó cũng là do tài năng và công lao của anh tạo nên. Ngay khi đọc mấy chapters đầu anh gửi, tôi đã nhận thấy sách của anh vượt trên mức trông đợi của mình, và cho thấy anh quả là người đa tài, xuất sắc trong nhiều lãnh vực.

Thân chúc anh chị vui khỏe, an bình và hạnh phúc trong mùa Giáng Sinh và năm mới.

Hoàng.

---

On Sat, Dec 26, 2015 at 5:14 AM, Chuck Hage <[chage@stny.rr.com](mailto:chage@stny.rr.com)> wrote:

Dieu,

I read the texts of Chapters 14 and 22 earlier, but you've made them more attractive in these drafts. Your experience required more organizational skills and good decision-making than any other classmate or co-worker of mine. Reading of the Dream Team and your reunions will make many people envious.

Chuck

---

date: Mon, Dec 28, 2015 at 5:46 AM

**Good morning, Dieu.**

**What an interesting and full life you have had.**

**You kept referring to your book as "biography". It is infact an Autobiography.**

**The stories written by your friends are interesting, and I am sure brought treasured memories to all of you. Sorry I could not read the Vietnamese parts!**

**Thanks for sharing your story.**

**Have a healthy and a happy new year.**

**R. A**

---

From: **Do Tien Duc** <[baothoiluan@ymail.com](mailto:baothoiluan@ymail.com)>

Date: 2016-01-02 18:08 GMT-08:00

To: Dieu Khuonghuu <[dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)>

Ông Khương Hữu Điều kính mến,

Tập Hồi Ký của ông có nhã ý cho Thời Luận đăng tải, tới tuần này là hết.

Nhiều độc giả đã phản ảnh rất tích cực về bài viết.

Và một điểm nổi bật là nhiều người xác nhận tính trung thực của tác giả.

Chúng tôi xin cảm ơn ông một lần nữa.

Mong có dịp được gặp ông tại Nam California.

Xin kính chúc Ông Bà và gia đình một năm mới khỏe mạnh và thành công.

Đỗ Tiến Đức

Bao Thoi Luan  
PO Box 954, Westminster, CA 92864

---

Anh Dieu,

Thank you for giving me the opportunity to finally say what I meant to say all these years.

As I wrote to Anh Muu:

***"... I consider myself lucky to have spent the first 10 years of my career at IDC/IDB where I met so many good people and made so many good friends.***



Đông gặp Tây

***I consider it a special blessing that after 50 year and uncounted changes, that friendship is still intact and we as a group still remain in touch."***

NDKhoi

---

Anh Dieu,

Anh Khoi's recollections are the best memoir on the history of IDC/IDB and how these institutions shaped my future. I felt very emotional reading them and I am so impressed with the way he recounted events of our good old days. Seeing the name of each person he cited, I feel like I am with them now, not 40 or 50 years ago.

Thank you for your creation and nurture of our group, the IDC/IDB.  
LT Muu

---

**Anh Dieu;**

**You can be a hell of a good writer also if you choose to be so.**

**How could you preserve such a treasure of photos of your trip?**

**As a photographer myself, I have a bloody problem of locating my photos. Thanks for sharing your souvenirs.**

**Stan Tull**

---

Dieu,

When I reviewed a draft of your chapter 14 which describes some of your engineering and economic accomplishments in Vietnam my mind goes back to the day when you came into my office at Bechtel in San Francisco for a job interview. I remember asking you half a dozen questions trying to get a feel for your experience and capabilities. One of those questions had to do with a \$billion-plus job we were just undertaking in Venezuela, which called for international bidding. The problem we had was how to handle escalation on a fixed price project that involved worldwide sources of labor, equipment, travel, shipping, storage, management, overhead, etc. over a period of five to ten years. I asked you about this and you immediately went to the black board and proceeded to write out a long formula which was so simple in concept yet thorough, that it was adopted and used for the life of the job. Your quick response to this question and your MIT credentials clinched it for me and you received a job offer.

But in retrospect, I think your resume must have played down your accomplishments because if I had seen in that resume a listing of the things described in you memoir I would have been embarrassed to have even put you through such an interview!

Stanley Tull

---

Hi Dieu,

I just finished your chapter. What can I say? It is, for me, your best. I am awash in my own memory lane, thanks to you. Thanks to Pan Am, thanks to my parents, who urged me to see more, do more, and leave home at an early age. By contrast to you, my participation in so much of the world was done through the haze of jet lag, quick layovers, and no cameras. That said, nonetheless, my most vivid memories of all, are the sounds, and smells, and colors, and tastes, of those many miles of travel. Your beautiful photos fill me with great nostalgia for my own look at the world through young, impressionable eyes. Nothing in my own life ever impacted me in such a cathartic way as seeing this world, though there have been a number of close seconds. Thank you for your monumental effort to write your story. And again, thank you for so generously sharing it with me, step by step.

Your friend,

**Lou**

---

***From: Loan Duong <ngocloanduong@yahoo.com>***

***Date: 2015-08-30 13:29 GMT-07:00***

***Subject: Re: Fwd: Fw: Bao Thoi Luan: ngay 29 thang 8, 2015***

***To: Dieu Khuonghuu <dieu16@gmail.com>***

***Kính anh Điều,***

***Văn anh viết nhẹ nhàng chân thật rất hấp dẫn người đọc.***

***Tôi xin cúi đầu thán phục.***

***Báo Việt Nam ở San Jose có đăng bài của anh. Tôi và vài người bạn có đọc.***

***Ai cũng khen phục tài viết văn anh.***

***Kính,  
Mme Khuyển***

---

***From: Thomas Hoang Vu <vuthuyhoang35@gmail.com>***

***Date: 2015-08-30 13:17 GMT-07:00***

***Subject: vui thích***

***To: Dieu Khuonghuu <dieu16@gmail.com>***

***Anh Điều thân,***

***Lần đầu đọc mấy chương sách của anh, tôi rất thích vì ít khi có dịp được đọc sách viết đúng lối mà mình mong đợi, nên gửi anh vài hàng***

*ngưỡng mộ anh, chứ tôi có giúp được gì anh đâu. Nhờ sách của anh, tôi có hân hạnh quen biết anh hơn, đó cũng là điều thích thú cho tôi.*

*Thân mến,  
Hoang*

---

**From:** <emeryhampton@comcast.net>  
**Date:** Sun, Aug 30, 2015 at 1:02 PM  
**Subject:** Re: Dieu's BOOK  
**To:** "Khuonghuu, Dieu" [dieu16@gmail.com](mailto:dieu16@gmail.com)

*Dieu,  
I finally got around to reading this part of your book. I really enjoyed the way your writing achieved a balance between personal interactions with family and friends and your interesting views on what is available when enjoying America. You and Marie have certainly made, and continue to make, the most of your time in America. Keep up the good life.*

*Regards,  
Emery*

---

**Tuong Nguyen** [vantuong.ng@free.fr](mailto:vantuong.ng@free.fr) [via](#) **comcast.net**

**6/2/13**

**to dieukhuong**

**Anh Điều kính mến,**

**Tôi rất cảm ơn Anh đã chuyển cho tôi xem Lời Phi Lộ của Anh. Ý tứ phong phú, lời văn chải chuốt, Tôi xem đôi ba lượt, từ đầu cho tới cuối rất thích thú. Thích thú bởi tôi kính phục con đường Anh đã đi, tâm lòng của Anh đối với nước nhà, quê hương Mỹ tho. Đó là lời chân thật của tôi đối với Anh, bởi tôi biết khá rõ gia đình của Anh, cả Anh lẫn Anh Quý và Anh Cân mà tôi có dịp gặp gỡ tại Paris. Kính thăm Anh Chị đang mạnh khỏe, yêu đời. Tương**



**Dear Dieu,**

**You have created a wonderful legacy for all to read. I have not had the time to read this until this morning as my own life has me more than "up to my ears" in construction in my backyard at Napa. Somehow I have considered it important to stay busy and for me it is always the physical world of redoing and repairs. I hope to complete this job within the month and then take a short break before I tackle my house on Pacheco.**

**I had many emotions reading these last chapters. First I was sad to read about selling your VW. I so enjoyed the uniqueness of that brief experience and the great conversations. I also reflected on the strong sense of community you and Marie always garnered around you. Always something to look fwd to and share with others. While I still live alone I try to keep a good circle of friends for support. My most recent acquisition is a nice circle of Jewish friends from St. Francis Woods who allow me to share Shebat with them on Fir. Nights. I appreciate the customs and traditions I learn. Not to mention the fabulous food. Which I wear Abu tartly around my middle.**

**You sound very vital and full of spunk! Keep it up Dieu, my former husband turns 87 today and like yourself is blessed with tremendous stamina and good health. He is still traveling world wide doing deals and plans to easily live another 15 years!**

**I seldom if ever miss my little apartment on Green st. The convenience of West Portal, the Mediterranean market on Taravel and the farmers market at Stonestown on Sunday keep me well fed. Although I live on a busy street I am just about to begin a huge window replacement job there and then hope to get it painted with a new look before the rains start. Still waiting for the approval from the city. I somehow want to make that house look more modern. Black windows ,exterior, no shutters and possibly a graphite or charcoal finish with just a splash of tiny trim. It is such a box I can't believe it won't look better if not at least different.**

**In the meantime I have taken up painting which gives me tremendous frustration and countless hours of contentment at the same time. Funny how that works.**

**It would be a great pleasure to see you again Dieu. Perhaps if and when you can part with an autographed copy of your book. Thank you for including me in your journey of life.**

**6/1/13**

Ly Pham Dang <phamdang@aol.com>

***Cám ơn Anh đã cho thổ lộ vài tâm sự trong cuộc đời "khi Đông Tây gặp nhau " nhưng lại tích cực thuận lợi cho tên là "chim", tự do tung hoành trong không gian ít chướng ngại tức nhiên ít va chạm , như vậy là Anh "sanh trong bọc điều " như người ta thường nói tức là Anh được nhiều may mắn và có thời vận hơn người . Mừng cho Anh còn sức khoẻ, hạnh phúc và yêu đời .***

***Thân ,  
Lý***

---

***Kính thưa Huỳnh trương KHD,***

***Quyển Hồi Ký của Huỳnh rất quý. Tôi đề nghị và mong mọi Huỳnh viết tiếp nhưng Chương còn lại và in thành Sách với ba ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp. Độc giả Miền Nam ở hai ngoài và người ngoài quốc rất thích đọc nhưng tài liệu mang tính Lịch sử của giới trí thức Miền Nam VN. Dĩ vãng là niềm tin yêu, chẳng khác nào chất kích-thích-tổ kích dòng tuổi trẻ VN ở hai ngoài đề một ngày các thế hệ trẻ này sẽ trở về quê hương để bồi đắp, xây dựng lại sông núi của tổ tiên...***

***Tôi đã được Huỳnh cho xem một số chương, rất là thích thú, hay lắm. Vì vậy mọi đêm mơ tôi xin Huỳnh nghỉ lại in thành Sách thay vì đưa lên các mạng Internets. Không cần hình ảnh của chiến tranh, xe tăng, tàu chiến, hay các nhân vật như Nixon, Kissinger... hay Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, chỉ cần những hình ảnh của quê hương yên lành với những con người hiền lương là đủ rồi Huỳnh ơi!***

***Bài Báo này của Huỳnh trên tờ San Jose Mercury News chung tôi hứng hơn giá trị của quyển Hồi Ký của Huỳnh. Xin hoan hỉ chúc mừng và nuôi kỳ vọng là Huỳnh sẽ xuất bản quyển Hồi Ký - có những chương như vậy - mà Tôi đã được Huỳnh gọi email cho xem qua.***

***Thân kính,  
Van Nguyen Duong***

---

**From:** Khoi Ngoc Hoang [mailto:[khoihoang@hotmail.ca](mailto:khoihoang@hotmail.ca)]  
**Sent:** Saturday, July 30, 2016 8:57 AM  
**To:** shamanvu <[shaman9nguyenthuongvu@gmail.com](mailto:shaman9nguyenthuongvu@gmail.com)>  
**Subject:** Re: SACH-CHUONG 9 phần 1- New York- HY LẠP.docx (18,354K)

Tôi đã đọc chương này một cách rất thú vị vì tôi cũng đã đi qua tất cả các nước anh Điều kể trừ Ai Cập và tôi cũng được cái khoái trá đi hãng Pan Am sang Hoa Kỳ tu nghiệp năm 1958 khi chưa tới 27 tuổi, trên máy bay tha hồ uống rượu, gọi đồ ăn bất cứ lúc nào, còn được tặng một cái túi xách tay và khi bay qua IDL - International date line - còn được tặng một cái bằng nhỏ nhỏ chứng nhận đã bay qua IDL ngày giờ nào. Tôi cũng bị mất cắp một camera và tiền mặt trong khi mua vé xe lửa tại Ý mặc dầu đã được cảnh báo người nào qua Ý cũng bị mất cắp hết. Tôi cũng đi thăm các di tích lịch sử mà anh Điều đã tới và có nhận xét hết như anh thành ra khi đọc tôi cứ ngỡ bài này do tôi viết. Tôi chỉ thêm một chi tiết là khi ăn jambon Serrato tại Spain vì tò mò, xong tôi lại vẫn có thói quen là ăn với bánh mì trong khi bên cạnh tôi, những người bản xứ họ đều gọi ăn với dưa hấu và tôi thấy họ có lý hơn. Tại Bắc Âu thì đời sống của họ quá cao, tất cả các món như nước lạnh, ketch-up để ăn với khoai chiên tại Mc Donald, nước trà vv đều phải trả tiền như một món ăn hết chưa kể thuế đánh vào đồ ăn hình như tới 25%, mà nước họ luôn luôn được xếp hạng trong 5 nước sống hạnh phúc nhất trên thế giới. Nếu tôi không nhớ sai thì một bữa tại Copenhagen tôi phải trả cho tô mì \$20+\$5 một ly nước lạnh+\$5 thuế=\$30 đắt gấp 5 lần tại Toronto, Canada. Đúng như lời anh Điều viết, tôi có cảm tưởng như đi du lịch cùng anh vậy chứ không phải đọc bài anh viết về du lịch. Cảm ơn,

---

**Re: book: "EAST MEETS WEST" của KHG. KHUÔNG HỮU ĐIỀU?**

**Nguyen, Duong Van**

1:01 AM (1 hour ago)

to me, Dien, duongnguyetanh, anhthu.lu, anh2huy, Ai, voatiengviet20., Phuong, Nancy, Tuyet, DUONG, baothoiluan, Bhoaivietbuidi., Lac, Bút, DD, Huy-Bich, Lan, carolinecb58, Cotantinhchau, chanhdao, THU, 20, Cam, chiensiconghoa.

Kính thưa quý vị, quý bằng hữu,

Nhằm mục đích giới thiệu  
SÁCH VIẾT VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM BẰNG NGOẠI NGỮ

Cho các thế hệ trẻ VN ở hải ngoại đọc, tham khảo, để hiểu rõ hơn nhiều mặt của cuộc chiến nghiệt ngã đã từng giày xéo quê hương tàn phá đất nước, mà CSVN đã giết chết hàng chục triệu sinh linh, làm băng hoại xã hội đã có nề nếp văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp khiến cho hàng triệu gia đình gồm thuộc mọi tầng lớp đã bỏ quê cha đất tổ băng rừng, vượt biển đi tìm tự do ở bốn phương trời. Hàng trăm ngàn người đã chết mất xác trong rừng sâu, biển cả. Nhưng đa có hàng triệu người đã đến được bến bờ tự do, phần lớn là các nước phương Tây, Âu, Mỹ châu. Vấn đề hội nhập giữa cuộc "gặp gỡ Đông Tây" trở thành then chốt cho mọi gia đình. Vấn đề sinh sống và học vấn trở thành thiết



yếu. Nhiều người thuộc thế hệ 1 đã thành công, hơn nữa nhiều gia đình đã đào tạo được thế hệ thứ 2 và 3, thành những nhà trí thức nổi danh trên nhiều phạm trù, chính trị, quân sự, kinh tế và khoa học kỹ thuật rất đáng được khen ngợi và cổ súy vì đã làm rạng danh người Việt Nam ở hải ngoại.

Tuy nhiên các thế hệ trẻ này của đại đa số những gia đình lưu vong khác cũng cần học hỏi kinh nghiệm vừa nhưng người đi trước đã thành công lớn khi đến từ một VN bị tràn ngập trong máu lửa chiến tranh của thế hệ trước đã đặt bước trên các vùng đất phương Tây và viết lại những trang sử quý giá. Một trong những vị đó là Khoa Học Gia Khương Hưu Điều. Ông là tác giả của quyển sách "East Meets West" sắp xuất bản.

Ông Khương Hưu Điều sinh khoảng đầu thập niên 30 của thế kỷ trước, trong một gia đình trí thức tư sản ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Thuở thiếu thời, ông học cấp Tiểu học ở Mỹ Tho, thị trấn trù phú của con Sông Tiền Giang. Học Trung học Đệ Nhất cấp ở Trung học Le Myre de Vilers, đầu bằng Brevet Elementaire chương trình Pháp và bằng Thành Chung (DEPSI, Diplome d' Etudes Primaires Supérieures). Năm 1948, ông theo học Chương trình Trung học Đệ Nhị Cấp ở Lycée Yersin ở Đà-Lạt. Sau khi tốt nghiệp Tú tài Toàn Phần, ông được học bổng Fulbright năm 1952 du học Hoa Kỳ, học ở College Lafayette ở Pennsylvania. Tốt nghiệp Cử nhân, thủ khoa môn Science in mechanical, ông được học bổng nhập học chương trình Cao học Khoa học ở Trường Khoa học Kỹ thuật MIT (Massachusetts Institute of Technology). MIT là Đại học được xếp thứ Nhất trong 16 Trường Đại học nổi tiếng nhất thế giới, trên Yale, Oxford của Anh, Polytechniques của Pháp v.v... đã từng có 76 khoa học gia xuất thân trường này được trao giải thưởng Nobel về khoa học kỹ thuật. KHD tốt nghiệp Cao học về Khoa học Cơ giới năm 1957 và quyết trở về Miền Nam Việt Nam để phục vụ đất nước sau khi từ chối học bổng của một số trường đại học khác của Hoa Kỳ.

Về Việt Nam ông được đề cử giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính phủ. Chức vụ cao nhất là Thứ trưởng Bộ Kinh Tế năm 1966, khi Ông mới 35 tuổi. Nhưng trên hết KHD là một khoa học gia từng đem tuổi trẻ và tài năng phục vụ tổ quốc với nhiệt tâm và lòng tận tụy vô bờ.

Sau 30/4/1975 KHD lưu vong và định cư tại Hoa Kỳ. Ông viết lại hồi ký "East Meets West" không để chỉ cho riêng ông, mà để lưu lại ít nhiều hiểu biết và trải nghiệm của một chứng nhân trí thức cho các thế hệ trẻ Việt Nam ở hải ngoại chiêm nghiệm về kiếp sống và suy tư của người lưu vong trong và sau chiến tranh.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tác phẩm hữu ích này cho thế hệ trẻ Việt Nam ở hải ngoại. Dưới đây là một vài bài trích từ tác phẩm của tác giả Khương Hưu Điều.

Xin chúc một ngày quý vị sẽ nhìn thấy màu cờ cũ rạng rỡ trên quê hương Việt Nam yêu dấu.

Văn Nguyên Dưỡng  
Tháng 9, năm 2016.

---

Dr Nguyen Van Quý.

Dr Quý went through every single day and night at An Loc during this valiant battle with his soldiers and civilians, working 24/7 for several months in a

row, under mortars and heavy VC artillery when this city was cut off from our logistics and man-power.

He was promoted from the fields for bravery under enemy's fire.

Thank you anh Quý.

Dr Nguyen Van Quý.

**Cũng xin cảm ơn anh Điều đã bỏ công viết lại những sự kiện lịch sử và những kinh nghiệm quý báu của một nhân chứng sống.**

**Càng đọc càng thấy anh Điều là một người tài cao đức trọng. Khen nhiều cũng bằng thừa, chỉ xin được ngả nón nghiêng mình kính phục.**

**Quý**

---

**From:** Khoi Hoang [mailto:[khoihoang@hotmail.ca](mailto:khoihoang@hotmail.ca)]

**Sent:** Monday, October 24, 2016 7:19 PM

**To:** nguyenthuongvu <[shamanthuongvu@yahoo.com](mailto:shamanthuongvu@yahoo.com)>

**Subject:** Re: Thử Trùng Kín Tế Khương Hữu Điều SACH-CHUONG 15. Hợp tác quốc tế.pdf (4,542K)

Tôi tán thành và hoan nghênh anh KHĐiều đã lên án Kissinger, một kẻ gian manh đã vì quyền lợi riêng tư góp tay với Cộng sản xóa bỏ chế độ cộng hoà tại miền Nam Việt Nam. Tôi cũng ngưỡng mộ anh Điều, đã góp tay xây dựng miền Nam phú cường với tâm huyết của một kẻ sĩ chân chính. Khoi Hoang

---

**Anh Điều thân mến,**

**Tôi thích thú đọc cuốn hồi ký chân thành của Anh. Từ trước tới nay, tôi chưa hề được đọc một cuốn sách nào thú vị chứa đựng nhiều điều để học hỏi như vậy của bất cứ giới chính trị gia, tướng lĩnh hay trí thức nào của chúng ta. Có thể vì tôi không đọc nhiều sách chẳng. Tôi cũng đọc xong chương 12 và thấy được thật rõ ràng những giá đắt và nguy hiểm chúng ta đã phải trả trong nỗ lực phát triển kỹ nghệ trong thời chiến. Tôi xin chuyển lời ca ngợi tới một bộ óc sáng suốt và một cuốn sách thật hay và trung thực.**

**Ngọc**

**Xin cảm ơn anh Ngọc.**

**Điều**

**Thưa không. Chính tôi mới phải cảm ơn Anh đã cho đọc một tác phẩm hiếm hoi phản chiếu một tâm hồn chân thành và một bộ óc chính trực. Người đọc, bất kể thuộc thành phần nào, cũng chia sẻ được niềm vinh dự khi đọc về cuộc đời đặc biệt của Anh. Và Anh đã làm một cuộc hành trình "ôn cố" một cách thật xuất sắc.**

**Ngọc.[London School of Economics, Former minister of Economy]**

---

**From: <[parnett348@aol.com](mailto:parnett348@aol.com)>**

**Date: Fri, Sep 5, 2014 at 12:59 PM**

**Subject: Book**

**To: [dieukhuonghuu@alum.mit.edu](mailto:dieukhuonghuu@alum.mit.edu)**

**Dear Dieu Khuong,**

**I have been reading your autobiographical material, and wondering how I can best help you move ahead with your writing project. Like so many other accomplished Vietnamese professionals whose lives were shaken up by the Fall of Saigon in 1975 you have a remarkable story to tell, and it is good that you have taken the trouble to assemble your thoughts and pictures in this way. In my view the most interesting of your memories deal with your early school days in Vietnam when you interacted with French and foreign teachers, your study in America, and your return to Saigon to eventually become the Chairman of the Vietnamese Industrial Development Bank. It was you and your childhood friends who helped create the South Vietnam that America initially supported and then abandoned. Many thousands of books have been published about this historical period, including the trials and ultimately the successes of the many Vietnamese who found a new life in America after the war. It seems to me your biggest contribution to the literature would be to dig deeper into your memories of your youth and education, your interaction with the French colonial system, and your years working with the Americans during the war.**



**Well Dieu Khuong I hope this helps. I enjoyed meeting with you and others in San Jose last month.**

**Best regards,**

**Peter**

**"Peter Arnett, Pulitzer Prize war reporter"**

---

*Hi Đ,*

*You can rejoice, and as I've said it several times, your works will be highly appreciated by a wide range of different people, both in the Vietnamese communities in-country and abroad and certainly some US circles. I knew an order for 150 Memoirs of a close friend from a US University although he wrote it in Vietnamese. I am sure you can beat him, and easily.*

*Rất ít người có đủ can đảm và khả năng để viết về những thách thức mà VNCH phải gánh chịu, về những cố gắng vượt bực của VNCH trong mục tiêu phát triển quốc gia và xã hội VN trong thời chiến. Đặc biệt là vừa phải chống giặc, vừa nuôi sống dân chúng, vừa canh tân xứ sở với với các chương trình khuyến khích các doanh nghiệp lớn nhỏ, vừa bảo vệ môi trường... Tuy sách có hàng tá điểm xuất sắc nhưng chắc chắn cũng sẽ không tránh khỏi nhiều tin tức khiến mình phải "nhíu lông mày". Cần nhiều kiên nhẫn để tiếp nhận những tin này.*

*Tất nhiên phần lớn lợi ích là những kinh nghiệm vô giá về những khó khăn của vấn đề thực hiện các mục tiêu nói trên. Người đọc có thể lựa chọn trong hàng chục "xe cút kít" đầy đủ suy tư, tổ chức nghiên cứu, chương trình thực hiện các mục tiêu...*

*Cher Đ, I witness your thinking and efforts even before you wrote the first word, and I admire you. Chắc chắn sẽ có nhiều phản ứng tích cực của độc giả trong và ngoài nước và các cơ quan truyền thông Việt, Mỹ.*

**A 5.15,2017**

---

Sunday, July 2, 2017  
Cảm nghĩ về cuốn sách "Đông gặp Tây "

**Như đã hứa với Ông, sau đây là một số cảm nghĩ của tôi sau khi đọc xong**

**cuốn " Đông gặp Tây" :**

**Văn là người : Ông là người bộc trực và thẳng thắn nên văn của Ông cũng thẳng thắn và chân thành. Cách viết chân thành và bình dị làm tôi liên tưởng đến những lời kể chuyện tâm tình của một người anh , dễ gây thiện cảm và xúc động cho người đọc.**

**Bố cục theo diễn tiến thời gian, từ thời thơ ấu đến lúc trưởng thành và khi về già rất phù hợp với một cuộc sống đầy ắp những kỷ niệm vui buồn , những thăng trầm biến chuyển của Ông , làm      đọc giả khi đọc xong một chương lại muốn đọc chương tiếp theo .**

**Những tài liệu và hình ảnh sưu tầm công phu làm cuốn sách trở nên sinh động hơn . Tôi đã học hỏi được nhiều điều về lịch sử , địa lý, phong tục tập quán cùng nghệ thuật ẩm thực của một số nước trên thế giới.**

**Không một cuốn hồi ký nào lại có được một " vườn hoa anecdotes" đặc biệt như vậy! Chương 24 làm toát lên sự quý mến và kính trọng của những người đã từng làm việc với Ông. Đây là một điều thật đáng quý và rất đáng đề trân trọng.**

**Tóm lại tôi đã đọc cuốn " Đông gặp Tây" trong sự thích thú và ngưỡng mộ!**

**VTLoan**

# Đôi dòng về Khương-Hữu Điều

Sanh quán tại Vĩnh Long ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, Khương-Hữu Điều đã sớm hấp thụ văn hóa Pháp khi nhập học Trường Collège Le Myre de Vilers ở Mỹ Tho và Lycée Yersin ở Đà Lạt.

Đậu Tú Tài Ban Toán năm 1951 hạng «Mention Bien», điều hiếm có trong hệ thống thi cử thời Pháp thuộc, ông đã đạt được nhiều bằng khen tặng của Vua Norodom Sihanouk, Thị Trưởng Đà Lạt, Hội Phụ Huynh Học Sinh Trường Chasseloup Laubat, Marie Curie và Pétrus Ký.

Ông được học bổng Fulbright du học Hoa Kỳ 1952, tốt nghiệp 1956, thủ khoa ngành Kỹ Sư Cơ Khí tại Đại Học Lafayette (Pennsylvania); ông được báo NEW YORK TIMES đăng tin thắng học bổng Tau Beta PI (National Honorary Engineering Society), để tiếp tục học ở Massachusetts Institute of Technology (MIT) và tốt nghiệp Cao học năm 1957. Ông là người Việt đầu tiên tốt nghiệp Cao học Kỹ Sư từ MIT về phục vụ Việt Nam.

Vừa nhận xong cấp bằng, ông được Công ty EBASCO, một đại công ty quốc tế kỹ nghệ điện ở New York thu dụng. Với tư cách kỹ sư dự án, ông đã tham gia nhiều dự án xây cất to lớn ở Nam Mỹ. Với bản chất cầu tiến và hiếu học, ông cũng ghi tên theo học lớp tối ngành Quản Trị ở Columbia University Business School.

Trong 14 năm, từ 1961 đến 1975, ông lần lượt đảm nhận các chức vụ lãnh đạo: Giám Đốc Kỹ Thuật Công Ty Đường VN (1961-1964), Thứ Trưởng Bộ Thương Mãi, Kỹ Nghệ (1966-1968). Chức vụ mà ông gắn bó lâu dài trong hơn 10 năm (1964-1975) là Giám Đốc Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ và Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ. Trong trách nhiệm của 2 cơ quan này, ông có dịp thiết lập và tham gia vào các công trình xây dựng hạ tầng cơ sở, phát triển nền kỹ nghệ vừa thoát khỏi thời kỳ thuộc địa lại lâm vào thời chiến. Ông đã nhận được nhiều huy chương cao quý của Thủ Tướng Chánh Phủ, Bộ Kinh Tế, Bộ Tài Chánh, Bộ Công Chánh, Bộ Lao Động về sự đóng góp của ông. Tổng Thống Tưởng Giới Thạch đã trao tặng cho ông huy chương Minh Tinh của Trung Hoa Dân Quốc.

Ngoài các công tác trên, ông là giáo sư thỉnh giảng cho Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ, Trường Cao Đẳng Quốc Phòng và thành viên của nhiều Hội Đồng Quản Trị các cơ sở kỹ nghệ, hiệp hội. Về văn hóa và nghệ thuật, ông là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Hội Việt-Mỹ (1972-1975), sáng lập viên Hội Hoa Kiểng VN (1966-1975).

Tháng 5, 1975, ông được bầu làm Trại trưởng trại tị nạn Pendleton, Cali và sau đó được Công Ty BechTel ở San Francisco thu dụng. Ông làm Phụ Tá Giám Đốc Dự Án trong 12 năm (1975-1987) rồi sau đó thành lập Công Ty MDA Engineering cũng ở San Francisco cho đến lúc ông về hưu năm 1996.



# Lời Giới Thiệu Của Bạn Đồng Môn XN MIT '57

The book ***EAST meets WEST*** by **DIEU KHUONGHUU** is a detailed historical account covering over 86 years of the author's life from the Mekong Delta to San Francisco Bay. During the first half of his life Dieu was a first-hand witness to what happened to the land of his ancestors beginning in the 1930s under French colonial rule. But he was also a notable participant in many crucial events in the south of Vietnam after the Geneva Accords partitioned the country in 1954. This partitioning was followed by long years of war until the fall of Saigon in 1975 to North Vietnamese troops. During the next forty years, he struggled to have a decent and dignified life in America. Now Dieu has taken the time and effort to record in this book his experiences over eight decades and thus share them with young and old alike, for generations to come.

DIEU grew up in the small town of My Tho in the Mekong Delta, a town with deep Vietnamese traditions and customs. The stories of his childhood years provide a good description of life in Vietnam under French colonial rule. At that time, the best schools available in his hometown were a Vietnamese elementary school and a French junior high school. Then for his high school, he was able to attend the French Lycee Yersin in Dalat where he obtained his Baccalaureat with honors. In 1952, he was also most fortunate to be awarded the much sought after Fulbright Scholarship to go to the United States for further studies. It was at the Lafayette College in Easton Pennsylvania that he had his first encounters with the American way of life. It was also the first time that he was away from Vietnam, facing the many challenges of adapting to a different culture and a different language. He had to overcome quickly his shortcomings in the English language in order to follow the courses just as he had to get used to American food. The staff at Lafayette College did everything to help him out, particularly when funding of the Fulbright Scholarship stopped in the second year. He was then given a job waiting tables which enabled him work through college and obtain his diploma there.

After Lafayette College Dieu became the very first Vietnamese with a Tau Beta Pi honorary fellowship to attend the famous MIT and receive a Masters Degree in Mechanical Engineering. It gave him great prestige to wear the MIT label and the precious technical knowledge thus obtained enabled him to carry out his responsibilities while serving his poor country, Vietnam, which was then quickly drawn into the terrible scourge of war that lasted nearly two decades.

Back in Saigon, Dieu's MIT qualifications were widely recognized by people from both inside and outside government circles. He worked first in the

Private sector for a few years before joining government service as Director of the Industrial Development Center and later assuming the responsibilities of Director General of the Industrial Development Bank. DIEU was to remain in these two positions over the following 12 years during which time he also became Deputy Minister of Economy in charge of Industrial Development. In that capacity, together with the Minister of Economy & Finance AU TRUONG THANH, he had a meeting at the White House with President Lyndon B. Johnson in 1966. He was able to carry out outstanding works in the field of industrial development in South Vietnam which were acknowledged by many foreign governments that bestowed on him their national orders and highest decorations. He remained in government service until the fall of Saigon to the north Vietnamese troops in April 1975.

DIEU and his wife Marie were able to escape in extremis out of Saigon and reach Camp Pendleton where he was quickly elected "Mayor of Camp Pendleton" to help take care of thousands of refugees arriving there each day. The second half of his life as he set out to become a U.S. citizen began then with just one hundred and fifty dollars in travelers' checks and a small bag of old clothes. It was very hard and trying at the beginning with odd jobs and just a small rented room.

But through hard work and perseverance he eventually managed to get proper work as Assistant Project Manager with the large Bechtel corporation in San Francisco. He remained with Bechtel during twelve years which earned him comfortable retirement benefits and a wonderful home in the beautiful San Francisco Bay.

The book ***East meets West*** is, of course, a poignant story of war and peace but it includes vivid descriptions of clashes between eastern and western cultures, the merging of different traditions and customs, and the evolution in ways of life and family values, most of it generating conflicts in both the mind and heart. Finally, much sweat and tears have made it possible for DIEU and his wife to achieve their successful integration into the great American nation, their country of adoption during the past four decades.

This book is all the more remarkable due to its display of hundreds of photographs and documents depicting people, events, places and the flow of time. It is a valuable reference book for research and study as well as fascinating reading.

**( from my MIT classmate XN'57 )**

# **EAST MEETS WEST**

## **Flight of the Eagle**

### **My Eighty-Six Years Odyssey from the Mekong Delta to the San Francisco Bay**

## **Introduction**

By fate or by destiny my grandmother decided that I would be named “qui Dieu”, the Vietnamese word for “Eagle.” Little did she know how appropriate the name would be, for the eagle has come to symbolize my life - through all of my journeys and aspirations to fly above the rest and thrive in spite of the challenges that have come before me - in both the East and the West. My first flight across the Pacific was for education. My last flight across the same ocean was for survival. According to Rudyard Kipling "East is East, and West is West, and never the twain shall meet." But I have asked myself, when “East meets West, then what?” Since the melding of East and West has truly defined my life, I have chosen to tackle this question by sharing the story of my life - from my childhood in the Mekong Delta to the latter half of my life in San Francisco, where I ended up after coming to America as a refugee following the Vietnam War.

I have never written a book in my life, so why would I do so now at the ripe old age of eighty plus years? Well, when you reach this stage of your existence, there is a popular saying in Vietnam reminding you that “you have come much nearer to the bosom of the earth, and a bit farther away from heavens above,” or as one would say in the west, I am close to the point of “ashes to ashes, and dust to dust.” This is the time of life when all kinds of memories begin to flash back to you with increasing intensity. Very often in the evening, when sitting alone in the quiet of my back garden, all kinds of things surge into my head with a multitude of images from my distant past.

These moments of reminiscing can be extremely emotional and quite chaotic at the same time. For this reason, I have tried to put this kaleidoscope of memories, which in fact consists of my life’s story, into



some semblance of order. I decided to start writing down these memories in case they might not come back to me again, and the pages just piled up. This prompted me to organize them, not only in terms of time and space, but together with the thoughts, feelings and emotions that I felt along the way - all of which have helped me to become the person that I am today. I have accumulated several hundred pages of memoirs over the past few years of my retirement, so upon the insistence of many of my friends and relatives, I have chosen to share them in the form of this book.

So much for the origin of this book and its title. Beyond simply recording the events of my life, this book is, above all, dedicated to my beloved parents, to my dearest wife Marie who has stood by my side for better and for worse over the past 55 years, and to the members of my extended family as well as numerous friends in Vietnam, the US, and elsewhere in the world who may wish to know more about the story of my life.

I spent the first half of my life in tumultuous Asia, specifically Vietnam. I lived through French colonialism, the Japanese invasion followed by the return of the French expeditionary troops with more war and re-occupation until the Geneva Accords of 1954 which partitioned Vietnam at the 17th parallel thus establishing communist North Vietnam and nationalist South Vietnam. The predominant context of this first half of my life was, of course, the war in Vietnam which came to an end in 1975 but has remained a subject of endless and heated debate to this day even among the experts and pundits. The war in Vietnam must be remembered as one of the greatest collective tragedies of the 20th century, the most devastating armed conflict in the 4,000 years of Vietnam's written history, and the longest foreign war for the American people since the birth of their nation more than two hundred years ago. For me, having been exposed to both the Vietnamese and American ways of life, that dreadful war represents an enormous and violent clash of civilizations, and the terrible consequences of when "East meets West" in the land of my ancestors.

The second half of my life began in April 1975 when I arrived at Camp Pendleton, California. After the fall of Saigon in 1975, at age 44, I lost my country, my home, and my possessions -all things I held dear in my life. Stepping out of Camp Pendleton, I had to overcome the extreme hardship and challenges of a refugee with nothing to my name but \$150 in traveler's

checks and a handbag of old clothes. This second half of my life has encompassed 22 years of hard work, followed by almost 20 years of comfortable retirement in my adopted country.

I must thank my Creator for giving me this second chance in America and not somewhere else, for I deeply cherish the privilege of living in a country of freedom and opportunity. I had never wished to abandon, or be separated from, my native homeland but remaining in Viet Nam under the totalitarian communist regime was never an option for me and my wife, Marie. It is quite amazing that the fateful and dramatic year of 1975, which has left a deep and indelible scar, sliced my entire life story into two almost equal periods of 40 years. Both parts have been filled with mixed feelings of great joy and happiness, along with profound pain and suffering. During these two long periods of my life, I had three major encounters of "East Meets West." First, during my stay in America for my education from 1952 to 1958, then back in Saigon and through the war which seemed to prove Rudyard Kipling correct, and finally from 1975 on, as a refugee in America with my laborious efforts to secure a meaningful life during which I have shown that East and West can successfully meet in America!

As an American citizen with a hybrid Eastern and Western viewpoint, a Chinese-Vietnamese cultural background, and a combined Vietnamese, French and American education, I want to retrace my journey from my peaceful life in the Mekong Delta of the 1930's to the high tech San Francisco Bay Area of the 21st century. In 1952, long before the American intervention in Viet Nam, I left Saigon to pursue a Fulbright scholarship in the US. Over the next seven years I was fortunate to receive an excellent education from Lafayette College, then the prestigious MIT, and later from Columbia University. In 1958, I returned home to serve in the nationalist South Vietnamese government in Saigon until April 1975 when I was thankfully able to escape the violent Bolshevik-like takeover of the whole country. A new era, the "rebirth of the eagle," had started - going through the full circle of riches to rags, and from rags to riches once again.

My initial Trans-Pacific journey from the East to the West in 1952 quickly and drastically changed my life. I left an underdeveloped French colony in old Indochina and flew over the Pacific Ocean to study engineering in America, the most advanced country of the world after WWII. The trip itself

was incredible for a Vietnamese youngster in the early 1950s. For me, it was my maiden flight from the shores of the Mekong Delta in Vietnam to the San Francisco Bay in America. It was also the beginning of my personal adventure of "East Meets West."

My Fulbright scholarship allowed me a few days of orientation in the great city of San Francisco to prepare myself for my very first contact with life in America. After that initial clash between East and West, my journey continued smoothly to Lafayette College in Easton, Pennsylvania. In all respects, I was "thrown into the ocean to learn how to swim" instead of being gradually immersed into my new environment and the use of the English language. Being uprooted from my traditional Asian family life was, of course, a real nightmare. Homesickness, loneliness, and the language barrier were my worst enemies. Somehow, by surviving all of these challenges, I became a lot stronger and my skin became thicker. These first four years in Pennsylvania transformed my life, making me more independent and more prepared for the tough steps ahead. The next challenge was MIT, along with my head-grinding efforts to complete my graduate studies as quickly as possible and acquire the professional skills I needed before returning home.

I was determined to study very hard during my years of schooling in America, even if I had to sacrifice fun and leisure in order to succeed academically. The results were simply astonishing. I was consistently at the top of my class, even though many of my classmates were much more intelligent than I was. After graduating from MIT I spent some time working and enjoying myself in New York City. Then finally, in 1958, I made the memorable decision to return to Vietnam, with a ticket on Pan American Airways that enabled me to travel the world for 90 days en route.

Returning home was a real life "Rip van Winkle" experience for me. As soon as my parents and relatives appeared at Saigon Tan Son Nhut airport to welcome me home after our long separation, I realized that my years in the US had been a period of luxury living and a safe haven from the escalating war in Viet Nam. The stark realities about my homeland hit me in full force. And so began a completely new chapter of my life in South Viet Nam. Before getting too settled, I took care of my top priorities - I got married, I bought a house, and began my career.

During my 17 years of hard work in Saigon in the government civilian sector, I did my best to contribute and serve my beloved country which was impoverished by continuous enemy infiltration and armed aggression by communist North Vietnam. In 1966, at age 35, I was the youngest ever Deputy Minister of Economy of South Vietnam, managing an \$800 million civilian aid program and millions of dollars of Viet Nam's own foreign exchange. I had the chance to form a strong team of "young Turk technocrats." They created the entire necessary infrastructure for the economic development of war-torn Vietnam. In 1966, together with the Vietnamese Minister of Economy & Finance Au Truong Thanh, I had the opportunity to visit President Johnson and his adviser Mr. Walt Rostow in the White House. Also in attendance was McGeorge Bundy, US National Security Advisor. The purpose of the meeting was to review the economic challenges in our struggling country that had been so impacted by the war.

My dream to see a peaceful and prosperous South Viet Nam never did come true. By April 1975, the situation became a nightmare, and the subsequent fall of Saigon precipitated my second journey to the U.S. - but this time with shock and surprise. The next thing I knew, my wife and I were alive and uninjured in Camp Pendleton in California where my fellow refugees elected me mayor of the camp to take care of thousands of Vietnamese families arriving day after day. From there, a new chapter of my life began, with years of hard work, stress, sweat and fun, followed by my current happy, prosperous and, most of all, healthy retirement in my adopted hometown of San Francisco. My second phase of "East Meets West" is surely now reaching its final stages.

I feel lucky and gratified to be able to record these two long journeys: first from a relatively peaceful Viet Nam, and then the second from a Viet Nam that had been destroyed by war. When I first left Vietnam, it was only to pursue my education, but when I left my native country for the second time, I had the distressful feeling that this goodbye was for good. I was filled with profound sadness at the loss of freedom and democracy for the Vietnamese people, and also for the painful thought that I would never again see the land of my ancestors, *and I cried...*

Looking back at these memories, spanning the Pacific Ocean and over eight



decades, my journey of “East Meets West” has also been an inner one, which has deeply affected my heart and mind. With the amazing human capacity for evolution and adaptation, I remember gradually integrating into the American lifestyle. Little by little I was able to understand the so-called “melting pot,” which has made it possible for hundreds of millions of people from different races, creeds and cultures to have succeeded in creating a society in which to live together in peace. Collectively, they have made extraordinary achievements, by way of tremendous sacrifice, sweat and tears, in all fields of human endeavors. Whether one likes it or not, the melting pot of America has proven to be a unique, but successful, experiment in the history of humankind.

After four continuous decades of living in the United States, I can say that the second half of my life was filled with great challenges. But in this land of the free, I have learned that honesty and hard work can claim its legitimate rewards for people who wish to have a decent and respectable life. For me, America is exceptional, not because it has become the richest and most powerful nation in the world, but because it has propagated its ideals of freedom and democracy to the four corners of the earth, ever since its birth as a nation in 1776. It continues to do so and is a beacon of light for oppressed people everywhere who are fighting against totalitarianism and dictatorship. Nowadays, many millions of people continue to look at America as the land of asylum, refuge and survival, as I did in 1975.

The reader will note this book contains many photos of U.S. landmark sites, which will be familiar to all Americans, and thus wonder why the need for such photos. My answer is that my book is to be translated into Vietnamese and distributed among Vietnamese readers, many of whom will not be familiar with these American landmarks.

It has been a worthwhile and exciting journey. Let me now tell you my unique and personal story of “East Meets West” - My flight of the Eagle from the shores of the Mekong Delta to the San Francisco Bay.

*Khuong Huu Dieu*  
*The Golden State*  
*2017*

# **Quand l'Est rencontre l'Ouest**

***Envol de l'Aigle***

**Mon odyssée de Quatre-vingts six ans  
du Delta du Mékong  
à la Baie de San Francisco**

## **Introduction**

Par destinée ou à dessein, ma grand-mère m'a donné "Aigle" comme nom, en vietnamien. Ma première traversée de l'Océan Pacifique fut pour effectuer mes études supérieures. Ma dernière traversée, du même océan, fut pour ma survie. Rudyard Kipling nous a averti : *"l'Est est l'Est, et l'Ouest est l'Ouest ; jamais ils ne se rencontreront"*. Je me suis demandé *"QUAND L'EST RENCONTRE L'OUEST, que se passe-t-il?"* Trouver une réponse à cette question a été un défi obligé et difficile, à une phase avancée, de mon très long voyage.

Je n'ai jamais écrit de livre de ma vie, alors pourquoi le faire quand j'ai maintenant dépassé l'âge de quatre-vingts ans? Eh bien, quand vous avez atteint cette époque de la vie, un dicton populaire vietnamien vous rappelle que vous êtes déjà plus près de la terre, ici-bas, et plus loin du ciel, là-haut, c'est à dire que "la poussière retourne à la poussière" comme on le pense en Occident! C'est aussi le temps quand toutes sortes de souvenirs vous envahissent avec une intensité croissante. Cela a été le cas pour moi quand j'ai pris une retraite confortable il y a quelques années dans cette belle ville de San Francisco qui est devenue mon foyer pendant ces quatre dernières décennies et même un peu plus. Très souvent dans la soirée, quand je suis assis seul dans le jardin qui se trouve derrière ma maison, toutes sortes d'images resurgissent dans ma tête provenant de mon lointain passé.

Ces réminiscences peuvent être très émotionnelles et en même temps très chaotiques. C'est pourquoi je suis obligé de me contrôler et de mettre un peu d'ordre dans ce kaléidoscope qui constitue, en fait, toute l'histoire de ma vie. C'est ce besoin impérieux qui m'a amené à donner quelques cohérences à cette masse énorme de souvenirs. Je me suis ainsi résolu à les mettre par écrit de peur qu'ils ne me reviennent plus. Les pages s'amoncellent. C'est pourquoi je les ai mises, selon un ordre chronologique, non seulement en terme de temps et de lieux, pour les gens et leurs places dans ma vie, mais aussi en matière de pensées, de sentiments et d'émotions, qui m'ont aidé à devenir la

personne que je suis maintenant. Ces écrits sur mes souvenirs se sont accumulés dans plusieurs centaines de pages au cours des années récentes de ma retraite, et beaucoup de mes parents et de mes amis ont insisté pour que je les mette sous forme de livre afin qu'ils puissent en profiter autant pour l'information que pour le plaisir.

Tels sont l'origine et la naissance de ce livre et de son titre. Pour moi ce n'est pas seulement le souvenir de mon passé. Comme cela a été dit précédemment, ce livre est par-dessus tout dédié à mes parents bien aimés, à ma très chère femme Marie, qui s'est tenue à mes côtés, pour le meilleur et pour le pire, au cours de ces cinquante-sept dernières années, aux membres de ma famille élargie aussi bien qu'aux nombreux amis qui sont au Viêt Nam, aux Etats Unis et ailleurs dans le monde et qui souhaitent mieux connaître l'histoire de ma vie.

J'ai passé la première moitié de ma vie dans l'Asie tumultueuse, plus précisément au Viêt Nam. J'ai vécu à travers la colonisation française, l'invasion japonaise, suivie du retour du Corps Expéditionnaire Français avec davantage de guerre, de réoccupation, jusqu'aux Accords de Genève de 1954 qui ont fixé la partition du pays au 17ème parallèle: créant le Nord Viêt Nam Communiste et le Sud Viêt Nam Nationaliste. Le contexte prédominant de cette moitié de ma vie a été, bien sûr, la guerre au Viêt Nam qui s'est terminée en 1975, mais qui reste jusqu'à maintenant le sujet d'un débat intense et sans fin parmi les spécialistes et les experts. Par-dessus tout et pour tout le monde, la guerre du Viêt Nam doit être retenue comme l'une des plus grandes tragédies collectives du 20ème siècle, conflit armé le plus dévastateur des quatre mille années d'histoire écrite du Viêt Nam et de la plus longue guerre étrangère du peuple américain depuis la naissance de leur nation il y a quelques deux cents années. Pour moi, qui ai connu à la fois la façon de vivre des américains et celle des vietnamiens, cette terrible guerre a été un terrible choc de civilisation "Quand l'Est rencontre l'Ouest" sur la terre de mes ancêtres.

La seconde moitié de ma vie a commencé en avril 1975 quand je suis arrivé au Camp Pendleton en Californie et quand j'ai pu m'installer à San Francisco. Après la chute de Saigon en 1975, à l'âge de 44 ans, j'ai perdu ma patrie, mon foyer, mes possessions, tout ce qui m'est cher dans ma vie. En sortant du Camp Pendleton j'ai dû faire face au sort terrible et aux épreuves d'un réfugié qui n'a plus rien d'autre que 150 dollars en chèque de voyage dans ma poche et un sac de vieux vêtements. La seconde partie de ma vie a ensuite consisté en 22 années de vie pénibles suivie des dernières vingt années d'une retraite confortable dans mon pays d'adoption.

**Je dois remercier mon Créateur de m'avoir donné cette seconde chance en Amérique, et pas quelque part ailleurs, et j'apprécie profondément le privilège de vivre dans un pays de liberté et d'opportunités. Je n'ai jamais souhaité abandonner mon pays natal ou en être séparé mais rester au Viêt Nam sous le régime communiste totalitaire ne pouvait jamais être une option pour moi et pour ma femme, Marie, pour beaucoup de raisons évidentes. Il est tout à fait étonnant que l'année 1975, dramatique et fatidique, ait laissé une cicatrice profonde et indélébile, coupant l'histoire de ma vie en deux moitiés presque égales de quarante ans. Ces deux parties ont été remplies à la fois de moments de grandes joies et de bonheur et d'autres de peines et de souffrances infinies. Mais ces deux longues périodes de ma vie, m'ont mis par trois fois face à cette circonstance "quand l'Est rencontre l'Ouest" : d'abord lors d'un séjour pour mes études de 1952 à 1958, puis à mon retour dans la guerre au Viêt Nam avec l'énorme intervention américaine, qui semblait prouver que Rudyard Kipling avait raison, et finalement à partir de 1975 comme réfugié aux Etats Unis où j'ai fait des efforts laborieux pour obtenir une vie significative, qui tende à montrer que l'Est et l'Ouest peuvent se rencontrer avec succès en Amérique.**

**En tant que citoyen américain, avec un point de vue hybride d'oriental et d'occidental, avec une culture sino-vietnamienne et une éducation à la fois vietnamienne, française et américaine, je veux retracer mon voyage de ma vie paisible dans le delta du Mékong dans les années trente à la zone de haute technologie de la baie de San Francisco du XXI<sup>ème</sup> siècle. En 1952 j'ai pu quitter Saigon grâce à une bourse Fulbright. Pendant sept ans j'ai eu la chance de recevoir une excellente éducation à l'Université Lafayette de Pennsylvanie, puis au prestigieux Massachusetts Institute of Technology (MIT) et enfin à l'Université de Columbia. En 1958, je suis revenu pour servir, dans le gouvernement nationaliste du Sud Viêt Nam, jusqu'en avril 1975 quand j'ai eu la chance de fuir l'emprise "bolchevique" qui s'est abattue sur l'ensemble de mon pays. Une nouvelle ère a commencé. C'est la période de la "renaissance de l'aigle". Je suis passé à travers l'ensemble du cycle de la richesse à la misère pour retrouver à nouveau la richesse.**

**Mon voyage Trans-pacifique initial, de l'Est à l'Ouest en 1952, a rapidement et complètement changé ma vie. J'ai quitté une vieille colonie française sous développée pour voler à travers l'Océan Pacifique faire des études d'ingénieur aux Etats Unis, le pays le plus avancé du monde depuis la deuxième guerre mondiale. Le voyage lui-même était un événement incroyable pour un jeune vietnamien au début des années cinquante. Pour mon expérience personnelle, c'était mon tout premier vol des rives du delta du Mékong du Viêt**



**Nam à la baie de San Francisco aux Etats Unis. C'est aussi le début de ma rencontre et de mon aventure "Quand l'Est rencontre l'Ouest".**

**Ma bourse Fulbright m'a donné quelques jours d'orientation dans la grande métropole de San Francisco pour me préparer à mes tout premiers contacts avec la manière occidentale de vivre de l'Amérique. Après ce premier choc entre l'Est et l'Ouest, mon voyage s'est poursuivi sans accroc jusqu'à L'Université Lafayette à Easton en Pennsylvanie. Une nouvelle vie, d'immersion dans les études, a commencé dans cette Université. J'avais l'impression de "plonger soudainement dans l'océan pour apprendre à nager", au lieu d'être graduellement immergé dans mon environnement, tout en devant utiliser l'anglais en dépit de ma connaissance très limitée de cette langue. Arraché de ma vie dans une famille orientale traditionnelle et confortable, mes débuts aux Etats Unis étaient naturellement un vrai cauchemar. La nostalgie, la solitude et la barrière des langues étaient mes premiers ennemis. D'une certaine manière, survivre à ce défi de la "pression de la cocotte-minute" semble m'avoir rendu plus fort et donné à ma peau une épaisseur de plus. Ces premières quatre années à l'Université de Pennsylvanie ont transformé ma vie. Je suis devenu plus indépendant et prêt pour les dures prochaines étapes. Le défi suivant a été le MIT et mes efforts immenses pour compléter mes études supérieures le plus rapidement possible et acquérir les connaissances professionnelles voulues avant de rentrer au pays.**

**J'étais résolu à faire tous les efforts voulus, pendant toutes ces années d'études aux Etats Unis, même si je devais sacrifier mes temps de distractions et de loisirs afin de réussir mes études. Les résultats ont été ahurissants. J'étais constamment à la tête de ma classe, en dépit du fait que certains de mes camarades étaient plus intelligents que moi. La dernière phase de mon voyage d'étudiant a été une période de travail et de plaisir dans la métropole de New York. Puis finalement, en 1958, j'ai pris la mémorable décision de faire le tour du monde et de rentrer à Saigon en 90 jours par la Pan American Airways.**

**Rentrer au pays a été pour moi une véritable expérience de "Rip van Winkle". Mes années d'études aux Etats Unis étaient une vie de luxe et un havre de paix par rapport à la guerre croissante au Viêt Nam. Les réalités brutes de mon pays et de mon peuple m'ont assailli soudainement quand j'ai aperçu mes parents et mes amis venus m'accueillir à l'aéroport de Tân Sơn Nhut, après cette longue séparation. Ainsi commença un chapitre complètement nouveau de ma vie personnelle au Sud Viêt Nam. Avant de m'installer définitivement, je me suis occupé de mes trois principales priorités : je me suis marié, j'ai acheté une maison et j'ai commencé ma carrière.**

**Durant mes dix-sept années de dur travail à Saigon, dans le secteur civil du gouvernement, j'ai toujours fait au mieux pour servir mon pays bien aimé, qui a été appauvri par une infiltration continue et une agression armée des communistes du nord Viêt Nam. En 1966, à 35 ans, j'étais le plus jeune vice-ministre de l'Economie du Sud Viêt Nam, responsable de la gestion d'un programme d'aide civile de 800 millions de dollars et des millions de dollars de devises du Vietnam. J'eus la chance de constituer un solide noyau de "jeunes turcs technocrates". Ils ont créé complètement l'infrastructure économique nécessaire pour le développement du Viêt Nam entièrement plongé dans la guerre. En 1967, j'ai eu l'occasion de rendre visite au Président Johnson et à son conseiller Walt Rostow à la Maison Blanche avec Au Truong Thanh, le ministre de l'Economie et des Finances du Viêt Nam afin de passer en revue les défis économiques auxquels doit faire face notre pays, déjà si durement frappé par la guerre.**

**Mon rêve de voir un Sud Viet Nam pacifique et prospère ne s'est jamais réalisé. En avril 1975, il est carrément devenu un cauchemar. La chute de Saigon précipita mon second voyage aux Etats Unis mais, cette fois, avec choc et surprise. La seule chose que j'ai réalisée était que ma femme et moi étions vivants et sans aucun dommage corporel, dans le camp des Marines de Pendleton en Californie. Là, mes compatriotes m'ont élu maire pour m'occuper des milliers de familles vietnamiennes qui arrivaient jour après jour. Ma nouvelle vie recommençait à 44 ans avec les mains complètement vides, mais je peux heureusement dire que les 22 années suivantes de durs travaux continuels – pleines d'angoisses, de sueurs et de joies – m'ont conduit à ma vie actuelle: une retraite heureuse, prospère et, par-dessus tout, en bonne santé, dans ma belle ville adoptive de San Francisco. Ma seconde expérience personnelle de "QUAND L'EST RENCONTRE L'OUEST" traverse maintenant ses dernières étapes.**

**Je me sens chanceux et reconnaissant d'avoir été capable, à mon âge, d'effectuer ces deux longs voyages: d'abord d'un Viêt Nam relativement pacifique, et une deuxième fois d'un autre Viêt Nam détruit par la guerre. Quand j'ai quitté le Viêt Nam pour la première fois en 1952, c'était uniquement dans le but de faire des études universitaires aux Etats Unis, par contre quand je suis parti de mon Viêt Nam natal en 1975, j'avais le sentiment désespérant que ce second au revoir était un adieu définitif. J'étais rempli d'une profonde tristesse et d'un vide intérieur pour la perte de la liberté et de la démocratie du peuple vietnamien et de la pensée douloureuse de ne plus jamais revoir la terre de mes ancêtres. Je n'ai pas pu empêcher mes yeux de se remplir de larmes quand, en regardant à travers le hublot de l'avion, j'ai vu Saigon, avec ses maisons familiales et ses rues, disparaître lentement de ma**

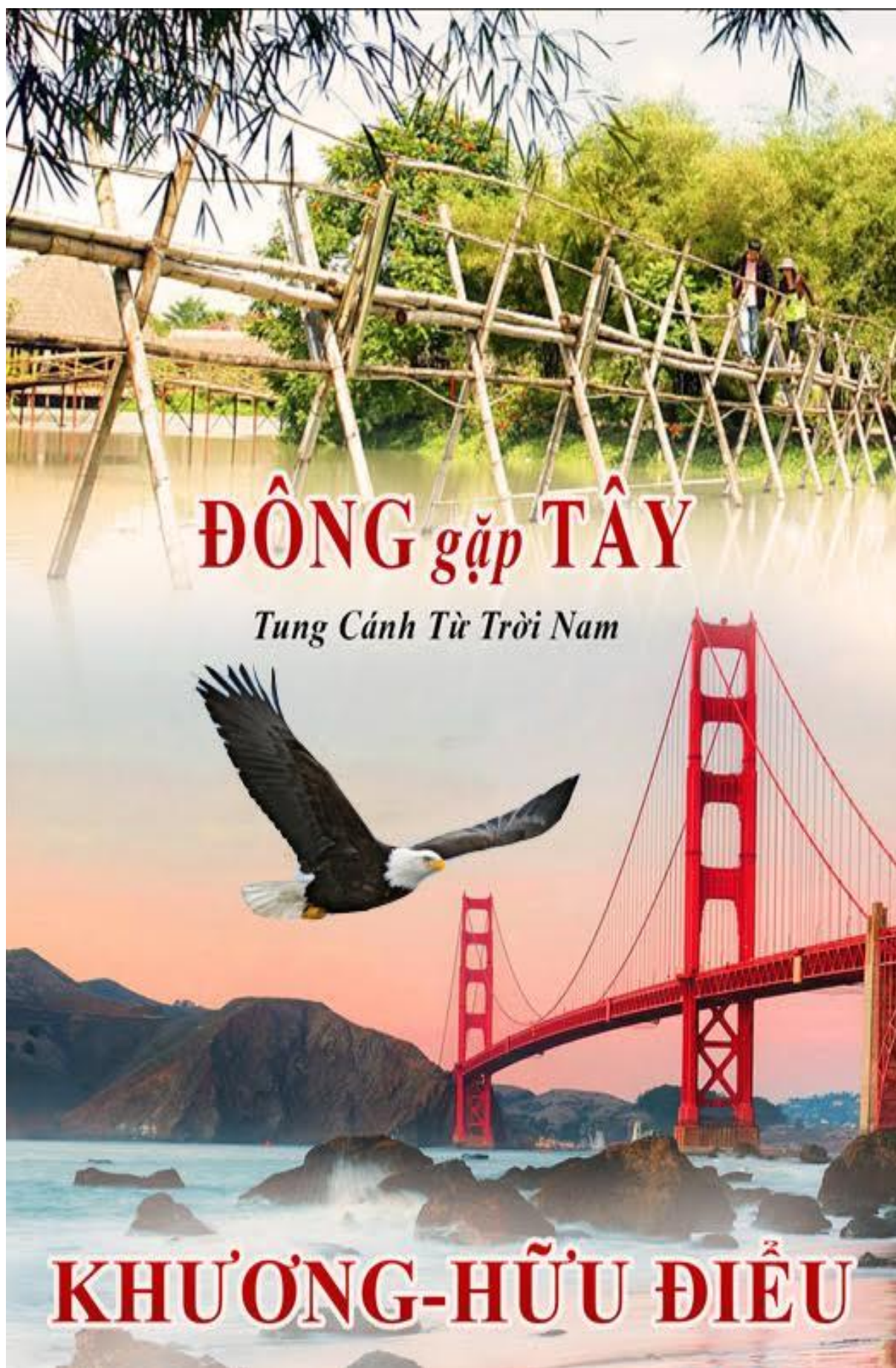
**vue pour toujours...**

**En repensant à tous ces souvenirs, je me trouve devant un très long itinéraire en terme de temps: plus de huit décennies et en terme d'espace la traversée de tout l'Océan Pacifique. C'est d'autant plus captivant qu'il y a en même temps un autre voyage interne dans le cœur et dans l'esprit avec "Quand l'Est rencontre l'Ouest". Je me souviens comment je suis devenu partie même, de cette évolution humaine étonnante d'adaptation et d'intégration dans le style de vie américain. Petit à petit je suis arrivé à comprendre la soi-disant marmite à fondre (melting pot) qui a rendue possible à des centaines de millions d'individus de différentes races, croyances et cultures de créer au cours des derniers siècles, non sans d'énormes sacrifices, de sueurs et de larmes, une société pour vivre ensemble en paix et avec des progrès et des réalisations extraordinaires dans tous les domaines de l'activité humaine. Que l'on le veuille ou non, l'Amérique a démontré qu'elle était une expérience exceptionnelle et unique dans l'histoire de l'humanité.**

**Après plus de quatre décennies de vie aux Etats Unis, je peux dire que la seconde moitié de ma vie a été également remplie de grands défis, mais sur cette terre de liberté, j'ai appris aussi qu'un travail dur et honnête peut réclamer sa récompense légitime pour tous ceux qui souhaitent une vie décente et respectable. Pour moi l'Amérique a acquis son caractère exceptionnel non parce qu'elle est devenue la Nation la plus riche et la plus puissante du monde. Bien avant d'avoir sa richesse économique et sa puissance militaire, l'Amérique a divulgué, depuis le 4 juillet 1776, les idéaux de Liberté et de Démocratie aux quatre coins du Monde. Elle continue de le faire et reste un rayon de lumière pour tous les peuples opprimés, partout dans le monde, qui se battent contre le totalitarisme et la dictature. De nos jours, beaucoup de gens continuent à regarder les Etats Unis comme la terre d'asile, de refuge et de survie, comme je l'ai fait en 1975.**

**Cela a été un voyage excitant qui en valait la peine. Comment a-t-il eu lieu? Laissez-moi maintenant vous raconter cette histoire, car je veux réellement partager avec tout le monde, tout particulièrement avec les jeunes générations, les bonnes ainsi que les moins bonnes expériences que j'ai vécues "Quand l'Est rencontre l'Ouest" dans mon vol de l'aigle, du Delta du Mékong à la Baie de San Francisco.**

**Khuong Huu Dieu  
San Francisco  
Hiver 2016**

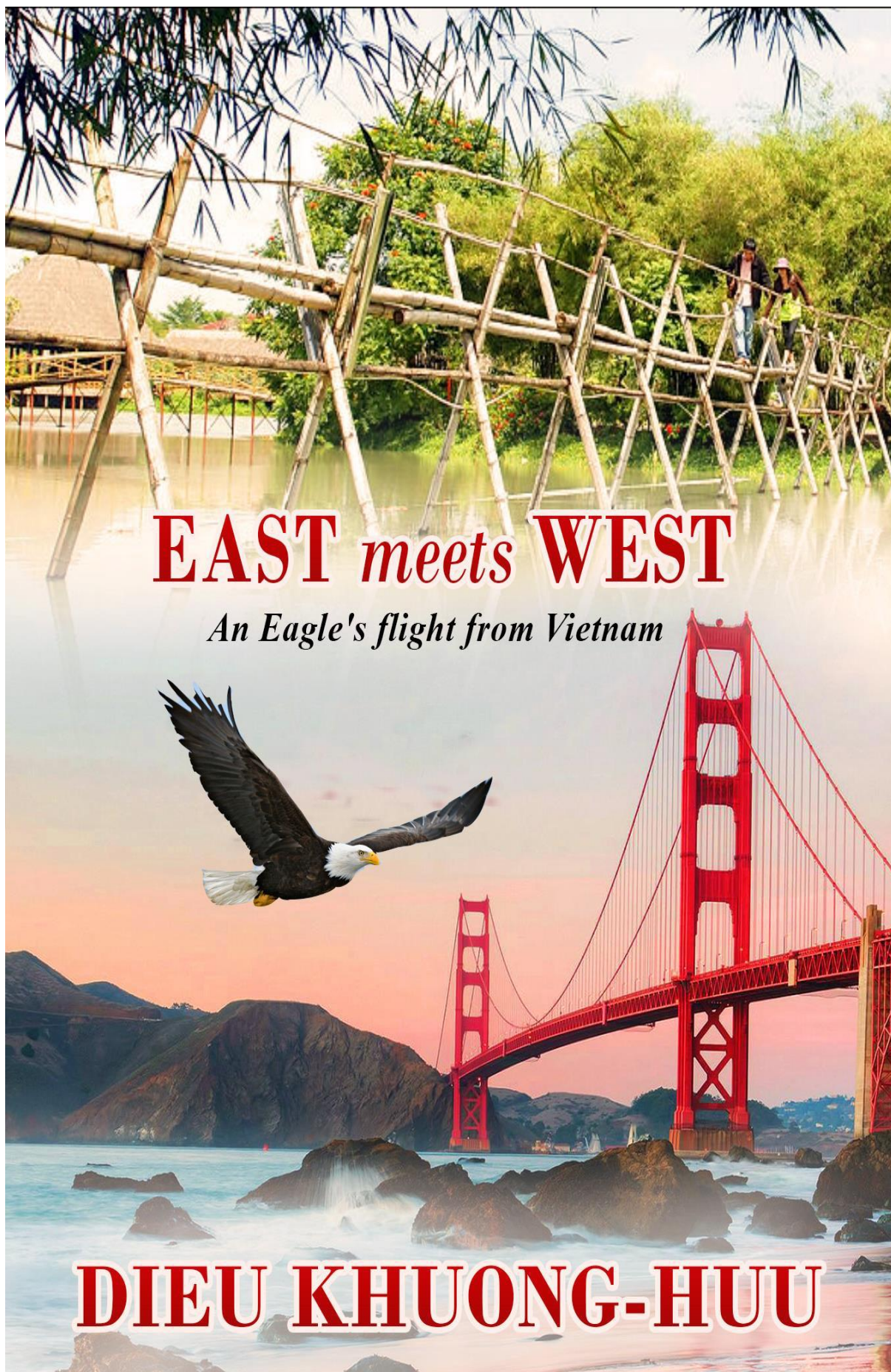


# ĐÔNG gặp TÂY

*Tung Cánh Từ Trời Nam*

## KHƯƠNG-HỮU ĐIỀU





# **EAST** *meets* **WEST**

*An Eagle's flight from Vietnam*

**DIEU KHUONG-HUU**